

CỎI TRÓI

Tập I

truyện dài của **VĨNH HẢO**



CHIÊU HÀ xuất bản năm 1997

MỤC LỤC

CHƯƠNG MỘT	3
CHƯƠNG HAI	30
CHƯƠNG BA	51
CHƯƠNG BỐN	76
CHƯƠNG NĂM	98
CHƯƠNG SÁU	124
CHƯƠNG BẢY	146
CHƯƠNG TÁM	166
CHƯƠNG CHÍN	189
CHƯƠNG MƯỜI	214
CHƯƠNG MƯỜI MỘT	233
CHƯƠNG MƯỜI HAI	256
CHƯƠNG MƯỜI BA	281

CHƯƠNG MỘT

Có những ngày trong đời, người ta thả trôi lòng mình theo dòng cuốn dập dềnh bất định của bao cảm giác. Vui thì cười nói hồn nhiên, lộ vẻ sung sướng, buồn thì mặt dàu dàu cúi xuống để nước mắt rơi thành dòng. Điều đó chẳng có gì lạ, Còn vui buồn, còn cười khóc được thì hãy còn là con người.

Nhưng cũng có những đoạn đời mà ngay cả thứ hạnh phúc to lớn nhất hay thứ khổ đau nặng nề nhất, người ta cũng không được phép chọn lựa, bởi chúng nhập nhằng với nhau, lẫn xô nhau, hủy diệt nhau trên từng khoảnh khắc để được tồn tại độc lập. Nhiều hạnh phúc nhỏ lót nền cho một khổ đau lớn, hay nhiều khổ đau nhỏ mở đường cho một hạnh phúc lớn, thì còn dễ chấp nhận, vẫn có thể tiếp tục sống thanh thản khi xúc cảm dịu đi. Chỉ khi nào cả hai thứ cảm giác ấy đều to lớn và cùng xô đến một lượt, người ta mới bị sức nặng của chúng đè chập xuống, nén xuống, thành một cái gì như vô tri, vô hồn, vô cảm... thành một thứ người ngơ ngác giống như một gã điên tinh quái, khó mà phân giải được đâu là cảm quan và thức giác thực của hẳn.

Nàng lần quần ở hành lang, chờ tôi vừa từ phòng tắm ra là đã bước tới, mời tôi xuống lầu để dùng cơm tối.

Ở cái bàn rộng có sáu cái ghế dựa, nàng dọn cho tôi một bữa ăn đơn sơ. Nàng đã dùng cơm từ hồi chiều, nàng nói vậy. Trong khi tôi dùng cơm, nàng ngồi xéo góc ở phía đối diện, có vẻ muốn tránh nhìn tôi ăn để tôi được tự nhiên, nhưng thỉnh thoảng nàng lại ngược nhìn tôi với đôi mắt lạ lùng lắm. Giống như là thương hại mà cũng giống

VĨNH HẢO

như là ngưỡng mộ; giống như là quý mến mà cũng giống như là tình yêu. Nàng tránh không hỏi chuyện tôi trong bữa ăn. Chỉ khi tôi xong bữa, nàng mới bắt đầu, lần lượt nêu từng thắc mắc một cách thú vị, đặt từng câu hỏi một cách ngây thơ. Và trong cái tình bạn nhanh chóng sớm sửa như từng thân nhau từ thuở nào, tôi bỏ quên những biến động to lớn vừa xảy ra cho tôi ngày hôm nay, tuần tự kể lại nàng nghe câu chuyện của tôi năm ấy... Tôi kể thật vắn tắt, nhưng từ kho tàng ký ức của tôi, từng nét mặt, từng câu nói nụ cười, từng nỗi đau lặng lẽ sâu kín, từng hình ảnh khô khốc thê lương hay thơ mộng huy hoàng... bỗng chốc hiện rõ ràng trước mắt tôi. Tôi cơ hồ sống lại với chúng lần nữa...

Câu chuyện bắt đầu từ khi tôi tham gia lực lượng Phục quốc hoạt động tại Long Thành, tỉnh Đồng Nai; lực lượng bị đổ vỡ, tôi ẩn lánh ở nhiều gia cư tại Sài Gòn, cuối cùng bị Hân và ông thầy Tư— hai đặc tình mật báo của công an—chỉ điểm và sắp đặt cho công an đón bắt tôi ngoài đường, đưa tôi vào trại giam T20 thuộc Sở công an thành phố Hồ Chí Minh, rồi từ trại giam đó, tôi và một người bạn tu khác bị công an tỉnh Đồng Nai áp giải về trại tạm giam B5 ở Biên Hòa.



Sau hơn nửa giờ chạy nhanh trên xa lộ rồi vòng vo qua các đường phố lớn nhỏ, xe tiến từ từ vào cổng trại giam B5, Biên Hòa. Cổng trại từ từ khép lại sau lưng chúng tôi. Dừng đầu xe sát vào dãy nhà ở trung tâm, nơi có văn phòng trưởng trại và các văn phòng chính của trại giam. Dừng mở còng cho tôi trước, rồi tháo gút giây điện, mở trói cho tôi và Thiện Đức.

Còng mở ra rồi, hai cườm tay tôi còn in hằn hai

CỐI TRÓI TẬP I

vòng đồ lửng, giống như hai lắc tay bằng hồ phách. Dù rằng trong vòng nửa giờ đồng hồ trước, tôi như tìm thấy một ngõ thoát và nổi bình an cho chính mình... thì ngay lúc được tháo còng cởi giây trói này, tôi lại chợt cảm thấy rằng cái tâm thức mê muội của tôi vẫn còn trơ ra đó, tự quẩn lầy mình bằng nhiều vòng giây oan khiến mê chấp. Giây trói hữu hình thì hoàn toàn tùy thuộc vào những người đang nắm quyền lực, nhưng giây trói vô hình kia, chỉ riêng chính tôi mới có thể tự tháo gút, cởi bỏ. Không ai làm thay được. Tôi biết tôi còn phải nỗ lực nhiều hơn.

Chúng tôi bước xuống, ngồi ở bậc thềm, chờ đợi Dũng vào văn phòng làm thủ tục bàn giao tù để chúng tôi nhập trại. Dũng vào trong một lúc thì cùng hai công an một nam, một nữ kéo ra. Nam khoảng ba mươi ngoài, nữ xấp xỉ tuổi tôi. Có lẽ chức vụ cũng khá cao. Dũng nói gì đó rồi chỉ tôi. Hai người công an kia chăm chú ngó tôi một lúc, xì xầm. Cô nữ công an đứng nhìn tôi trân trân như đứa con nít hiếu kỳ nhìn ngắm sự kiện lạ nó chưa từng thấy. Hình như cô noèn miệng cười với tôi thì phải. Tôi hơi ngỡ ngàng không dám cười đáp lại, chỉ thoáng có nhận xét rằng cô là người nữ cán bộ mang kiếng cận đầu tiên mà tôi gặp trên đời (ở xứ này người ta tránh mang kiếng cận không phải vì nghèo, mà vì sợ bị lên án là thành phần trí thức; vắng, cặp kiếng cận là thứ linh vật tiêu biểu cho dáng vẻ trí thức của bọn tư bản thành thị đáng ghét, đáng nghiền nát—vậy mà mấy tháng trước tôi đã ngu xuẩn đến độ trốn tránh công an bằng cách mang kiếng cận!). Dù cô nữ cán bộ có tình ăn mặc đơn giản, cặp kiếng cận và khuôn mặt khá thông minh của cô cũng cho thấy cô có dáng vẻ của một cô giáo hay một nữ sinh viên loại chăm chỉ, cặm cụi đèn sách, chứ không phải là một cán bộ công an thực thụ.

Một chập, cô bước đến gần, hỏi một câu mà tôi nghĩ là cô đã biết sẵn câu trả lời:

“Anh là Vĩnh Khang phải không?”

“Phải,” tôi đáp.

VĨNH HẢO

Cô im một lúc, hình như chẳng biết nói câu gì tiếp theo. Bất chợt, cô nghĩ ra được thêm một câu hỏi khác:

“Anh mới bị bắt hôm nay à?”

“Không, cách đây hơn một tháng rồi.”

“Có thăm nuôi chưa?”

“Thăm nuôi à? Chưa.”

Cô đứng im như cố tìm thêm một câu hỏi nào đó, nhưng rồi chắc là không còn câu hỏi nào nữa, cô quay về chỗ Dũng. Công tác áp tải tù nhân của Dũng đã xong, anh lên xe, lái đi mất. Cô nữ công an nói:

“Anh Khang ngồi chờ ở đây một chút nghe, sẽ có cán bộ bảo vệ đưa anh vào trong. Anh uống nước nhé, nước trà được không?”

Không chờ tôi trả lời, cô vào rót nước trà, đem cho tôi một tách.

“À, còn anh kia nữa, để tôi lấy thêm một tách,” cô đem cho Thiện Đắc một tách trà khác.

Tôi và Thiện Đắc đón lấy tách trà cô nữ công an đem đến cho mỗi người, chẳng có gì mà phải từ chối. Bên thềm hiên của trại giam, chúng tôi cùng nhấp trà, chờ đợi anh chiến sĩ bảo vệ nào đó áp giải vào phòng giam.

Nắng chiều màu vàng nghệ chiếu nghiêng ở sau hàng me phía bên phải của trại, tạo nên những luồng sáng lấp lánh, lung linh. Cô nữ công an cứ tò mò đi ra đi vào, liếc nhìn tôi, cười tủm tỉm. Tôi chẳng hiểu nổi ý nghĩa của nụ cười đó.

Thấy họ có vẻ thả lỏng chúng tôi trong thời gian chờ đợi này, Thiện Đắc hỏi nhỏ tôi:

“Khang có bị chúng nó đánh không?”

“Không.”

“Tôi bị Sơn đập một báng súng vào mặt.”

“Dữ vậy? Anh có sao không?”

“Chảy cả máu mồm. Hắn còn xé áo tôi, không cho tôi mặc đồ tu nữa chứ!”

Tôi thở dài, chua xót. Chợt nghĩ, mình là kẻ bày đầu mà không bị đánh đập, trong khi Thiện Đắc chẳng

CỐI TRÓI TẬP I

làm gì lại bị hành hung, bắt công quá! Điều này khiến tôi cảm thấy như mình có làm một điều gì sai trong cung cách khai cung hoặc đối diện với bạo lực. Phải chăng tôi phải như Thiện Đắc, nói và hành động như thế nào đó để họ đánh đập, tra tấn... thì mới đúng. Không bị tra tấn có vẻ như có sự thỏa thuận như thế nào đó với bạo lực rồi! Tại sao họ không chịu đánh tôi để có cơ hội chia sẻ với bao tăng sĩ và chiến hữu khác? Tôi cũng cãi lại Long và Sơn, sao họ chỉ gườm chứ không vung tay vung chân? Tôi là người đáng đánh nhất, đáng tra tấn nhất, sao họ không chịu đánh đập lại đi đánh đập một người vô tội như Thiện Đắc!

“Khang chưa có thăm nuôi à? Sao đi tay không vậy?”

Tôi cười, đưa cái ca nhựa với cái muỗng nhựa lên.

“Cái ca đó thì tôi biết rồi. Vậy mà tôi tưởng Khang đã có thăm nuôi nên Khang chia sẻ thức ăn và phiếu tiền cho tôi mấy tuần trước. Té ra giờ Khang lại đi tay không! Tôi cũng chưa được thăm nuôi. Phiếu tiền Khang nhờ anh nuôi đưa tôi bên trại Phan Đăng Lưu, tôi gửi mua cả giỏ thức ăn kia. Để tôi chia bớt cho Khang nghe.”

“Thôi, không cần đâu... Anh cứ giữ lấy mà dùng. Trước sau gì tôi cũng có người thăm nuôi mà. Và lại, có thể họ giam mình chung một phòng, chia sót làm gì mất công.”

Khi anh bảo vệ được văn phòng trại điều tới thêm văn phòng, cô nữ công an ra lệnh anh cho tôi vào phòng mấy, Thiện Đắc vào phòng mấy. Vậy là chúng tôi bị giam riêng. Thiện Đắc biết vậy bèn dúi vào cái ca nhựa của tôi một gói đường non một kí. Anh còn nhét vào túi áo tôi một gói thuốc lá Đà Lạt.

“Tôi không hút đâu.”

“Cầm vào, sẽ có lúc cần đến, với lại hút thuốc thấy đỡ buồn đó Khang à,” Thiện Đắc cứ dúi thuốc cho tôi.

Cô nữ cán bộ đứng ngó, chẳng làm khó dễ gì chúng tôi chuyện trao đổi này. Chờ chúng tôi xong việc, cô mới

VĨNH HẢO

gật đầu ra dấu cho anh bảo vệ đưa chúng tôi đi. Hôm ấy, nhằm ngày 10-6-1985. Tôi nhớ được ngày ấy vì qua ngày mai là đúng ngày kỷ niệm hai mươi hai năm Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu và cũng là mười lăm năm ngày xuất gia của tôi.

Con đường ngoằn ngoèo dẫn qua một số dãy nhà, vườn rau, trại chăn nuôi... cuối cùng, chúng tôi đến trước một khu trại có tường vách kiên cố. Trên nóc trại có mấy cái bốt gác. Một anh lính mang súng đứng trên nhìn xuống chúng tôi, đôi mắt không có cảm giác.

Anh bảo vệ bảo tôi đứng chờ ở một góc tường rồi anh đưa Thiện Đức vào một phòng giam phía bên kia dãy rào. Sau đó, anh trở lại, mở khóa cho tôi vào phòng giam tập thể số 7.

Phòng giam đang ồn ào thì bỗng im phăng phắc khi anh bảo vệ đưa tôi đến bên song sắt. Những tù nhân vây quanh cửa sắt cũng dạt ra hai bên, cùng ngồi cả xuống đất.

Cửa sắt lách cách mở ra, tôi bước vào. Anh bảo vệ khóa lại rồi lạnh lùng quay đi. Lúc đó, phòng giam mới rộn rã tiếng nói cười trở lại. Đám tù gần sáu chục người vây lấy tôi, họ đều cởi trần mặc quần đùi, chẳng khác gì tôi và ông Trọng trong hơn một tháng trước ở trại giam T20, nhưng bỗng dưng, tôi có cảm giác như bị vây bởi một bầy khi.

Họ réo ầm lên, bảo tôi cởi áo quần ngoài. Tôi làm theo. Và khi tôi cởi xong cái áo thì mặt trời cũng vừa khuất sau dãy tường phía tây, chỉ để lại một vùng đỏ ủa cuối chân mây.

Có một người tù mới vào, dường như không khí trong phòng giam được sinh động, vui vẻ hơn thì phải. Ngày ngày đứng lên ngồi xuống, lãnh cơm, tắm rửa, tán gẫu, hy vọng, thất vọng, thở dài... chẳng có gì mới mẻ và hứng thú hơn là đón tiếp một tù nhân mới – hy vọng có thêm một vài tin tức gì đó về tình hình chính trị bên ngoài có thể ảnh hưởng đến mức ăn; hoặc ít nhất là tình hình

CỐI TRÓI TẬP I

kinh tế khả quan của đất nước ảnh hưởng đến giò đồ thăm nuôi mà gia đình sẽ mang đến mỗi nửa tháng.

Đám tù xúm xít quanh tôi, người nói câu này, người hỏi câu kia, tôi chẳng biết phải nói gì, trả lời với ai. Tôi im lặng đứng mãi một chỗ, để cho họ hỏi và tự trả lời với nhau thay tôi luôn.

“Ê, mới bị bắt hay là từ trại nào chuyển đến vậy?”

“Đi hai tay không như vậy thì chắc là mới bị bắt rồi. Nếu từ trại khác chuyển đến thì phải có mang theo giò đồ chứ!”

“Thì đó, anh ta mang cái ca có đựng cái gói gì trong đó kia! A, đường cát bây ời.”

“Cha, thằng này da dẻ trắng trẻo hồng hào, có vẻ con nhà quá hủ! Chắc là tội vượt biên rồi!”

“Chưa chắc, có thể là tội buôn bán hàng lậu hay móc nối bán bãi gì đây!”

“Không có đâu, tướng anh ta hiền như nhà giáo!”

“Xì, giống một tay nghệ sĩ ăn chơi thì đúng hơn!”

“Nghệ sĩ gì, bộ vó hăn cũng có hạng đây chứ!”

“Nhưng bàn tay hăn nhỏ xíu!”

“Ừ nhỉ, tay như tay con gái. Tay này số sướng, chắc chẳng biết lao động chân tay bao giờ.”

“Ê, có chị hay em gái chưa chồng không vậy hả?”

“Thôi mấy cha nội ời, để người ta đến làm việc với trường phòng cái đã rồi muốn hỏi gì thì hỏi.”

Theo sự hướng dẫn của một anh tù hơi trọng tuổi, tôi tiến đến *văn phòng* của người trưởng phòng. Văn phòng của anh ta thực ra chỉ là chỗ mà anh trải chiếu để ngủ mỗi đêm, và có treo cái giò đồ đặc cá nhân ở trên đầu năm. Tôi gật đầu chào anh, anh cũng chào tôi rồi moi trong giò đồ của anh ta một tập vở học trò với cây bút nguyên tử. Anh ngồi xuống trước và cũng mời tôi ngồi xuống đất để “làm việc.” Khoảng bảy tám người tù khác cũng tùm đến, vây quanh anh trưởng phòng với tôi vào trong một vòng tròn nhỏ. Anh trưởng phòng hỏi với giọng Bắc, thứ giọng Bắc rất nặng mà tôi mới nghe được từ sau

năm 1975:

“Anh tên gì đấy nhỉ?”

“Vĩnh Khang”

“Vĩnh Khan? Ô, tên nghe hay thế. Ấy, mà Khang có g hay Khan không g?”

“Khang có g,” tôi đáp.

Anh cúi xuống hí hoáy ghi vào tập, đằng hắng lấy giọng rồi hỏi tiếp:

“Tội gì?”

“Chính trị.”

Đám tù vây quanh “ò” lên một tiếng, rồi phao lên âm ã cho cả phòng biết:

“Chính trị!”

“Tù chính trị! Tay này trẻ mà cũng dữ thần ta ời!”

Anh trưởng phòng yêu cầu im lặng, rồi anh hỏi tiếp, giọng ra vẻ quan trọng và muốn chúng tỏ hiểu biết:

“Nhưng chính trị là chính trị thế nào?”

“Thế nào là sao? Tôi chẳng hiểu ý anh,” tôi hỏi lại.

“Anh là đảng viên, cán bộ nhà nước, làm sai đường lối chính sách hay là ngụy quân ngụy quyền chống phá cách mạng?”

“Tôi chẳng phải đảng viên hay cán bộ nhà nước, cũng chẳng phải ngụy quân ngụy quyền gì hết. Tôi là người dân.”

“Người dân, ai lại chẳng phải dân! Thôi cũng được, nhưng anh làm cái gì mà gọi là tội chính trị?”

“Tôi có bị bắt buộc trả lời không vậy? Theo tôi biết, những điều tôi làm chỉ có thể nói với cán bộ vấn cung thôi mà.”

Một giọng Bắc từ đám tù vây quanh xen vào:

“Cha, cái thằng này, mầy ở ngoài mới vào mà nói ngon thế à! Đại ca hỏi thì lo trả lời, còn hỏi vắn vẹo lý sự gì cơ chứ!”

Tôi ngược lên thấy một anh tù híp mắt nhìn xuống. Cặp mắt anh có vẻ như đang lim dim ngủ, chúng hé ra tí xíu thôi, đủ để lộ hai tròng đen từ hai phía nhập vào nhau

CỐI TRÓI TẬP I

như là bị lé. Đầu mày anh đang nhú lại, nhìn tôi với cái dáng vẻ của một người đang suy tư hay tính toán gì đó. Cặp môi anh mỏng lét, tím rím, mím chặt lại trông như hai con đĩa nằm chồng lên nhau. Anh có vẻ là một tên nịnh thần trong các truyện vua chúa ngày xưa. Thấy tôi ngược nhìn, anh làm bộ hùng hổ xấn tới, nhưng có các người tù khác giữ anh lại.

Anh trưởng phòng mặt mày tái mét, hình như đang nén cơn giận, xoa tay với anh tù kia, rồi dịu giọng với tôi, có lẽ vì nghĩ rằng tôi là cán bộ hay đảng viên gì đó của nhà nước nên mới dám nói lý với anh:

“Ừ thì dĩ nhiên là anh muốn trả lời cũng được, không cũng được, nhưng dù sao cũng phải rõ ràng để tôi ghi vào sổ chứ. Anh coi này, mấy người đến trước, tội gì thì ghi tội đó cả. Cả tên và tuổi, nghề nghiệp, sinh quán, đều ghi rõ chứ có phải tôi lạm quyền cán bộ để lấy cung anh đâu.”

“Tôi đã nói khi nãy, bên trại T20, mấy người bạn tù gọi chung chung cái tội của tôi là chính trị. Chẳng biết còn cách gọi nào khác thích hợp hơn không.”

“Có phải anh hoạt động chống lại chính sách của nhà nước, đòi tự do... hay đại loại như thế, phải không?”

Tôi gật đầu. Đám tù vây quanh lại la âm lên:

“Thứ dữ! Thứ dữ!”

“Thế thì là cướp rồi!” anh tù mắt lơo có vẻ nịnh thần lại nói.

Thấy tôi nhìn với ý muốn nghe lại câu ấy, anh lặp lại:

“Tôi nói tội của anh là tội *cướp ghé* mới đúng.”

“Cướp ghé?” tôi hỏi lại.

“Ừ, cướp ghé, tức là cướp chính quyền đó mà, chẳng phải sao?”

Tôi bật cười. Rõ ràng là trên xứ sở này, bởi hoàn cảnh thay ngôi đổi chủ quen thuộc, bởi những tham vọng và thù hận trường kỳ của cá nhân hay các bè nhóm khác nhau, người ta mặc nhiên hiểu vai trò của những kẻ cầm

VĨNH HẢO

quyền hay những kẻ hoạt động chính trị đối lập như là vai trò của những kẻ cướp. Suy ra, những kẻ cầm quyền chỉ là những kẻ thành công trong cuộc tranh giành xâu xé chiếc ghế quyền lực và quyền lợi. Người Trung Hoa cướp chính quyền của Giao Châu, người Pháp cướp chính quyền của An Nam, người Nhật cướp chính quyền Việt Nam qua tay người Pháp, Việt Minh cướp chính quyền Việt Nam qua tay người Nhật... cho đến những chính quyền sau đó, ở cả hai miền, đều là những chính quyền cướp giật được manh động dụng nên từ lòng tham và thù hận. Đặc biệt là từ cách mạng tháng 8 năm 1945 đến nay, sự cướp giật càng lúc càng khốc mặc những lớp áo chính nghĩa cao kỳ như là chống đế quốc xâm lược, giành độc lập dân tộc v.v... mà kỳ thực vẫn là cướp. Chưa có chính quyền nào thực sự là của nhân dân, hay ít ra là vì nhân dân. Cái nghiệp dĩ nặng nề oái oăm nào đó của dân tộc đã khiến cho xử sở này, cứ mỗi lúc có biến động, có đổi thay chính quyền mới, thì đều lọt vào tay những tên cướp, tức là những người có tham vọng về quyền lực và quyền lợi, chứ không lọt vào tay người dân thực lòng yêu nước. Những phong trào cách mạng hay đảng phái thực sự nghĩ đến dân tộc thì thường thất bại, tan vỡ. Trong khi đó, đảng cướp thì lại dễ dàng thành công hơn. Thành công không ở tầm lòng mà ở những quỷ kế, ma thuật. Ai có nhiều mưu ma chước quỷ thì thắng! Ai có lòng thì phải thất bại, lao lý, hoặc chết mất xác! Cái nghiệp gì mà thảm thương đến thế? Vậy ra, đất nước này cứ mãi sống dưới sự mưa rây bùa phép của một bọn phù thủy đầy tà thuật sao! Điều đáng tởm lợm nhất là tên cướp nào cũng khoe khoang mục đích công ích, vì dân, cho dân, hứa rằng sẽ chẳng bao giờ nghĩ đến cá nhân mình, gia đình mình hay phe nhóm mình, đảng phái mình! Với bao nhiêu chính nghĩa và lý tưởng cao vời đưa ra, mục đích cũng chỉ để mê hoặc và ru người dạt trôi dạt dờ vào những ảo tưởng hạnh phúc huyền hoặc, mà trên thực tế, cái khổ, cái đói, cái nghèo, cái bất công, cái tù hãm nô lệ, vẫn cứ sờ sờ trước mắt. Đó

CỐI TRÓI TẬP I

là chưa kể những tên cướp đầu đàn, những đại ca ở bên ngoài, xúi dục và đòi nộp xâu hay chia chác khi cuộc cướp giết thành công. Chiếc ghế đang ngồi chưa bao giờ là những chiếc ghế giành được từ chính sức lực của mình, của người dân, mà đều do sự sắp đặt giúp đỡ của các đại ca. Xua đại ca Pháp-Mỹ, rước đại ca Nga-Tàu, hay ngược lại, đều là cái ngu xuẩn nô lệ của những tên cướp hèn hạ chỉ biết bá vọng cái gì đồ sộ hung hăng ở bên ngoài chứ không biết cúi nhìn mảnh đất khiêm nhường mà thân thuộc dưới chân mình. Vậy rồi được ngồi trên ghế, những tên cướp ấy lúc nào cũng nhớn nhợ phè phỡn với lợi danh, có quyết tâm đánh đuổi những kẻ khác thì cũng chỉ để bảo vệ cái lợi danh mà mình đang hưởng, hoặc vì muốn tóm thêm những quyền lợi chưa có khác, chứ không phải để bảo vệ và xây đắp cái yên bình no ấm của người dân. Hết chính quyền tham lam này đến chính quyền háu đói khác, thay nhau nổi lên, đày ải người dân, bắt họ phục vụ và bảo vệ chiếc ghế của mình. Cứ như vậy thì bảo sao dân không nhìn các chính quyền, những người cầm quyền, như là những tên cướp! Mà cũng có thể lời hô toáng lên “cướp, cướp” được khởi đi từ chính miệng những tên cướp chứ chẳng phải từ người dân.

Tôi nhìn kỹ lại người tù đã phát ngôn rằng tôi có âm mưu cướp ghế. Anh ta là một người dân bị bỏ tù như tôi hay anh ta là cán bộ, đảng viên cộng sản? Người dân đã quen chuyện bọn cướp giành giết nhau những chiếc ghế chính quyền, có biết thì cũng yên phận làm thính, phát biểu cũng chẳng lợi ích gì, chẳng thay đổi được gì—vì tên cướp nào ngồi trên ghế, người dân vẫn khổ như nhau thôi. Chỉ có mấy anh cướp mới lo sợ bị mất cái ghế của mình nên hết lòng đề phòng và gán đặt ý đồ cướp giết cho bất cứ kẻ nào có hành động phương hại đến quyền lợi của chúng mà thôi. Cho nên, hôm nay, tôi, một ông thầy tu, dù có ôm ấp bất cứ cái hoài bão tốt đẹp nào, như đòi hỏi tự do dân chủ, đòi hỏi âm no cho dân tộc thì vẫn cứ bị coi như có ý đồ hay tham vọng cướp giết quyền bính của

chính quyền.

Anh trưởng phòng, cười nói:

“Anh ấy nói đùa thôi, tội của anh phải ghi là *phản cách mạng*,” nói rồi anh ghi ngay vào sổ.

Ba chữ “*phản cách mạng*” ấy tôi đã bị cán bộ trực dãy C3 ở trại T20 ghi vào sổ một lần trước đây. Mặc dù đối với tôi, sự gán đặt từ ngữ ấy chẳng ảnh hưởng gì lắm đối với thực tế ở tù, nhưng tự thân tâm, tôi biết việc tôi làm chẳng dính gì với từ *phản cách mạng* ấy. Tôi có theo con đường cách mạng của mấy anh cộng sản đâu mà nói là tôi *phản*. Nếu chữ *phản* có nghĩa là chống thì sao không ghi là “*chống cách mạng*” cho dễ hiểu, khỏi nhầm lẫn, mà cũng có thể tránh bớt từ Hán-Việt như văn hóa cách mạng chủ trương! Còn riêng ý tôi, tôi tự hiểu việc làm của tôi là “*làm cách mạng*,” hay “*hoạt động cách mạng*.” Như vậy chính xác hơn nhiều. Vì “*cách mạng*” đâu phải của riêng ai, riêng bè nhóm nào. Con người nào, xã hội nào, lại không cần tiến hành công cuộc cách mạng để tiến đến cái toàn thiện, toàn mỹ. Tiến trình cách mạng là một chuỗi vận động trường kỳ của các đối lực sinh-diệt để thành tựu một hiện thể mới mẻ hơn. Cái này diệt để cái kia sinh. Cái này sinh để cái kia diệt. Không có cái sinh mãi mãi. Không có cái diệt mãi mãi. Không có cái sinh tự nó sinh. Không có cái diệt tự nó diệt. Cái này sinh cho cái kia diệt. Cái kia diệt cho cái này sinh. Cái này sinh bởi cái kia diệt. Cái kia diệt bởi cái này sinh. Không có cái cách mạng chết khô trên giấy tờ, trên biểu ngữ, trên sự dừng đứng bền vững của một đường hướng, một chính sách hay một chế độ cầm quyền. Một cuộc cách mạng toàn diện đúng nghĩa phải được phát động để đẩy con người và xã hội tiến đến phía trước mà nhận ra cái ý nghĩa hiện hữu của mình; và cũng chỉ bằng cái nhận thức về ý nghĩa đó, con người và xã hội mới tồn tại. Con người sở dĩ chết là vì các tế bào trong cơ thể chỉ diệt mà không còn sinh nữa. Xã hội cũng chết khi các phần tử cá nhân trong nó không còn khả năng làm cách mạng—tức là mất đi khả năng tự do

CỐI TRÓI TẬP I

chọn lựa sự sáng tạo và hủy diệt đối với các ý niệm của chính mình và xã hội mình đang sống. Ý niệm vay mượn âm sắc của ngôn ngữ để hiện hữu; nhưng trong khi động năng của ý niệm là liên tục vận chuyển trong diễn trình sinh diệt để vươn tới mà ngôn ngữ cứ nằm ì trên biểu ngữ hoặc lặp lại mãi trên môi mép, thì ý niệm cũng phải bị trùng lặp, lẫn lộn, hoặc khô cứng theo. Hệ luận của nó là cách mạng sẽ chết khi người ta không đủ can đảm dấn lên cái cũ để dọn đường cho cái mới hiện hữu, không biết diệt để được sinh. Thế giới này chưa bao giờ có cách mạng thực sự mà chỉ có những biến động, những cuộc cướp giạt với các biểu ngữ và tiêu đề hào nhoáng, bông rỗng.

“Thế anh làm nghề gì bên ngoài nhỉ?” anh trưởng phòng hỏi.

“Thất nghiệp,” tôi đáp.

“Thất nghiệp? Anh... như vậy mà thất nghiệp à? Thế trước khi thất nghiệp cũng có cái nghề gì chứ?”

“Làm rầy.”

“Làm rầy? Anh... như vậy mà làm rầy à? Mà thôi, được rồi, thủ tục nhập phòng đã xong. Bây giờ để tôi sắp xếp chỗ nằm cho anh nhé!” Anh trưởng phòng nói rồi, đứng dậy, cất cuốn sổ và cây bút vào giỏ.

Tôi cũng đứng dậy theo. Nhưng hai anh tù khác đến vỗ vai tôi, Một anh người Nam có khuôn mặt mà hình như cái gì cũng muốn lộ ra ngoài, đưa về phía trước: mắt lộ, mũi héch, miệng hô. Anh khác chính là anh chàng người Bắc có khuôn mặt nịnh thần khi nãy đã gán cho tôi hai chữ “cướp ghế.”

“Này, có nghề không? Thủ tục nhập phòng không phải chỉ có ghi tên là xong đâu, còn phải qua cái mục đầu võ nữa chứ!” anh người Bắc nói.

Anh người Nam mắt lộ tiếp lời:

“Theo thông lệ của phòng giam, anh có quyền chọn bất cứ người nào trong phòng để đấu. Thua thì phải chọn người khác, cho đến khi nào thắng thì mới xong thủ tục.”

Nghe họ nói vậy tôi mới nhớ lại vài hình ảnh sinh hoạt rất dã man trong những câu chuyện mà tôi từng đọc thấy trong tiểu thuyết. Vậy mà hơn tháng nay, ở chung với ông Trọng ở phòng biệt giam tại T20, tôi đã không hề nhớ nghĩ gì đến các chuyện ấy. Hình như ở bất cứ nhà tù nào trên thế giới cũng gặp cái tình trạng “ma cũ hiếp ma mới,” hoặc gặp những tay anh chị làm chủ phòng giam, thậm chí làm chủ hết các phòng của trại giam mà bọn tù gọi là “đại ca,” “anh Hai,” và xung tưng như là một “đại bàng.” Tôi chẳng rõ ở đây lại có “đại bàng” không. Nếu có, hẳn là đám đàn em thuộc hạ của anh “đại bàng” đó sẽ bắt tôi đến trình diện, hoặc hứa nhau đập tôi một trận để dần mặt trước. Hay “đại bàng” là anh trưởng phòng khi nãy? Anh ấy cũng có vẻ dữ dằn lắm: Tay xăm con rồng, ngực xăm trái tim với mũi tên xuyên ngang. Tôi đang còn phân vân thì anh người Bắc nói tiếp:

“Sao, muốn chọn ai đây?” vừa nói, anh vừa múa hai tay, như hai quả đấm trước mặt tôi.

Anh ấy cao và mập hơn tôi chút, nhưng bộ ngực lép kẹp, bụng lại hơi ồng ra. Đó không phải tướng của người mạnh, cũng không phải tướng của con nhà võ. Anh chỉ có cái bề ngoài hung hăng, háu đá mà thôi. Một cái gì động đập trong tim tôi. Hừ, tôi chẳng sợ gì đâu, dù rằng chút võ Thiếu lâm lem nhem không chịu tập luyện của tôi cũng chẳng ra làm sao cả, nhưng ít nhất nó cũng có thể bảo vệ được tôi, hoặc cho tôi chút tự tin, bình tĩnh. Vả lại, cái thằng tôi này tuy hiền lành, chẳng bao giờ làm hại ai, nhưng đối với anh chàng nịnh thần đang múa may hai tay mà hạ bộ để trống, bộ cước không vững thế kia, tôi chỉ cần xắn vào giữa, đánh hai chỗ một trên một dưới, một thuận một nghịch, rồi sẵn nắm tay phải nắm thuận ngang tầm hạ bộ đối phương, bồi thêm một cái nhẹ là anh sụm ngay. Nếu điều lệ của phòng được tôn trọng đúng mức theo lời anh người Nam mắt lộ nói, tôi chỉ cần thẳng anh nịnh thần, khỏi cần phải đánh đấm gì với ai khác. Tôi vừa suy nghĩ, vừa đề phòng sẽ bị tấn công bất ngờ. Có thể họ

CỐI TRÓI TẬP I

không bỏ qua tôi bằng một điều kiện đơn giản như vậy đâu. Bất chợt, một thằng tôi khác trong tôi lại nhú đầu lên, xỉ vả: “Vứt hết cái tâm hiếu chiến tâm thường của nhà người đi! Cần gì phải thắng chứ! Chứ không phải mi vốn lì đòn hay sao!”

Tôi giật mình như vừa tỉnh mộng. Phải rồi, tôi đâu cần phải vung tay đánh đá ai. Tôi là một tu sĩ, không phải một anh chàng thất nghiệp hay một anh nông dân thế tục, không phải anh giáo viên hay chàng nghệ sĩ. Tất cả những con người, những nghề nghiệp nói trên, chỉ là tạm thời thôi, chỉ là đóng kịch thôi. Thực tế, tôi vẫn còn là một tu sĩ, dù tóc có dài mà hình thức đã thay, dù mình trần trùng trục với cái quần xà-lỏn độc nhất che thân. Tôi phải ẩn nhẫn, chịu đựng tất cả những đau đớn khổ nhục của thế gian chụp phủ lên thân phận mình như mặt đất từng cuu mang và chịu đựng tất cả sức nặng của cuộc đời. Tôi thoáng nhớ lại một kỷ niệm, hay một kinh nghiệm của năm năm trước, tức vào đầu mùa hè năm 1980.



Lúc ấy, sau một chuyến vượt biên thất bại, tôi đến chùa Tĩnh hội Nha Trang thăm các bạn cũ. Các bạn chơi thân với tôi trước kia có chú Đức, Mỹ và Thân. Chú Đức thì đã rời Nha Trang, khi vượt biên thất bại tại Phan Thiết rồi mang bệnh về Huế mà chết trong bệnh viện. Chú Thân thì rời chùa, tự túc đi làm rẫy, sống một mình với rừng núi bạt ngàn của khu Đồng Bò. Chỉ còn chú Mỹ (lúc này đã là đại đức, trước kia chúng tôi quen gọi là chú *Mỹ đen* vì da chú khá đen so với chú Mỹ khác trùng tên, da trắng). Sau một lúc chuyện trò, tôi mới biết thầy Mỹ có người em ruột tên Pháp, có ghe đánh cá ở Tu Bông. Ý muốn vượt biên của tôi bưng bưng sống lại ngay lập tức. Vậy là tôi

nhờ Mỹ giới thiệu để tổ chức một chuyến vượt biên. Mỹ không có ý vượt biên, nhưng sẵn sàng giúp tôi. Chúng tôi đón xe đi Tu Bông, đến nhà của Pháp, vào lúc trưa. Sau một lúc bàn bạc, Pháp đồng ý lo ghe và bãi, còn phần xăng dầu và lương thực thì tôi và một số bạn bè khác ở thành phố chịu trách nhiệm. Chuyến đi dự trữ thật ít người: chỉ có tôi và thêm một hay hai người góp tiền, cùng đi với gia đình của Pháp.

Ở lại chơi đến chiều tối thì chúng tôi được Pháp và vợ của anh, đưa ra ga xe lửa để trở về Nha Trang. Chờ tàu lâu quá, Pháp lại kéo chúng tôi tách xa đám đông ở sân ga, đến ngồi xôm ở một khoảng vắng, vừa chờ vừa đợi tàu, vừa bàn bạc thêm một vài điều cần thiết trong việc tổ chức chuyến đi. Chúng tôi đã cẩn thận tìm chỗ vắng như vậy mà cũng không tránh được một chàng du kích đã nghe lóm. Quả đúng là *tai vách mạch rừng*. Anh chàng du kích xã bị đau bụng đau dạ thể nào đó mà ra ngồi trong bụi rậm trước khi chúng tôi kéo đến ngồi xi xầm nói chuyện. Thế rồi, khi tàu xầm xập chạy vào ga, vợ chồng Pháp ra về, tôi và thầy Mỹ sắp sửa leo lên tàu thì hai anh thanh niên thấp người trờ tới gần, một anh hỏi:

“Các anh đi Nha Trang hả?”

Mỹ trả lời:

“Ừ, Nha Trang.”

“Các anh ra Tu Bông có việc gì vậy?”

Nghe hỏi vậy, Mỹ tỏ vẻ khó chịu, nói:

“Chuyện của chúng tôi có can hệ gì đến mấy anh mà hỏi? Đi chơi hay đi thăm bà con, không được sao?” vừa nói Mỹ vừa dợm chân, tính bước bên tàu.

Anh thanh niên lúc này mới sừng sộ móc từ lưng quần ra một khẩu súng ngắn, chĩa ngay vào thầy Mỹ, nói nghiêm trong răng:

“Các anh đi theo tôi về trụ sở.”

Tôi xoay qua, bước gần tời anh du kích, nhìn kỹ vào mặt anh, hỏi:

“Cái gì vậy?”

CỐI TRÓI TẬP I

Anh thanh niên ngỡ tôi sắp tấn công anh, liền lui một bước, đưa họng súng về hướng tôi, quát lên:

“Các anh đứng yên, các anh đã bị bắt.”

Vừa lúc đó, thanh niên còn lại cũng móc súng ngắn ra, chĩa về hướng chúng tôi. Mỹ cười to, nói:

“Kỳ cục chưa, mấy anh này! Chúng tôi làm gì mà anh bắt? Mấy anh là ai?”

“Chúng tôi là công an của xã này. Chúng tôi có lệnh bắt các anh. Cứ theo chúng tôi về trụ sở làm việc rồi sẽ biết. Đi!”

Vậy rồi họ lừa chúng tôi đi trước hàng nghìn con mắt của hành khách đứng ngồi chen chúc trên tàu, trên sân ga. Một anh công an dẫn đường, một anh đi phía sau. Hai anh đều cầm súng lăm lăm trên tay. Lúc ấy cũng khoảng mười giờ đêm. Sân ga náo nhiệt nhưng trên đường nhựa và các gia cư đều vắng hoe, cửa đóng im ỉm, Chúng tôi vừa ra khỏi khu vực ga thì tàu đã hú còi, chuẩn bị chạy.

Họ đưa chúng tôi đi đường tắt, băng ngang đường rầy, quanh co qua đồng ruộng, các vườn rau, các khu nhà thấp đèn dầu tù mù, để tránh sự dị nghị của đồng bào trong vùng về chuyện bắt bớ thầy tu (lúc ấy tôi để tóc dài, mặc thường phục, nên chỉ có Mỹ là mang hình thức tu sĩ). Chuyện phải chĩa súng vào chúng tôi ở sân ga trước đám đông hành khách là bất đắc dĩ, vì nếu họ không làm áp lực mạnh thì tôi và thầy Mỹ đã ung dung leo lên tàu rồi.

Trên đường đi, Mỹ cứ nhắc đi nhắc lại mấy câu:

“Buồn cười mấy anh này thiệt, tự dung bắt chúng tôi! Chúng tôi làm cái gì sai chứ? Đi ăn giỗ ba tôi mà cũng có tội nữa sao?”

Anh công an phía sau im im chẳng nói gì, nhưng anh phía trước thì kinh nghiệm hơn, quay lại bảo im, cấm nói, vì biết rằng Mỹ cố tình nói vậy để nhắc tôi phải khai với công an cho thống nhất giữa tôi và thầy ấy khi bị họ chia ra để hỏi cung riêng từng người.

Cuối cùng, chúng tôi được đưa vào một cái đình. Chung quanh nhà cửa thưa thớt. Khu này không có điện

nhưng ánh trăng tờ mờ đêm hạ huyền cũng cho chúng tôi nhìn thấy được tên của ngôi đình được viết bằng sơn màu vàng trên tấm bảng đỏ loét. *Đình Tân Mỹ*. Bên trong cửa đóng im ỉm, không có ánh đèn nào được thắp thì phải. Chúng tôi được đưa lên thêm đình, leo năm, sáu bậc cấp. Ở thêm hiên, họ bảo tôi và thầy Mỹ đưa hai tay lên cho họ lục soát. Xong, một anh công an đứng lại canh chừng chúng tôi, một anh đi lấy chìa khóa để mở cửa vào trong đình, đồng thời kéo thêm vài anh công an khác trong xã. Tôi chẳng hiểu sao họ lại không mang chúng tôi đến trụ sở công an hay ủy ban nhân dân xã, lại đưa chúng tôi đến ngôi đình. Phải chăng có một sự mờ ám nào đó, chẳng hạn muốn làm tiền, nên không muốn chia chác với những cán bộ khác của ủy ban? Hay là chúng tôi đã bị bắt bởi hai tên cướp? Mấy anh công an du kích của nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa này mặc thường phục, không mang theo cái gì để chứng minh các anh là công an—cho nên các anh và bọn cướp trộm thường có khuôn mặt của những anh nhà quê vừa dữ dằn mà lại vừa kiêu hãnh, lúc nào cũng có cảm tưởng mình là thứ gì cao tột. Đối với việc điều tra, kiểm soát, giữ an ninh trật tự xã hội, các anh cứ việc đưa súng ra, nói rằng mình là công an, thì dân phải nghe, phải theo, đâu dám đòi hỏi các anh phải đưa ra cái gì chứng minh. Họng súng chĩa vào người không đủ sao còn hỏi!

Đâu chừng mười lăm phút sau, một tốp chừng bảy người kéo đến đình. Họ cũng mặc thường phục như dân, chẳng có đồng phục. Họ mở cửa, vào trong thắp cái đèn dầu lớn rồi đưa chúng tôi vào, ngồi nơi cái bàn dài ở giữa, ngay trước bàn thờ (Thành hoàng, Thổ địa hay công thần nào đó mà chỉ thấy cái bài vị viết chữ Hán, trong chỗ lờ mờ tôi không đọc được). Bắt đầu làm biên bản. Đến lúc này, tôi mới thực sự tin rằng chúng tôi bị bắt bởi công an chứ không phải ăn cướp.

Một anh công an hỏi cung thầy Mỹ, một anh khác hỏi tôi. Khi hai tờ biên bản ghi tên tuổi và nghề nghiệp chúng

CỐI TRÓI TẬP I

tôi làm xong, họ bắt đầu nạt nộ, buộc tội chúng tôi là có ý đồ tổ chức vượt biên. Chúng tôi đều một mực chối cãi, khai rằng chỉ đi ăn giỗ ba của thầy Mỹ. Họ thì thâm với nhau một lúc rồi cho ba người khác đi bắt hai vợ chồng Pháp. Bốn người chúng tôi đều bị tập trung nơi đình. Nhưng sau một lúc tra hỏi, họ thả hai vợ chồng Pháp ra—có lẽ vì hai vợ chồng này là dân địa phương, có anh ruột là cán bộ cao cấp của huyện. Tôi và thầy Mỹ bị giữ lại. Hình như họ quyết tâm phải moi móc được bất cứ thứ gì từ chúng tôi, nếu không phải là lời thú nhận có ý đồ tổ chức vượt biên thì ít ra cũng phải là chút ít tiền bạc, đồng hồ hay vàng vòng gì đó. Vặn hỏi mãi mà không được kết quả gì, họ giữ thầy Mỹ ngồi lại nơi cái bàn đó với hai anh công an hình như là có chức vụ cao, sáu anh công an kia thì kéo tôi ra sân đình. Nơi đây, tôi bị họ vây quanh, quát tháo, nạt nộ đủ điều mà tôi cứ nhất mực chẳng chịu khai điều gì, và họ xúm lại, cùng đánh đấm tôi tui bụi. Dưới bóng trăng mờ, tôi chỉ thấy loáng thoáng những khuôn mặt đanh đá, lạnh lùng, lúc người này, lúc người kia, khuôn mặt mập, khuôn mặt ốm, người cao, người lùn, những quả đấm, những cánh tay, những cẳng chân, những chiếc giép cao su hay giày ống, vung lên loạn xạ, tơi tấp... Tôi loạng choạng bên này bên kia nhưng không lúc nào té ngã xuống. Sắp té rồi lại gượng đứng dậy, cứ vậy, tôi thụ động chịu đòn một lúc khá lâu, chẳng rõ là bao nhiêu phút. Xong đợt quần thảo đó, họ rút vào năm người, để lại một người, tiếp tục dọa nạt, đánh đập tôi. Rồi thay người khác, hết lượt người này đến phiên người kia, theo kiểu *xa luân chiến*. Có người đưa cả mũi súng vào cổ tôi, hét lớn: “Khai mau, không tao bắn bỏ mẹ mày!” Anh công an bắt và dẫn đường chúng tôi từ sân ga, hình như là người hung hăng nhất và cũng là người ghét tôi nhất thì phải: anh thường đánh những đòn độc địa như muốn thí nghiệm đòn ngón của anh trên thân tôi lúc còn ở sân rộng, nhưng đòn nào độc quá thì cái bản năng tự vệ của tôi lại bèn nhảy cung cấp cho tôi ngay một phản ứng tránh né

thích hợp, có khi giả vờ loạng choạng để thủ lấy hạ bộ. Anh ức lắm. Nay tới lượt một mình anh, anh túm lấy cổ áo tôi, quát tháo rồi kéo giật tôi về hướng anh để đánh một chỗ vào mặt tôi, nhưng anh thấp người quá mà tôi lại hơi nghiêng mặt một chút nữa, nên cái chỗ chẳng trúng vào đâu. Anh bực quá, túm lấy đầu tóc tôi, động mấy cái vào tường. Lúc ấy tôi mới thấy rằng phải chi lúc ấy tôi đừng cái trang người thể tục, cứ cạo đầu như thường lệ thì đỡ biết mấy! Không có tóc thì lấy đầu để anh túm mà động vào tường!

Trong khi tôi bị đánh đập liên tục và thẳng tay ngoài sân, thầy Mỹ bình an ngồi bên trong, đối đáp với anh trưởng công an. Dù sao, họ cũng là những anh du kích công an trong làng xóm, ít nhiều đều có tín ngưỡng nên chưa đến nỗi ra tay đụng vào hình thức đầu tròn áo vuông của thầy Mỹ.

Không khai thác gì được tôi, anh công an khi nãy động đầu tôi vào tường kéo tôi ra chỗ khoảng trống, bảo tôi đứng yên. Anh còn kêu một công an khác cầm súng chĩa mũi vào tôi, dặn rằng:

“Nó mà nhúc nhích hay né tránh, bỏ chạy, mày bắn nó què giò cho tao!”

Tôi đứng im giữa sân chờ đợi, chẳng biết anh muốn gì. Anh lùi lại, cách tôi chừng ba bước, hỏi:

“Bây giờ mày chịu khai chưa? Mày với ông kia định tổ chức vượt biên, có không?”

“Không,” tôi đáp.

Lập tức anh nhún người lấy trớn, tung một đập vào người tôi, đúng ngay tim. Tôi bật kêu lên một tiếng “hự”, hơi lão đảo, rồi gượng đứng lại. Anh bước tới, tát tôi mấy cái nữa:

“Cái thằng này lì lợm, cứng đầu quá sức! Mày giỏi lắm, mày có nghề mà, phải không? Tao bỏ súng xuống, cho mày tự do chơi luật giang hồ đó, chơi không! Tay đôi thôi, tao với mày, không ai xía vào đâu!”

Tôi chẳng đáp. Anh nhỏ nước bọt xuống đất rồi

khoát tay ra lệnh mấy anh công an khác đưa tôi vào trong đình. Họ xì xầm bàn với nhau một lúc rồi quyết định giam chúng tôi, chờ ngày mai làm việc tiếp. Họ nhốt kỹ chúng tôi, khóa cửa đình rồi lục tục kéo về.

Chúng tôi bị giam trong cái kho phía bên phải của bàn thờ đình. Bên trong đầy bụi bặm. Đứng im một lúc trong bóng tối, chúng tôi nhìn ra một số đồ linh tinh như phướng, cột, vải vóc hay biểu ngữ gì đó, nằm ngổn ngang dưới đất. Tôi và Mỹ phải bụi sơ sơ rồi ngồi xuống. Trong kho cũng khá rộng, đủ chỗ cho chúng tôi nằm, nhưng dơ quá, chúng tôi đành lót giép mà ngồi.

“Hình như hồi nãy tụi nó đánh Khang dữ lắm phải không? Tôi ngồi trong mà nghe cả tiếng bình bịch.”

“Ừ, có đánh. Họ vừa đánh vừa vuốt, ông công an lớn tuổi khuyên tôi hãy khai thật, cho rằng tôi là thanh niên mới lớn, nhỏ dại, đi theo ông thầy chứ không biết gì, nên khai thật để được tha về, chuyện của người lớn thì để người lớn chịu!”

“Hi hi, họ đâu biết chính Khang mới là tên bầy đầu! Sao, chúng nó đánh vậy Khang thấy trong người thế nào?”

“Chẳng biết nữa. Lúc đó cho đến bây giờ, tôi chẳng có cảm giác gì cả. Đánh chiều nào, theo chiều nấy.”

Mỹ nhìn tôi có vẻ thương cảm. Một chập, anh hỏi:

“Hình như Khang có võ, tôi đoán có đúng không?”

“Xì, lem nhem chút ít thôi, chẳng có gì đáng kể. Không phải tôi chịu đựng được vì có võ đâu. Tôi quán thân tôi như một cục đất, muốn hát đâu thì hát. Có vậy mới chịu nổi chứ. Ồ, anh biết bài thơ về cục đất của Đặng Cước không? Tôi nhớ mang máng là như vậy: *Thân tôi như cục đất, Ai hát thì cứ hát, Hát qua rồi hát lại, Mà tôi cứ cười ngất.* Bài thơ của anh Cước nói được tâm địa nhẫn nhục của đạo nhân, rõ ràng quá hả! Còn võ thuật thì tôi có học chút ít đòn Thiếu lâm nhưng lâu nay chẳng tập luyện vì chẳng có thì giờ, với lại thấy mình cũng không bao giờ cần dùng đến.”

VĨNH HẢO

Chúng tôi thức trắng đêm ấy. Sáng sớm mờ mờ, công an kéo đến, mở cửa đình, cho chúng tôi được tự do ra vào trước thềm hiên, bảo chờ lệnh ở trên. Chúng tôi chẳng bỏ trốn vì giấy tờ (dù giấy tờ của tôi là giấy tờ giả) đã bị giữ hết, vả lại có trốn cũng chẳng làm sao mà thoát vì chúng tôi không biết đường. Đến trưa thì có vợ chồng Pháp mang bánh mì nhét đậu hủ kho và nước uống đến cho chúng tôi dùng. Pháp nói:

“Tụi nó chỉ tình nghi thôi, không có chứng cứ quá tang gì. Chỉ sợ là chiều nay chúng đưa thầy và anh Khang lên công an huyện thì phiền lắm. Bây giờ còn ở xã ấp, mình có lo được thì phải lo gấp. Tôi có nhắn anh Trung rồi, anh ấy đang lo.”

Trung là người anh lớn nhất của Mỹ và Pháp. Anh ấy là cán bộ của huyện, quen biết khá nhiều. Chúng tôi ngồi ở thềm đình đến chiều thì anh Trung đạp xe đến cùng một người công an khác, nói rằng chúng tôi được tự do ra về. Họ trả lại giấy tờ và tiền bạc cho chúng tôi. Mỹ nói chúng tôi không cần về vội, có thể ở lại một đêm tại nhà Pháp rồi sáng mai đón xe đò đi Nha Trang. Buổi tối ở nhà Pháp, gia đình anh bắt tôi cởi áo ra để Pháp xoa bóp rượu thuốc và dầu nóng. Đến lúc đó, nhờ Pháp nói, tôi mới biết là có khá nhiều vết bầm tím trên khắp người tôi. Vừa xoa, Pháp vừa nói:

“Đáng lẽ anh Khang phải giả đờ đau đớn, té lăn dưới đất, chứ không nên đứng ì ra mà chịu đòn. Tụi nó đánh mà mình có vẻ không đau chỉ tỏ chộc tụi nó tự ái mà tức giận thêm lên, đánh càng mạnh, càng độc hơn. Phải giả đờ la khóc, quần quai, té lên té xuống mới được! Anh biết tụi nó nói với nhau sao không? Nói rằng anh giống như cục đá, đánh hoài chẳng thấy anh rên rỉ hay đau đớn gì! Thành Bảo nó nói với em chứ ai. Nó cũng là du kích xã đó. Thiệt khổ thân anh! Lần sau anh đừng gấn gượng chịu đòn như vậy nữa nghe. Nếu anh có chịu được thì cũng phải giả đờ là không chịu được, như vậy chúng mới không đánh nữa.”

Tôi ừ, nhưng chẳng biết là có lần sau nữa để giả đờ

CỐI TRÓI TẬP I

không, và liệu rằng tôi có năng khiếu giả đồ chằng, hay rồi cứ như cục đất, ai hất thì cứ hất, hất qua rồi hất lại, mà tôi cứ cười ngất!



Bây giờ nhìn lại đám tù vây quanh, tôi biết tôi phải đối diện với cái lần sau đó. Đám tù này đông hơn đám công an du kích của năm năm trước. Họ khoảng trên sáu chục người. Tôi đảo mắt nhìn quanh một lúc rồi buông thông hai tay xuống. Ừ, thì đánh đi, đấm đi, đá đi, chà đạp đi, vừa đánh vừa chửi đi, nguyên rửa đi. Thân tôi đây, như một cục đất. Tâm tôi đây, cũng là cái tâm được nhào nặn bằng đất, hãy vui dập nó đi. Sáu chục người hay sáu chục triệu người của cả nước cũng được nữa, cứ việc dày xéo cái thân cái tâm này, tôi sẽ chịu đựng hết, và quyết không chống trả, không tránh né, không bật ra một tiếng than hay tiếng rên nào, cũng không nẩy lên bất cứ một ý niệm thù oán nào. Tôi xin tự nguyện nằm xuống để mọi người đứng dậy. Suốt đời tôi, sẽ không giơ tay giơ chân làm đau đớn ai, cũng không đem cái tâm này hay cái miệng này làm tổn thương ai. Tôi là đất. Đất cũng chẳng làm hại ai. Chỉ có người ta hại đất mà thôi. Mà cũng chẳng phải người ta hại đất nữa, vì đất có bao giờ bị tổn thương đâu mà nói là hại đất!

Anh nhìn thần người Bắc múa tay múa chân. Tôi nhìn thẳng vào mắt anh bằng đôi mắt từ bi, không hận thù. Tôi đứng yên chờ đợi. Bỗng thấy một bàn tay vỗ lên vai tôi. Quay lại, tôi bắt gặp anh trưởng phòng. Anh cười nói:

“Họ nói đùa đấy. Không có cái thủ tục chào phòng kiểu đó đâu. Tôi sắp anh nằm ở chỗ kia nhé, đấy, kê bên bức vách ngăn nhà cầu. Buổi tối anh ngủ đấy. Thủ tục

nhập phòng thực ra là như vậy: mỗi người mới vào phải ca ba bản hoặc kể ba câu chuyện ngắn. Hôm nay có hai người mới, anh chàng kia và anh. Tôi nay anh sẽ làm thủ tục chào phòng ở trước cái lồng khung kia.”

Anh chỉ tôi thấy một người tù trẻ, như đứa con nít, đang ngồi ủ rũ ở góc gần cầu tiêu; rồi anh chỉ tôi cái mà anh gọi là lồng khung. Phòng giam có hai cửa, trong và ngoài. Cửa ngoài bằng sắt, bít bùng, có hai ổ khóa, giống như cửa sắt phòng biệt giam ở trại T20. Từ ngoài bước vào cửa sắt đó, có một khoảng trống hình chữ U, được rào bằng một lồng khung bằng sắt, kéo từ dưới nền lên đến trần nhà; nơi khung có thêm một cửa thứ hai, tức là cửa trong, có then cài và một ổ khóa khác. Cửa ngoài được mở ra suốt ngày từ lúc sáu giờ sáng cho đến sáu giờ chiều. Cửa trong chỉ mở khi nào có cán bộ quản giáo xuống gọi tù nhân đi khai cung, làm việc—mở ra để lấy người đi rồi đóng khóa lại ngay.

Tôi mang áo quần và cái ca nhựa có bịch đường cát của tôi đến chỗ nằm thì bắt gặp một khuôn mặt quen thuộc nằm kế chỗ tôi. Người ấy ngược nhìn tôi, nói:

“Mới bị bắt hôm nay thôi hả?”

“Hơn một tháng trước rồi,” tôi ngồi xuống đáp.

“Anh Hai có sao không?”

“Anh Hai nào?”

“Anh Lương.”

“À, tôi mất liên lạc với anh ấy từ hôm Tết,” nói đến đây thì tôi nhớ ra người tù ấy là ai.

Anh ấy tên Vận, là người ở chung một xã với tôi trên kinh tế mới. Tôi biết anh cách đây sáu tháng, vào lúc quay in truyền đơn, tài liệu cho lực lượng Phục quốc, tại một cái chòi tranh ở xã Long Phước. Vào đêm trước khi khởi sự in truyền đơn, tôi và ông Lương cùng ngủ lại trên hai cái giường đặt sát nhau ấy. Sáng sớm, Vận và hai người khác đến, và theo lời yêu cầu của ông Lương, tôi trực tiếp hướng dẫn họ quay tài liệu bằng cái máy quay ronéo tự chế. Anh Vận đã có năm con, trên bốn mươi

tuổi. Anh và một số khá đông nhân sự của lực lượng Phục quốc do ông Lương cầm đầu đều là người theo đạo Thiên Chúa. Lúc đến đó, tôi cải trang làm người thế tục, đầu đội mũ cát-két, yêu cầu ông Lương giữ bí mật, không cho người khác biết tôi là vị thầy trụ trì của chùa Long Quang. Ông Lương bảo mọi người gọi tôi là anh Ba. Nói rằng tôi từ Sài Gòn lên. Dù vậy, anh Vận cũng tinh mắt lắm, biết ngay tôi là ai từ buổi sáng đó. Tôi biết anh nhận ra tôi vì trong lúc trò chuyện, thỉnh thoảng anh lỡ miệng gọi tôi bằng “thầy.”

“Anh bị bắt lúc nào?” tôi hỏi Vận.

“Ngay từ ngày ba mươi Tết cùng lúc với ông Bản, ông An đấy! Lúc đó thầy ở đâu?”

Tôi xuýt một tiếng, nói nhỏ với Vận:

“Đừng gọi tôi bằng thầy. Cứ coi tôi như một thanh niên đời thôi. Tôi muốn được đối xử bình đẳng như mọi người tù khác. Một mình anh biết được rồi. À, trở lại chuyện anh hỏi, lúc đó tôi vẫn ở chùa, cho đến nửa tháng sau mới lánh về Sài Gòn. Tôi cũng có ý gặp ông Lương nhưng chẳng biết đâu mà tìm. Hy vọng ông ấy chưa bị bắt.”

“Chưa bị bắt đâu. Có mấy người bị bắt sau cho biết là ông tiếp tục hoạt động và cho rải truyền đơn ở Sài Gòn, các tỉnh miền Tây, vài tỉnh miền Trung nữa. Hình như ông ấy cũng đang tìm kiếm thầy... à, tìm kiếm anh đó.”

“Rất tiếc là chúng tôi không cách nào để gặp lại nhau từ ngày lực lượng bị đổ bể trên Long Thành. Nhưng như vậy cũng tốt, khỏi bị dính chùm. Ông ấy mà gần tôi không chừng lại bị bắt.”

“Nhưng anh gần ông ấy, biết đâu chẳng bị bắt. Ông ấy có nhiều chỗ để trốn, khắp các tỉnh.”

“Chẳng biết được là may hay rủi. Thôi thì cứ cầu cho ông ấy bình an. Phần mình thì đâu vào đó rồi.”

Buổi tối, khi đèn lên, anh trưởng phòng vỗ tay ba cái, cả phòng im lặng. Anh trưởng phòng giới thiệu hai người tù mới, gọi tôi và anh tù trẻ tuổi đến đứng ở lồng

khung. Sau đó, anh tù trẻ chào phòng bằng ba câu chuyện tiểu lâm mà nếu muốn tôi cười, e phải thọc lét thêm khá nhiều. Đến lượt tôi, cả phòng nhao nhao nói:

“Đừng kể chuyện nữa, ở đây chuyện tiểu lâm nghe nhiều lắm rồi, nghe đi nghe lại chán quá!”

“Hát đi, hát vài bản nhạc vàng đi!”

“Hát vài bản đỡ buồn đi anh ơi!”

Tôi nhìn qua anh trưởng phòng dò ý. Anh trưởng phòng khích lệ:

“Ở đây hát nhạc vàng được, không sao đâu! Nếu anh thuộc bản nào, cứ hát. Đừng hát nhạc chống đảng, chống nhà nước là được rồi. Nhạc tình đi, tự do!”

Lúc anh bạn trẻ kể chuyện tiểu lâm, tôi đã suy tính trước là ca vài bản nhạc vô thường vô phạt thì tốt hơn là kể vài câu chuyện cười, vì chuyện cười đời nay ai mà biết được truyện nào là truyện không thể bị suy diễn thành truyện chống đảng chống nhà nước! Đã cố ý suy diễn thì cái gì cũng đi ngược lại với chủ trương và chính sách cả.

Tôi tựa lưng vào cánh cửa ở lồng khung, đứng im một lúc để chọn một bản nhạc thích hợp—thích hợp với không khí nhà tù, thích hợp với lòng mình lúc ấy mà lỡ có bị ai báo cáo lên cán bộ thì cũng không tội vạ gì. Vậy là tôi nghĩ ngay đến những tình khúc của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, một *sur to* của tình ca Việt Nam và cũng là một anh nghệ sĩ có chân khá vững dưới chế độ cộng sản lúc ấy. Tôi hát nhạc của anh,

Sau khi hát chào phòng, tôi trở về chỗ nằm thì một nhóm vài người kéo đến, vỗ vai khen thưởng, mời tôi đến chỗ họ uống trà. Tôi từ chối, ngồi im một chỗ.

Đường như từ lúc cất tiếng ca, lòng tôi rung rục quặn lại thế nào ấy, Trước đám đông ồn ào của đủ mọi thành phần tù nhân, tôi chợt thấy một cái gì đó trống rỗng, hoang vắng, quạnh hiu kinh khủng.

Tôi ngồi một lúc thì keng đánh giờ báo nghiêm. Cả phòng tôn trọng nội quy nghiêm chỉnh, lục tục trở về chỗ nằm trong yên lặng.

CỜI TRÓI TẬP I

Tôi nằm khoảng giữa nhà cầu với lồng khung. Đèn trên trần hơi chếch chỗ nằm của tôi, rất chói mắt. Tôi khó ngủ. Nhắm mắt lại cũng thấy trống rỗng. Mở mắt ra cũng thấy trống rỗng.

Cái khổ của con người là hủy diệt cả thế giới thì sợ hư vô, mà hủy diệt luôn cả hư vô thì tâm thần bất an hãi sợ là chẳng còn biết nương gá nơi nào để tồn hữu; nhưng chấp nhận thế giới, chấp nhận hư vô, thì vẫn chú chạm trán với bộ mặt hư vô như thường. Ôi, nghĩ gì lung tung quá! Chào đêm đen. Chào hư vô. Ta không sợ mi đâu.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG HAI

Nàng say sưa nghe tôi kể chuyện, mắt nhìn tôi không rời. Bằng một thứ nhạy cảm rất vô minh của mình, tôi biết nàng gỏi theo đôi mắt ấy một cái gì nồng nàn, tha thiết lắm. Tôi sợ. Không phải sợ nàng, mà sợ chính tôi. Sau hai năm tù, vừa được tự do đã nghe hung tin từ gia đình, tôi thực sự là muốn ngã quỵ, muốn sà vào lòng của bất kỳ một người bao dung và thông cảm nào. Nàng có hai đức tính ấy. Về bao dung của người mẹ và sự thông cảm hiểu biết của người bạn thân. Nàng có vẻ như sẵn sàng dang đôi tay để chờ đón tôi ngã vào. Tôi đưa mắt tìm kiếm một điểm nào đó trên tường để tránh nhìn nàng. Nàng cũng lúng túng thế nào đó, rồi đứng dậy, đến cái bàn gần đó, lấy chai nước lạnh rót thêm vào cái ly sắp cạn của tôi. Nàng hỏi tôi muốn dùng trà không. Tôi gật đầu. Nàng nấu nước sôi và tráng cái bình tích chế trà. Trong khi chờ đợi nước sôi, nàng giục tôi kể tiếp.



Tôi nhập trại chiều thứ bảy, nghỉ ngơi được ngày chủ nhật. Qua thứ hai, một cán bộ mặc đồng phục công an đến phòng giam. Có tiếng vỗ tay lộp bộp của những anh tù ngồi gần cửa khi phát hiện sự xuất hiện của cán bộ. Cả phòng đang vui chơi, ồn ào, nghe tiếng vỗ tay thì phải ngưng lại, im lặng, và ngồi xuống, không ai được đứng khi cán bộ bước vào cái lòng khung hình chữ U thẳng góc đó. Anh công an này tên là Hón, dáng cao ráo, vạm vỡ, nhưng vẻ mặt thì hơi nhăn nhó khó chịu. Trên tay anh có cầm tờ giấy. Mọi người đều biết là anh đến gọi tên một

CỐI TRÓI TẬP I

người tù nào đó ra vặn phòng trại để “làm việc,” tức là đi khai cung. Cán bộ gọi tên ai, người đó phải hô “có” thật lớn, rồi đứng dậy, lấy áo quần, giày giép, bước ra ngoài lập tức. Nếu lấy đồ không kịp thì cứ ra ngoài, để cán bộ khóa cửa xong, nhờ bạn tù khác đưa ra giùm qua cửa sổ hay qua chân song sắt ở lồng khung. Không được để cán bộ chờ đợi, đó là qui luật về sự lễ phép của tù nhân.

Hình như cán bộ Hón phải đánh vắn một lúc rồi mới bật được ra lời với một ít nghi ngại, không mấy tin tưởng là mình đúng:

“Tu sĩ.”

Cả phòng giam im lặng không có tiếng đáp lại, cũng chẳng ai đứng dậy lấy áo quần bước ra. Tu sĩ đâu phải là cái tên. Chắc cán bộ đọc lộn hàng rồi. Cái hàng đó là hàng nói về nghề nghiệp. Thấy chẳng ai rục rịch gì, cán bộ nhìn lại vào tờ giấy, khá lâu, rồi bật thêm mấy chữ khác:

“Thít Tam Quan.”

“Có,” tôi hô lên rồi đứng dậy, lấy áo quần bước ra.

Trong khi tôi đang mặc áo quần, Hón nhìn tôi, hỏi:

“Tên anh là Thít Tam Quan à?”

“Không, Thích Tâm Quang.”

“Thích Tâm Quang, à, ra là anh ấy! Anh còn có tên cha mẹ đặt nữa là Vĩnh gì đấy mà, phải thế không?”

“Vĩnh Khang,” tôi đáp,

Tôi mặc xong áo quần, xỏ chân vào giày. Anh ngó tôi một lúc rồi hỏi tiếp:

“Anh đi tu được bao năm rồi?”

“Mười lăm năm,” tôi đáp.

Anh lắc đầu, nguyệt tôi một cái:

“Trong Nam này thật lộn xộn, sao lại cho những người trẻ đi tu thế này! Ngoài Bắc chỉ có sư cụ thôi, làm gì có sư mà tuổi thanh niên! Thanh niên thì phải lo lao động sản xuất xây dựng đất nước chứ! Mà đã đi tu thì phải lo tụng niệm, quét dọn chùa chiền, chứ sao lại làm chuyện phản động thế kia! Thôi, đi!”

Tôi bước theo anh băng ngang sân chơi, đi vòng vo

một lúc rồi ra lại khu vực văn phòng gần cổng trại. Đến thêm văn phòng, anh bảo tôi bước lên mấy bậc cấp rồi đứng chờ ngoài hiên. Anh vào trong, nói với ai đó:

“Tôi giao tên phản động cho đồng chí làm việc nhé, tôi vào à.”

Có tiếng một giọng nữ nào đó ngồi khuất sau vách, nói lại với anh, một chập, anh cùng người ấy bước ra. Tôi không nhìn họ. Chỉ thấy cán bộ Hón quay trở vào trong, và tiếng guốc gỗ khua nhẹ đến gần tôi:

“Ồ, tưởng ai, té ra là anh Khang. Sao, ở dưới phòng thế nào?”

Tôi quay lại thì nhận ra cô công an cận thị mà tôi và Thiện Đặc đã gặp lúc mới nhập trại. Cô tỏ vẻ thân thiện với tôi một cách khó hiểu. Cô muốn gì đây? Phải chăng cô có ý đồ thực hiện một công tác nào đó trong ngành công an của cô bằng mỹ nhân kế? Nhưng mỹ nhân kế làm sao có thể áp dụng với tù nhân được! Mà mỹ nhân kế cũng đâu cần thiết áp dụng để đối phó với tù nhân. Tù nhân là kẻ đã vào tròng, vào bẫy rồi, cần gì phải bẫy nữa chứ! Huống gì qua con mắt của một đạo nhân chưa đắc quả và khá nhạy cảm về vấn đề phân biệt giới tính, tôi thấy cô đâu phải là mỹ nhân!

Tôi cười không đáp. Cô chỉ cái ghế ở gần chỗ tôi đứng, nói:

“Anh Khang ngồi đó đi. Chờ một chút sẽ có người đến lấy anh.”

“Lấy tôi?” tôi ngạc nhiên hỏi.

Cô bật cười lên một tràng, rồi nói giả lả:

“Đừng có lo, chẳng phải lấy chồng lấy vợ gì đâu. Lấy là lấy người đi làm việc đó mà. Hi hi, anh Khang ngồi đi. Để coi nào, hôm nay ai lấy anh, à, ông phó trại.”

Cô bước vài bước đến cái bàn lớn đặt khoảng giữa thêm hiên, rót một tách trà, đem đến cho tôi.

“Anh uống trà đi. Một chập là ông ấy tới liền. Anh Khang nè, sao anh lại đi làm thầy tu vậy hả?”

Tôi đón tách trà của cô, đặt lên lan can. Tù nhân mà

CỐI TRÓI TẬP I

được cán bộ rót trà mời uống như tô hình như là một trường hợp ưu đãi đặc biệt. Tôi nghĩ, có thể họ cố tình đối xử với tôi như vậy để tỏ rằng họ cũng biết tôn trọng tu sĩ.

Cô bước qua bước lại trước mặt tôi mà thấy tôi cứ nhìn xuống đất, có vẻ như chẳng lưu ý gì, bèn đến tựa nơi lan can, nói bằng quơ:

“Trời nóng quá hả.”

“... ”

“Khi nào anh về lại chùa, rảnh rảnh tôi ghé thăm anh được chứ hả? Ở Long Thành phải không? Chỗ đó dễ kiếm không vậy? Ồ, nhớ rồi, mấy ngày trong Tết, công an tỉnh phối hợp cả bộ đội nữa, được huy động tảo thanh vùng đó mà. Hờ, cũng buồn chứ. Đi kiếm anh Khang mà lại đem lực lượng võ trang kiểu đó thì có vui gì. À, anh Khang, nhà tôi cũng có thờ Phật đó. Hồi nhỏ tôi cũng có đi chùa, bây giờ thì bận công tác quá, chẳng biết chùa chiền gì nữa. Ô, ông phó đến rồi kìa,” cô xuống thấp giọng, hơi cúi nghiêng về hướng tôi một chút, “ông này khó tính lắm, anh làm việc với ông phải cẩn thận từng lời chứ không ổng xì nẹt lớn tiếng, mệt lắm!”

Tôi nhìn về hướng công trại, thấy một cán bộ mang mắt kiếng lão, đứng tuổi, khoảng gần sáu mươi, mặc sơ mi trắng ngắn tay thả ra ngoài cái quần dài màu cà phê sữa, bước vội đến, gọi tôi theo ông vào văn phòng riêng của ông nằm sát công trại.

Bàn làm việc của ông đầy hồ sơ, giấy tờ. Ông bảo tôi ngồi vào cái ghế dựa trước mặt, rồi dọn sơ một khoảng trống trên bàn, ngay chỗ tôi, vừa rót trà vào hai tách, vừa nói với giọng Bắc:

“Biên bản kết cung có chữ ký của anh do Sở Công an thành phố Hồ Chí Minh chuyển đến đã nói rõ hành vi phạm tội của anh.” Ngưng một lúc để đưa tách trà qua phía tôi, ông tiếp, “nhưng đây là phần việc của bộ phận thành phố HCM. Chúng tôi ở đây cũng phải theo thủ tục của tỉnh Đồng Nai, lấy cung lại từ đầu. Vả lại, anh vẫn có quyền phản cung, tức là chối bỏ biên bản của công an

thành phố HCM nếu xét thấy rằng vì lý do nào đó, biên bản ấy không phản ánh đúng lời khai của anh. Có thể cách làm việc của cán bộ thành phố HCM khác với chúng tôi nên biên bản cũng chưa phải là hoàn chỉnh lắm. Thôi thì chúng ta làm việc lại từ đầu. Chủ trương nhân đạo khoan dung của nhà nước xã hội chủ nghĩa là xử nhẹ hoặc giảm mức án tối đa cho những bị can thành khẩn cung khai sự thật. Tôi nhắc lại để anh biết mà chọn lựa thái độ khai cung thích đáng.”

“Tôi không nhớ biên bản đó như thế nào, nhưng tôi nghĩ rằng tôi đã ký tên vào đó rồi, chắc là không cần phân cung gì đâu. Còn việc tôi đã khai sự thật với cán bộ Sài Gòn, và cũng sẽ khai sự thật với cán bộ ở đây, đó là vì tôi vốn tôn trọng sự thật, chẳng muốn che giấu gì cái việc tôi đã làm, chứ không phải tôi khai sự thật để được giảm án.”

Ông đặt tách trà xuống, ngó tôi một lúc:

“Tôi chả cần biết là tự anh thành thật hay thành thật theo yêu cầu, đảng nào thì khai sự thật vẫn là con đường tốt nhất để được tự do sớm mà về với gia đình. Anh còn trẻ mà, nên tôi nghĩ những gì anh làm chỉ là sự bông bột nhất thời thôi. Anh có biết là trong cái đám Phục quốc, anh là người trẻ tuổi nhất không? Họ là những người lớn tuổi, có liên can đến chế độ nguy nên chống lại chế độ ta; còn anh là thanh niên trưởng thành trong chế độ mới, sao lại đi theo họ chứ! Anh bị họ dụ dỗ mà không biết, có phải thế không! Ừ thì làm lỡ đi vào con đường tội lỗi, nay chúng tôi nhắc anh khai mọi sự thật, khẩn trương hối cải để còn trở về với xã hội mà làm người công dân tốt chứ! Hừ, tôi thật chẳng hiểu sao một người ở chùa, có ăn học như anh mà lại đi theo cái bọn phản động đó! Mà kể cũng lạ nhỉ, đa phần họ là người theo đạo Thiên Chúa, thế sao lại lọt anh vào? Ai giới thiệu anh, ai móc nối anh thế?”

“Ai móc nối đâu! Chúng tôi ở chung một ấp, một xã, bước ra bước vào thì gặp nhau, quen nhau, hiểu nhau, vậy thôi.”

Ông gỡ mắt kiếng xuống, nâng tách trà lên nhấp một

ngụm rồi tiếp:

“Anh gặp ông Trần Văn Lương lần cuối cùng vào lúc nào, gặp ở đâu?”

“Ngày 22 hay 23 tháng 12 năm ngoài, gần lễ Giáng Sinh. Gặp tại chùa tôi.”

“Sau đó thì sao?”

“Không còn gặp nữa.”

“Thế anh có biết ông ấy đang ở đâu không?”

“Không.”

“Đồng bọn Phục quốc của anh đều khai rằng anh là cố vấn của ông Lương, vậy mà anh với ông ấy lại chẳng gặp nhau nữa à?”

“Không.”

“Vì sao?”

“Vì sao? Vì không nữa chứ sao ạ.”

“Trong khi những người khác bị bắt gần hết mà anh và ông ấy lại cùng trốn thoát, vậy chẳng phải là anh với ông ấy đi chung, hoặc được thuộc hạ thông báo, bảo vệ, che giấu để trốn tránh sự lùng bắt của chúng tôi hay sao?”

“Tôi chẳng được ai trong lực lượng Phục quốc thông báo hay hướng dẫn đi trốn cả. Ông Lương rời Long Thành trước Giáng Sinh, còn tôi rời Long Thành sau Tết nửa tháng. Tự tôi bỏ Long Thành đi Sài gòn... rồi cuối cùng bị bắt chứ chẳng có ai thông báo hay che giấu gì cả.”

Tôi nói vậy và tự biết rằng trong câu nói ấy, đã có phần không thật, vì vào sáng ba mươi Tết, tôi đã được thông báo để đi trốn. Tôi thoáng nhớ lại những ngày cuối cùng của tôi ở chùa Long Quang trên kinh tế mới.



Lúc đó tôi đang cạo tóc ở sân chùa. Một thanh niên Phật tử thân cận của chùa, bước vào, nói:

“Thầy ơi, không biết chuyện gì mà công an du kích vào nhà ông Bản, lục xét rồi bắt ông ấy đi rồi. Bây giờ họ

lại kéo vô nhà ông An nữa. Nghe nói họ bắt nhiều người khác nữa đó thầy.”

“Vậy sao?”

Tôi nhìn ra đường, thấy có nhiều tốp công an và du kích cầm súng chạy qua chạy lại. Chừng mười lăm phút sau, một người con ông Bản đến chùa gặp riêng tôi, nói:

“Bạch thầy, má con bảo con đến trình thầy biết là ba con bị bắt rồi, thầy tính xem nếu chuyện đó có ảnh hưởng đến thầy thật thì thầy nên đi lánh gấp kẻo không kịp.”

Tôi nói lời cảm ơn, nhưng tôi không đi lánh. Tôi ở lại.

Suốt ngày ba mươi Tết ấy, có tiếng loa phóng thanh ở khắp nơi, kêu gọi những người có liên quan đến lực lượng Phục quốc ra đầu thú. Các loa phóng thanh di động trên xe lam, xe bò, xe đạp. Loa cầm tay, loa gắn các nơi tập trung đông người. Làm rộn cả làng xã.

Buổi tối, khoảng bảy giờ, Hiền, anh ruột tôi, đến chùa. Tôi thúc anh trốn về Nha Trang. Anh nói:

“Hai anh em đi trốn chung luôn, chứ Khang ở lại làm gì!”

Lúc đó, phần vì có ý niệm chấp nhận bị bắt, phần vì thấy ngày Tết đến mà Phật tử địa phương không có thầy hướng dẫn, nên tôi không muốn rời chùa. Thực ra chùa tôi lúc đó còn có một vài thầy khác nhưng họ đã về Sài Gòn trước đó vài ngày cả rồi.

“Thôi, anh đi trước đi. Tôi cần lo một ít việc cho chùa nữa. Mấy ngày Tết mà chùa không có thầy, tội nghiệp đồng bào ở đây lắm.”

“Bỏ quách cho rồi. Không có Khang, Phật tử buồn một thời gian ngắn, nhưng rồi cũng có thầy khác đến thay thế, hoặc khi tình hình thấy êm, Khang có thể trở lại; chứ bây giờ ở nán, tội nó bắt bỏ tù làm sao!”

Dù anh cố gắng thuyết phục, tôi vẫn không đổi ý:

“Anh đi trước, có thể mai một gì tôi cũng rời Long Thành.”

Nghe tôi hứa là sẽ trốn sau, anh mới chịu từ giã.

CỐI TRÓI TẬP I

Giây phút chia tay lúc ấy, tôi không bao giờ quên. Đêm ba mươi trời tối mịt. Trước sân chùa, người qua kẻ lại nườm nượp. Tôi bắt tay anh lần cuối dưới gốc cây bạch dương mé phải của chánh điện.

Nhà tôi khá đông anh chị em nhưng tôi đi tu từ nhỏ nên tình cảm giữa tôi với người trong gia đình không được gắn bó lắm. Lúc tôi đi tu, anh tôi vào lính. Người khoác quân phục, người mặc tăng bào. Ai cũng có hoài bão đóng góp gì đó cho xã hội, cho con người. Thế rồi, chính quyền miền Nam sụp đổ, sụp đổ luôn tất cả ước vọng tuổi trẻ của thanh niên miền Nam. Anh đi học tập sơ sơ rồi được trả về với đời mà làm cu li bốc vác, thợ lò đường... thay vì làm thơ, viết văn như giấc mơ từ nhỏ của anh. Tôi thì như người câm không điếc, không mù; thấy nghe tất cả mà chẳng nói được với ai. Nhìn đất nước đổi thay, nhân tâm ly tán, bao tang thương tủi nhục chập xuống đầu cổ dân hèn, lòng uất lên, đôi khi sôi sục cả máu, và cả lệ, nhưng cổ họng cứ tắc nghẽn, miệng lưỡi cứ đờ ra, không biết tỏ cùng ai. Cuối cùng, tôi và Hiền, hai anh em ruột, hai đứa bé trai ở chung một nhà hồi đó, một anh lính và một thầy tu, trở thành chiến hữu. Anh ở Nha Trang, tôi rủ anh vào Sài Gòn. Thầy Tuệ Sỹ cũng biết khả năng của anh, bảo tôi giới thiệu anh cho lực lượng của thầy. Nhưng anh không hợp với Tuệ Sỹ. Rồi tôi kéo anh lên Long Thành. Hai anh em trao đổi quan điểm và phương thức làm việc. Hợp nhau quá. Bền vận động thành lập lực lượng. Hội Lạc Long có mặt từ đó, làm khởi điểm cho những hoạt động dần thân về sau. Đang khi Lạc Long vừa mới hình thành, lực lượng Phục quốc phát động mạnh tại Long Thành. Lực lượng này do ông Trần Văn Lương cầm đầu. Ông này trước năm 1975 là một sĩ quan Cảnh sát đặc biệt, con một ông trùm giáo xứ Tân Cang, một ấp thuộc Hồ Nai. Ông nhờ ông Bản (một đạo hữu của chùa tôi, cũng là một sĩ quan Cảnh sát đặc biệt của chế độ Cộng hòa, bây giờ là cánh tay phải của ông Lương trong lực lượng Phục quốc) giới thiệu đường hướng và chủ

trương của lực lượng, mời tôi tham gia. Tôi không nhận lời nhưng hứa đóng góp, giúp đỡ bất cứ điều gì có thể làm được để ủng hộ lực lượng ấy.

Nhân sự cốt lõi của Lạc Long bấy giờ gồm bảy anh em kết nghĩa mà chỉ có hai người có mặt tại Long Thành là hai anh em tôi mà thôi. Khi ông Lương và ông Bản ba lần bảy lượt kêu gọi tôi trực tiếp tham gia Phục quốc, tôi liền đi Sài Gòn để bàn hỏi với anh em khác của Lạc Long, nhưng tình hình lúc ấy căng thẳng quá, ai cũng đồng ý việc tôi cộng tác hoặc hỗ trợ cho lực lượng Phục quốc mà chẳng thấy ai thực sự hưởng ứng. Cuối cùng, chỉ có Hân hứa sẽ theo tôi về Long Thành để tìm hiểu thêm về Phục quốc. Hân ở lại chùa tôi một thời gian, cùng anh tôi và tôi tiếp xúc với ông Lương. Hân cho là lực lượng Phục quốc khá tốt, nên cộng tác; nhưng theo đề nghị của anh tôi và một số bạn bè khác, tôi không nên dính vào. Có hai lý do họ khuyên can tôi: thứ nhất, lỡ Phục quốc có đổ bể hoặc chỉ là một tổ chức cò mồi của cộng sản để giải bẫy thành phần đối lập thì chỉ có anh tôi và Hân liên can, giữ được an toàn cho tôi để còn tiếp tục phát triển Lạc Long; thứ hai, hình thức một tu sĩ đang chịu trách nhiệm trụ trì một ngôi chùa của tôi không thích hợp để góp mặt công khai vào một lực lượng đấu tranh có tính cách võ trang nhằm lật đổ chính quyền hiện tại như tổ chức Phục quốc. Anh tôi và Hân đã thay tôi, hỗ trợ nhiều việc cho ông Lương. Nhưng vào cuối tháng 11 năm 1984, ông Bản đến gặp tôi, cho biết lực lượng Phục quốc dự tính tung truyền đơn kêu gọi toàn dân đồng loạt nổi dậy hưởng ứng công cuộc đấu tranh chống lại chế độ cộng sản và vì tính cách quan trọng đó, ông Lương cần trực tiếp gặp tôi để thảo luận vài việc trước khi quyết định. Ông Bản nài nỉ mãi, tôi nhận lời.

Ngoài ông Bản tháp tùng ông Lương đến gặp tôi còn có cả anh tôi nữa. Tôi tiếp họ tại thư viện nhỏ của chùa tôi. Hai việc ông Lương cần tôi giúp là: thứ nhất, hướng dẫn làm máy quay roméo bằng tay; thứ hai, góp ý vào bản cương lĩnh và đường hướng hoạt động của lực lượng Phục

CỐI TRÓI TẬP I

quốc cũng như chính sách xây dựng kiến thiết xứ sở trong tương lai. Công việc thứ nhất, tôi bày ông Bản chế tạo cái máy in truyền đơn thô sơ bằng khung gỗ căng lụa với trục quay là ống nước bằng sắt; khi tiến hành việc quay truyền đơn, tôi sẽ có mặt để hướng dẫn kỹ thuật trong vài chục bản in thử. Công việc thứ hai, ông Lương chỉ ngồi tại thư viện chùa tôi, hỏi ý kiến tôi từng vấn đề về việc xây dựng và kiến thiết đất nước trong thời kỳ hậu cộng sản; ông hỏi tới đâu, tôi góp ý đến đó. Anh tôi đúc kết, và cuối cùng, anh soạn viết các tài liệu. Tài liệu viết xong, ông Lương đích thân đến gặp tôi, yêu cầu tôi xem lại, góp ý hiệu đính. Và cuối cùng, tài liệu được in ra hàng mấy chục nghìn bản, Cách thực hiện in truyền đơn cũng như kỹ thuật in khá đơn giản nên ông Lương và các thuộc cấp của ông đều tự làm được sau khi tôi hướng dẫn qua một lần; và thay vì tập trung in truyền đơn tại Long Thành, lực lượng Phục quốc đã cho in truyền đơn tại nhiều địa điểm ở các tỉnh khác để tránh việc vận chuyển truyền đơn ngoài đường. Lo xong việc in truyền đơn, ông Lương rời Long Thành vào những ngày trước Giáng sinh để về miền Tây Nam bộ hướng dẫn các cơ sở Phục quốc dưới đó. Hân thì đến ngày hai mươi ba Tết từ Sài Gòn lên Long Thành, dụng ý là để gặp ông Lương nhưng chỉ gặp được ông Bản. Không biết ông Bản nhờ Hân hay tự ý Hân đề nghị, giao anh ấy một số truyền đơn để mang về rải ở Sài Gòn. Vậy là từ khoảng sau Giáng sinh đến gần Tết Nguyên Đán, lực lượng Phục quốc đã cho tung truyền đơn khắp các tỉnh. Nhưng đến sáng sớm ngày ba mươi Tết thì cơ sở Phục quốc tại Long Thành, chẳng rõ vì lý do gì, bị đổ vỡ. Công an tỉnh Đồng Nai, phối hợp cả bộ đội, vây kín vùng kinh tế mới Long Phước và Bàu Cạn. Ông Lương không bị bắt vì đã rời Long Thành trước. Ông Bản và hầu hết các nhân sự Phục quốc tại Long Thành đều bị bắt.

Hai anh em tôi vì chỉ làm việc trực tiếp với ông Lương và ông Bản, nên cho đến tối giao thừa vẫn không bị công an phát hiện. Dù vậy, tôi cũng lo cho anh tôi, bèn

thúc giục anh đi. Anh rời khỏi Long Thành ngay tối hôm đó, và cũng từ đó, anh em tôi mỗi người mỗi ngả, không có dịp gặp lại nhau lần nào.



Ông Văn cầm cây bút, ghi vài dòng vào tờ giấy trắng trước mặt. Ông thở dài một cái, thả cây bút xuống, một tay chống cằm, một tay vỗ nhẹ trên trán mấy cái. Trán ông nhú lại tạo từng rãnh sâu chạy ngang trên đôi lông mày giống như nét ký họa về một con sông nhỏ. Ông hỏi:

“Tại sao ngày ba mươi Tết, công an và bộ đội Đồng Nai bố ráp bắt những phần tử Phục quốc phản động rồi cho hạn kỳ mười ngày để những người chưa bị bắt tự ra trình diện, đầu thú, anh không chịu ra đầu thú, lại trốn về thành phố HCM để đầu thú công an dưới đó?”

“Cái gì? Tôi đầu thú công an Sài Gòn à? Làm gì có chuyện đó. Họ chặn bắt tôi ngoài đường mà.”

“Bắt ngoài đường à? Ở đâu?”

“Gần ga xe lửa Bình Triệu, trên đường đi Thủ Đức.”

“Lạ thể! Không phải anh ra đầu thú à?”

“Tuyệt đối không.”

“Nhưng đầu thú thì cũng tốt thôi, như vậy nhẹ tội hơn là anh trốn chạy. Có điều, tôi chỉ thắc mắc là sao anh phạm tội ở tỉnh này, lại không đầu thú công an tỉnh này mà vào thành phố HCM...”

“Tôi không hề đầu thú công an Sài Gòn, cũng không hề có ý đầu thú gì công an Đồng Nai cả. Lúc công an Đồng Nai phóng loa kêu gọi những người Phục quốc ra đầu thú khắp các huyện, tôi đang có mặt tại chùa, chẳng trốn tránh, cũng chẳng muốn trình diện. Tôi ở đó suốt nửa tháng đầu năm để chờ các ông vào bắt mà. Các ông không bắt thì tôi đi, vậy thôi.”

Nói đến đó, tôi chợt hiểu là tốp công an Sài Gòn vì lý do nào đó, đã nói với công an tỉnh Đồng Nai rằng tôi ra

CỐI TRÓI TẬP I

trình diện đầu thú tại Sài Gòn. Tôi chẳng rõ công an Sài Gòn nói vậy thì có lợi gì cho họ. Phải chăng họ muốn tránh khỏi chuyện ông thầy Tư và Hân đã sắp đặt cho họ bắt tôi để rồi sinh rầy rà với công an Đồng Nai? – Vì nếu tôi khai ra chuyện bị ông thầy Tư và Hân lừa gạt, không chừng công an Đồng nai sẽ bắt hai người đó sau khi truy thêm lý do rõ ràng để rồi xì ra chuyện Hân có liên can đến Phục quốc, còn ông thầy Tư thì khoe khoang có mặt khu của Mặt trận Hữu thần... Hay chuyện ấy là do Hân muốn tôi được nhẹ tội hơn nên yêu cầu công an Sài Gòn nói rằng tôi đã ra đầu thú? Mà thôi, dù sao, tôi cũng chẳng cần phải có ý kiến gì về chuyện ấy. Tôi đã bị bắt rồi. Bị bắt bởi công an Sài Gòn hay công an Đồng Nai thì cũng vậy thôi, có khác gì đâu. Họ đều là cán bộ nhà nước cả mà. Chỉ có danh tính và hành tung của ông thầy Tư và Hân là còn mập mờ đối với công an tỉnh Đồng Nai thôi. Hai người này là đặc tình của công an Sài Gòn, chẳng có gì bảo đảm là họ khỏi bị công an Đồng Nai bắt nếu tôi thành thật khai rằng ông Tư khoe khoang có mặt khu chống cộng để gạt tôi ra đường. Hân thì cùng hoạt động với tôi trọng lực lượng Phục quốc cũng như Hội Lạc Long... Nhưng thôi, tôi đâu cần phải phản cung đánh ngược lại để trả thù hai người ấy. Họ có vợ con, có nỗi khổ riêng, và hãy còn là những chúng sinh yếu hèn... nên họ có hại tôi thì cũng là điều dễ hiểu, có thể chấp nhận, có thể thông cảm và tha thứ; còn tôi, tôi không có lý do nào để biện minh bào chữa cho mình nếu tôi đáp lại họ bằng một tâm địa hèn hạ y hệt. Tôi có quyền khai thật về những gì tôi làm, không cần phải khai thật về những gì kẻ khác làm.

“Anh thật không biết hiện giờ ông Lương ở đâu hết à?” ông Văn lấy tay đẩy gọng kiếng lão cho nhích lên sát với cặp lông mày rậm bạc, ngoan cố hỏi lại.

“Không,” tôi đáp dứt khoát.

“Anh có biết tại sao ông Lương rời Long Thành trước ngày Giáng sinh không?”

“Không,” tôi đáp.

Trả lời không rồi, tôi lại đắm nghĩ. Không rõ câu hỏi của cán bộ Văn có ngầm ly gián tôi với ông Lương chăng! Hình như ông Văn muốn tôi nghĩ rằng ông Lương là một gián điệp của công an, đã vờ lập ra lực lượng Phục quốc, bày ra đủ chuyện để lôi kéo những người yêu nước nhẹ dạ đi theo, cuối cùng ông ấy tránh mặt, báo công an đến vây bắt... Điều này cũng đáng nghi thật. Nhưng mỗi nghi này vừa nảy ra, tôi liền xua ngay. Tôi tin ông Lương không phải đặc tình hay một thứ cò mối nào đó của cộng sản. Nỗ lực của công an Sài Gòn lẫn Đồng Nai từ những lần hỏi cung tôi, đều nhắm vào chuyện điều tra tông tích và nơi ẩn náu của ông Lương. Cách họ điều tra và nhắc đến ông Lương có vẻ khẩn trương, nóng ruột lắm. Và lại, từ nhiều tháng nay, từ lúc chưa bị bắt cho đến khi vào tù, tôi vẫn cứ nghe tin đồn là truyền đơn của Phục quốc tiếp tục tung rải ở nhiều tỉnh khác. Ông Lương đến đâu, nơi đó có truyền đơn. Ông chưa bị bắt thì công an chưa ăn ngon ngủ yên. Những người tù mới bị bắt vào sau cũng cho tôi biết về những tờ truyền đơn Phục quốc mà chính họ lượm được, hoặc được người khác chuyền tay cho đọc. Tôi không thể nghi ngờ gì ông Lương được. Cho nên, mỗi nghi về ông Lương bất chợt chuyển hướng, dẫn tôi đến một đối tượng khác—đối tượng này, cả công an Sài Gòn lẫn Đồng Nai đều cố ý tránh nhắc đến, hoặc không hề biết đến, nhưng đối với tôi, lại vô cùng rõ ràng, nhất là từ lúc ông Văn nhắc đến chuyện ông Lương rời Long Thành trước Giáng Sinh. Đối tượng đó là Hân. Không phải đến lúc này tôi mới nghi ngờ Hân, mà là xác định rõ hơn về hành tung của Hân đối với việc đổ vỡ của Phục quốc tại Long Thành cũng như việc công an Sài Gòn bắt tôi ngoài đường ngay khi tôi vừa rời khỏi chỗ của Hân. Cứ tuần tự theo thời gian, tôi thử phác vẽ bước đi của Hân trong vai trò một đặc tình của công an Sài Gòn như sau:

- từ khi hai thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát bị bắt vào cuối tháng 3 năm 1984, rồi Hòa thượng Trí Thủ viên tịch

CỐI TRÓI TẬP I

đột ngột một tuần sau đó trong bệnh viện của nhà nước. Hân biết trước sau gì tôi cũng có phản ứng, bèn tìm gặp tôi tại Long Thành, kết chặt thêm tình thân, tạo thêm niềm tin nơi tôi, để rồi xâm nhập vào các hoạt động của tôi về sau;

- tháng 8 năm 1984, khi tôi vận động các bằng hữu để thành lập một lực lượng đấu tranh đòi tự do dân chủ cho Việt Nam, Hân xâm nhập vào ngay từ những bước đầu phôi thai;

- trong cuộc họp đầu tiên thảo luận về cương lĩnh và danh xưng của một lực lượng mới này, Hân đề nghị lấy danh xưng Lực Lượng Việt Nam Tự Do cũng như cương lĩnh có sẵn của lực lượng đó (lực lượng này do Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát chủ trương); điều này có nghĩa rằng Hân muốn chúng tôi trở thành một nhóm tiếp nối lực lượng đấu tranh của Tuệ Sỹ, như vậy, chúng tôi sẽ bị cộng sản kết tội dễ dàng và nhanh chóng hơn, vì chúng tôi chỉ cần sử dụng danh xưng đó là trở thành tội phạm ngay, không cần phải chờ đợi hành động mới có tang chứng để công an bắt; (nhưng thay vì lấy danh xưng Lực Lượng Việt Nam Tự Do của Tuệ Sỹ, chúng tôi đã lấy tên là Hội Lạc Long);

- khi lực lượng Phục quốc mời tôi tham gia, Hân biết được bèn khuyến khích tôi cộng tác đồng thời giới thiệu Hân với Phục quốc—khuyến khích tôi cộng tác để tôi dễ bị kết tội, nhưng tôi đã không tham gia trực tiếp, chỉ đứng ngoài hỗ trợ và giới thiệu Hân cộng tác;

- sáng ngày 23 Tết, nhân dịp về Sài Gòn mua sắm đồ Tết cho chùa, tôi có đến gặp Hân, cho Hân biết về chuyện truyền đơn của Phục quốc sẽ bắt đầu rải từ những ngày cận Tết, và có thể sớm hơn tùy theo địa phương; nghe vậy, thay vì đi chợ Tết với tôi như đã hứa, Hân lại nói rằng có việc khác phải làm, rồi một mình Hân đi Long Thành mà không cho tôi biết;

- ngày 24 Tết tôi trở lại Long Thành thì được ông Bản cho biết về sự có mặt bất ngờ của Hân hôm qua; ông Bản cho biết Hân hỏi gặp ông Lương nhưng ông Lương

VĨNH HẢO

đã rời Long Thành từ những ngày trước Giáng sinh; Hân nài nỉ ông Bản cho biết chỗ ở của ông Lương hoặc bằng cách nào đó để gặp ông Lương; không được ông Bản tiết lộ những điều đó, Hân nhờ ông Bản nhắn với ông Lương rằng Hân muốn gặp gấp ông Lương tại nhà Hân ở Sài Gòn; cũng theo lời ông Bản, Hân có mang theo một số truyền đơn về Sài Gòn;

- ngày 30 Tết, công an và bộ đội bố ráp khu vực xã Long Phước và Bàu Cạn, nơi phát xuất truyền đơn, bắt trọn lực lượng Phục quốc cơ sở Long Thành; chỉ có ông Lương, anh tôi, tôi và Hân là không bị can hệ gì vào đợt đó;

- ngày 14 tháng giêng âm lịch, tức sau Tết gần nửa tháng, Hân nhờ một người học trò tôi từ Sài Gòn lên Long Thành, nhắn tôi về Sài Gòn gấp; tại Sài Gòn, tôi hỏi Hân tại sao nhắn tôi về gấp, Hân nói Thượng tọa Đức Nhân không muốn tôi bị bắt nên nhờ Hân nhắn tôi đến gặp Thượng tọa; Thượng tọa nói ngài không nhắn, chỉ có hỏi thăm về tình hình an nguy của tôi mà thôi; vài ngày sau thì tôi được người thân tín ở Long Thành về Sài Gòn báo tin cho biết rằng công an Đồng Nai vào chùa tìm bắt tôi ngay buổi tối 14, đúng cái ngày mà tôi rời bỏ Long Thành;

- Hân không muốn tôi bị bắt trên Long Thành không phải vì bảo vệ tôi, mà vì muốn nộp tôi cho công an Sài Gòn, nơi mà Hân nhận công tác làm đặc tình, để được thưởng công; Hân tìm gặp ông Lương cũng cùng một mục đích trên, tức là Hân muốn cả tôi và ông Lương đều bị bắt bởi công an Sài Gòn chứ không phải công an Đồng Nai...

Lúc còn ở trại T20 chưa chuyển đến trại này, với sự “điểm nhân” của người bạn tù là ông Trung, tôi đã hiểu ra là Hân gạt tôi, nhưng bây giờ suy lại theo thứ lớp thời gian một lần nữa, tôi thấy sự việc tường tận hơn. Rõ ràng là tôi đã bị Hân gạt. Hân hoàn toàn đóng kịch với tôi. Nhưng thôi, giận trách làm gì ở nước này! Vào tù rồi mới nhận hiểu thì đã quá muộn. Thực ra, tôi ngu dại không

nhận biết gì hết thì hay hơn. Thà mình vô tư, nhẹ dạ, chẳng hiểu chẳng biết gì, cứ bị gạt, bị nạn, để lúc nào cũng còn thấy có bạn tốt trên đời, còn hơn hiểu ra tất cả, nghi ngờ tất cả, để rồi sống trong đau khổ, buồn rầu, thất vọng... Tôi nhớ mang máng Voltaire có nói rằng “*ngờ vực tức là làm cho người khác phản bội mình.*” Có thể đối với Hân, tôi đã không hết lòng tin anh ngay từ lúc đầu. Hành tung của anh lạ lắm: anh đến với ai, người đó cũng đâm nghi ngờ anh—ngay cả một người cả tin nhẹ dạ như tôi mà còn vậy nói chi người khác! Như vậy, Hân gạt tôi, phản bội tôi, cũng đáng đời tôi lắm rồi!

Kể từ hôm nay, tôi tự rút ra một bài học nghìn vàng để sống giữa xã hội này: tin tưởng và thương yêu mọi người thì sẽ chết, mà nghi ngờ và thù ghét hết mọi người thì cũng chết! Vậy thì, mắc gì phải sống bằng cái tâm lý phủ định rất ư cùn mẫn nhỏ mọn kia! Cứ hết lòng mà tin tưởng và thương yêu đi chứ, vì đảng nào cũng chết mà!

Ồ, nói vậy hóa ra cái nhẹ dạ lầm lỡ của tôi lâu nay cũng hợp lý với bài học trên một cách không cần tính toán! Cứ tiếp tục nhẹ dạ, dễ tin, thương yêu mọi người mà sống, dù cho họ sẽ hại mình, xô đẩy mình vào hỏa ngục...

Ông Văn lên tiếng, làm tôi hơi giật mình trở về với thực tại là đang ngồi khai cung:

“Này anh Khang, thôi tôi cho anh về phòng, khi nào có gì cần, chúng tôi sẽ hỏi lại anh nhé!”

Tôi hơi ngạc nhiên vì khi nãy ông nói sẽ không tính kể biên bản kết cung của công an Sài Gòn và sẽ lập biên bản khác của Đồng Nai, nhưng bây giờ rõ ràng là ông chẳng lập biên bản gì cả. Có lẽ ông chỉ muốn điều tra về ông Lương, chỗ ẩn náu của ông Lương, mà các chi tiết đó, dù tôi có muốn thành thật tối đa hơn hoặc trời phú thêm cho tôi tính hèn nhát đi nữa, cũng chẳng biết gì để khai thật.

Ông Văn trả tôi về lại chỗ văn phòng chính của trại, nơi có cô công an ngồi trực thường xuyên.

“Anh Khang à, nếu ở dưới phòng có gì rắc rối, lộn xộn, hoặc anh có bệnh gì, cứ xin quản giáo cho gặp tôi nghe. Tôi là Phuong, cán bộ thụ lý hồ sơ nhân sự, cũng đặc trách về y tế của trại này,” cô nữ công an hình như đã dự trù sẽ nói với tôi những điều ấy nên ông Văn vừa rời đi, cô đã nói luôn một hơi không vấp vấp.

Tôi gật đầu.

Trở về phòng giam, tôi gặp ngay phản ứng khác lạ từ đám tù chung phòng. Khi sáng cán bộ Hón vặn hỏi tôi mấy câu trước mặt mọi người và đã vô tình tiết lộ cái tông tích thầy tu của tôi. Bạn tù vây quanh tôi, người câu này, người câu kia, rộn lên:

“Nè, anh là tu sĩ hả?”

“Ông là thầy tu mà, phải gọi ông là thầy.”

“Thầy chùa đó mà!”

“Tu mười lăm năm rồi, khiếp, sao mà chịu nổi ta ơi!”

“Thít Tam Quan! Thích Tâm Quang!”

“Ông thầy, ông thầy!”

Tôi chẳng nói gì, lẳng lặng trở về chỗ của mình, ăn trưa. Phần cơm của tôi, anh Vận lãnh giúp khi tôi vắng mặt. Tôi chẳng có thức ăn gì ngoài gói đường cát Thiện Đắc chia. Ừ thì ăn cơm với đường, cũng sang quá cỡ—đường cát là thứ thức ăn xa xỉ và quý nhất của tù! Cơm tù có đậm bạc gì đâu!

Ăn xong chén cơm đầy thóc (phải lựa trước khi ăn, nhưng tôi ăn trể, chẳng có thời gian lựa thóc) thì kẻo báo giờ nghỉ trưa. Mọi người im lặng ai về chỗ nấy, kẻ trải chiếu, người giăng mùng (để tránh ruồi), không ngủ cũng phải nằm yên một chỗ, không được ồn ào. Tôi cũng nằm xuống chỗ tôi, bên cạnh cái nhà cầu khai ngáy mùi nước tiểu. Một nỗi buồn nhỏ kéo đến đúng lúc sự im lặng lấp đầy phòng giam.

Buổi trưa nắng cháy. Bên ngoài không một bóng cây. Thịnh thoảng, gió nhẹ đưa vào, lung lay cái mùng treo gần cửa sổ và chỗ lồng khung. Mới đó đã có người ngáy pho pho. Những dạng người mình trần trùng trục,

CỐI TRÓI TẬP I

nằm xếp thành hàng lớp như những con mực đang được phơi khô trên vĩ. Đội 1 và đội 2 đưa đầu ra ngoài, đưa chân vào phía trong; đội 3 và đội 4, đưa đầu vào trong, đưa chân ra ngoài. Chân đối chân, chỉ cách nhau cái khoảng đường ở giữa để qua lại (trong tù gọi là *phi đạo*). Đầu thì xa nhau bằng khoảng cách chiều ngang của phòng giam. Xã hội chủ nghĩa này cũng xây dựng một xã hội người ngợm tiếp xử với nhau cùng một cách thế ấy: miễn là có lập trường cách mạng như nhau (hay ít nhất cũng gần nhau) là đủ; còn tư tưởng, có xa cách nhau bao nhiêu lại chẳng được, đừng biểu lộ chúng ra ngoài là yên ổn rồi. Không phải tôi học theo đường hướng tiếp xử đó. Tôi chỉ theo cảm tính tự nhiên của mình, không muốn biểu lộ bất cứ hình thái tư duy hay hình thức lý tưởng nào của mình cho những người bạn tù. Như đã nói, ngay từ lúc bị bắt vào trại T20, sống bên cạnh một người bạn tù duy nhất là ông Trọng, tôi còn không muốn tự giới thiệu, tự phơi bày tông tích của mình, huống gì cả một đám tù trên sáu mươi người, phức tạp như ở đây! Tôi muốn hòa nhập trọn vẹn với họ trong sinh hoạt, nhưng rồi cũng bị đẩy dội ra. Rõ ràng là khi những bạn tù trong phòng giam này phát giác ra rằng tôi là tu sĩ, tự dung tôi lại thấy mất tự nhiên. Quả là tôi có chấp nhận việc đi tu thật, nhưng không phải trong cách thế một nhà tu mà ai nhìn vào cũng phải nẩy ra một thứ định kiến (tốt hoặc xấu) nào đó. Tôi muốn là giọt nước tan vào chậu nước bản, hạt bụi rớt vào đồng cát sạn, chứ đâu muốn làm ông thầy tu lúi vào đám tù! Có thể do bản tính cố chấp, cực đoan, muốn cái gì thì rõ ràng cái đó, nên tôi chỉ có thể tự tại trong cửa thiền khi tôi là một nhà tu, còn muốn tự tại trong cuộc đời thì tôi phải là người thế tục! Mà có thể vì một lý do dễ hiểu hơn: tôi chưa đắc đạo; tôi hãy còn là một ông thầy tu dở, kém đạo hạnh. Một kẻ tu hành còn chấp trước, còn lằng xằng thụt thò trước những cám dỗ của ái dục, còn đặt nặng hình thức, còn coi trọng dư luận tha nhân, còn bảo vệ cả một cái bản ngã to tướng, thì làm gì có được cái tâm tự tại vô ngại! Bởi nếu

VĨNH HẢO

có được cái tâm tự tại ấy thì sống ở đâu, hoàn cảnh nào lại chẳng thấy an lạc!

Trở ngại rõ ràng trước mắt là mang hình thức thể tục, hình thức một tù nhân mà phải sống như một tu sĩ, tôi cảm thấy gượng gạo, lúng túng. Không phải tôi muốn che giấu tông tích thầy tu để được tự tung tự tác, đánh mất tư cách hay những oai nghi tế hạnh mà lâu nay tập luyện ở chùa đâu! Những thứ ấy, một khi đã tập luyện thuần thục rồi, trở thành một thứ bản năng thứ hai, làm sao mà đánh mất được! Dù có đi đứng nằm ngồi một cách tự nhiên, không thèm để ý đến tư cách đi nữa, người khác vẫn cứ thấy ông thầy tu có tư cách như thường! Nhưng tôi thực sự muốn được người khác nhìn mình như là một con người rất bình thường, không có bất cứ nhãn hiệu đạo đức hay tư cách gì để dán phủ lên mình hết! Đạo đức, tác phong, thực ra chẳng là cái gì cả. Cũng chỉ là hình thức bề ngoài thôi, chẳng dính nhập gì đến đạo quả giải thoát. Đạo quả giải thoát có thể để ra muôn vàn thứ đạo hạnh nhưng muôn vàn thứ đạo hạnh thì vô phương với đến đạo quả giải thoát. Cho nên, tại sao trong hoàn cảnh những con người cởi trần mặc quần xà-lõn sống theo sinh hoạt nội qui trại giam một cách bình đẳng suốt ngày đêm ở đây, tôi lại phải đón nhận thêm làm gì cái trách nhiệm thể hiện đạo đức tác phong, giữ gìn thể diện của chiếc áo tăng sĩ! Tôi chỉ muốn thể nghiệm cái tính Phật và giữ gìn cái tính Phật sẵn có trong tôi mà thôi. Tôi thực sự là không cần và không thích phải đóng vai một thầy tu trong nhà tù. Tôi chỉ muốn làm một tù nhân bình thường, làm một anh nông dân, một anh công nhân viên, một nhà buôn, hay một nghệ sĩ... Tôi có bình thường được như những người đồng tù chung quanh thì họ mới sống thực được với tôi. Tôi quá ngán ngẫm cái cuộc sống giả tạo mà trong đó, tín đồ cứ đòi hỏi thầy tu phải như thế này, như thế kia, còn thầy tu thì dù biết rằng những thứ đòi hỏi trên chỉ là hình thức bề ngoài nhưng vẫn cứ phải giữ gìn từng li từng tí để chiều lòng tín đồ. Càng đáp ứng những đòi hỏi của

CỐI TRÓI TẬP I

tín đồ nhiều chừng nào, ông thầy tu càng nổi tiếng đạo hạnh chừng đó; mà đạo hạnh càng cao, càng xa cách tín đồ. Một khi những bạn tù biết tôi là thầy tu, họ sẽ xa cách tôi. Họ sẽ đề phòng, thủ thế, giữ ý tứ, không sát gần đến tôi được. Tôi giữ gìn được cái tư cách và hình thức của tôi thì cũng đồng thời mặc nhiên yêu cầu họ tôn trọng cái tư cách và hình thức đó. Tôi bị hình thức bao bọc thì họ cũng bị hình thức ảnh hưởng. Rốt cuộc, cả tôi và họ chỉ sống cho cái hình thức, không bao giờ sống thực với nhau cả. Tôi phải làm sao đây? Bao giờ tôi mới được thực sự là tôi, bao giờ thì người ta mới nhìn nhận tôi như một con người bình thường, gần gũi với họ? Làm sao tôi có thể xoay chuyển được con người và xã hội chung quanh mà không cần đến sự trợ giúp của các thứ nhãn hiệu đạo đức, tác phong...? Phải chăng chỉ bằng cách từ chính tôi, tự do chọn lựa đường bay và ngõ thoát của riêng mình? Vâng, có lẽ phải như vậy. Tôi muốn lột hết những nhãn hiệu thầy tu, đạo đức, tư cách, tác phong... ra khỏi con người mình để được gần gũi với con người hơn. Và cơ hội ở tù, cũng như những bạn tù chung quanh, chính là mảnh đất thiêng liêng để tôi thí nghiệm con đường dẫn thân tìm cầu ngõ thoát của tôi.

Không. Không thể được. Bây giờ không thể làm như vậy được. Tôi đã mất cơ hội để chọn lựa rồi. Cán bộ Hón đã cho mọi người biết tôi là tu sĩ Phật giáo. Và kể từ hôm nay, mọi người trong phòng giam này bắt đầu chú ý tôi, nhìn tôi như là một biểu tượng của Phật giáo. Người ta bắt đầu đánh giá Phật giáo hay tăng sĩ Phật giáo qua con người và cách sống của tôi. Tôi hãy còn cái trách nhiệm bảo vệ chiếc áo nhà tu của mình. Như vậy, điều trước mắt, dù thế nào đi nữa, dù nhân danh một thứ an lạc tự tâm, một thứ lý tưởng siêu việt trên mọi hình thức, tôi vẫn phải tiếp tục đóng vai một ông thầy tu có đạo đức, có tư cách riêng—mà cái tư cách đạo đức của thầy tu theo nhận xét thiện cận của quần chúng Việt Nam thì ngoài tác phong đạo đức, có hai yếu tố quan trọng là phải ăn chay

VĨNH HẢO

và không lấy vợ.

Các vấn nạn trên không cho tôi ngủ được giấc trưa êm đềm của trại giam hôm ấy. Tôi nằm trằn trọc một lúc thì một nỗi cô đơn khủng khiếp kéo đến, đè lấy ngực tôi. Một nỗi buồn nào da diết như là nhớ nhưng ai, nhớ nhưng một cái gì đó mơ hồ đã mất dấu trong ký ức... Hình như tôi muốn khóc. Tôi thấy tôi nhỏ bé lại như thuở lên chín, lên mười, lúc chưa xuất gia. Tôi nhớ nhà.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG BA

Nàng châm thêm nước sôi vào bình trà đã cạn. Tôi nói nếu nàng buồn ngủ thì nàng có thể đi ngủ trước. Nàng cười, lắc đầu, nói rằng nàng có thể thức mấy đêm cũng được, để nghe chuyện tù của tôi. Nếu anh cần nghỉ thì anh đi nghỉ, nàng nói. Tôi cũng lắc đầu, nói rằng có lẽ sẽ không ngủ được đêm nay. Thôi thì ngồi nói chuyện. Nàng vui vẻ lấy thêm một cái tách để uống trà với tôi. Nhìn sau lưng nàng, tôi bỗng thấy nhớ Mộng Huyền. Dáng cao, thon thả, tóc dài ngang lưng, bông bênh. Tôi nhắm mắt lại một lúc. Tự dung thấy cần một liều thuốc. Tự trưa đến giờ, tôi đã không đốt một liều thuốc nào dù rằng trong túi tôi hãy còn nửa gói. Tôi hỏi nàng tôi có thể hút thuốc được không. Nàng gật đầu nói để nàng đi mua. Tôi nói không cần, rồi đứng dậy bước lên lầu, quay trở vào căn phòng mà nàng chỉ định như là phòng ngủ của tôi đêm nay, lấy gói thuốc và cái hộp quẹt ga. Tôi lại hỏi nàng có ghét những người hút thuốc không. Nàng nói, nếu ghét thì phải ghét nhiều người quá. Mỗi sáu tháng, khi đi thăm nuôi ba nàng ở trại cải tạo, nàng gọi vào cho ông khoảng mười cây thuốc điếu và mấy kí thuốc rê. Nàng hiểu những người ở tù cần thức ăn cho bao tử và cần thuốc lá để an ủi tinh thần. Nàng loay hoay tìm cái gạt tàn đầu đỏ trong tủ chén bát, đem ra đặt trước mặt tôi, nhoẻn miệng cười rồi chống cằm nhìn tôi đốt thuốc. Nhìn khuôn mặt vừa ngây thơ vừa lãng mạn của nàng ẩn hiện qua làn khói thuốc mỏng, tôi tự hỏi: có cần phải thoát ly một cái đẹp không thực trong một thế giới không thực? Nếu thế giới này thực thì cái đẹp kia cũng thực, vậy thì đâu cần phải từ bỏ cái thực! Nếu thế giới này là giả thì cái đẹp kia cũng là giả,

vậy thì cần gì phải từ bỏ một cái giá! Nó đã giả rồi thì tự nó trình hiện rồi tự nó tan biến, đâu cần phải phí công vượt thoát nó!

Anh đang nghĩ gì mà ngó em trân trân vậy? Anh kể tiếp đi, nằng nói. Tôi giật mình, rẩy thuốc vào gạt tàn. Tới đâu rồi nhỉ? À, thời gian khai cung ở trại B5...



Những ngày kế tiếp, dù tôi đã một mực nói rằng tôi không biết gì về chỗ ẩn náu của ông Lương, ông Văn cứ cho “lấy” tôi ra làm việc. Hỏi tới hỏi lui, cũng chùng nẩy câu hỏi. Cuối cùng, ông lập một biên bản khá chi tiết, đưa tôi đọc lại trước khi ký. Tưởng vậy là xong, không ngờ vài ngày sau, ông lại gọi tôi, bắt viết bản tự khai về các hoạt động của tôi trong lực lượng Phục quốc. Có lẽ vì chỉ dựa theo biên bản kết cung của công an Sài Gòn, ông Văn không biết gì đến các hoạt động khác của tôi trong Đoàn Phật Tử Phụng Đạo, Hội Lạc Long... Điều này có nghĩa rằng: công an Sài Gòn muốn xóa hết vết tích của Hân, hoặc là các hoạt động ấy của tôi không có gì quan trọng, không bị kể như là những hành vi phạm tội rõ ràng đối với nhà nước. Và vì ông ấy không đá động gì đến Đoàn Phật Tử Phụng Đạo hay Hội Lạc Long, tôi cũng không tội gì mà thành thật nhắc đến. Tôi chỉ viết về chuyện tôi tham gia lực lượng Phục quốc. Tôi viết rất thành thật như tôi đã khai với Long, với Sơn ở T20. Tôi có làm điều gì, tôi khai điều này, miễn không khai gì liên lụy đến những kẻ khác trong cuộc là được rồi. Vậy mà sự viết tự khai này cũng không đơn giản chút nào. Ông Văn đọc xong, bắt tôi viết lại, rồi viết lại, viết lại... chẳng biết bao nhiêu lần mà cứ bắt viết lại. Nhiều khi cầm bút lên tôi thấy ớn trong cổ như thể bị buộc phải ăn món gì có chất béo trong khi bụng

đang no đầy.

Nhưng cuối cùng cũng có ngày tôi được yên thân, không có cán bộ nào xuống gọi tên đi “làm việc” nữa. Bấy giờ tôi mới rảnh rang cả thể xác lẫn tâm trí để sống theo sinh hoạt của trại giam tập thể.

Trại giam tập thể được chia làm ba khu, mỗi khu có ba phòng giam lớn với tường bao bọc và một sân chơi riêng. Phòng giam tôi ở là phòng 7, cùng với phòng 8 và 9 nhập thành một khu. Mỗi khu có chung một giếng nước đục ngẫu vì đất có phèn. Giếng nước có lẽ do tù nhân đào lấy bằng tay, chẳng có thành giếng đàng hoàng như những cái giếng ngoài xã hội, vì vậy, mỗi lúc có mưa lớn, nước ngập lênh láng chung quanh, ngập luôn cả giếng, và người ta sẽ chẳng thấy miệng giếng ở đâu. Dù sao, trong suốt những ngày bị giam, cái giếng ấy cũng là nguồn sống chính của tù nhân chúng tôi. Ba phòng giam với khoảng hai trăm người, mỗi ngày được tủa ra sân một giờ đồng hồ, xúm xít vắt kiệt đến xô nước cuối cùng. Chúng tôi lấy nước dội cầu, rửa nền nhà và để rửa chén bát đều từ cái giếng nhỏ xíu ấy. Từ mặt đất đến đáy giếng, chưa tới hai thước. Nước giếng để yên một đêm chưa ai động đến thì nước cũng khá trong và mực nước dâng lên gần đến miệng giếng.

Mỗi phòng do một cán bộ quản giáo trực tiếp quản lý. Quản giáo phòng 7 chúng tôi tên là Khoa. Anh này mập mạp, người miền Nam, trông có vẻ hiền lành, dễ chịu. Mỗi ngày anh xuống mở cửa phòng giam, cho chúng tôi ra sân chơi một tiếng đồng hồ. Trong khi phòng chúng tôi ra chơi, hai phòng 8 và 9 phải ở trong. Chúng tôi vào phòng rồi, một trong hai phòng đó mới được cho ra. Như vậy, phòng nào ra trước thì được hưởng nước trong. Hai phòng ra sau chịu nước đục ngẫu mà có khi nước mạch ra không kịp, chẳng lấy được miếng nước nào. Cho nên, ba quản giáo quản lý ba phòng cũng phải hội ý với nhau, chia thời khóa biểu thể nào để ba phòng chúng tôi thay phiên nhau mà được ra sân chơi trước.

Sân của khu chúng tôi hình chữ nhật, hai cạnh phía trong chạy dọc theo mặt trước của ba phòng giam tạo thành chữ L, hai cạnh còn lại là tường thành cao có rào thép gai phía trên. Chiều dài khoảng bốn chục thước, chiều ngang khoảng hai chục thước. Giữa sân, có lưới để đánh bóng chuyền. Lưới do tù nhân thích chơi bóng của ba phòng góp tiền nhờ quản giáo mua giúp. Bánh thì mỗi phòng mua riêng, cũng do những thành viên chơi bóng góp tiền. Mỗi lúc mở cửa cho chúng tôi ra sân chơi, quản giáo mang trái banh theo. Chơi xong, rửa sạch, trả banh lại cho quản giáo cất giùm. Bóng chuyền là trò chơi duy nhất của tù nhân ở ngoài trời. Những người không chơi bóng thì đi qua đi lại, phơi nắng, trông rau, tán gẫu... Phòng được chia làm bốn đội (dựa theo bốn bụi xi măng làm chỗ nằm trong phòng: ai được trường phòng sắp xếp nằm trên bụi nào thì thuộc về đội đó). Mỗi đội lại chia làm nhiều tổ, mỗi tổ có ba hoặc bốn người. Các tổ thay phiên nhau chịu trách nhiệm lau chùi sạch sẽ cái bụi nằm của đội. Riêng đội trực lo vệ sinh của phòng (trong tù gọi là đội *trực sinh*) thì vừa lo vấn đề chia cơm, còn chịu trách nhiệm chuyên nước từ giếng đổ đầy bồn cầu của phòng, và dĩ nhiên là làm vệ sinh nhà cầu cùng *phi đạo* (tức là con đường hình chữ thập ở giữa bốn bụi nằm; chữ thập này có một cạnh dài, một cạnh ngắn: cạnh dài chạy dọc theo chiều dài của bốn bụi nằm, cạnh ngắn dọc theo chiều ngang của bốn bụi và nối liền nhà cầu với cửa sắt ra vào).

Mỗi phòng có trên sáu chục con người mà chỉ lo có mỗi cái việc chung trong ngày là làm vệ sinh, thì dĩ nhiên kết quả mong đợi phải là kết quả tốt. Thực vậy, vấn đề vệ sinh của phòng giam cũng khá so với những trại khác mà tôi nghe bạn tù kể lại. Mỗi ngày trong giờ ra chơi, đội trực sinh của phòng và các tổ trực sinh của đội lau chùi sạch sẽ từ trong phòng ra đến thềm hiên. Lau chùi bằng nước cho đến khi nền xi măng bóng loáng lên. Nền phòng vừa khô thì cũng vừa lúc quản giáo đến điểm danh để cho tù nhân

CỐI TRÓI TẬP I

trở vào phòng. Từ sân chơi bước vào mọi người đều phải rửa chân. Trong phòng giam không được mang dép, không được rảy tàn thuốc xuống đất, khạc nhổ hay xả rác bừa bãi. Vậy là đủ sạch cho đến giờ chơi của ngày kế tiếp.

Sinh hoạt trại giam nơi đây khá giống với sinh hoạt của chùa. Tiếng kèng trại khiến tôi cảm thấy sự tương đồng ấy. Từ tiếng kèng, tôi lại xét nghiệm, so sánh các sinh hoạt thường nhật khác giữa nhà tù với nhà chùa nữa. Ôi, nếu ở tù mà biết tu, hẳn là dễ đắc đạo biết bao! Hoàn cảnh ở tù so với ở chùa, e còn thích hợp hơn nhiều cho một nhà tu, nhất là nhà tu khổ hạnh. Này nhé, trước tiên là tiếng kèng: ăn cơm, làm việc, ngủ trưa, báo thức ngủ trưa, báo nghiêm... rất giống tiếng kèng của một Phật học viện. Còn nữa, học thuộc lòng và đọc nội qui điều lệ hàng tuần hoặc hàng nửa tháng: giống như ở chùa học thuộc lòng các giới luật, các oai nghi phép tắc (không được làm điều này, không được làm điều kia...) và tụng giới nửa tháng một lần. Y phục đơn giản: tù nhân ở trần mặc quần đùi quanh năm suốt tháng, chỉ mặc áo quần đàng hoàng khi đi ra ngoài khai cung với cán bộ thôi—còn đơn giản hơn thầy tu. Hớt tóc nửa tháng một lần, hớt xung xừng hay hớt trọc: y hệt thầy tu ở chùa! Và những anh nuôi của trại được phát bộ đồ tù màu lam, đầu hớt cao, nhìn chẳng khác mấy ông thầy tu ở chùa. Nằm ngủ dưới đất: có thể tù nhân nằm đất trường kỳ hơn các nhà tu. Ăn uống đạm bạc: tù nhân mỗi ngày được phát hai lần cơm, mỗi lần một chén rượu, ăn với nước muối, lâu lâu được chút nước luộc rau muống làm canh; uống thì uống nước giếng—đạm bạc hơn thầy tu thời nay.! Hoặc những chuyện chỉ giống ở bề ngoài như không dâm dục: cả hai giới tu và tù đều bị cấm, nhưng đạo nhân bị cấm bằng giới luật và lý tưởng, còn tù nhân thì bị cấm tuyệt một cách tức tưởi!...

Bịch đường mà Thiện Đắc cho tôi đã hết nhẫn từ nhiều ngày trước. Những ngày đầu tiên mới vào phòng giam, anh trưởng phòng cứ rà tới chỗ tôi, hỏi xin đường

để khuấy bột. Tôi nhập trại với tài sản duy nhất là bạch đường cát trắng quý giá đối với người tù, làm sao anh ấy quên được. Mà tánh tôi cũng chẳng biết từ chối ai khi họ xin mình, cho nên, chỉ vài ngày là đã hết bạch đường. Vậy là tôi không còn tí thức ăn nào để ăn với cơm. Tôi muốn nhận phần nước mắm mà trại giam có chia cho mỗi người mấy muống vào mỗi bữa ăn, nhưng một anh bạn tù la lớn: “Áy chết, ông thầy à, nước mắm này có bỏ tép ở trong đó, không ăn chay được đâu!” Vậy là tôi ngưng nghịu tay không quay trở về chỗ của mình, ăn cơm không. Tôi không biết giải thích như thế nào để sáu mươi mấy người bạn tù hiểu rằng thực ra chuyện ăn cơm với chút nước mắm này chẳng có hao tổn hay trở ngại chi cho tiến trình giải thoát giác ngộ cả. Nhưng thôi, người ta nói vậy là muốn nhắc mình phải giữ gìn chiếc áo tu sĩ đó mà. Tu sĩ Phật giáo đâu có được ăn nước mắm, dù rằng đó chỉ là nồi nước muối đun sôi, chỉ có lèo tèo mấy con tép khô cho có chút mùi. Vậy là tôi cứ xúc cơm không mà ăn. Cơm trại được nấu bằng thứ gạo mốc, nhiều thóc, ăn không năm sáu lần còn chịu được, đến lần thứ bảy thì thấy ngán thật ngán. Lúc đó, tôi thèm được tí muối bột để ăn mà chẳng biết xin ai. Thầy tu mà, không lý ngựa tay đi xin mấy anh tù nghèo kiết mà anh nào anh nấy đều cố gắng tiết kiệm từng tí từng chút, đâu muốn chia sẻ cho ai! Nếu tôi xin, họ không cho mà còn chửi thì xấu hổ mình, còn nếu họ nể mình mà phải cho thì hóa ra mình ép họ! Thôi thì đành ngồi tại chỗ, ăn cơm không. Ôi, ngày xưa thái tử Tất Đạt Đa chúng đạo còn mang bình bát đi xin ăn khắp phố phường, khắp các quốc gia, vậy mà nay, một đệ tử tâm thường chưa đắc đạo của ngài lại xấu hổ không dám đi xin ăn! Hạnh khát thực là hạnh cao quý của sa môn ngày xưa. Khất thực để có cơ hội tiếp xúc với chúng sinh mà hóa độ họ. Khất thực để tạo cơ hội cho chúng sinh làm phước. Khất thực để dẹp trừ cái tâm kiêu ngạo. Cao quý vậy đó, mà nay tôi chẳng thực hành được. Tôi cứ ngồi đây, ngồi một chỗ, xúc cơm mà ăn không. Nói thật, đã có

CỐI TRÓI TẬP I

lúc tôi cầm ca cơm mà không muốn ăn, dù bụng khá đói. Đừng tưởng tôi không quen ăn uống đậm bạc nhé! Lúc còn tu học ở chùa Long Tuyền, Hội An, tôi cũng ăn cơm với tương hột vừa mặn chát vừa chua loét hết ngày này qua ngày nọ, đâu có sao. Ngoài những bữa cơm đó, có khi đâu có chất ngọt hay chua nào được đưa thêm vào cơ thể, mà vẫn thấy bình thường. Nhưng bây giờ thì quá khác, vì suốt nhiều ngày không có chất ngọt, chất chua và cả chất mặn, thử hỏi phải làm sao? Những anh bạn tù có hoặc không có thân nhân thăm nuôi chỉ thèm ngọt, còn tôi thì thèm luôn cả chất mặn, muốn có được tí muối để ăn cơm. Mà cũng lạ, hồi tôi còn bịch đường cát với gói thuốc Đà Lạt mà Thiện Đặc biểu, nhiều người đến hỏi han, bắt chuyện với tôi lắm. Bây giờ, họ tan xa hết. Chỉ cần một tuần lễ trôi qua kể từ ngày nhập trại, nếu không có gia đình gửi quà thăm nuôi vào thì coi như không ai thèm nhìn ngó tới mình nữa. Mình trở thành đứa bé mồ côi—trong trại gọi đích xác danh từ “mồ côi” cho những ai không có thân nhân thăm nuôi. (Mà muốn có thăm nuôi, đâu phải dễ! Phải khai cung xong xuôi, phải xóa hết những nghi vấn trong đầu các cán bộ thụ lý hồ sơ của mình. Tôi đã làm việc suốt hơn một tuần với ông Văn phó trại mà vẫn chưa kết thúc. Nửa tháng nay ông không gọi tôi ra ngoài nữa nhưng tôi biết ông đang còn điều tra xem những gì tôi khai có đúng sự thật không. Khi nào ông xếp hồ sơ của tôi lại, không còn điều tra nữa, lúc ấy tôi được phép viết thư liên lạc với gia đình hay bạn bè bên ngoài!). Thậm chí anh Vận là người mà trong tù gọi là đồng lõa, đồng phạm với tôi, cũng quên mất là gần một tháng trời tôi ăn uống như thế nào. Cho đến một hôm, thấy tôi có vẻ không muốn ăn cơm, anh mới hỏi:

“Sao không ăn?”

“À... chưa đói,” tôi đáp nhưng liền lúc ấy tôi biết rằng câu nói ấy không thực chút nào, vì ở tù cộng sản thì phải đói liên tục, làm gì có chuyện chưa đói.

Anh cầm ca cơm của tôi lên nhìn vào, nói:

“Không có thức ăn phải không? Anh ăn tương hột không, để tôi lấy cho.”

Nói rồi anh lôi trong giỏ lát ra một bình tương hột nhỏ, múc cho tôi một muống. Tôi nghiệp anh, gia đình nghèo sống ở kinh tế mới, có tiền bạc đâu mà thăm nuôi đầy đủ. Anh cho tôi một muống tương là quá quý rồi. Tôi cảm ơn anh cho tôi được một bữa ăn ngon. Kể từ đó, cứ đến bữa ăn, anh xúc cho tôi một muống tương hột, nhưng chừng vài ngày thì anh không đủ khả năng để chia sẻ với tôi nữa. Và tôi, vì tư cách nhà tu, hay vì tư cách cá nhân, đã không bước qua bước lại xin xỏ hay nhờ vả bất kỳ ai trong phòng giam để được tí muối hay tương. Có khi tôi thậm chí trách là mình quá hèn yếu, không dám đập trên dư luận để nhận một chén nước mắm trại mà ăn. Nhưng tôi liền nghĩ lại rằng, có một chút trở ngại đó mà không ráng vượt qua, lại dày mặt dày mày đi nhận nước mắm trại để rồi mang tiếng cho giới tăng sĩ là *phạm trai!* Tăng sĩ Phật giáo Bắc tông phải ăn chay, ai cũng biết vậy, và người ta còn nghĩ rằng khi tu sĩ không ăn chay nữa thì đã là người chẳng ra gì rồi. Trong khi đó, nếu theo Phật giáo Nam tông thì ăn thịt cá tự nhiên, chẳng ai thắc mắc, mà tăng sĩ phái này vẫn cứ đạo hạnh như thường. Tôi là tăng sĩ Bắc tông, tôi phải giữ gìn chuyện ăn chay, dù có lúc chẳng cần thiết phải giữ gìn, chẳng hạn như lúc này! Vậy là tôi cứ tiếp tục đóng vai người đạo hạnh, cố gắng gìn giữ trai giới. Bung ca cơm mốc không có thức ăn, tôi quán tưởng đó là bát cam lồ. Cam lồ thì ngọt, thơm, béo bô... Nhưng pháp quán tưởng nào cũng không đủ sức xoay chuyển được cái thực tế là tôi thiếu dinh dưỡng, thiếu thức ăn, thiếu đủ thứ... Tôi đói. Tôi kiệt sức, và tôi đổ bệnh.



Cái bệnh thông thường mà khủng khiếp nhất của tù nhân là bệnh kiết lỵ. Đám tù hãi sợ nhất là bệnh này, vì thấy nó chẳng gì trầm trọng nhưng có thể chết người được. Nhiều tù nhân đã chết bởi cái bệnh hiểm nghèo quái ác đó. Nghe rằng chỉ cần mười ngày kiết lỵ mà không chữa khỏi là biết chắc hẳn sẽ thành người thiên cổ trong một phút rất gần. Nhưng lúc đó, tôi chưa được nghe kể và cũng chưa có kinh nghiệm về cái bệnh kiết lỵ kéo dài ấy. Tôi nhớ lúc còn ở ngoài, mỗi lần bị bệnh này, hình như trong vòng ba ngày là hết, có khi chỉ cần uống một ly cà phê đen không đường là cầm ngay. Vả lại, cũng có khá nhiều loại thuốc để chữa trị. Còn ở tù, tôi chẳng biết phải trị thế nào. Mỗi ngày hai chén cơm không, cứ thế mà đưa vào bụng, lại uống nước phong-tên, hay nước giếng đục ngầu dơ bẩn... thử hỏi bụng dạ nào chịu nổi. Mấy ngày đầu bị kiết lỵ, tôi phân vân chẳng biết có nên ăn cơm, hay cứ nhịn đói. Có thể nhịn đói sẽ trị được bệnh. Nhưng cơ thể tôi lúc ấy hình như không còn tuân theo ý chí tôi nữa: nó đòi ăn, nó không muốn nhịn chút nào. Tôi đói cào ruột, tôi phải ăn. Ăn vào, tôi đau thêm. Bộ phận tiêu hóa của tôi hình như đã mất đi chức năng của nó. Thức ăn tôi đưa vào, nó chẳng tiêu, cũng chẳng hóa. Cứ năm mười phút, tôi lại phải lê thân vào nhà xí. Có khi suốt cả đêm nó hành tôi đi ra đi vào nhà xí năm mười bận. Trong vòng năm ngày, tôi xọp người xuống. Mặt mày xanh lét. Tay chân lỏng khỏng, nổi cả gân xanh. Lúc đó chẳng hiểu sao tôi cũng chẳng biết được là tôi có quyền báo với anh trưởng phòng rằng tôi bệnh nặng, cần được chữa trị. Tôi bệnh và tôi cứ nằm đó. Khi nào bị bắt buộc phải vào nhà xí thì tôi lụm khụm lét vào. Tôi chẳng nói với ai. Anh Vận nằm kế tôi dĩ nhiên cũng có biết đó, nhưng anh thuộc loại thụ động, suốt ngày lằm lì ngồi một chỗ. Thấy tôi bệnh anh chỉ thương hại, vậy thôi. Cả phòng ồn ào náo nhiệt, sáu mươi mấy người đi qua đi lại trước mặt tôi suốt ngày, vẫn không ai thấy cần thiết là hỏi han, đề nghị uống thuốc, chữa trị thế nào. Cũng có lẽ một phần lỗi tại tôi. Tôi bệnh

mà không chịu nhăn nhó, kêu than, làm mặt sầu não ủ dột... Tôi bệnh mà tôi cứ im lặng, bình thản nhìn người qua lại, mỉm cười. Mỉm cười tươi tắn thì đâu phải bệnh nặng! Không cất tiếng kêu than thì đâu phải bệnh nặng! Không chịu nằm liệt bỏ ăn thì đâu phải bệnh nặng! Bộ không thấy anh chàng công nhân ăn cắp nhiên liệu nhà nước bị cảm gió mà nằm ì mấy ngày không chịu làm công tác hay sao? Bộ không thấy anh chàng ăn trộm bị sốt rét mà rên hừ hừ cả đêm chẳng ai ngủ được hay sao? Bộ không thấy anh chàng vượt biên bị răng sâu la rỏng như bị thọc huyết đó sao? Bệnh nặng thì phải biểu lộ sức đau đớn khổ sở vô cùng của mình! Tôi không chịu biểu lộ thì ai mà biết! Không ai biết. Thực sự là không ai biết cho đến ngày thứ chín, thứ mười, khi từ bệnh kiết lỵ, bụng dạ tôi chuyển sang thứ bệnh tôi chưa từng gặp trên đời và cũng chưa từng thấy ai mắc phải bao giờ: bệnh trống tràng! Phải, bệnh trống tràng, đó là cái tên mà ông cụ Vương cho tôi biết.

Ông Vương đã ngoài sáu mươi, là một tay “địa chủ” có vườn cam lớn ở Hồ Nai. Ông mới bị bắt vào đâu chừng vài tháng trước tôi vì bị tố cáo là có liên quan tới vụ án Vinh Sơn do linh mục Vàng lãnh đạo (vụ này bị đổ vỡ từ khoảng 1976-1978). Ông Vương là người được thăm nuôi đầy đủ nhất trong phòng giam, nhưng bạn tù nói rằng ông “kẹo” lắm, chưa bao giờ ông biết chia sẻ thức ăn hay bất cứ thứ gì với ai. Thấy tôi bị bạn tù chửi vì làm hôi thối phòng giam suốt ngày, ông Vương lần la đến chỗ tôi.

“Ông thầy bệnh nặng như thế đã uống thuốc gì chưa nhi?”

“Thưa chưa, có thuốc đâu mà uống.” tôi cười đáp.

“Có phải ông bị trống tràng không?”

“Trống tràng là sao thưa bác?”

“Trống tràng là ăn vào thứ gì nó cho ra thứ này.”

“Chắc là vậy,” tôi đáp.

Ông ngưng một lúc rồi ngần ngại nói:

“Không chữa thì vài ngày nữa là chết. Gia đình có

biết tin chưa? Chưa có thăm nuôi phải không?”

“Thưa chưa,” tôi đáp, và thật xấu hổ, ngay lúc đó, tôi có chút hy vọng rằng ông ấy thấy tội nghiệp sẽ cho tôi xin vài viên thuốc hay chút muối hay chút nước tương gì đó.

Nhưng không. Ông ấy chẳng bao giờ có ý làm chuyện đó cả. Ông chỉ hỏi thăm bệnh tình và thông báo cái nguy hiểm sắp đến với tôi mà thôi. Dù sao, tôi cũng đón nhận được cái tình người tối thiểu qua sự thăm hỏi mà chỉ có ông là người bạn tù dành cho tôi lúc ấy. Ông nói nhỏ:

“Cái đám thằng Đương với thằng trưởng phòng là bọn đầu trộm đuôi cướp, bọn cán bộ cộng sản hủ lậu vô thần, chúng nó chửi ông, ông đừng bận tâm để ý làm gì! Mình đau cầu thì đi cầu, không ai có quyền cấm! Thằng Đương là đảng viên đấy, là bộ đội phục viên, về làm công nhân nông trường, ăn cấp vật liệu bán ra ngoài. Thứ qui đó nó ghét bọn tù chính trị như mình lắm. Còn thằng trưởng phòng đấy à, cũng một nòi như thằng Đương thôi, nó tên gì nhỉ, à tên Cang, cũng là bộ đội phục viên, làm ăn cướp trên tàu hỏa. Thằng Lý thì là thằng đánh cá, có đạo mà bị ma đưa lối qui đưa đường, bỏ Chúa mà theo mấy thằng cán bộ, suốt ngày lo đan lưới cho chúng nó, báo cáo chuyện trong phòng cho chúng nó nghe để được về sớm! Tụi này có chửi ông cũng chẳng đáng gì, phải không! Đừng thèm nói lại tiếng nào với tụi nó. Cứ im lặng như lâu nay ông làm là được rồi. Cũng đừng bao giờ tâm sự trao đổi gì với tụi nó. Tụi nó báo cáo đấy!”

Ông Vương còn nói là sợ dĩ ông không dám đến gần tôi, không dám thân thiện với tôi vì tôi là một tù nhân chính trị mới vào phòng, lại là một tu sĩ Phật giáo nữa, ông đến gần sẽ bị bọn tù ăng-ten báo cáo cho cán bộ quản giáo.

Vào những ngày kế tiếp, tôi cứ lãnh phần com nhưng thực tình là không còn sức để ăn nữa. Phần com không có thức ăn, không có chút mắm hay muối, đến thời

gian này, đã trở thành một thứ hình phạt, một thứ gì thật kinh khủng đối với vị giác của tôi. Suốt một tháng trời ăn những bữa ăn lạt lẽo không đường, không muối, không tương, không chao... như vậy, miệng tôi đã quá lạt lẽo, và trong cơn bệnh, dường như nó tiết ra trong lưỡi một chất gì đó đắng chát, khó chịu. Tôi không muốn ăn cơm nữa, trừ khi có ai cho một chút đường, hay một chút muối. Nhưng chẳng ai cho đâu, Thôi thì cứ để phân cơm đó, nhịn đói. Những ngày trước đó, tôi tự nghĩ: “ăn cơm không trị được bệnh, không ăn chút nào cũng chẳng trị được bệnh, thôi thì cứ ăn.” Nay thì tôi nghĩ ngược lại: “ăn vào cũng chẳng hết bệnh, không ăn cũng chẳng hết bệnh, thôi thì nhịn ăn mà chết cho nhẹ nhàng!” Vậy là tôi nhịn ăn, Chỉ có cái bản năng tự tồn hay thứ “bản năng thèm khát ăn uống” vẫn cứ giục tôi hãy ăn. Tôi không chịu ý nó nữa. Tôi chỉ uống nước cầm hơi. Và tôi hãy còn sống, còn thở liên tục nhiều ngày kế tiếp. Đã đến ngày thứ mười lăm kể từ ngày tôi bị kiệt. Tôi bản thân mệt mỏi lắm, không nhích nổi tay chân. Suốt ngày tôi chỉ muốn nằm. Đến giờ ra chơi, tôi gắng gượng bước ra ngoài, tránh chỗ cho người ta chùi rửa phòng. Tìm một chỗ ngồi tựa lưng vào tường, chờ giờ vào phòng. Về đến chỗ là nằm ì một đống. Tôi có cảm tưởng bây giờ tôi là một bộ xương biết đi. Một ngọn gió nhẹ cũng có thể lay ngã được thân xác khô gầy của tôi. Lúc chưa vào tù, tôi nặng khoảng năm mươi sáu kí lô, bây giờ tôi phỏng chừng còn nặng khoảng ba mươi sáu kí là cùng! Không ăn, chỉ uống nước, vậy mà tôi vẫn bị thúc bách phải vào nhà xí. Dường như tất cả sinh lực gì của tôi nếu còn, cũng theo chất phân nhờn ghê tởm ấy mà ra ngoài. Dù vậy, tinh thần tôi hãy còn tỉnh táo lạ thường! Tất cả thì giờ trong suốt ngày đêm, tôi trì tụng kinh chú, quán tưởng, thiền định dù đang lê thân vào nhà xí hay nằm một chỗ.

Đến ngày thứ mười tám, tôi cơ hồ không gượng dậy nổi nữa. Tôi nằm liệt một chỗ. Đôi lúc tôi thử cử động tay chân để xem lại hơi sức của mình. Quả thật là tôi không

nhắc nổi đôi chân. Ngay cả cánh tay gầy guộc cũng không rục rịch gì nữa. Toàn thân tôi có vẻ tê cứng. Hay đúng hơn, tôi không còn đủ sức lực để chuyển vận nữa. Phòng giam có hai cửa sổ và nhiều lỗ gió ở sát trần, chạy dọc theo hai chiều dài của phòng; nắng chiều theo những khoảng trống ấy chiếu từng vệt sáng vào phòng giam, rọi ngay mặt tôi. Thường thường cứ đến giờ nắng chiều vào phòng, các tù nhân nằm cùng dãy với tôi đều xê dịch xuống, hoặc tránh qua một bên, Nay tôi không rục rịch nổi, nên cứ để cho nắng rọi ngay vào mặt. Tôi nhắm mắt. Luồng nắng này cũng khó chịu lắm chứ chẳng êm ả gì. Tôi phải quán tưởng ánh nắng ấy như một luồng hào quang ấm áp, êm dịu, từ bên ngoài tỏa vào, từ bên trong phát ra, giao thoa với nhau, quyện vào nhau. Một chập, tôi không còn thấy có cái thân đón nhận luồng nắng, cũng chẳng có cái cảm giác khó chịu hay dễ chịu đối với luồng nắng. Chỉ có sự tỏa chiếu của ánh sáng...

“Thầy Khang, thầy Khang à, sao không dịch qua đây một chút mà tránh nắng? Dịch không nổi hả? Để tôi dịch thầy qua nhé?” tiếng anh Vận kể bên tôi nói.

Tôi mở mắt ra, mỉm cười với anh ấy, không nói gì. Anh nhìn tôi một lúc rồi không chờ tôi đồng ý hay không, tự động xích tôi qua phía không nắng. Tôi không phản đối làm gì. Đối với tôi lúc ấy, một cử chỉ xoa tay từ chối, một lời nói không hay cảm ơn cũng không cất lên nổi. Dường như xác thân tôi đã không còn hiệu hữu nữa. Tôi có vẻ như chỉ có mặt bằng cái tâm chứ không phải bằng cái xác thân rã bệu khô kiệt kia nữa. Xê dịch tôi xong, anh cũng nằm xuống kể bên tôi. Anh ấy cũng yếu người lắm, dù rằng chẳng bệnh hoạn gì—chỉ thiếu ăn thôi.

“Thầy Khang à, ráng lên nghe. Mệt thì nghỉ nhưng đừng có ngủ nhé,” Vận nói nhỏ giọng bên tai tôi, “ngủ là đi luôn đó. Thầy Khang phải sống để còn tiếp tục đấu tranh cho đất nước nữa, phải không? Ráng lên.”

Tôi mỉm cười đáp lời anh ấy. Tiếng nói cười lao xao của bạn tù trong phòng có vẻ như lắng xuống, hoặc âm

thanh bên ngoài đang dần dần rời bỏ thính quan của tôi. Ánh nắng, luồng sáng cũng biến mất. Cảm giác trong thân cũng mất. Mùi hôi khai của nhà xí, mùi mồ hôi của tù nhân, cũng không còn. Vị đắng chát hay lạt lẽo trong lưỡi không có. Tất cả đều vắng mặt. Năm căn, năm trần đã vắng mặt. Không, hãy còn ý căn và thức trần. Hãy còn cái dòng ý thức đang tuôn chảy bất tận. Một người chỉ hiện hữu trên thế gian bằng ý thức thì là loại chúng sinh nào nhỉ? Một loài tiên, một loài trời ở cõi Vô Sắc chăng?

Ta sắp chết rồi sao? Ông Vương nói vậy mà. Bệnh kiết lỵ mười ngày chuyển sang trống trắng, không thuốc chữa thì chết chắc. Mới hai mươi sáu tuổi, chưa làm được gì cho đời, chưa đạt được những gì mình muốn với đến... Ó, tại sao sinh ra ở đời thì phải làm một cái gì đó cho đời chứ hả? Tại sao sinh ra ở đời phải có một lý tưởng gì đó để đạt đến! Trật tự của thế gian, như người nào đó từng nói, vốn là như vậy, cần gì phải hi hục dần thân điều chỉnh, sửa đổi! Cái rối loạn bất an của thế gian này là như vậy. Rối loạn chính là dấu hiệu của một sự điều chỉnh, để tiến đến ổn định. Cứ để yên nó như vậy. Thế gian tự tạo ra rối loạn và tự ổn định lấy nó. Rối loạn là sự ổn định của nó. Ổn định là sự bất an của nó. Thật buồn cười. Có gì mà phải lo lắng, tân toan. Hãy để nó như vậy. Chỉ có sự rối loạn hay yên bình nơi chính ta mới là điều quan trọng thôi. Ta phải sống để thành tựu con đường giải thoát. Ta chưa giải thoát mà! Ha, ta còn gì để giải thoát nữa chẳng? Ta có vương bận gì nữa đâu mà bảo cần giải thoát? Ta đâu còn vương bận gì nữa đâu! Quốc gia, dân tộc, giáo hội, chùa chiền, bạn bè, gia đình... và con người... Những thứ ấy có thực sự cần thiết để ta vương bận chẳng? Ồ, tất cả, tất cả những thứ ấy, đều là mộng huyễn cả. Mình nghĩ chúng quan trọng thì chúng quan trọng. Quay lưng với chúng thì chúng chẳng là gì cả. Nhưng làm sao quay lưng được kia! Chúng đang sờ sờ ra đó. Mà có cần thiết phải quay lưng không? Quay lưng đi có phải là đã giải thoát được chẳng? Mà ai là kẻ quay lưng? Ai ở nơi

CỐI TRÓI TẬP I

cái xác thân rã rời vô cảm giác? Chỉ có cái dòng ý thức này. Chỉ có cái tâm này. Những hình ảnh, những đối tượng, những suy tưởng... chính là nó, vậy thì làm gì có sự quay lưng của nó đối với cái gì khác! Và lại, giải thoát đâu phải là một hành động quay lưng giũ bỏ! Giải thoát là không đâm trước, không cột trói mình vào đối tượng chứ có phải là chạy trốn hay quay lưng!

Mình hãi sợ, xua đuổi các hình ảnh thì chúng tỏ mình còn vướng bận. Không, thực ra giải thoát cũng chẳng phải là không đâm trước, không cột trói vào đối tượng! Có đối tượng để không đâm trước, có hình ảnh để không cột trói, thì làm gì có giải thoát! Có sự giải thoát ra khỏi một đối tượng thì đâu phải là giải thoát! Ôi dào, nhà người chỉ quen lý luận! Phải nhìn tận mặt chúng. Đừng suy luận, đừng nhiều lời. đừng phán đoán. Hãy nhìn, hãy ngắm. Hãy quan sát.

Coi nào, còn có cảnh trí hay con người thơ mộng nào trên cõi đời này lãng vãng lưu dấu trong ta? Có chăng một thứ ân tình nào níu kéo ta, ràng rịt ta ở lại với trần gian này? Ôi, có gì đâu, có gì đâu! Ta ra đi cũng đúng rồi, vừa rồi. Có ta, đời vẫn thế. Không có ta, đời vẫn thế. Hai triệu người hiệp đáp sáu mươi ba triệu người. Chủ nghĩa hiệp đáp con người. Danh nghĩa tập thể hiệp đáp cá nhân thực tế. Thế giới đại đồng hủy diệt thế giới riêng tư. Báng sủng đánh đập ngòi bút. Biểu ngữ và chính sách đê bẹp lời nói ngay thực. Nụ cười kiêu hãnh phủ lấp giọt lệ hờn căm. Thù hận dim chét thương yêu. Hoài nghi lẫn lút tin tưởng. Cái ác trên cười cái thiện... Vâng, đời sẽ như thế, dù có ta hay không có ta. Thực là điên khùng cái xã hội này! Ta nhỏ nhoi, tầm thường quá, chẳng làm sao chuyển vận nổi cái bầu trời đen tối nặng trĩu kia. Thôi thì cứ chết đi, nói như Hiền, ông anh ruột của tôi, tất cả cái thiện hãy chết đi, tự trầm đi, để cho cái ác tự do sinh sôi nảy nở tràn lan trên mặt đất, và rồi sau đó, chính cái ác sẽ tự hủy diệt nó. Sáu mươi ba triệu người hãy chết đi thì tự khắc hai triệu người nọ không còn đất sống.

Có thật thế chẳng? Có thật là ta nên chết chẳng? Có thể nào ta chết trong lúc này chẳng?

Chứ không phải là cùng với sự vuron dậy của ta, thế giới sẽ chuyển hóa ngay lập tức? Chứ không phải rằng hai vai của ta đã thề nguyện gánh cả trần gian thống khổ này sao? Tại sao phải chết! Tại sao phải chết chứ!



Tôi mở bừng mắt dậy. Những bạn tù chung phòng giam đang tùm nậm tụ ba dưới mấy ngọn đèn vàng tập trung ở khoảng lồng khung và nhà xí. Tôi nằm sát nhà xí. Không ai biết tôi sắp chết hay sẽ đứng dậy tiếp tục cuộc sinh tồn. Họ đang đánh cờ, chơi domino, ca hát, uống trà, tâm sự, nghe kể chuyện kiếm hiệp Kim Dung... Rõ ràng là không có tôi, đời vẫn thế.

Vận thấy tôi mở mắt, lấy tay khoè, nói:

“Này, ráng thêm một đêm nữa đi. Ngày mai là ngày thăm nuôi, thế nào cũng có người có thuốc kiết lỵ hay tiêu chảy. Để tôi hỏi xin người ta cho thầy thuốc nhé. Còn không thì báo cáo với y tá của trại. Không thể để mãi như vậy, chết mất!”

Nghe Vận nói vậy, tôi sực nhớ đến Phương, cô công an mang kiếng cận. Hơn nửa tháng trước, cô ấy có dặn tôi khi nào có chuyện cần hoặc bệnh hoạn gì thì cứ xin gặp cô. Hình như cô ấy đoán được rằng một lúc nào đó tôi sẽ ngã bệnh nặng. Phải chăng vì cán bộ trại cố tình giấu nhem chuyện tôi bị vào tù, cắt đứt liên lạc giữa tôi với xã hội bên ngoài, nên cô ấy biết ngay trong tình trạng đó, thế nào tôi cũng phải bệnh. Làm y tá nhiều năm cho tù nhân của trại đã cho cô kinh nghiệm ấy thì phải. Và nếu tôi bệnh nặng, cầu cứu đến cô, tất nhiên cô sẽ có cơ hội thay mặt đảng và nhà nước, ban phát ân huệ chữa và điều trị,

hay ban ân cứu tử cho tôi. Có lẽ là vậy. Hay là có một âm mưu gì khác? Một thứ âm mưu tình cảm để khai thác tin tức, hay một âm mưu điều trị để khai thác tình cảm? Ôi, cũng có thể cái tâm này đã quen lẽ thói nghi kỵ học được từ xã hội, nên đừng chuyện gì cũng nảy nghi vấn! Biết đâu chẳng có âm mưu gì cả ngoài một chút cảm tình thông thường của phụ nữ đối với phái nam, đối với một nhà tu khờ khạo chưa biết gì về đời như tôi? Ha, bạn tâm làm gì chuyện đó chứ. Dù có âm mưu hay thực tình chăm sóc thì cũng chẳng lay chuyển gì được cái thân và cái tâm bất động này. Cô ấy không cứu nổi tôi đâu. Cũng không có bất cứ thứ thuốc của tù nhân nào có thể cứu được tôi đâu. Cái bệnh này, đã mười tám ngày không có thuốc rồi, bây giờ đã qua khỏi giai đoạn can thiệp của thầy thuốc và dược liệu. Chỉ có tôi mới vượt qua nổi nó mà thôi. Tôi biết vậy. Tôi chấp nhận chết thì tôi sẽ chết. Tôi quyết định sống thì tôi sẽ sống. Lúc này, trong cái khoảng thời gian vất vưởng la đà của tâm thức trước hai bờ sinh tử, không có cái lực nào có thể khủng bố đe dọa tôi được.

“Tôi không sao đâu, anh Vận à. Cám ơn anh nghe, anh đừng xin thuốc làm gì mất công, tôi tự lo được mà,” tôi cố gắng thì thào với Vận.

“Đừng nói vậy. Bệnh nước này thì phải trị. Thực ở đây tệ quá! Nằm liệt mấy ngày mà chẳng chịu báo cáo. Thằng trưởng phòng mỗi ngày ra gặp cán bộ quản giáo bộ hẳn chẳng biết nói giùm một tiếng là ông thầy bệnh sao chứ! Cái quân giết người.”

Tôi muốn nói thêm vài lời với Vận nhưng mệt quá, miệng lưỡi tôi cứng đờ, chẳng buồn nhếch được đôi môi. Tôi lại nhắm mắt. Chẳng cố gắng tập trung tư tưởng hay niệm Phật gì. Tôi chỉ nằm im đó. Cái gì hiện ra trong tâm tưởng thì cứ tha hồ.



VĨNH HẢO

Chùa Long Quang, ngôi chùa tranh vách đất trên kinh tế mới. Đó là ngôi chùa thờ Phật xiêu vẹo nhất của Việt Nam, chắc là vậy. Nhưng dù sao thì đất cũng khá rộng, có dãy nhà kho cùng hai phòng tăng, có dãy trai đường và một phòng nhỏ khác, có nhà bếp riêng, có ba cái am tranh nằm biệt lập. Có thư viện xây bằng đất sét đúc... tất cả đều có mái lợp bằng tranh, có nền và vách bằng đất, nằm rải rác trên một khu đất rộng khoảng năm mẫu tây. Cây vườn đã bắt đầu lớn và kết đọt trái lú đầu. Ngôi chùa ấy bấp bênh, èo uột, tàn xiêu, vì người chủ của nó, hay đúng hơn, người chịu trách nhiệm chăm sóc nó—người ta gọi là thầy trụ trì—lông bông và có khuynh hướng không vụ hình thức. Chỉ có những cây vườn chung quanh là vươn lên, tạo cảnh đẹp mát mẻ và yên tĩnh. Gió thổi qua vườn rì rào suốt ngày đêm. Chạy dọc theo chiều dài phía đông của đất chùa là đồng ruộng bao la với những ngọn lúa xanh mơn mớn chỗ cao chỗ thấp nhấp nhô giạt theo chiều gió. Cây tràm cổ thụ khô trụi sừng sững bên mé ruộng như một cụ già loạn tưởng bị quan, đứng run rẩy ở đầu sông bến nước. Sau lưng và dọc theo chiều dài phía tây của vườn chùa là rừng tre gai và cỏ tranh mọc um tùm, từ xa nhìn chỉ thấy như một dãy liên sơn trùng trùng điệp điệp. Vườn chùa yên tĩnh, hiu quạnh kinh khiếp. Đôi khi tôi có cảm giác bùng lõ tai vì cái vắng lặng không một tiếng động đó. Nhất là vào mỗi trưa, khi trời đứng bóng, thế giới này trở thành một thế giới không có âm thanh; có chăng một thứ tiếng động nhỏ nào thì đó là tiếng gió lùa qua cây nghe xào xạc, xào xạc thật nhẹ, thật nhỏ, như thể được vọng đến từ một cõi trời xa lằng lặc nơi đâu. Ban đêm thì rộn ràng hơn, ngoài tiếng lá xào xạc, có thể nghe tiếng ếch nhái kêu oàm oạp, tiếng côn trùng rúc rích, tiếng chim đêm chiu chít và thỉnh thoảng, một tiếng chó hay chồn tru lên u ú, tưởng chừng rừng đêm lúc ấy là một sân khấu rộng cho dàn nhạc đại hòa tấu của muôn thú. Nhưng vào những đêm mà ánh trăng dịu dàng choàng lớp áo sáng mỏng của nó xuống khắp ruộng đồng và rừng sâu,

CỐI TRÓI TẬP I

vạn vật bỗng dung trở thành tĩnh vật. Chim muông như thành khăn ngược cổ lên mà lắng nghe tấu khúc vô thanh của trăng vàng. Không có tiếng kêu tầm thường bé mọn nào thấy cần thiết cất lên vào những đêm trăng ấy. Và tôi, khi đứng lặng một mình dưới rừng trăng, thường cảm thấy rằng mọi thứ khát dục như gọi rửa bới những giọt trăng thuần khiết sáng trong vô ngân.

Và nếu sau đó có trở lại với thực tế rằng đất nước cần sự góp mặt của mình, tôi vẫn thường tự hẹn rằng, mai sau thái bình tôi sẽ trở lại ẩn cư nơi thảo am và vui vầy với thế giới hoang sơ cô tịch nơi đây... Tôi sẽ trở lại. Đất nước yên bình, tôi sẽ trở lại.



Tôi lại mở mắt. Tiếng keng báo nghiêm vừa dứt. Mọi người trong phòng giam lục tục thay nhau vào nhà xí. Tiếng những vòi nước thiếu oai nghi, tồ tồ rót xuống lỗ cầu giống như ai đang châm nước sôi vào bình thủy. Có tiếng ai sụt sụt bảo ngòi xuống mà rót cho khỏi văng và khỏi kêu. Tiếng dội nước nhẹ nhẹ. Tiếng những bước chân trần lẳng xãng trở về chỗ nằm. Mọi người phải im lặng vào mùng dù chưa muốn ngủ. Tôi và một số người khác vì chưa có thăm nuôi nên chẳng có mùng mà treo. Cũng may phòng giam bí bưng, ít muỗi. Vạn cũng không có mùng, nhưng có tấm chăn mỏng để đắp. Anh ngân ngữ hỏi tôi:

“Đắp chăn không? Đắp chung với tôi nhé?”

“Thôi, cảm ơn. Anh đắp một mình đi,” tôi xua tay nói với giọng hơi, chỉ từ chối chứ không đủ sức giải thích lý do.

Tôi không quen đắp chung chăn với người khác đâu. Nếu giải thích, tôi sẽ giải thích như thế. Từ ngày đi tu, tôi

chưa đắp chăn chung với ai, ngoại trừ Mộng Huyền.

“Nhớ nghe ông thầy. Ráng thêm một đêm, ngày mai là ngày thăm nuôi rồi,” Vận nhắc tôi.

Tôi gật nhẹ. Nhắc vậy là sao, nghĩa là muốn tôi đừng ngủ đây à? Ngủ thì sẽ không thức dậy nữa? Sao vậy? Tại bệnh nặng, nhịn đói, kiệt sức, nằm chờ chông dưới nền đất lạnh không mùng màn? Tù nhân chỉ có một cách chống lại cái chết là đừng ngủ mê thôi à? Cám ơn anh bạn tù tốt bụng. Tôi không dễ chết đâu anh ạ. Tâm ý tôi hãy còn tỉnh táo, sáng suốt lắm. Những ảnh tượng trôi trong dòng ý thức của tôi cũng còn rõ ràng, thứ lớp lắm. Tôi có hôn mê tán loạn gì đâu mà bảo tôi chết!



Tôi ngồi ngả lưng nơi chiếc xa lông. Mộng Huyền đánh đàn dương cầm, một bản nhạc quen thuộc của Schubert hay Beethoven, tôi không dám chắc lắm. Mặc dù thích nghe nhạc cổ điển Tây phương, tôi chưa có cơ hội học cho biết tên các nhạc phẩm, chỉ biết ngồi thưởng thức. Thực ra cũng chẳng phải là thưởng thức nữa. Tâm tôi lúc ấy không được thanh thản. Tôi ngồi đó không phải để nghe nhạc mà để nhìn, để ngắm Mộng Huyền, hay để trải nghiệm tình cảm của tôi. Ngưng bản nhạc, Mộng Huyền tiến đến ngồi sát bên tôi, gạn hỏi thêm về chuyện đời tư của tôi. Té ra trước lúc chúng tôi ngồi nơi xa lông ấy nàng đã được mẹ nàng cho biết rằng tôi là tu sĩ, tôi chính là ông thầy tu đi trong chuyến vượt biên của nàng. Nhưng nàng lại nghịch ngợm giả lơ cái thực tế đó. Tôi không tự nói mình là tu sĩ thì nàng cứ tiếp xử với tôi như một chàng trai thế tục, hay như một tình nhân trong mắt nàng.

“Anh có tin rằng tụi mình có cái duyên gì đó với

nhau không? Em thấy lạ lắm. Tại sao hôm ấy mình nằm chung với nhau ngoài trời, rồi lại đắp chung chăn trên giường của chị Thu...”

“Thôi, nói chuyện đó làm chi nữa. Tại vì có một cái chăn thì phải đắp chung chứ có chi đâu. Với lại... vượt biên đồ bề phải nương nhau mà trốn tránh công an thôi.”

“Sao không chứ! *Nam nữ thọ thọ bất thân*. Anh với em đắp chung chăn, nằm ngủ chung một giường suốt một đêm thì không phải có duyên gì với nhau sao! Hi hi.”

“Có duyên anh em với nhau đó. Anh thấy em giống như đứa em gái của anh vậy.”

“Không. Em nghĩ không phải vậy đâu,” nàng vừa nói vừa đưa tay vân vê cánh tay áo sơ mi ngắn tay của tôi. “Anh chỉ tự dối lòng mà thôi. Em biết anh sẽ không chịu nói ra sự thực của lòng anh đâu. Ừ thì lý do nào đó, em chẳng biết, nhưng em biết là nếu yêu, anh sẽ biểu lộ tình yêu của anh một cách thụ động, thụ động hơn cả con gái nữa.”

Tôi giật mình nhìn thẳng vào mắt nàng. Mẹ nàng nói nàng đại khờ, nhút nhát, vô tư như con nít. Tôi không nghĩ vậy. Nàng đã hai mươi bốn tuổi, không thể còn con nít được. Thấy tôi im lặng không nói gì, nàng đan hai bàn tay tì lên vai tôi, đặt cái cằm nhỏ của nàng lên ấy, nhỏ nhẹ nói:

“Nếu anh không nói gì, hoặc nếu anh là một người tình câm em cũng vui nữa. Em sẽ nói thay cho anh tất cả những gì anh muốn nói mà không nói ra được.”

Tôi cúi mặt, bẽ nắn mấy ngón tay của mình. Hai bàn tay tôi run run. Tim tôi đập mạnh từng hồi. Nàng đưa một bàn tay lên ngực trái của tôi:

“Đây nè, trái tim của anh, nó đang nói gì đó. Để em xem... à nghe rồi, hiểu rồi, em biết tim anh nói gì rồi. Anh muốn em dịch lại cho anh nghe không?”

Tôi bật cười không đáp. Nàng cười theo. Đôi mắt nàng long lanh như ướt lệ. Nàng ngả đầu vào vai tôi, hai tay ôm choàng lấy tôi, một tay vòng qua vai, một tay

ngang ngực. Chúng tôi im lặng một lúc. Một phía ngực của nàng áp vào cánh tay tôi nóng ran. Và nàng hôn nhẹ vai tôi:

“Anh sẽ nói em lãng mạn. Anh sẽ đánh giá rằng em vội vàng quá, mới quen nhau chưa đầy nửa tháng, hay đúng hơn, mới quen nhau, gần nhau qua một đêm vượt biên... nhưng em mặc kệ anh nghĩ gì. Em biết đôi mắt anh, trái tim anh, không bao giờ từ chối em cả. Chỉ có thứ lý tưởng nào đó mà anh hằng ôm ấp mới từ chối em mà thôi. Nhưng anh nghĩ xem có đúng không, dù anh đeo đuổi thứ lý tưởng nào đi nữa thì bên cạnh em, anh vẫn cứ là một chàng trai độc thân... đâu có gì ngăn cản em yêu anh...”

Nói đến đó, nàng ngược mặt lên nhìn vào mắt tôi để xem phản ứng của tôi. Tôi nhắm mắt, chẳng nói gì. Tôi bỗng nhớ lời dạy của Thượng tọa Đức Nhân qua lời nhắn của Túu, bạn thân tôi: “Nói chú Khang rằng chuyện chú bị công an ruộng bắt phải bỏ chùa đi cũng là cái duyên mới, cứ vui vẻ chấp nhận. Lâu nay chú ấy đã có tâm nguyện dẫn thân thì nay đã đến lúc cho chú thực sự dẫn thân rồi đây. Nếu chú Khang cần xả giới tỳ kheo để thuận lợi vào đời thì bảo chú cứ đứng trước bàn Phật, tự xả bỏ, rồi đem pháp y đến đây thầy cất cho, sau này muốn phục giới, sẽ có thầy chứng minh.” Sau đó, nơi bàn thờ Phật nhà bà Bàng, tôi đã tự xả giới, phát nguyện dẫn thân hành đạo bằng con đường nhập thế. Trên hình thức cũng như trên mặt giới luật, tôi không còn là tăng sĩ nữa. Nhưng trên thực tế, tâm tư và hành động của tôi kể từ ngày ấy vẫn chẳng có vẻ gì thay đổi. Tôi không thấy có sự khác biệt nào trong tôi giữa hai giai đoạn giữ giới và xả giới. Hình như tôi vẫn cứ như vậy, chẳng thêm chẳng bớt gì cả. Cho nên, đáng ra lúc gần gũi Mộng Huyền, rung động trước sắc đẹp và tình yêu chân tình của nàng, tôi có quyền tự do yêu đương và biểu lộ khát dục của tôi; nhưng tôi vẫn không làm được. Không phải vì giới luật. Cũng không phải vì lý tưởng đấu tranh đòi hỏi đời sống độc

CỐI TRÓI TẬP I

thân để giốc toàn thời gian vào. Có lẽ chỉ vì một thứ linh cảm mơ hồ nào đó chen vào ngăn trở. Cái linh cảm bật ra từ duyên nợ bẽ bàng ngăn ngùi giữa hai chúng tôi. Cũng có thể vì một thứ nghiệp dĩ hay nguyện lực của chính tôi đã đẩy tôi tách khỏi nàng ngay từ lúc này.

Nàng ngã đầu nằm xuống hai bắp vế tôi, ngửa mặt nhìn lên, mỉm cười. Một lúc sau, nàng đưa hai tay bá lấy cổ tôi, vừa kéo tôi xuống vừa kéo người nàng lên. Nàng hôn môi tôi. Rồi hôn tới tập trên mặt, trên cổ tôi.

“Khang ơi, em yêu anh. Em biết anh cũng yêu em mà. Nói đi, nói anh yêu em đi. Khang ơi, yêu em, yêu em đi anh!”

Tôi run người bần bật. Hai chân tôi giật bắn lên từng hồi. Cả người tôi rung lên từng cơn. Tôi sắp sa ngã. Tôi gần như không tự kềm chế được nữa. Nhưng tại sao phải kềm chế kia! Lý do gì? Không có lý do gì cả. vậy mà bỗng dung tôi lại kềm chế. Tôi đỡ nàng dậy, và tôi đứng lên, bước đến bên khung cửa sổ lộng kính. Nàng bước theo, đến phía sau tôi. Tì bàn tay nhỏ trên vai tôi.

“Anh sợ hả?”

Tôi không nói. Chỉ quay lại, đưa một tay vuốt nhẹ trên má nàng. Tôi gỡ mấy sợi tóc mai của nàng trong im lặng.

“Anh phải về,” tôi nói.

Nàng xụ mặt xuống, giọng buồn bã:

“Thôi cũng được. Hẹn gặp anh trong chuyến tới.”

“Ừ, chỉ vài ngày nữa thôi, phải không?”

“Dạ, anh nhớ đi, chuyến này tốt lắm, chắc thành công.”

Chúng tôi chia tay. Và mãi mãi chia tay. Khi biết nàng bỏ thân trên biển, tôi luôn nhớ đến nàng ở hình ảnh cuối cùng trên chiếc xa-lông ấy. Nàng bá lấy cổ tôi, níu kéo, biểu lộ khát khao chinh phục và được chinh phục. Người nàng như oằn lên. Giống như kẻ bị đắm, nhào lên để cầu cứu. Tôi đã không cứu nàng.

Chuyến đi ấy không tốt, không thành công. Nếu

VĨNH HẢO

hôm ấy tôi ôm nàng và sẵn sàng nhập cuộc yêu đương với nàng, có thể tôi sẽ không bị bắt vào tù. Nếu tôi và nàng yêu nhau, tôi đã có mặt trên cùng một chuyến tàu của nàng, và tôi sẽ chìm sâu theo nàng trong lòng biển rộng. Những trường hợp giả sử ở trên đều không xảy ra.

Thực tế là tôi đang ở tù, và sắp chết vì bệnh kiết lỵ tiêu chảy, một cái bệnh có tên gọi và nội dung không mấy đẹp đẽ. Tại sao tôi phải chọn một cái chết ít thơ mộng như vậy nhỉ? Chí sĩ thì chết trong ngục tù. Ừ, cũng xứng đáng lắm, nhưng tôi đâu cần cái xứng đáng ấy. Tôi không phải chỉ là một chí sĩ có mặt trong tù để bảo vệ lý tưởng và sự liêm sỉ. Tôi còn là một đạo sĩ—dù giữ giới hay đã xả giới—có mặt nơi đây để vun trồng và khai mở hạt giống bồ đề, biến địa ngục thành tịnh độ niết bàn. Tôi chưa kịp làm gì cả, lý đầu lại nằm ì ra rồi chết một cách đơn giản. Tôi phải phấn đấu. Không thể gục ngã dễ dàng như vậy! Một căn bệnh thì nghĩa lý gì! Muôn triệu ma chướng, muôn triệu ác nghiệp, muôn triệu nỗi thống khổ đốn đau của trần gian có chụp phủ lên đầu cũng phải đứng thẳng mà chống đỡ, mà chịu đựng, không thể quy ngã. Tôi phải sống.



Tôi gượng ngồi dậy. Đêm đã khuya lắm rồi. Cứ nhìn cảnh bạn tù nằm im, ngáy pho pho là biết. Tôi gắng lần dò vào nhà xí rồi trở ra, ngồi xếp bằng thế hoa sen. Từ ngày vào trại giam này, tôi đã tránh không ngồi thiền hay niệm Phật một cách lộ liễu trước mặt mọi người—các bạn tù chính trị vào trước đã nhắc tôi biết điều đó. Nhưng hôm nay, trong khi mọi người đang ngon giấc, và trong trường hợp thật cần thiết đối với tôi, tôi muốn ngồi thiền trong suốt đêm nay. Bằng tất cả sự dũng mãnh quyết tâm, bằng

CỐI TRÓI TẬP I

sức tập trung tư tưởng thuần thực sẵn có, tôi lại lần nữa, đạt đến trạng thái nhất tâm bất loạn, vắng bật tất cả mọi động dụng vận chuyển của bản ngã và khát dục.

Buổi khuya, khi có người lục tục trở dậy, tôi xá thiên, rồi nằm xuống ngủ.

Sáng ra, người tôi thấy khỏe lắm. Tôi biết tôi không thể nào chết. Tôi có thể đi lại chậm chậm trong phòng. Nhưng một lúc thì cũng thấm mệt, bèn trở về chỗ nằm. Ông Vương thấy tôi lại nằm ì như mọi hôm thì trở tới, vỗ vai tôi, hỏi nhỏ:

“Hồi thật, có khi nào ông thấy cần rửa tội không nhỉ?”

Tôi ngạc nhiên và cũng thật buồn cười ngược nhìn ông:

“Tại sao bác hỏi vậy?”

“Thì... ở đời ai lại chẳng có lúc thấy cần nương tựa, cần được bề trên cứu rỗi. Khi nào ông muốn rửa tội, cứ nói tôi biết, tôi sẽ có cách, nhé.”

Tôi cười. Định nói với ông vài câu, nhưng thấy không cần thiết lắm, bèn lẩm bẫm với chính mình: “Nếu thật là tôi có cái tội gì đối với thế gian này, cũng chẳng con người nào hay bất cứ thần linh nào đủ thẩm quyền cứu rỗi tôi được, ngay cả đức Phật mà tôi hằng kính ngưỡng. Còn nếu cần phải nương tựa ai, nương tựa cái gì để đứng lên, để tồn tại, tôi nghĩ chỉ có mảnh đất đầy đau thương và máu lệ của trần gian mới đủ sức chịu đựng nổi cái chông tay gượng dậy của tôi!”

Nói theo cách người xưa, tôi đã té xuống đất này thì tôi phải chống tay nơi đất này mà gượng dậy.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG BỐN

Tôi kể ngang đó thì nàng có vẻ ngồi không yên. Nàng đứng dậy, bước đến chỗ bàn nước lấy cái bình thủy, lại châm thêm nước sôi vào bình trà. Tôi lặng lẽ nhìn theo. Đầu mày nàng nhíu lại, lộ một tí bất mãn, một tí hoài nghi. Hình như nàng muốn nói điều gì đó mà chưa nói được hoặc đang lựa lời mà nói. Chờ nàng ngồi trở lại vào ghế, tôi đốt thêm điếu thuốc khác, định kể tiếp thì nàng bắt chợt hỏi.

“Anh thực sự đã xả giới, không còn là thầy tu trước khi vào tù? Trước cả khi quen Mộng Huyền?”

“Ừ,” tôi đáp.

“Như vậy...” nàng do dự không nói hết câu.

“Như vậy đâu cần phải gìn giữ chuyện ăn chay cho nhọc xác rồi đồ bệnh, phải không?”

“Phải rồi, với lại... anh đâu cần từ chối tình yêu của Mộng Huyền... Hay chỉ là lúc đó? Sau này gặp lại Mộng Huyền thì anh khác?”

“Đó là lần chót, sau này không bao giờ gặp nữa. Mộng Huyền đã chết trên biển.”

Nàng sững sốt một lúc không nói nên lời. Tôi xua tay tỏ ý là chuyện ấy đã qua lâu rồi, không quan trọng lắm đâu. Và tôi tiếp tục kể câu chuyện tù dang dở.



Tôi ngủ thêm được một giấc ngắn, cho đến khi keng báo thức gióng vang. Tôi ngồi dậy, nhìn quanh cảnh phòng giam, tự dung thấy mới. Hơn một tháng vào phòng

giam, vừa xong chuyện khai cung lại rơi vào những ngày bệnh nằm liệt, tôi hầu như không để ý gì lắm đến những bạn tù chung phòng. Họ có đó mà như không. Bây giờ, tự dưng tôi thấy họ là những người bạn mới, gần gũi. Tôi ngồi im một lúc, mỉm cười chào những người bước qua bước lại.

“Thầy Khang hôm nay có vẻ khỏe nhiều đó nghe,” Vận nói. Ban đầu tôi dặn anh đừng gọi tôi bằng “thầy” anh làm theo, nhưng sau đó, thấy cả phòng ai cũng biết tôi là tu sĩ cả, anh gọi tôi bằng “thầy” trở lại.

“Vâng, thầy khỏe lắm,” tôi đáp.

Vận ngồi vẫn điều thuốc rê, hỏi tôi hút không, tôi nói không. Anh đi mời thuốc nơi những anh tù người Hoa ngồi tùm một góc, hút thuốc phì phà sau bữa điếm tâm. Một chập anh trở lại, vừa cười vừa nói một câu gì đó mà tôi không nghe rõ. Tôi hỏi lại, anh nói:

“Chưa chắc thầy khỏe trong người là đã qua khỏi cái chết đâu nghe. Cái ông Tàu lớn tuổi kia nói vậy đó. Nói gì mà *hồi quang phản chiếu* đó... tức là lúc gần chết, người ta thường trải qua một giai đoạn rất tinh táo, khỏe khoắn lạ lùng...”

Tôi bật cười:

“Không đâu. Tôi sẽ qua.”

Vận rít thuốc, nghiêng đầu về phía tôi, nói nhỏ:

“Hồi tối hình như thầy Khang có ngồi thiền hay cầu nguyện gì đó, phải không? Chuyện đó phải tránh không thối bại nó báo cáo lên cán bộ thì nguy lắm. Tôi nói với thầy hôm đầu tiên mới vào rồi mà.”

“Tôi biết, nhưng lúc ấy khuya rồi, vả lại, tôi chỉ cần một lần thôi, sau này không làm vậy nữa đâu.”

“Chỉ nhắc thầy vậy thôi. À, hôm nay thầy có hy vọng là được thăm nuôi không?”

“Thăm nuôi? Không đâu. Ở chùa hay gia đình tôi chưa biết chuyện tôi bị bắt, làm gì có chuyện thăm nuôi. Tôi bị bắt ngoài đường, tôi quên nói anh biết vậy.”

“Ngoài đường à? Vậy là có chỉ điểm hoặc bị theo

đôi rồi. Ổn thật, cái chuyện hoạt động này, sao tôi thấy nghi quá. Hình như có nội gián. Nè, thầy Khang biết không, trong phòng này còn có mấy người Phục quốc nữa đó. Như tay Hà Văn Giang kia kia, nằm nơi góc đó. Hắn ta ở Bàu Cạn, trước 1975 là người nhái, hải quân. Còn ông già ngồi gần cửa sổ kia, tên là Trịnh Việt Bình. Mới vào mấy ngày trước, cũng tham gia Phục quốc. Ông này là trùm giáo xứ Tân Cang, Hồ Nai.”

“Cái gì? Trùm giáo xứ Tân Cang à?” tôi hỏi lại.

“Vâng, thầy Khang biết ông ấy sao?”

“Không. Nhưng tôi có một cơ sở hơn một mẫu điều ở Tân Cang... và lại, tôi biết anh Lương có cha ruột là ông trùm giáo xứ ở đó. Nhưng ông Lương thì họ Trần, còn ông già này, anh nói là họ Trịnh, phải không?”

“Vâng, họ Trịnh. Hờ, tôi nói thiệt thầy Khang nghe, đôi lúc tôi nghi ngờ ông Lương là tay tình báo của cộng sản, giả đò dựng lên Phục quốc để lưới hết đám đối lập tại mình đó.”

Tôi giật mình khi nghe Vận nói vậy. Mới hôm nào tôi mới vào, chính anh nói là tin tưởng ông Lương tuyệt đối, bây giờ đã có mầm nghi hoặc rồi. Chế độ công an trị của cộng sản cứ gây tạo hết mối nghi này đến mối nghi khác trong lòng người dân, thậm chí vào tù rồi cũng không khỏi. Tôi nghĩ nếu một chí sĩ bị bắt vào tù mà cứ nghi là mình bị ông lãnh tụ gạt thì còn đâu ý chí để phấn đấu và làm gì chịu đựng nổi thử thách ngục tù, Tôi có nhiều lý do để sống còn mà không cần niềm tin vào lãnh tụ (ông Lương không hề là biểu tượng hay là lãnh tụ gì đối với lý tưởng và tinh thần đấu tranh của tôi cả), nhưng Vận thì cần lắm. Anh theo Phục quốc vì tin tưởng lãnh tụ Lương. Tôi an ủi:

“Đừng nghĩ vậy. Theo cách cán bộ Sài Gòn và Đồng Nai hỏi cung tôi lâu nay, tôi tin ông Lương không phải của cộng sản đâu. Ông ấy có lòng thực đó. Công an đang cố công tìm bắt ông ấy, cứ hỏi tôi nơi ẩn náu của ông ấy hoài.”

CỐI TRÓI TẬP I

“VẬY HẢ, THẦY TIN ÔNG ẤY THỰC HẢ?” VẬN HỎI LẠI.

“Tin,” tôi đáp, nhưng ngay sau đó, một thoáng nghi ngờ nổi lên trong tôi.

Có lẽ nào Vận là ăng-ten của cộng sản, muốn điều tra tôi chăng? Xi, lại nghi ngờ bậy bạ nữa rồi! Mới kêu gọi niềm tin của Vận, giờ lại nghi ngờ Vận! Thiệt là hết chỗ nói. Cái xã hội đa nghi này không ngờ cũng ảnh hưởng tâm tình mình dễ sợ như vậy! Tôi xua ngay ý nghi kỵ của mình bằng cách nói thêm với Vận:

“Nói anh nghe này, nếu bây giờ được thả ra mà gặp lại ông Lương, tôi cũng sẽ tiếp tục cộng tác với ông ấy, bày keo khác. Tôi tin ông ấy thực đó.”

Vận gật gù. Hình như đến lúc này anh ta mới thực sự lấy lại được niềm tin đối với lãnh tụ của anh. Chúng tôi ngồi im lặng nhìn bạn tù lảng xãng qua lại. Hôm nay ngày thăm nuôi, cán bộ không mở cửa cho các phòng ra sân chơi. Tù nhân, anh nào anh nấy đứng ngồi không yên. Những người có gia đình thăm nuôi định kỳ, biết trước hôm nay có gia đình mang quà đến, thì tùm ta tùm tùm ngồi chờ anh nuôi xách giỏ vào đọc tên. Những người chưa được thăm nuôi lần nào thì cứ vây quanh lồng khung, hoặc bu ở hai cửa sổ, nhìn mấy cái giỏ lát do anh nuôi xách vào, hy vọng có chút thân thuộc gì của gia đình gửi gắm nơi đó. Hết giỏ thăm nuôi này đến giỏ thăm nuôi khác được đưa đến tận phòng. Mỗi lần có một hai giỏ để xách vào, mọi người yên lặng lắng nghe đọc tên. Ai có tên thì hí ha hí hửng bước đến lồng khung kéo cái giỏ vào trong; giỏ lớn quá không luồn qua song sắt được thì lấy ra từng món. Ai không có tên thì chuyển niềm hy vọng vào giỏ đồ kế tiếp. Anh nuôi vào thì hy vọng anh xách theo giỏ quà thăm nuôi mình. Cán bộ vào thì hy vọng gọi tên mình ra ngoài gặp mặt gia đình. Nguyên ngày thăm nuôi là ngày của hy vọng. Và tôi, mặc dù đã nói với Vận rằng tôi bị bắt vào đây không người thân nào biết, nhưng tôi vẫn cứ hy vọng là biết đâu, bằng một cách nào đó, gia đình hay vài người bạn tu nào đó của tôi, đã hay tin và sẽ

mang quà đến thăm! Sự đói thiếu và kiệt sức khiến tôi cũng có cái hy vọng hão huyền và vô lý như vậy. Mà không phải đây là lần đầu tiên tôi chứng kiến cảnh thăm nuôi ở phòng giam này đâu. Đây là lần thứ ba. Ở đây nửa tháng được thăm nuôi một lần vào ngày 15 và 30; trong hai ngày thăm nuôi đó, có một ngày được gặp mặt gia đình, có nghĩa là một tháng được gặp mặt gia đình một lần. Tôi vào đây ngày 10-6 mà bây giờ là 15-7, tức là đã trải qua ba lần thăm nuôi. Cả ba lần ấy, tôi đều ít nhiều đặt hy vọng vào. Thảm!

Mãi đến chiều, khi kèng báo hết giờ làm việc, những người giàu tướng tượng và hy vọng—trong đó có tôi—mới chịu buông bỏ giấc mơ được quà. Dù sao, từ sáng đến giờ, đã có nhiều người bạn tù mang quà đến biếu tôi. Chẳng rõ vì sao hai lần thăm trước không ai nghĩ đến việc biếu tôi chút muối hay chút tương, mà bây giờ, tụt đứng lại đồng loạt kéo đến, kẻ món này, người món nọ... Có người lại biếu cả cái giỏ lát để tôi đựng thức ăn nữa. Vậy là tôi bắt đầu có chút *tài sản* để trên chỗ đầu nằm. Này nhé, trong giỏ tôi có nửa hủ tương bột, nửa kí muối đậu, nửa kí muối trộn ớt bột và tiêu, một xấp bánh trắng chừng mười hai cái, hai vắt miến khô, một gói mì ăn liền, mấy trái chuối già hương, một gói kẹo cau nhỏ, hai miếng bánh cốm. Chưa có gia đình thăm nuôi mà có một giỏ như vậy thì kể cũng là đầy đủ lắm. Dù rằng tâm thức có thể bay bổng ở một phương trời cao rộng nào, thân xác của tôi nơi đây vẫn cứ thèm khát và đòi hỏi những nhu cầu có khi rất nhỏ nhặt chẳng đáng là bao. Nhưng chuyện biếu quà cho tôi không phải là thông lệ chia sót cho những người “mồ cô” của phòng giam mỗi kỳ thăm nuôi—vì cái thông lệ ấy chỉ xảy ra vào buổi tối, sau khi điểm danh, cửa sắt đóng lại và đèn phòng được bật lên. Vào mỗi tối của ngày thăm nuôi, anh trưởng phòng thường đứng ở lồng khung, nhắc lại vài vấn đề liên quan nội qui, dặn dò đôi điều cán bộ quản giáo nhân nhủ, nêu lên vài ưu hay khuyết điểm của vài cá nhân nào trong phòng giam, và cuối cùng là kêu gọi “lá lành

CỐI TRÓI TẬP I

đùm lá rách.” Ai có thăm nuôi thì hãy nghĩ đến những người chưa hoặc không được thăm nuôi. Rồi một cái thau nhựa được đặt ra ở giữa phòng, những người có thăm nuôi lần lượt đem quà đến bỏ vào đó. Nhưng vì chính anh trưởng phòng cũng là một anh “mồ cô” (tức là không bao giờ được thăm nuôi), mà kẻ “mồ cô” này lại không chiếm được chút tình cảm nào của phòng, nên lời kêu gọi của anh trở nên gượng gạo, chẳng mang lại kết quả gì. Cái thau để giữa phòng vẫn cứ trống không, có chăng chỉ là vài viên kẹo để ngậm cho vui.

Đêm nay, anh trưởng phòng lại vỗ tay bôm bốp, kêu gọi mọi người yên lặng để nghe anh nói:

“Thưa anh em, hôm nay lại thêm một ngày vui của phòng giam. Có thêm vài người mới liên lạc được với gia đình và đã được thăm nuôi. Con số *mồ cô* trong phòng giảm xuống. Hy vọng trong thời gian ngắn nữa thôi, phòng chúng ta ai nấy đều có thăm nuôi đầy đủ, có thể đời sống cải tạo mới được hồ hởi. Tuy nhiên, phòng chúng ta hãy còn một số anh em chưa được phép liên lạc với gia đình, và vì thế mà chưa được thăm nuôi. Quản giáo nhắc lời bảo các anh em ấy nên thành thật khai báo, học tập cải tạo tốt, để được viết thư cho gia đình mà xin quà. Trường hợp của tôi thì khác, gia đình tôi ở tuốt ngoài Bắc nên chuyện thăm nuôi hơi bị trở ngại. Có anh em nghĩ tôi *mồ cô* chứ thực ra tôi chẳng có *mồ cô* đâu! À, nhân tiện nói chuyện *mồ cô*, tôi cũng xin kêu gọi anh em nào may mắn được thăm nuôi, hãy chia sẻ chút quà gì đó cho mấy anh em kém may mắn. Cái thau đâu rồi, để ra đây! Đây, chúng ta gom góp, mỗi người một ít, của ít lòng nhiều, để biếu mấy người kém may mắn. Không phải tôi kêu gọi cho tôi đâu. Trong phần đóng góp của anh em, tôi không dám nhận bất cứ món gì. Tôi chỉ kêu gọi cho mấy anh em *mồ cô* thực sự kia. Vâng, chẳng hạn như anh Lương, anh Danh, anh Dương... A, đây là món quà đầu tiên của ông Năm tình nguyện chia sẻ... Cứ bỏ vào thau. Thay mặt anh em kém may mắn, cảm ơn ông Năm. À

này, trong khi anh em đóng góp quà biếu, tôi cũng xin nhắc lại vài nội qui quan trọng trong sinh hoạt phòng. Thứ nhất, không được nói chuyện thì thầm riêng với nhau, có nói gì thì cứ nói tự nhiên, nói sao mà người đi qua đi lại cũng nghe được, chứ xâm xì kiêu đó thì quản giáo lại bảo rằng mình đang có âm mưu gì. Điểm thứ nhì, trong phòng giam không được thực hành các nghi lễ tôn giáo như tụng kinh, cầu nguyện... Các anh đã biết rồi mà, ngay cả chuyện làm dấu thánh giá trước khi ăn cũng không nên làm, hoặc có làm thì cũng kín đáo một chút. Các anh đừng tưởng tôi không có tôn giáo nên mới nói vậy. Thực ra tôi cũng có đạo đây chứ có phải người lương đâu. Nhưng ở đây ta không nên thực hành các nghi thức tôn giáo ấy. Không phải ý kiến của tôi đâu, nội qui cấm hẳn hoi mà. Sở dĩ tôi nhắc vậy là vì hôm qua có người ngồi tụng kinh cầu nguyện suốt đêm. Gì chứ cái đó thì dứt khoát không được.”

Đôi mắt anh đảo nhanh một vòng, phớt qua tôi. Nhiều cặp mắt đổ về hướng tôi. Tôi đưa tay lên, xin nói:

“Đêm qua tôi ngồi, không gây bất cứ tiếng động nào, cũng chẳng phiền gì đến ai. Tôi không thốt ra một lời nào thì sao gọi là tụng kinh? Tôi không quỳ lạy, không chấp tay, không ngược cổ lên trời mà cầu khẩn, không làm một dấu hiệu gì của tôn giáo, sao gọi là cầu nguyện? Chắc anh lầm thôi. Nhưng nếu chuyện tôi ngồi xếp bằng im lặng như vậy cũng bị cấm, tôi xin lỗi vậy.”

“Ồ, có gì đâu mà xin lỗi. Anh chẳng có lỗi gì với tôi cả. Tôi chỉ nhắc về chuyện nội qui phòng thôi. Vì những gì anh làm thế nào quản giáo cũng biết. Quản giáo biết thì quản giáo khiển trách cả tôi lẫn anh đấy. Anh nói ngồi im lặng như thế không phải nghi thức tôn giáo, thế nó là nghi thức gì đây? Chẳng phải anh ngồi xếp bằng, mắt lim dim như Phật Tổ đấy à? Còn chuyện im lặng thì ai lại chả biết là anh tụng kinh hay cầu nguyện thậm chứ!”

Tôi định giải thích về chuyện ngồi thiền, nhưng một giọng nói từ cuối phòng chen vào:

CỐI TRÓI TẬP I

“Thôi, vừa rồi. Người ta bệnh cả tháng, sắp chết tới nơi, ngồi im lặng được thêm mười đêm nữa cũng nên khuyến khích chứ một đêm ăn nhằm gì chứ!”

Cả phòng quay nhìn về hướng người ấy. Đây là một anh trong đám tù người Hoa, thường tụm lại với nhau ở góc tường bên phải lồng khung, thuộc đội 1, đối diện với đội 4 của tôi. Anh tù này tên Quái. Anh không cao, nhưng người vạm vỡ. Đuôi mày xéch, mắt hơi nhỏ, mũi lớn. miệng rộng, cằm vuông, tóc cứng như dựng ngược lên. Anh cười thì thấy hiền khô, nhưng khi nghiêm mặt thì thấy cũng dữ dằn lắm.

Anh trưởng phòng nhìn Quái, hỏi lại:

“Anh nói sao? Anh xúi dục chuyện tụng kinh cầu nguyện trong phòng giam à?”

“Mẹ, xúi dục cái gì chứ! Người ta là ông thầy tu, bệnh gần chết, ngồi niệm Phật trước khi chết, không được sao!”

“Anh chửi thề tôi đấy à? Anh nói *đ. mẹ* ai? Anh muốn bị kỷ luật đấy à!”

Quái đứng dậy:

“Tao nói *mẹ* chứ có nói *đ. mẹ* mày đâu mà mày lấy kỷ luật ra hù tao! Mày đừng có tưởng làm trưởng phòng là ngon nghen!”

Hai ba người tù ngồi gần đó cũng đứng dậy, níu Quái lại, kéo anh ngồi xuống. Phía lồng khung, anh trưởng phòng cũng sùng sộ bước ra giữa phi đạo như muốn chờ đợi, thách thức. Đương, anh phó phòng (tức là anh chàng có khuôn mặt giống nịnh thần), cùng với Lý (anh chàng cặm cùi ngày đêm đan lưới để tặng không cho các cán bộ, và cũng là anh chàng có vẻ mặt nhăn nhó như là chẳng bao giờ vừa ý cái gì trên đời), xúm xít can ngăn anh trưởng phòng. Tôi thấy vì chuyện nhỏ của mình mà thành chuyện lớn trong phòng thì cũng nhột lắm, đứng dậy định nói một lời nào đó, nhưng chưa kịp nói, đã bị anh trưởng phòng nạt:

“Thôi, hôm nay ngày thăm nuôi, bàn chuyện này

nữa làm không khí trong phòng mát vui. Bỏ qua đi. Nhưng với anh Khang, tôi nhắc anh rõ điều đó để đừng tái phạm. Anh có nghe hay không thì tùy anh, cán bộ xử lý anh thì anh thiệt chứ phần tôi cũng chẳng được lợi hay hại gì đâu. Thưa các anh em, bây giờ bắt đầu tiết mục văn nghệ. Anh em nào muốn ca hát gì thì cứ tự do, ca lên cho vui nào!”

Dứt lời, anh trưởng phòng quay về chỗ anh. Phòng giam bắt đầu rộn ràng tiếng nói cười. Dù anh trưởng phòng đề nghị chuyện ca hát, cũng chưa thấy ai tình nguyện bước đến chỗ lồng khung để mở màn. Tiệc vui của phòng bắt đầu bằng chuyện ăn uống. Nhóm nào chơi theo nhóm nấy. Nhai bột chóp chếp. Nhấp trà rột rột. Rít thuốc lào phì phò. Có một nhóm ngồi với nhau thành một vòng chữ nhật thật lớn, chạy theo bốn cạnh của cái bục xi măng của đội 1. Nhóm này có mấy anh người Hoa làm chủ tiệc. Tiệc trong tù cũng giống như tiệc ngoài xã hội, có lời mời của chủ thì khách mới đến dự. Họ có mời anh trưởng phòng nhưng anh này từ chối, có lẽ vì còn ngại chuyện xảy ra khi nãy, mà cũng có thể vì anh biết rằng đám người Hoa này chỉ mời lấy lệ theo phép lịch sự thôi chứ họ chẳng ưa gì anh. Tôi thấy có tất cả bảy người Hoa, ba người thuộc đội 1, hai người thuộc đội 2 và hai người thuộc đội 3. Số còn lại, đa phần là tù chính trị, một vài tù lớn tuổi không biết tội gì, và một người xăng xái chịu làm công tác phục dịch, nấu nước, rửa chén... Họ từ các đội kéo đến theo lời mời của nhóm tổ chức chứ không phải đều là người của đội 1. Một số người thuộc đội 1 không được mời, cũng bỏ đi vòng vòng chơi chỗ khác để nhường chỗ cho người ta làm tiệc. Hai anh trong nhóm tổ chức bước đến chỗ tôi, mời với giọng thân tình:

“Sự phụ, mời qua uống miếng trà với tụi này đi.”

Tôi chưa kịp phản ứng gì thì một anh nắm lấy tay tôi kéo lên, anh kia đẩy sau lưng, dìu tôi đến chỗ đội 1.

Ngồi vào vòng, tôi được hai anh này tự giới thiệu là Sang và Dưỡng, hai chiến sĩ thuộc tổ chức Nghĩa Quân

CỐI TRÓI TẬP I

Phục Quốc của Trần Cao Hùng. Quái và một thanh niên người Hoa khác, tên Dân, cũng thuộc tổ chức ấy. Bốn người này gốc “Tàu Nùng”. Ba người Hoa còn lại có một người lớn tuổi, tên Thai, hai người còn trẻ, một người tên Vinh, một người tên Soái, đều tội vượt biên. Ông Thai và anh Vinh là người Hoa Chợ Lớn; Soái là người Hoa ở Bạc Liêu. Cụ Trịnh Viết Bình, trùm giáo xứ Tân Cang, cùng với Vận, Giang, Vàng, Lư, cũng có mặt; họ đều thuộc lực lượng Phục quốc của ông Lương. Hai người khác là Nhiều và Danh, dân Tân Phú, cũng thuộc Nghĩa Quân Phục Quốc như đám người Hoa. Ông Vương thuộc tổ chức của linh mục Vàng nổi tiếng trong vụ nhà thờ Vinh Sơn năm 1976 thì không thấy có mặt trong tiệc, một phần vì ông chẳng uống trà, một phần vì ông rất sợ chuyện giao tiếp với thành phần tù chính trị để rồi bị vạ lây, phần khác là vì ông nổi tiếng keo kiệt, không được cảm tình của bất cứ ai trong phòng. Lại có hai anh cựu quân nhân chế độ trước, bị bắt vì tội vượt biên—hai chàng này rất tán thưởng tôi hát và đã mời tôi uống trà vào ngày tôi mới nhập phòng. Nhìn lại thành phần tham dự, tôi mới thấy đây là lực lượng hùng hậu nhất của phòng giam chứ không phải từ phía quyền lực “chính danh” của anh trưởng phòng. Số tù nhân còn lại trong phòng giam không tham dự tiệc trà này, tội vượt biên là nhiều nhất. Mà tội vượt biên, trước kia thường gọi là “phản quốc trốn ra nước ngoài” thì nay được gọi bằng một hõn danh là “chính trị xu hướng” nên xem ra cũng gần gũi với đám tù chính trị chúng tôi lắm. Vậy là, phòng giam này, và có thể là cả trại giam này, tù hình sự chỉ là thiểu số; tù chính trị đối lập với nhà nước hoặc gián tiếp chống đối nhà nước mới thực sự là đông đảo. Suy ra, các trại giam khác có thể cũng đều như vậy.

Sang, Dưỡng, Quái và Dân, bốn anh Tàu Nùng, thuộc nhóm tàn quân của Lý A Sáng, có chiến khu ở Tân Phú. Lực lượng võ trang của Lý A Sáng bị hai tiểu đoàn bộ đội cộng sản càn quét đánh tan ở Tân Phú vào năm 1979. Lãnh tụ Lý A Sáng bị thương và bị bắt trong đợt

đó, nhưng kể về sau, không ai nghe được tin tức gì về ông cả. Đa số tàn quân đều chết trận, số còn lại bị bắt (như Dân, Quái, Dưỡng) hoặc tiếp tục gia nhập lực lượng võ trang Nghĩa Quân Phục Quốc của Trần Cao Hùng (như Sang).

Sau sự tan rã của lực lượng Lý A Sáng, năm 1980, Trần Cao Hùng đứng ra thành lập và lãnh đạo Nghĩa Quân Phục Quốc, cũng đóng trong rừng Tân Phú, lôi kéo được một số sĩ quan quân đội Cộng hòa, khá nhiều thanh niên Tàu Nùng và kể cả một số cán bộ cộng sản miền nam như ông Tân cha ruột của Nhiều (trước làm Tỉnh ủy tỉnh Sông Bé), Nhiều (thượng úy bộ đội, làm việc trong Ban chỉ huy Huyện đội huyện Tân Phú), Danh (một đàn em của Nhiều, cũng thuộc huyện đội Tân Phú). Đến năm 1981, cánh nội gián của Nghĩa Quân Phục Quốc hoạt động tại huyện Tân Phú bị phá vỡ khiến ông Tân, Nhiều, Danh... (tức là những cán bộ cộng sản nằm vùng cho Phục quốc) bị bắt; nhưng cánh võ trang trong chiến khu vẫn được bảo toàn, rút sâu hơn vào rừng già Tân Phú. Đến năm 1983, ông Trần Văn Lương, lãnh tụ Lực Lượng Việt Nam Phú Quốc tìm cách liên kết với lực lượng Nghĩa Quân Phục Quốc của Trần Cao Hùng. Hùng mến phục Lương, đem lực lượng võ trang của mình sát nhập vào Lực Lượng Phục Quốc của Lương và trở thành cánh tay trái của Lương về quân sự. Cuối năm 1984, Lương đến gặp tôi để nhờ góp ý soạn thảo cương lĩnh của Phục Quốc, rồi mở rộng mặt tuyên truyền kêu gọi toàn dân đứng dậy. Bị nội gián, cánh của Lương tại Long Thành cũng như lực lượng võ trang của cánh Trần Cao Hùng tại Tân Phú bị bắt gần hết, ngay cả Trần Cao Hùng và Lê Văn Cửa (cánh tay mặt của Hùng) cũng vào trại giam B5, nơi chúng tôi đang ngồi uống trà với nhau. Nghe nói cả Hùng và Cửa đều bị biệt giam.

Trà khá ngon. Nội qui thăm nuôi không cho người ngoài gởi trà và cà phê vào, nhưng lại được phép đưa thẳng tiền mặt cho tù nhân mỗi khi được gặp mặt. Tù

nhân cất tiền, khi nào cán bộ quản giáo dẫn trưởng phòng và vài tù nhân tin tưởng đi chợ tại căng-tin của trại giam, thì gọi mua trà, cà phê, thuốc lá, rau tươi, tương, chao, nước mắm... các thứ. Những lần như thế, nhóm Nghĩa Quân Phục Quốc đều có mua trà. Nhóm này vì gia đình có đất vườn mênh mông tại Tân Phú nên đời sống lúc ở ngoài lẫn khi vào tù đều khá giả. Họ không bao giờ bị đói thiếu, do đó mới có cái thú tiêu khiển thượng đẳng của đời sống tù là uống trà.

Còn chuyện nấu nướng trong phòng giam cũng là chuyện đặc biệt đáng kể. Anh chàng người Nam đòi đấu võ với tôi lúc tôi mới vào phòng, tên là Hiệp—nhưng trong phòng cứ gọi biệt danh anh là Ken, vì anh bị bắt với tội sử dụng cô-ken (cocaine, ma túy)—luôn luôn có mặt trong các tiệc trà của bất cứ đội nào, nhóm nào. Anh ở tù lâu, không có thăm nuôi, nên tự biết cách xoay xở để sống. Anh xin ở đâu được hai lon nhôm (loại lon đựng sữa bột *guigoz*): một cái để nguyên dùng làm xoong; một cái được cắt thành cái lò có ba chân đưa lên, chĩa ra ba phía để chịu đựng cái lon nấu nước đặt lên trên, khoét một lỗ lớn ở thân lon, giữ lại đáy lon để làm lò nấu bằng “hỏa tốc”. (*Hỏa tốc*, chẳng biết là từ lóng được nặn ra từ đâu mà lại trở thành một danh từ nhằm để chỉ cho một thứ nhiên liệu chứ không phải là một phó từ chỉ sự khẩn cấp, nhanh chóng, nhạy bén. *Hỏa tốc* nói cho rõ thì chỉ là nhựa cao su bị đốt; nội qui trại không cho mang củi, xăng dầu, than... vào phòng giam nên tù nhân gom góp các bịch ni-lông, các bình nhựa, can nhựa, để thay dầu hỏa mà nấu nước hay nấu chín thức ăn. Muốn nấu bằng hỏa tốc, cũng phải biết cách chứ không phải ai cũng nấu được. Phải biết để dành vải sợi và ni lông. Vải cắt thành từng miếng nhỏ vừa gọn lòng bàn tay, xếp thành lớp, lót ở dưới đáy lò, ni-lông đốt cháy đặt trên vải để lửa được cháy bùng và giữ được lâu. Phải có cái dùi hay đũa thép làm bằng cọng kẽm gai đập lại cho ngay, mài nhọn ở đầu để khêu nhựa trong lò (trong tù gọi là *dùi hỏa tốc*). Người nấu phải ngồi canh

chùng và chêm ni-lông vào khi cần để giữ lửa đừng tắt). Ken có lò, có xoong, lại sẵn sàng chịu bỏ công nấu nướng, nên nhiều người nhờ anh nấu thứ này thứ nọ rồi chia cho anh một phần. Các tiệc trà, anh xung phong làm người nấu, và anh cũng ngồi một bên vòng tròn, uống ké.

Trà pha hơi đậm, rót một chén đầy; cứ xoay vần, hết người này đến người khác, mỗi người nhấp một ngụm nhỏ. Hai gói thuốc rê loại ngon đặt ở giữa phòng, người dự tiệc tự do hút. Nghe nói thuốc rê Tân Phú là thuốc ngon nhất trong các loại thuốc rê có trong tù. Thuốc này của các anh tù thuộc nhóm Nghĩa Quân Phục Quốc, do gia đình gửi vào cứ mỗi nửa tháng, mỗi người được một cây, mỗi cây quán được khoảng gần một ngàn điếu thuốc nhỏ. Thuốc do gia đình họ trồng từng rẫy lớn để bán.

Sang nghiêng người qua phía tôi, nói nhỏ:

“Thầy Khang đừng giận trách tội này nghe. Tháng vừa qua, thầy mới vào, tội này còn ngại lắm. Nghe thầy là tù chính trị, lại dính líu đến lực lượng của tội này thì phải đón mừng chứ, nhưng vẫn ngại là cán bộ gài người vào để điều tra nên tội này cứ tăng lờ. Với lại thầy thầy cứ bị cán bộ kêu ra ngoài làm việc, cũng ớn lắm.”

Quái ngồi kế Sang, chen vào:

“Sau này thấy thầy bệnh nặng sắp chết mà chẳng có cán bộ hay thằng ăng-ten nào trong phòng này dòm ngó, tội này mới tin thầy là thứ thiệt.”

Dưỡng ngồi gần Quái cũng xen vào:

“Thầy thầy ngồi xếp bằng một đêm, tội này càng tin tưởng hơn. Thằng cộng sản có thể chịu khổ nhục kế được, có thể đóng đủ thứ kịch được, nhưng không thể bệnh đến tàn thân mà còn ngồi suốt một đêm như thế được. Thầy Khang à, nói nhỏ thầy nghe: tội này đang căng thẳng với thằng trưởng phòng, muốn lụi nó từ lâu rồi. Thầy biết không, nó cứ đi báo cáo từng chuyện nhỏ. Tụ tập nói chuyện nó cũng báo cáo. Đón tù mới nó cũng báo cáo. Cho nên, tội này đâu dám xúm xít đón thầy khi thầy mới vào. Khi nãy thằng Quái hù nó một tiếng là tội này muốn

chơi thẳng đó. Cái nước này, một là nó phải đổi qua phòng khác, hai là tụi này vào kỷ luật. Để vài ngày nữa rồi thầy biết. Cái thằng khốn nạn đó, nó chỉ là thằng cướp cạn trên tàu hỏa thôi, vậy mà làm trưởng phòng, thầy nghĩ có tức không! Không phải tụi này muốn tranh gì cái chức trưởng phòng, nhưng thực sự là chẳng muốn nó ngồi đó mà đi mình, Cho thằng nào lên làm trưởng phòng lại chẳng được, miễn là biết điều một chút thôi. Thằng này không biết điều, nó tận tụy khai báo lập công, làm sao mình sống nổi chứ. Không khí trong phòng từ khi nó lên làm trưởng phòng, tự nhiên căng thẳng, ngứa ngáy vô cùng!”

Tôi nghe vậy thì cũng gật gù chứ chẳng biết nói chi. Quái hỏi về chuyện hoạt động và nguyên do vào tù của tôi. Tôi kể ngắn gọn. Ông Bình, trùm giáo xứ Tân Cang, người tù cao tuổi nhất trong phòng, ngồi kế tôi, nghe xong chuyện, bèn nghiêng qua tôi, nói nhỏ:

“Thằng Lương nó có nói chuyện về thầy cho tôi nghe. Tôi quý thầy lắm, hân hạnh được gặp thầy. Ôi chao, nó nói rằng thầy trẻ lắm, nhưng tôi đâu ngờ là trẻ cỡ này!”

Tôi ngạc nhiên hỏi lại:

“Lương nào vậy bác?”

“À, Lương tức là Lương đó mà. Nó là con trai trưởng của tôi đây.”

“A, anh Lương nói có cha ruột ở Tân Cang, té ra là bác đây. Nhưng... anh ấy họ Trần mà, còn bác thì họ Trịnh?”

“Nó lấy tên giả thôi. Tên thật của nó là Trịnh Viết Lương. Nó cứ lấy ba chữ T, V, L, mà đặt tên, cho nên có khi để là Trương Văn Lân, có khi là Trần Văn Lương, cũng là nó cả. Hờ, Lương nó mến thầy lắm, nó nói lâu nay nó đâu có quen thầy tu bên Phật giáo, vậy mà rồi quen thầy, nó thấy thân mật, gần gũi, thích thú lắm! Tiếc rằng thầy phải vào đây, chứ nếu còn ở ngoài, cùng với nó làm việc thì hay biết mấy,” ông nói nhỏ giọng hơn một chút, “Lương bây giờ đang hoạt động ở lục tỉnh, chưa bị bắt

đâu. Truyền đơn bên ngoài rải nhiều nơi lắm, náo động cả lên. Bọn cộng sản cuống cuống lo tìm bắt Lương.”

Ở lồng khung, đã có người tự nguyện lên ca hai bản. Cả phòng tôn trọng, im lặng lắng nghe. Nhóm uống trà cũng có người góp vui, ca hát và dùng cả thau nhôm thau nhựa để vỗ nhịp thay trống nữa. Anh Ken chủ lò thì lúc nào cũng vậy, chẳng ca hát, nhưng đóng góp bằng màn biểu diễn võ thuật với bài *Tứ môn quyền* của Thiếu lâm. Màn văn nghệ kéo dài đến giờ báo nghiêm. Rời chỗ tiệc trở về chỗ nằm, tôi thấy vui vui trong lòng. Tôi biết thành phần đối lập với chính quyền như chúng tôi chẳng bao giờ cô đơn cả.



Hai ngày kế tiếp nhằm cuối tuần, cán bộ quản giáo chỉ xuống mở cửa buổi sáng, đóng cửa buổi chiều, chứ không cho chúng tôi ra sân chơi. Hai ngày đó, tôi không còn bị bệnh kiết lỵ đày đọa nữa. Tôi trở lại bình thường thật nhanh chóng.

Qua ngày đầu tuần, quản giáo xuống mở cửa gọi trưởng phòng ra ngoài làm việc đầu chừng một giờ đồng hồ. Trả trưởng phòng về phòng giam, quản giáo gọi Đương, anh phó phòng, ra làm việc nửa giờ; sau đó, gọi cả Lý, anh chàng đan lưới lập công. Trả Lý về phòng, quản giáo gọi Quái ra ngoài. Vậy là chúng tôi đoán biết có chuyện sắp xảy ra.

Quái theo quản giáo mấy tiếng đồng hồ rồi mà chẳng thấy trở lại. Đến xế chiều, quản giáo đến phòng một mình, bảo đưa giỏ đồ của Quái cho anh đem đi. Trong phòng biết rằng Quái đã bị phạt kỷ luật. Một là tội chửi thề, “phạm thượng” đối với anh trưởng phòng; hai là, có ý bênh vực một thành phần tu sĩ phạm trọng tội đối với chính quyền như tôi.

CỐI TRÓI TẬP I

Quái bị kỷ luật, tôi đoán là sẽ đến lượt tôi một lúc nào đó. Tôi chờ đợi, nhưng chẳng thấy gì xảy ra. Từ ngày tôi nhập trại này, chỉ có cán bộ thụ lý hồ sơ gọi tôi đi khai cung chứ chưa bao giờ quản giáo gọi tôi ra làm việc về chuyên sinh hoạt trong phòng giam cả. Theo thông lệ, bắt cứ người tù nào, nhất là tù mới, cũng đều bị quản giáo gọi ra ngoài để vận hỏi thêm các chi tiết cần thiết có liên quan đến tội trạng của người ấy hầu cung cấp cho cán bộ thụ lý hồ sơ; có khi quản giáo muốn khai thác tin tức trong phòng giam nơi từng cá nhân bị gọi ra; có khi quản giáo tìm thêm người để giao công tác làm ăng-ten. Vậy mà quản giáo chưa hề đá động gì đến tôi từ hơn một tháng nay. Tôi có cảm giác là anh quản giáo này vì lý do gì, muốn tránh né nói chuyện với tôi. Dù vậy, qua các bạn tù nói lại, tôi biết anh gọi ai ra ngoài cũng hỏi người đó một cách cặn kẽ về tôi.

Tôi có ý chờ đợi quản giáo gọi ra nói chuyện để may ra có thể hiểu thêm về chuyện Quái bị kỷ luật biệt giam. Tôi áy náy mãi trong lòng là Quái đã vì chuyện của tôi mà chịu phạt.

Quả nhiên, hai ngày sau khi Quái bị biệt giam, quản giáo Khoa gọi tên tôi. Anh dẫn tôi ra khỏi khu nhà giam tập thể, đến một dãy bàn bằng gỗ thô kệch, băng ghế dài đóng dính vào bàn, đặt ngoài trời, ở một khoảng khá vắng vẻ dưới bóng mát của mấy cây trướng cá. Theo hướng dẫn của anh, tôi ngồi vào băng ghế đối diện. Anh ngạp ngừng một lúc, hai tay xoa vào nhau, nở một nụ cười cố gắng thân thiện, khá hiền lành. Tuổi anh khá lớn, xấp xỉ bốn mươi. Cằm vuông, trán hơi vồ, mắt lớn và lộ. Anh có một mụn ruồi đen khá to mọc ở gần khoe miệng bên trái, ngang cánh mũi. Có lẽ mụn ruồi làm cho nét mặt anh có một vẻ dịu dàng giống đàn bà. Trước mặt anh không có hồ sơ hay bất cứ mảnh giấy nào. “*Làm việc*” với quản giáo là vậy, không giống như lúc đi khai cung với các cán bộ thụ lý hồ sơ, lúc nào cũng thấy biên bản, giấy má, bút, tập...

“Anh Khang năm nay bao nhiêu tuổi rồi?”

“Hai mươi sáu,” tôi đáp.

“Anh còn trẻ lắm. Nghe nói anh là nhà sư trụ trì của chùa gì đó trên Long Thành, phải không? Anh ở chùa thì lo tu niệm, dính dáng làm gì đến bọn Phục quốc phản động để rồi cản trở chuyện tu hành!... Theo tôi biết, anh vẫn còn trong thời kỳ khai cung, vì hồ sơ của anh chưa chuyển qua viện Kiểm sát tỉnh. Chuyện khai cung của anh kéo dài, không đơn giản như các bị can khác, có phải vì anh không thành thật khai báo?”

“Tôi có làm điều gì thì đã khai và nhận biết điều đó, chỉ tại cán bộ chưa muốn kết thúc đó thôi.”

“Anh chỉ thành thật phần nào về bản thân và các hoạt động của anh thôi, chứ chưa thành thật về các tên đồng lõa khác. Nếu anh tăng gia sự thành thật đúng mức thì may ra hồ sơ kết thúc sớm, từ đó anh mới được phép liên lạc với gia đình để được thăm nuôi, lo học tập cải tạo tốt mà trở về với xã hội làm người công dân mới.”

Tôi lặng thinh. Anh cũng im một lúc như lựa lời, rồi tiếp:

“Anh thấy sinh hoạt trong phòng giam thế nào? Có thoải mái không?”

“Cũng thường. Tôi mới vào, chưa nắm rõ sinh hoạt trong phòng lắm.”

“Nhưng chắc anh cũng cảm thấy có những chuyện lộn xộn này nọ xảy ra trong phòng giam chứ?”

Câu hỏi của anh làm tôi sực nhớ đến Quái. Tôi nghĩ thật nhanh trong đầu, rồi hỏi lại:

“À, anh muốn nói đến chuyện lộn xộn của anh Cang trưởng phòng và anh Quái, phải không?”

“Không phải chỉ chuyện đó, tôi muốn hỏi chung về tình hình trong phòng, anh thấy có gì bất thường không?”

“Tôi chưa rõ tình hình trong phòng, tôi chỉ biết cái chuyện vừa xảy ra giữa anh Cang và anh Quái. Chuyện đó, tôi nghĩ chắc có hiểu lắm.”

“Làm làm sao được. Anh Quái có chửi thề, lớn tiếng

đôi co với trưởng phòng, chuyện rõ ràng như vậy mà.”

“Chẳng qua anh Quái lớn tiếng vì muốn bênh vực tôi thôi. Nếu cán bộ cũng như anh trưởng phòng, cho rằng chuyện tôi ngồi thiền suốt đêm là vi phạm nội qui thì xin phạt tôi, cho anh Quái được trở về phòng. Tôi nói thực đó.”

Khoa có vẻ tái mặt thấy rõ. Anh không ngờ tôi dám cả gan đòi đi biệt giam kỷ luật. Anh nhìn tôi một lúc rồi nói:

“Đâu được. Chuyện kỷ luật trong trại giam, ai vi phạm người ấy bị phạt, không có chuyện thay thế. Nếu cả anh và anh Quái vi phạm thì hai người cùng chịu kỷ luật. Vậy tôi hỏi, có phải anh nhận là anh có ngồi cầu nguyện trong phòng giam không?”

“Tôi có ngồi thiền chứ không ngồi cầu nguyện.”

“Thì ngồi thiền hay cầu nguyện có khác gì đâu.”

“Khác chứ. Cầu nguyện là xin xỏ phép lạ hay quyền năng của một đấng thần linh nào đó ở ngoài, đến cứu rỗi hay giải thoát cho hoàn cảnh của mình; ngồi thiền là hình thức trau luyện tâm, phát triển sức mạnh tinh thần. Điều này tôi nghĩ rất cần thiết, giống như con người cần thiết chuyện tập thể dục để bảo vệ sức khỏe của thân xác vậy.”

“Tập thể dục thì đúng rồi, đảng và nhà nước rất sáng suốt, theo đúng nếp sống văn minh xã hội chủ nghĩa, mỗi ngày đều cho các anh ra sân chơi để tập thể dục năm phút. Chứ còn chuyện phát triển sức mạnh tinh thần, anh muốn nói cái tinh thần nào đây? Ở đây chỉ có duy nhất cái tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa, biết hồi cải, ăn năn, học tập tốt theo đường lối chính sách của nhà nước; chỉ duy nhất con đường cải tạo tinh thần đó, các anh mới được trở về xã hội, phục hồi quyền công dân mà thôi. Tóm lại là ngồi thiền hay ngồi cầu nguyện đều là các hình thức sinh hoạt tôn giáo bị cấm trong nội qui của trại. Anh không được áp dụng bất cứ thứ lễ nghi tôn giáo nào trong phòng giam.”

“Đó là anh giải thích thêm vậy thôi chứ trong bản nội

qui mà tôi nghe trong phòng đọc, ở phần nói về các lễ nghi tôn giáo, không hề nhắc đến hai chữ ‘ngồi thiền.’ Chỉ cầm cầu nguyện, tụng kinh, chấp tay hay làm dấu thánh giá... Mà ngồi thiền, thực ra không phải lễ nghi tôn giáo. Ngồi thiền cũng giống như tập thể dục thôi, một cái thì tập cho tâm, một cái thì tập cho thân, cán bộ khuyến khích tôi mới phải chứ.”

Anh lúng túng một hồi, rồi bắt chợt dịu giọng hỏi:

“Vậy cách ngồi thiền của anh thế nào, anh diễn tả lại tôi xem thử.”

“Đại khái là tôi chỉ ngồi xếp bằng, im lặng, không bật lên một tiếng tụng kinh hay cầu nguyện nào, Tôi cũng không chấp tay, không làm dấu, không cúi lạy ai. Tôi chỉ ngồi như thế.”

“Trong khi ngồi anh suy nghĩ cái gì?”

“Không suy nghĩ gì cả. Tôi dẹp hết mọi suy nghĩ tính toán thường ngày.”

“Như vậy thì... vô ích quá! Có lợi gì đâu mà anh phải làm thế.”

“Những suy nghĩ làm mệt nhọc đầu óc, ảnh hưởng không tốt đến thể xác. Dẹp bỏ suy tưởng cũng giống như dọn dẹp sạch sẽ một căn phòng. Phòng sạch sẽ thì mát mẻ, thoải mái. Thân và tâm đều thoải mái thì hết bệnh.”

“Cái đó có vẻ duy tâm quá, chẳng thực tế chút nào. Mà anh ngồi không như vậy cả đêm à?” quản giáo hỏi lại.

”Vâng, cứ ngồi như vậy. Cán bộ nghĩ xem, ngồi như vậy có làm thiệt hại ai đâu chứ.”

“Ồ, không thiệt hại ai, nhưng... người khác nhìn thấy hình như trong lòng có nảy sinh một sự cảm mến nào đó... mà như vậy thì không tốt cho chuyện học tập cải tạo của anh và cho những người trong phòng giam.”

“Cán bộ nói sao, tôi không hiểu.”

“Vì... vì nếu ai trong phòng giam cũng có cảm tình riêng với anh thì sinh hoạt trong phòng không còn bình thường nữa, sẽ có sự thiên vị, mất đi tính cách bình đẳng.”

Tôi cười thầm trong lòng, chẳng biết nói gì nữa, làm

bộ gặt gù lấy lệ. Quản giáo chớp chớp mắt, nói:

“Cho nên, nghe nói là ngày thăm nuôi vừa rồi, tự dung nhiều người mang quà đến biếu tặng anh, cả một giỏ đầy, vừa có thăm là nghĩ ngay đến anh, chẳng cần ai kêu gọi mà anh cũng chẳng cần mở miệng. Anh cứ ngồi một chỗ mà mọi người tự động đem quà đến, trong khi xưa nay, trưởng phòng kêu gọi đóng góp giúp các anh em chưa có thăm nuôi khác thì chẳng ai chịu đóng góp, hoặc có đóng góp thì đóng góp cho có lệ thôi. Anh có thấy sự việc này là trở ngại cho đời sống tập thể phòng giam không?”

Tôi giật mình, tự thấy cái lý do tôi muốn ẩn mình che giấu tông tích tu sĩ của tôi trước đây quả thật là hợp lý. Rõ ràng là trên thực tế, khi tôi lộ diện là một tu sĩ, sự tiếp xử của những người chung quanh trở nên khác, không còn bình thường nữa. Tôi ăn cơm không, ngồi im lìm một đống, nằm liệt một chỗ, đứng trần truồng trong nhà tắm như mọi tù nhân, đi cầu hồi thối như mọi người, chẳng ai thèm để ý; nhưng khi tôi ngồi thiền—chưa biết là tôi ngồi thiền có tập trung hay không—cả phòng đã thay đổi thái độ.

Bây giờ thì tôi gặt gù thật, tôi nói:

“Tôi không để ý chuyện đó. Chẳng qua chỉ tại tôi bị kiết lỵ kéo dài gần hai mươi ngày, không có thuốc chữa trị, tôi bèn dùng phương pháp ngồi thiền để tự điều chỉnh sự bất ổn của thân xác và tinh thần tôi mà thôi. Tôi không cố ý chinh phục cảm tình của người khác. Còn nếu chuyện ngồi thiền của tôi phạm nội qui, xin cứ phạt. Tôi chỉ xin cán bộ một điều là trả anh Quái trở về phòng, bởi tôi không muốn vì chuyện của tôi mà anh ấy phải bị phạt.”

“Thôi, anh hiểu điều đó và đừng tái phạm là được rồi. Chuyện của anh không đáng bị kỷ luật đâu. À, anh nghĩ là anh Quái có chữ thề với anh trưởng phòng không?”

“Anh ấy không văng tục, chỉ nói với giọng bất bình, hơi cộc thôi.”

Quản giáo gục gặc, xoa hai bàn tay, nhìn đồng hồ, nói:

“Thôi, được rồi. Tôi chỉ yêu cầu là anh đừng bao giờ ngồi thiền trong phòng giam nữa, dù chuyện ngồi thiền không phải là nghi thức tôn giáo.”

“Tôi hứa.”

“Tôi đưa anh về phòng,” vừa nói, quản giáo đứng dậy.

Tôi đứng dậy theo. Khoa bảo tôi đi trước, về hướng phòng giam. Đi một đoạn, anh bỗng kêu tôi đứng lại, hỏi:

“Anh có biết là trong phòng giam có sự căng thẳng ngấm ngấm giữa nhóm này nhóm nọ không?”

Tôi biết anh thừa sức để có nhận xét ấy, nhưng cứ nói “không.” Anh hơi ngờ vực nhìn tôi một lúc, nói:

“Tôi hỏi điều này chẳng phải là hại gì các anh em trong đó đâu. Tôi muốn phòng giam do tôi quản lý phải có không khí vui vẻ, anh em bạn tù phải hòa hợp với nhau, vui vẻ cùng học tập tốt, đừng vi phạm nội qui kỷ luật của trại, vậy là tốt rồi; chứ nếu cứ căng thẳng xảy hết chuyện này đến chuyện nọ, người này vừa hết bị kỷ luật lại đến người khác, vậy thì chán quá. Các phòng giam khác đâu có tình trạng đó. Tôi bị ở trên khiến trách là không biết cách quản lý các anh. Anh nói thật tôi nghe ý kiến của anh đi. Anh là thầy tu mà, tôi nghĩ anh có thể góp ý kiến tốt.”

“Tôi chưa hiểu cán bộ muốn nói về chuyện gì. Tôi muốn biết rõ ràng hơn thì mới góp ý được.”

“Vậy tôi hỏi anh, theo anh nghĩ, anh Cang làm trưởng phòng có được anh em mến phục, chịu nghe không?”

Tôi suy nghĩ một lúc rồi nói:

“Theo tôi thì phòng giam hay cả trại giam này cũng giống như đất nước xã hội bên ngoài, nếu người lãnh đạo không đủ tài đức thì khó tạo được đời sống vui vẻ hòa thuận.”

“Anh muốn nói rằng anh Cang không đủ tài đức?”

CỐI TRÓI TẬP I

“Tôi mà nói thẳng ra thì e cán bộ cho rằng tôi thiên vị, hoặc cho là tôi có thành kiến với anh Cang hay cả anh Đương nữa.”

“Không, anh cứ nói. Tôi đã nói tôi tin tưởng anh mà.”

“Vậy tôi xin nói ý kiến của tôi vậy: phòng giam của tôi ba phần tư là thành phần có ăn học, có đời sống xã hội ổn định, chỉ bất đồng quan điểm với nhà nước... ý tôi muốn nói là làm những việc trái với đường lối chính sách nhà nước, nên phải vào tù thôi; vậy mà phải chịu sự kiểm soát và răn dạy của hai người ăn cướp như Cang và Đương, thử hỏi không khí trong phòng làm sao khỏi căng thẳng!”

“Phải rồi, anh nói đúng, ủa, mà này giờ anh nói vậy là có ý gì đây?”

“Là ý như vậy đó, Cang và Đương không đủ tài đức để làm gương cho tập thể, bảo sao có sự ổn định cho phòng giam. Tình trạng này kéo dài, sẽ còn nhiều người khác bị kỷ luật nữa chứ không phải chỉ anh Quái. Mà không chừng ngày nào đó có thể nguy hiểm cho anh Cang anh Đương nữa đó!”

Khoa nhìn tôi với đôi mắt nửa nghi ngại nửa tin tưởng. Một lúc sau, anh mới gạt đầu, ra dấu bảo tôi tiếp tục đi về hướng phòng giam.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG NĂM

Ngoài đường, tiếng xe cộ qua lại đã dứt từ lâu. Khuya lắm rồi. Thỉnh thoảng mới vẳng lại tiếng một chiếc xe hàng chậm chậm chạy ngang. Tôi mang bình trà đã cạn nước đến thùng rác, lấy xác trà ra. Nàng đứng dậy theo, giành làm việc ấy. Rồi nàng bỏ trà mới vào bình, nấu thêm nước sôi. Chúng tôi trở lại bàn, ngồi im một lúc. Nàng vén tóc bằng hai tay, túm gọn thành một lọn ra phía sau gáy rồi dùng kẹp tóc, kẹp lại. Tôi ngắm nàng trình diễn điệu bộ muôn thưở của phái đẹp ấy, thử lường tượng khuôn mặt này không có tóc trên đầu thì sẽ ra sao. Hay chít một chiếc khăn trên đầu như ni cô thì thế nào... Ôi, người đẹp thì làm sao cũng đẹp. Có tiếng chó sủa đâu đó làm tôi giật mình, quay nhìn về hướng đường cái, nghe ngóng.

“Không sao đâu anh. Con chó bên nhà đó nó như vậy đó, thấy gì cũng sủa, rác bị gió thổi nó cũng sủa nữa! Ở đây an ninh lắm. Mấy người công an khu vực này em quen hết.”

Sợ câu ấy có thể làm tôi hiểu lầm, nàng giải thích thêm:

“Từ khi mẹ em và hai đứa em đi vượt biên, em một mình lo đi thăm nuôi ba ở trại cải tạo, em quen luôn mấy người công an khóm, phường, cho đến thành phố. Cứ mỗi lần đi chứng đơn xin thăm nuôi, em đều mua quà cáp gì biếu họ, từ đó họ quen và dễ dãi với em luôn. Có khi bốn, năm sư cô từ xa đến đây nghỉ đêm, em chỉ cần thông báo cho công an khu vực một tiếng, cho một gói thuốc thơm, vậy là anh ta cho nghỉ lại cả tuần hay nửa tháng, khỏi cần lên tới phường hay thành phố. Lâu lâu có đợt khám xét họ

khẩu, công an khu vực cũng đến báo trước cho em hay để em khỏi chấp chứa khách trong nhà. Mà khách của em là ai đâu, toàn mấy sư cô không à, họ đều biết vậy. Chỉ có hôm nay là đặc biệt tiếp anh, người khách phái nam đầu tiên... Thôi, anh kể tiếp đi. Rồi cán bộ quản giáo có làm theo đề nghị của anh không?”



Cho tôi vào phòng giam xong, quản giáo quay đi, đâu chừng một giờ đồng hồ sau thì trở lại, gọi anh trưởng phòng ra ngoài. Không khí trong phòng có vẻ căng thẳng. Nhóm Nghĩa Quân Phục Quốc xâm xì bàn tán. Sang trò tới hỏi nhỏ tôi:

“Quản giáo gọi thầy Khang chắc có nói chuyện về thằng trưởng phòng với Quái hả?”

“Có. Ông ấy hỏi ý kiến tôi, tôi đã góp ý, hy vọng ông ấy nghe.”

“Thầy Khang góp ý sao?”

“Đại khái là sẽ còn lộn xộn hoài nếu cứ để một tên cướp hình sự làm trưởng phòng...”

“Chết, thầy nói vậy là nguy rồi.”

“Sao vậy? Tôi nói có sai đâu.”

“Thằng Cang với thằng Đương dù có tội ăn cướp nhưng tội nó gốc là bộ đội ngoài Bắc, chẳng chừng lại là đảng viên nữa; thầy đừng tới tội nó lỡ quản giáo bênh vực tội nó thì phiền cho thầy lắm. Không những phiền cho thầy mà còn phiền cho đám tội này nữa. Ông đi bộn tù chính trị đến chết chứ chẳng giỡn đâu! Đó, ông ấy kêu thằng Cang ra ngoài rồi, biết đâu lại chẳng nói chuyện thầy góp ý... rồi thằng trưởng phòng trở lại đây, kiếm chuyện với thầy đó. Dĩ nhiên là tội này không để cho nó đụng tới sợi lông chân của thầy đâu, tội này bị kỉ luật hoài chứ đâu phải chưa, có bị thêm cũng chẳng ăn nhằm gì, nhưng... chỉ sợ quản giáo mượn tay thằng trưởng phòng

để quậy cho rồi cái phòng này, hoặc mượn tay nó để chơi ông thầy đó. Thầy nghĩ coi, cái cỡ đầu trộm đuôi cướp như nó mà đem chơi với thầy, chỉ có thầy lỗ thôi chứ chúng nó có mất mát gì đâu.”

“Cũng có thể, nhưng tôi thấy hình như không phải vậy. Ông ấy yêu cầu tôi góp ý tự do mà.”

“Xi, mấy ông lúc nào lại chẳng nói như vậy, nhưng nếu mình góp ý thẳng thừng thì lại có chuyện. Phiền lắm!”

“Vậy à!”

Tôi bật lên hai tiếng ấy rồi, mới tự trách, sao mình cứ nhẹ dạ dễ tin người như vậy! Thấy người ta thành thật yêu cầu thì nghĩ là nên thành thật đáp ứng. Té ra sống trong xã hội này, nói láo và che đậy mới là khôn, mới là biết sống. Dối trá là cách tiếp xử vừa lợi mình, vừa lợi người chứ không phải sự thành thật. Dối trá cũng là cách tự vệ hay nhất. Sự dối trá và phóng đại thực tế đem lại cho con người ảo giác về sự vĩ đại của bản thân và xã hội. Sự dối trá khiến người ta mạnh dạn dẹp bỏ đi những mặc cảm thấp kém, bất tài. Chỉ có sự thành thật mới là điều xa xỉ, vô bổ. Thành thật là tự nện đầu vào cái búa tạ. Ôi, nhưng biết làm sao đây, cái đầu tôi cứng quá, nên bao nhiêu cái búa ấy vào đầu mà tính nhẹ dạ, tin người cứ tro ra đó, mở miệng ra là cứ đòi nói sự thật! Ừ, mà có sao đâu! Làm gì tôi phải sợ chứ. Tôi góp ý là thật sự muốn cứu Quái ra khỏi biệt giam mà cũng là nhắc nhở cho anh công an kia biết cái hiện trạng của phòng giam này; điều đó nên làm, cần gì phải hối hận. Cả cái guồng máy u mê của nhà nước, của cái đảng hai triệu thành viên với bao cuồng vọng quyền lực và kiêu hãnh thắng lợi mà tôi còn muốn đưa đầu mình ra để chơi thì cái trại giam này, quản giáo này, kỷ luật biệt giam này, cho đến anh tướng cướp làm trưởng phòng này... có đáng sợ gì chứ! Tôi sẵn sàng. Tôi luôn sẵn sàng. Chẳng phải tôi ăn thịt gì người ta, nhưng tôi biết chấp nhận, biết chịu đựng, biết đứng thẳng trên đôi chân mình, và nếu có quy ngã thì hãy còn đôi tay

CỐI TRÓI TẬP I

để chống đỡ; bằng đôi tay và đôi chân trần của chính mình, tôi sẽ đứng dậy giữa sự chập phủ của bao nghiệp chướng trần gian...

“Kìa, quần giáo với thằng Cang trở lại,” Sang nói tôi biết rồi lảng đi chỗ khác.

Một anh tù ngồi chơi ở lồng khung, vỗ tay hai tiếng để báo hiệu cho cả phòng yên lặng ngồi xuống “đón” quần giáo đến phòng. Ngoài xã hội, để tỏ sự kính trọng trước uy đức hay quyền lực, dù tự nguyện hay bị bó buộc, người ta đứng dậy để đón chào; trong tù cộng sản thì ngược lại: cán bộ bước tới phòng giam thì tù nhân đang qua lại, đang đứng tắm, hay đang làm bất cứ việc gì cũng phải ngưng lại, im lặng, và nhất là phải ngồi thấp xuống, không được đứng thẳng lưng hoặc lom khom. Có hai lý do giải thích điều lệ ấy: thứ nhất, đứng thẳng hay đứng khom đều là tư thế dễ dàng tấn công cán bộ; thứ hai, đứng thẳng hay đứng khom cũng là tư thế dễ dàng chạy ra ngoài khi cán bộ mở cửa phòng giam.

Cho Cang vào phòng giam rồi, Khoa đứng ở lồng khung nói:

“Từ nay anh Cang được ra ở với đội lao động, không còn sinh hoạt ở phòng này nữa. Anh Đương tiếp tục làm phó phòng, còn ai làm trưởng phòng thì để tôi xét lại.”

Cang lấy đồ đạc cá nhân đi theo Khoa ra ngoài. Một chập, Khoa trở lại, có cả Quái xách giỏ đồ đi theo. Quái được trả về phòng. Tôi mừng quá, biết rằng đề nghị của tôi có phần nào tác dụng.

Mở cửa cho Quái vào phòng giam, Khoa không nói lời giải thích nào. Anh chỉ kêu từng người ra “làm việc.” Những người bị gọi ra đều là tù chính trị và là loại có án tù khá lâu, hoặc là tù kỳ cựu của phòng giam; trong số đó, chỉ có tôi là tù mới mà thôi. Khoa không gọi những người tù vượt biên vì số vượt biên chỉ ở trong phòng một thời gian ngắn là đã chuyển trại hoặc được tha về, không phải là loại ở tù lâu.

VĨNH HẢO

Có lẽ việc gọi tôi ra ngoài không giống với những người tù chính trị khác, vì thời gian quản giáo gọi tôi ra ngoài chỉ đầu chừng năm phút, hỏi thật vắn tắt rồi cho trở về phòng giam. Những người khác thì từ mười lăm đến ba mươi phút. Không khí phòng giam trong ngày ấy thật ngột ngạt, vì chẳng ai hiểu chuyện gì đang xảy ra. Giống như đang có một cuộc cách mạng vừa bùng nổ, hoặc một cuộc chỉnh lý nội bộ nào đó trong guồng máy lãnh đạo quốc gia!

Tôi là người thứ ba bị Khoa kêu ra ngoài. Vừa ngồi vào băng ghế—cũng cái băng ghế gỗ ngoài vườn, dưới cây trướng cá—Khoa đã hỏi ngay:

“Theo nhận xét của anh, ai là người xứng đáng làm trưởng phòng nhất?”

“Tôi mới vào tù một thời gian ngắn, không nắm vững được chuyện này đâu, cán bộ ạ.”

“Nhưng hỏi sáng anh đề nghị chọn người có uy tín tức là trong đầu anh đã có nghĩ đến một người nào đó trong phòng rồi, phải không?”

“Không, trong đầu tôi không nghĩ trước một người nào cả. Tôi chỉ cảm thấy rằng bầu một người có uy tín làm trưởng phòng là điều cần thiết. Còn nếu tôi có tin tưởng một người nào đó trong phòng thì đó cũng chỉ là ý kiến cá nhân của tôi thôi, đâu bằng ý kiến của tập thể.”

“Ý anh muốn nói là... để cho các anh trong phòng bầu lên một trưởng phòng à?”

“Đúng rồi, một xã hội dân chủ thì phải được xây dựng theo cách đó.”

“Nhưng các anh là tù nhân, làm gì có quyền tự do bầu cử hay ứng cử. Các anh đã mất quyền công dân rồi.”

“Tù nhân chỉ mất quyền công dân đối với xã hội bên ngoài, còn trong phòng giam thì cũng có quyền sống, có quyền tự do nào đó để xây dựng đời sống của tập thể phòng giam, làm sao thiếu được. Đã gọi là tập thể thì phải có lãnh đạo và quần chúng; có lãnh đạo và quần chúng thì nguyên tắc dân chủ cần được áp dụng. Như vậy mới có sự

ổn định và tiến bộ được.”

“Cái chuyện dân chủ thì tôi biết quá rồi. Nước ta cũng là nước dân chủ mà. Nhân dân được làm chủ đời sống tập thể. Nhưng để khỏi làm đường lạc lối, tốt hơn hết là làm chủ đời sống tập thể theo sự lãnh đạo của đảng và nhà nước.”

“Nói vậy thì cứ theo nguyên tắc nhân dân làm chủ, nhà nước quản lý, đảng lãnh đạo, bắt cứ người nào theo ý cán bộ là được rồi, đâu cần phải hỏi ý tôi là người nào xứng đáng.”

“Dĩ nhiên là khi quản lý các anh, chúng tôi biết hết quá trình hoạt động của các anh, bao gồm cả khả năng và cá tính của từng anh nữa. Cho nên, trong đầu tôi đã có dự trù sẵn một vài người; bây giờ tôi chỉ muốn hỏi ý anh để xem nhận xét của anh về một người tài đức xứng đáng có giống như nhận xét của tôi không.”

Tôi chẳng hiểu sự thăm dò này của quản giáo có phải là một âm mưu gì không. Lời nhắc nhở của Sang khi này, dù chẳng thay đổi gì cái tính cương ngạo muốn nói thẳng sự thật của tôi, cũng khiến tôi thận trọng hơn một chút. Bất cứ sự thật nào được nói ra trong chế độ này cũng đều có thể phạm vào một thứ tội trạng nào đó. Nhưng tôi là kẻ đã phạm “trọng tội” đối với nhà nước thì hà tất phải sợ phạm tội nữa! Nghĩ vậy, tôi liền nói:

“Tôi đã nói trước khi này, tôi mới vào phòng giam hơn một tháng, không dám có ý kiến về chuyện ấy. Còn như được phép góp ý, tôi chỉ xin nói rằng, nếu việc chọn trường phòng hoàn toàn do quyết định của cán bộ, tù nhân trong phòng giam không có quyền lựa chọn và bầu cử, thì ít nhất cán bộ cũng cố gắng làm sao chọn được người nào không những có khả năng làm ổn định trật tự của phòng giam mà còn có những sáng kiến hay để giúp phòng giam được tiến bộ, phát triển mọi mặt.”

Khoa cười khô một tiếng, nói:

“Anh làm như phòng giam là một xã hội hay đất nước bên ngoài vậy!”

“Y hệt xã hội bên ngoài thôi cán bộ ạ. Phòng giam cũng là một xã hội thu nhỏ lại thôi mà.”

“Anh nghĩ anh Nhiều làm trưởng phòng được không?”

“Tôi không dám có ý kiến. Anh đã nắm vững hết mọi cá tính, mọi quá trình hoạt động của tất cả tù nhân trong phòng giam thì hẳn biết chọn người nào thích hợp rồi.”

“Thôi được, tôi đưa anh về,” Khoa đứng dậy.

Trên đường về phòng giam tôi biết tôi còn nhiều điều chưa nói ra được với cán bộ. Thực ra, cần gì phải chọn lựa trưởng phòng kỹ lưỡng như vậy hỡi anh cán bộ nhà nước! Trưởng phòng có quyền hạn gì đâu! Chẳng qua chỉ là một anh đại diện tù nhân để đi báo cáo sinh hoạt trong phòng cho cán bộ nghe mà thôi. Trưởng phòng có tài đức hay không thì có quan hệ gì đến cái án tù của tù nhân đâu chứ! Đã là một tù nhân cúi đầu làm theo lệnh cán bộ thì dù có ba đầu sáu tay, anh trưởng phòng cũng chẳng làm sao cải thiện đời sống phòng giam, đưa phòng giam đến một mức sống cao hơn, tiến bộ hơn được. Phòng giam vẫn cứ là phòng giam. Nếp sống tù hãm vẫn cứ là nếp sống tù hãm. Tù nhân làm chủ đời sống tập thể trong phòng giam, trưởng phòng và các ăng-ten có trách nhiệm quản lý, và cán bộ quản giáo thì lãnh đạo. Ôi, tù trong tù ra tới xã hội, tù áp xã cho đến trung ương nhà nước, cứ theo cái nguyên tắc dân chủ theo chính sách và tinh thần làm chủ tập thể theo mệnh lệnh như vậy thì đất nước này đời nào mới cải thiện được. Từ trong ra ngoài, từ dưới lên trên, cũng chỉ là một nhà tù thôi.



Anh Nhiều được chọn làm trưởng phòng. Phó phòng vẫn là Đương, nhưng đâu chừng vài ngày sau, Đương xin quản giáo cho đổi qua phòng khác. Quản giáo chấp nhận

ngay, và chọn Sang làm phó phòng. Đương xin đổi qua phòng khác vì sợ uy thế đang lên của thành phần chính trị trong phòng. Thực ra, uy thế đó có chăng cũng là để xoa dịu tâm lý thành phần đa số để tạo sự ổn định trong sinh hoạt tập thể, chứ mọi thứ nguyên tắc nội qui, nề nếp kỷ luật, mức án tù, thể lệ thăm nuôi, tiêu chuẩn cơm và nước mắm, cũng chẳng có gì đổi thay hay tiến bộ hơn, Chọn Nhiều làm trưởng phòng, có lẽ Khoa cũng đã cân nhắc kỹ lưỡng rồi—vì tuy Nhiều có tội chạy theo Nghĩa quân Phục quốc chống lại nhà nước nhưng gia đình anh đã từng có công với cách mạng, còn bản thân anh thì làm việc trong ban Chỉ huy Quân sự Huyện đội Tân Phú; ít ra cái gốc gác của anh cũng cho phép quản giáo tin tưởng anh hơn là những thành phần dính dáng hoàn toàn với chế độ cũ.

Dù sao, không khí trong phòng quả là có sự vui vẻ, hòa hợp thấy rõ kể từ khi thay đổi hai người trưởng và phó phòng. Từ nhân tha hồ tụ tập nói chuyện, lớn tiếng hay xầm xì cũng chẳng lo bị ai báo cáo. Cũng không thấy ai vi phạm kỷ luật đến nỗi bị biệt giam. Vui chơi ca hát mỗi ngày, mỗi đêm với cờ tướng, domino, nhạc vàng, nhạc xanh... thậm chí còn nhảy đầm, hát nhạc phản chiến, nhạc chống cộng ở hải ngoại... Từ nhân mà có được không khí ấy thì tưởng cũng đỡ tủi lắm rồi, chẳng còn muốn đòi hỏi gì hơn. Họ biết trưởng phòng chẳng có quyền hạn gì, nhưng ít ra, cũng là người có lý tưởng, biết điều, biết tôn trọng đồng bạn trong cảnh sa cơ.

Nhiều thật xuất sắc trong vai trò trưởng phòng. Anh lắm lì ít nói, vừa đủ nghiêm trang để tạo nét uy và làm gương cho bạn tù, nhưng cũng không thiếu cái vẻ bình dị mộc mạc của người dân quê Nam bộ quần khăn rằn, vui vẻ hòa hợp với mọi người. Khuôn mặt anh dài. Hai mắt và hàm răng trắng sáng nổi bật trên nước da đen kịt. Anh có nét dễ cảm, có lẽ một phần cũng bởi cái tính trung thực và biết tôn trọng nếp sống tập thể.

Sang, anh phó phòng mới, cũng thủ đúng vai người phụ tá trưởng phòng về chuyện trật tự. Sang cao ráo, có

bộ lông mày rậm và đôi mắt xéch lên như Quái nhưng hàm râu hùm bao quanh đôi môi tím ngắt còn tạo thêm cho anh vẻ uy dũng của một võ tướng. Nhìn anh, tôi mừng tượng đến hình ảnh một chiến sĩ Mông cổ trường chinh trên lưng ngựa của một thời xa xưa nào.

Như vậy, chỉ trong vòng chưa đầy một tháng thay đổi trường và phó phòng, sinh hoạt trong phòng giam nhanh chóng trở thành một thứ sinh hoạt xã hội có vẻ như “dân chủ pháp trị.” Tù nhân tương đối được tự do vui chơi và sinh hoạt trong phạm vi phòng giam, để thờ hơn là ở cái không khí ngột ngạt nghi kỵ hãi sợ sự báo cáo và bắt buộc phải câm lặng của thời gian trước. Tiếng nói tiếng cười và các trò chơi coi mồi rộn rã tung bùng. Tôi cũng vui lây, đôi lúc quên luôn cái thực tế rằng dù thế nào đi nữa, đời sống tù vẫn cứ là đời sống tù, không có cái vui hay cái sinh hoạt nào đáng gọi là của tự do nếu chúng cứ bị giới hạn bởi bao nhiêu vòng đai kèm tóa của kẽm gai, tường vách, kỷ luật, nội quy, khuôn thước nói năng cũng như lê lối suy tưởng... Và dù thế nào đi nữa, tôi và bạn tù, cứ là những tù nhân đang chờ thẩm cung và xét án.

Trại giam B5 của Biên Hòa chỉ là một trại tạm giam nhưng khá nhiều người bị “tạm giam” ở đó trên bốn năm—chẳng hạn như Nhiều và Danh, bị giam từ năm 1981; Hiệp bị giam từ năm 1982; ông Vương bị giam từ năm 1983... Chưa ai được đưa ra tòa xét xử. Chẳng làm sao mà đoán được lúc nào mình sẽ ra tòa, mà vì chưa ra tòa nên cũng chẳng làm sao đoán được là đến ngày nào mới được tự do. Tù nhân nào cũng muốn được ra tòa để hiểu được cái thân phận tù đầy của mình, dù là mười năm, hai mươi năm hay là chung thân khổ sai tại các trại lao động cải tạo, còn hơn là cứ đứng đứng ngồi ngồi mãi trong một cái phòng nhỏ bé, nhìn ra ngoài chỉ thấy cái sân ngập nắng hay tràn nước mưa, mà chẳng biết thời hạn nào, bao nhiêu cuốn lịch nữa mới được tự do hoặc được nhìn ngắm cỏ cây hoa lá và đất trời bao la ở hiện trường lao động.

CỐI TRÓI TẬP I

Cho nên, hễ có người nào được nhận “Bản Cáo Trạng” của viện Kiểm sát Nhân dân gọi vào để đích danh tên mình thì lại sung sướng tỏ mở, làm như thể được nhận lệnh tha vậy! Thực ra, bản cáo trạng là cái tờ buộc tội của tòa án thôi chứ có gì mà phải mừng!

Sau khi khai cung với cán bộ thụ lý hồ sơ của trại tạm giam, hồ sơ khai cung của bị can được chuyển qua cho viện Kiểm sát thẩm cung cứu xét, viện Kiểm sát xét rồi, buộc tội, viết thành văn bản, gọi vào cho bị can xem trước để chuẩn bị hầu tòa. Bản cáo trạng tóm lược những nét chính trong lý lịch cá nhân bị can, cùng các chi tiết về nguyên do và hành vi phạm tội. Những người còn bị giam tại trại giam B5 đều được gọi là *bị can* theo thủ tục hành chánh (chứ trên thực tế thì tù nhân ở trại kiểu nào cũng tự biết mình là tù nhân), đến khi ra tòa nhận bản án rồi mới thực sự trở thành *phạm nhân*; và đã thành phạm nhân rồi thì trước sau gì cũng được chuyển ra các trại lao động khổ sai, nơi đó sẽ được gọi bằng một từ ngữ lịch sự văn minh khác là *cải tạo viên*! Chế độ xã hội chủ nghĩa “không có tù nhân và trại tù” một phần cũng từ chỗ đó—chỉ có *bị can* với trại tạm giam, *phạm nhân* trước tòa án và *cải tạo viên* trong trại cải tạo! Bị can nào nhận bản cáo trạng buộc tội và thông báo ngày ra tòa thì trăm phần trăm biết rằng sẽ bị kết án tù, chỉ có nặng hoặc nhẹ chứ không có vô tội trắng án. Cái “Tòa án Nhân dân” thực ra chỉ là cái tòa nhà do tiền của nhân dân đổ ra để xây dựng và nuôi cán bộ nhà nước chứ nó hoàn toàn không quan hệ gì đến quyền lợi của nhân dân cả; nó có mặt để phục vụ cho đảng và nhà nước—tội phạm nào có mặt ở tòa thì chẳng qua vì tội phạm đó cố ý đụng tới quyền lợi hay ảnh hưởng của nhà nước hoặc vô tình muốn đóng tiền phạt để có thể xây đắp vững chãi thêm cho sự giàu mạnh của nhà nước. Thế nên, phải hiểu rằng, những ngài chánh án hay luật sư làm việc nơi ấy, không làm gì có thì giờ rảnh để nghềghện trên bục cao mà xét những vụ vô tội hoặc trắng án! Đã nhận bản cáo trạng tất biết ngày giờ ra tòa, mà đã ra tòa thì tất

biết là có phạm tội. Vô tội thì đã có các cán bộ thụ lý lý hồ sơ ở trại giam hoặc các ngài ở viện Kiểm sát cấp địa phương xét hồ sơ và thả ra trước rồi. Nhưng chuyện thả ra này cũng tùy hứng và cũng tùy nơi phần số may mắn hay rủi ro của bị can mà thôi. Ai không phạm tội thì bỗng dưng có một ngày đẹp trời, cán bộ trại giam và viện Kiểm sát rảnh rang và có hứng cảm làm việc, sẽ lục lại hồ sơ cũ thấy còn một xấp vô tội, bèn cho cán bộ mang giấy vào phòng giam, gọi tên trả tự do.

Riêng “bị can” tôi thì chưa xong phần khai cung. Bẵng đi hơn một tháng không thấy cán bộ nào gọi ra ngoài hỏi cung (kể từ đợt làm việc với ông Văn phó trại), tôi đã tưởng chuyện khai cung vậy là xong; nào ngờ, đến đầu tháng 8, tôi bị gọi ra ngoài, khai cung liên tục trong suốt nửa tháng với hai anh cán bộ trẻ, cao hơn tôi chừng một vài tuổi, chẳng biết rõ xuất xứ hay chức vụ. Họ không tự giới thiệu trước họ là ai như những cán bộ trước đây từng làm việc với tôi. Đợt khai cung này khá lạ lùng ở chỗ có tới hai cán bộ cùng lúc ngồi đối mặt với tôi, hết người này tra hỏi lại đến người kia chất vấn. Họ bắt tôi khai lại từ đầu đến đuôi những việc mà tôi đã khai cả chục lần với Long và Sơn ở T20 Sài Gòn và ông Văn ở trại này.

Những ngày ấy, bầu trời vẫn vũ những đám mây xám xịt buồn bã, và cứ một ngày hơi tạnh thì có một ngày khác mưa tầm tã đổ xuống. Có khi anh cán bộ bảo vệ đang dẫn tôi đi nửa đường thì gặp cơn mưa đột ngột trút xuống, cả anh và tôi đều chịu ướt sũng. Có lần ngồi trước cán bộ hỏi cung, tôi run lên cầm cập vì mưa lạnh ướt sũng cả áo quần, thấm vào thịt da, chẳng làm sao nói năng cho rõ ràng mạch lạc. Một anh cán bộ khó chịu, nạt nộ âm ỉ. Bực quá, tôi nghiêm giọng chỉnh lại:

“Tôi lạnh thì tôi run, làm sao mà trách tôi được. Các anh là cái gì chứ? Chẳng phải các anh ăn lương nhân dân để phục vụ nhân dân như tôi sao? Tôi là nhân dân đây.”

“Nhân dân? Anh vào đây rồi thì còn công dân với

nhân dân gì nữa đấy nhỉ?”

“Tôi trạng tôi chưa rõ rệt, đang còn điều tra, tôi cũng chưa ra tòa, chưa bị kết án, làm sao nói được là tôi đã mất quyền công dân? Các anh có cái lệnh hay án tòa nào xác định tội trạng của tôi chưa? Mà cho dù tôi có mất quyền công dân trên hiến pháp, tôi vẫn cứ là nhân dân, là con người của đất nước này chứ, phải không? Nếu tôi đã không phải là công dân, cũng chẳng phải nhân dân, vậy thì tôi đâu còn lệ thuộc gì với đất nước xã hội này, các anh lấy quyền hạn gì để xử tôi hả?”

Một anh cán bộ nghe tôi nói vậy thì ngồi im trở mắt ra mà nghe, anh khác thì run cầm cập như bị mắc mưa đứng dậy quát:

“Anh này... anh thật quá đáng đó nghe, anh không có quyền lý sự với chúng tôi đâu. Tôi cùm anh kỷ luật!”

Nói rồi anh đi vội ra ngoài, để tôi và anh cán bộ kia ngồi lại. Có lẽ anh đi qua văn phòng trưởng trại hay văn phòng của một cán bộ có thẩm quyền nào đó. Tôi nghe tiếng anh văng vẳng vọng lại, chữ được chữ mất. Anh cán bộ trẻ còn ngồi lại với tôi, nhún vai, nói:

“Tánh anh ấy hơi nóng, anh hút thuốc không?”

“Không,” tôi đáp rồi ngồi im, cố gắng định tâm để chống cơn lạnh.

Ở đâu đó trên dãy hành lang, tiếng la lối của anh cán bộ nóng tính còn gặng gượng bật lên vài tiếng rồi dịu xuống dần. Có tiếng bàn tán nhỏ nhỏ giống như lời khuyên can. Rồi có tiếng guốc gõ ngoài hành lang hướng về chỗ tôi ngồi. Phương xuất hiện.

“A, lại anh Khang nữa. Tưởng ai? Chuyện gì vậy anh Khang, ô, áo quần anh ướt hết rồi kia! Như vậy bệnh chết. Để tôi lấy nước trà nóng, anh đi hả, ờ, vậy anh đi lấy giùm nhé.”

Anh cán bộ ngồi đối diện tôi, ngậm điều thuốc đứng dậy, bước ra ngoài để đi lấy trà. Phương ngồi xuống một cái ghế trống, nói nhỏ với tôi:

“Anh Khang đừng giận nha, mấy anh này chưa có

kinh nghiệm làm việc với tù chính trị...” cô thấp giọng hơn, “đang thực tập mà.”

“Cái gì? Đang thực tập à?” tôi cười nhạt một tiếng, nói tiếp với cô nữ cán bộ vốn cố ý dễ dãi với tôi từ những ngày đầu, “bộ mấy người hết chuyện làm, hết người đề thực tập hay sao lại đem tôi ra mà thực tập?”

“Áy chết, anh Khang đừng nói như vậy mấy anh nghe được thì phiền lắm. Không phải thực tập đâu, cũng là điều tra thực đấy chứ, có điều... ý tôi nói là mấy anh này ít kinh nghiệm thôi. Cái vụ của anh Khang phức tạp lắm... sẽ còn nhiều bộ phận khác cao cấp hơn, đến điều tra nữa chứ không phải chỉ mấy anh khi này. Anh Khang còn chưa gặp cán bộ bên viện Kiểm sát của tỉnh mà, phải không? Hờ, vậy thì còn lâu lắm. Cho nên anh Khang khai thật một lần cho xong, khỏi dây dưa kéo dài, nhức đầu nhức óc lắm. À, còn chuyện khi này anh Tám nói sẽ cùm kỷ luật anh Khang, đó là nóng giận mà nói vậy thôi. Người hiền lành như anh Khang mà ai lại đem cùm kỷ luật bao giờ, phải không?”

Nói rồi cô nhovn miệng cười duyên. Tôi ngó lơ chỗ khác. Anh cán bộ khi này đem vào một tách trà nóng, đặt trước mặt tôi. Phương đẩy tách trà gần về hướng tôi, nói:

“Anh Khang uống trà cho ấm người đi rồi chốc nữa làm việc với anh Bảo, há.”

Phương đứng dậy, bước ra, nhường chỗ cho Bảo ngồi vào ghế. Chờ tôi uống gần hết tách trà, Bảo bắt đầu làm việc trở lại. Cũng xào tới xào lui mấy câu hỏi về lực lượng Phục quốc và chỗ ẩn náu của ông Lương. Tôi biết là họ thay phiên nhau tra vấn để tìm chỗ sơ hở của tôi mà phanh phui ra thêm những chi tiết chưa được tôi tiết lộ. Và bởi tôi khai rất thành thật về những chuyện tôi đã làm, cũng như tôi không hề biết gì về chỗ ẩn náu của ông Lương, nên chuyện khai tới khai lui của tôi không mấy khó khăn: tôi không cần phải ghi nhớ đợc trước ra sao để đợc sau ăn khớp như những bạn tù khác. Tôi không cần phải cố gắng *thành thật* hay *thành tâm hối cải*. Tôi khai

CỐI TRÓI TẬP I

trước sau như một, chẳng thêm chẳng bớt. Có điều là khai mãi một sự thật cũng nhàm và mệt mỏi lắm.

Khi tôi bắt đầu quen thuộc với sinh hoạt phòng giam tập thể rồi, dù không cố ý, bỗng dung tôi lại trở thành một thứ nam châm cuốn hút những anh tù, từ anh giết người đến kẻ ăn cướp, từ anh nghiện xì-ke đến anh tài xế gây tai nạn lưu thông, từ những thanh niên vượt biên đến những ông già chống cộng, từ anh Nghĩa quân Phục quốc đến chàng cựu sĩ quan quân đội Cộng hòa, thậm chí những anh công nhân viên hay cán bộ nhà nước “thối hóa”... Họ đến với tôi không phải để nghe rao giảng về giáo lý—bởi vì không bao giờ tôi mở miệng nói chuyện Phật pháp hay bất kỳ cái kinh nghiệm tu tập nào của tôi; họ cũng không đến với tôi vì thứ quyền lợi vật chất nào cả—vì cho đến lúc này, tôi vẫn chưa được phép liên lạc với bên ngoài để có thăm nuôi. Họ chỉ đến với tôi để kể về chuyện đời của họ, và đặc biệt là kể về nguyên do mà họ phải vào tù. Kể chuyện riêng của mình cho một người tù khác là điều mà nội qui có cấm, nếu một ăng-ten nào đi báo cáo cho quản giáo thì cả người kể lẫn người nghe đều bị kỷ luật, hoặc bị khiển trách. Vậy mà người ta cứ thích kể cho tôi nghe. Có nhiều người không bao giờ hé miệng với bất cứ ai, nhưng lại tìm cơ hội để bộc bạch với tôi, làm như thể tôi có một thứ thẩm quyền nào để thay đổi phần số hay tội trạng của họ vậy. Thực ra, tôi biết, chẳng qua người ta thích nói chuyện với tôi chỉ vì họ cảm thấy tôi là người luôn luôn chú tâm lắng nghe, thông cảm được nỗi đau khổ của họ. Họ thấy yên tâm và thoải mái để bộc bạch nỗi lòng của họ cho tôi như thể trút được những thùng rác dơ xuống lòng sông, hay cất được gánh nặng trên vai xuống đất. Có khi tôi cho họ một vài lời khuyên, có khi tôi không biết nói gì, chỉ im lặng vỗ vai họ. Tôi không có khả năng hoán chuyển vận mệnh của từng thân phận hay của cả định mệnh khôn cùng của quê hương, nhưng tôi nguyện là sông, là đất, lặng lẽ đón nhận và gánh chịu tất cả những

oan khiên nghiệp chương cuộc đời.

Những tù nhân chính trị thì chẳng có gì đáng nói. Họ vào tù vì lý do rõ rệt là không bằng lòng chính sách cai trị độc tài của chế độ này, vì muốn mưu cầu một tương lai xán lạn nào đó cho quê hương. Khi kể lại những hoạt động của họ đưa dẫn đến chuyện vào tù, họ đã kể với một giọng kiêu hãnh, đầy hào khí. Chỉ có mấy anh tù hình sự, tù vượt biên, là thường mang bộ mặt sấu nảo, hay than thân trách phận. Còn mấy anh cán bộ và công nhân viên nhà nước mà vào tù thì biết ngay là họ phạm phải một trong những tội sau đây: tham nhũng, hối lộ, thâm lạm tài sản của nhà nước... nói cụ thể hơn thì là bán bãi vượt biên, nhận tiền đứt lót hoặc tống tiền nhân dân bằng cách làm khó về mặt hành chánh hay khủng bố bằng bạo lực, làm giấy tờ giả, ăn cắp vật liệu của nhà nước... Cán bộ, đảng viên nhà nước vào tù không hề mang mặc cảm phạm tội. Họ không ngần ngại tự khoe mình nắm giữ chức vụ gì, có cơ ngơi nhà cửa vườn tược thế nào trong xã hội; thậm chí còn hãnh diện kể lại những vụ trúng áp-phe, những “mánh mung” lừa đảo mà họ có cao kiến nghĩ ra để thu vét tiền của vào hầu bao không đáy... Chẳng hạn như anh Bính—một công an cấp tỉnh, có liên hệ với giám đốc công an tỉnh Đồng Nai trong các vụ bán bãi vượt biên ở Long Hải, Vũng Tàu v.v... vào tù rồi mà vẫn không ngớt tự hào về những thành tích trần lột, lường gạt khách vượt biên. Bính còn cho biết sếp của anh, ông giám đốc công an tỉnh, sở dĩ bị đổ bể và bị bắt chẳng qua vì ăn chia không đều với anh em mà bị tố giác. Vụ án này hình như tôi có nghe được lúc còn ở ngoài. Tin đồn (nói là đọc thấy trên báo *Nhân Dân*) rằng công an trực thuộc bộ Nội vụ từ Hà Nội vào, vây bắt ông giám đốc công an tỉnh Đồng Nai ngay tại tư dinh đồ sộ có lính canh gác, tịch thu cả “tần” vàng giấu đầy trong vách sau lớp gạch men nguy trang nơi cái phòng tắm nguy nga hiện đại kiểu Âu-Mỹ; ông giám đốc này cặp với bà vợ bé cũ của cựu Tổng thống Thiệu một thời gian, lo cho bà này đi vượt biên trước (rồi

sẽ trốn qua sau để cùng chia sẻ tài lợi thu hoạch được), không ngờ bà này qua được nước ngoài, gửi thư về cảm ơn, gửi khắp cơ quan công quyền để gián tiếp tố cáo ngược. Vậy là đổ bể. Hàng chục công an thuộc hạ, trong đó có Bính, cũng bị kết tội đồng lõa. Hầu hết các vụ vượt biên sử dụng các bãi biển thuộc tỉnh Đồng Nai, đều do ông trùm công an này đứng mũi chịu sào cho đàn em tổ chức. Vụ này còn kéo theo cả các ông chủ tịch Ủy ban nhân dân ấp, xã, huyện, tỉnh liên hệ. Bính không những chỉ kể lại tôi nghe, mà còn kể cho nhiều bạn tù khác trong phòng giam. Rõ ràng trong giọng kể của anh có cái vẻ tự hào hiêm có của một người không hề biết liêm sỉ là gì. Đường như anh và các đồng chí của anh, đều “tự nguyện” cho phép mình tin tưởng rằng hễ làm công an cán bộ nhà nước, thì phải có quyền “làm tiên” nhân dân và thụ hưởng tối đa những đặc quyền đặc lợi do tính ưu việt của chủ nghĩa mang đến.

Quả là không ngoa khi nói rằng xã hội Việt Nam ngày nay—xã hội được xung tưng bằng những ngoa ngôn buồn cười là “trung tâm của nhân loại” hay “đỉnh cao trí tuệ loài người”—được phản ánh rõ ràng qua những tỷ lệ về số lượng, thành phần và tội trạng con người có mặt trong các nhà tù. Những nhân dân thực sự là nhân dân thì vào tù với cái tội phi lý là đã có mặt và đóng góp nghĩa vụ công dân trong chế độ cũ (hàng trăm ngàn sĩ quan và công viên chức chế độ Cộng hòa phải vào các trại tập trung cải tạo từ năm 1975), không cùng chính kiến với chế độ mới, tích cực và trực tiếp “chống lại chính quyền nhân dân”; hoặc tiêu cực và gián tiếp hơn: bất hợp tác với chính thể mới, chấp nhận lia bỏ quê hương bằng cách trốn đi bằng thuyền nhỏ vượt đại dương, băng rừng già biên giới với hai tay không để đối phó bao hiểm nạn. Trong khi đó, những người ăn lương hưởng lộc nhà nước, có liên hệ ít nhiều với đảng và nhà nước, thì cứ dựa vào ưu thế thắng trận và cầm quyền, hoặc dựa vào cái “chính nghĩa” vì nhân dân, vì đường lối chính sách của đảng, vì cứu cánh

xây dựng xã hội chủ nghĩa mà tha hồ giết người, cướp của, hối lộ... Vậy mà hầu hết các mỹ từ nào có trong bách khoa từ điển, đều đã được triệt để sử dụng để tô vẽ, sơn phết từng lớp dày trên cái xã hội “vượt thường,” “siêu việt” ấy!

Sau vụ cải cách ruộng đất ngoài Bắc hậu bán thập niên 1950, đảng Cộng sản thu vét hầu hết tài sản của nhân dân vào tay, không những vậy, còn gây bao tang tóc chết thảm cho hàng triệu người với những tội danh cố tình gán ghép vì tư thù, vì ganh tị, vì muốn tăng phần chính nghĩa cho chính sách bạo ngược phi lý này. Vụ cải cách sai lầm ấy, mấy chục năm qua, đảng vẫn chưa ngó một lời nhận lỗi và xin lỗi. Tháng tư năm 1975, đảng may mắn có cơ hội chiếm được trọn miền Nam, con mồi béo bở mà đảng từng thèm thường, nhưng dĩ nhiên là không thể thu vét tài sản nhân dân miền Nam bằng cách tái áp dụng chính sách cải cách ruộng đất từng gây căm phẫn của hai mươi năm trước, bèn nảy ra sáng kiến “đánh tư sản mại bản.” Đồng thời với chiến dịch “bài trừ văn hóa Mỹ-ngụy” nhằm thiêu hủy toàn bộ sách báo của chế độ cũ, chiến dịch đánh tư sản mại bản cũng tiến hành, kéo dài suốt mấy năm cuối thập niên 1970, đẩy thêm hàng triệu người dân miền Nam Việt Nam vào đại dương thực tế cũng như đại dương thống khổ. Có vẻ như là đảng và nhà nước muốn nhân dân khắp nước nhanh chóng trở thành một khối vô sản thực sự để dễ bề thực hiện chính sách cai trị bằng “bánh mì”—nói theo Trung Hoa và Việt Nam thì phải nói là bằng “nồi cơm,” hoặc thích hợp với thực tế hơn nữa là “khoai mì.” Có tài sản là có tội. Có buôn bán là có tội. Vậy là nhà cửa, vườn tược, xe cộ, tiền bạc, máy móc... cho đến vàng và hột xoàn (những thứ mà nhà nước cho là xa xỉ không ích lợi gì cho đời sống nhân dân!) cũng bị nhà nước thu đoạt hết. Công an cán bộ từng tốp vào nhà từng người dân, bắt khai báo, kiểm kê toàn bộ tài sản. Nghi ngờ dân cất giấu bót thì họ đào nền nhà, phá rui mè hay trần nhà để tìm kiếm. Ngoại trừ một ít tiền vật để đi chợ, tất cả đều

nộp cho nhà nước. Thậm chí gạo, thức ăn, cũng không được cất chứa nhiều. Cất chứa là đầu cơ, là một hình thức của xã hội tư bản. Nhân dân vô sản trong chủ nghĩa xã hội không cần cất chứa tài sản, lương thực. Việc đó đã có nhà nước lo liệu, đảm trách (vì cán bộ nhà nước đã được huấn luyện tinh thần “*chỉ công vô tư và đạo đức cách mạng cao*” để cất giữ và quản lý tất cả giùm cho nhân dân và điều động phân phối tài sản chung đó sao cho công bằng theo giá trị lao động của từng cá nhân!). Vậy là, lịch sử nước nhà lại ghi thêm một thảm họa kinh hoàng đầy máu và nước mắt cho bao lương dân vô tội. Hàng triệu người bị lừa đi các vùng kinh tế mới, bỏ lại nhà cửa vườn tược cho cán bộ nhà nước thụ hưởng, hàng triệu người ồ ạt trốn ra khỏi nước trên những chiếc thuyền con ọp ẹp, hoặc băng rừng sâu vượt biên giới qua Cam-bốt và Thái Lan. Những người không trốn đi được, cũng không muốn đi kinh tế mới (vì biết có đến kinh tế mới cũng đói rét và chết) thì chấp nhận sống lang thang vỉa hè, hoặc trở thành ăn mày, ăn trộm, ăn cướp—đảng viên cán bộ nhà nước cướp nhà cướp của nhân dân trắng trợn giữa ban ngày được thì còn có lý do nào để người dân nhỏ bé từ chối việc ăn trộm những thứ nhỏ bé của kẻ khác! Có câu chuyện miệng với nhau rằng: “Thà ăn mày, ăn trộm, ăn cướp chứ không ăn năn.” Ăn năn gì? Ăn năn là đã không chịu tận lực làm ăn mày hay ăn trộm để kiếm gạo về nuôi cha mẹ già và lũ con thơ. Đã có thể nghĩ và nói lên được câu ấy thì đạo đức bấy giờ chỉ còn là một thứ bóng ma vô dụng của lịch sử. Cả nước, từ chính quyền đến nhân dân, đều sống bằng các nghề ăn xin, ăn trộm và ăn cướp. mà tích cực nhất vẫn là đảng và nhà nước: ăn xin các nước tư bản mà mình hằng to miệng đánh đuổi và coi như kẻ thù; ăn trộm của nhân dân bằng các mảnh lối tham nhũng hối lộ, áp-phe chia chác; ăn cướp của nhân dân bằng thuế khóa, đầu tó, chiếm đoạt tài sản, độc tài kinh tế và độc quyền tư hữu... Dân nào tui nhục không muốn hạ mình làm ăn xin hay ăn trộm thì đành chịu chết đói (đã có nhiều

gia đình tự sát tập thể, để lại nhà cửa cho nhà nước, chết rồi còn bị tòa án xử phạt vì tội “ngu”), hoặc cũng liêu đưa chân đi kinh tế mới, đem sức lao động ra thi thố với núi rừng hoang sơ mà giành lấy miếng ăn. Bao nhiêu chiến dịch, bao nhiêu chính sách đưa ra, đều nhằm củng cố quyền lực và quyền lợi của giai cấp đảng viên và cán bộ nhà nước. Càng đưa ra nhiều chứng nào, đảng và nhà nước càng no đủ, mạnh mẽ hơn lên, và dân càng nghèo đói cùng kiệt thêm. Thậm chí cả những người từng đi theo cách mạng, hoặc thuộc gia đình liệt sĩ có đóng góp xương máu cho cách mạng, nhưng yếu thế quá hoặc không biết chen chân thì cũng lâm vào hoàn cảnh đói khổ có khi còn tệ hại hơn thường dân.

Lượng là tù nhân trẻ nhất trong phòng giam (đầu chừng mười tám tuổi). Lượng đã cùng chào phòng chung một lần với tôi bằng ba câu chuyện tiểu lâm không tức cười vào ngày tôi mới nhập trại B5. Vừa nhận bản cáo trạng của viện Kiểm sát gửi vào, Lượng đã mang đến nhờ tôi đọc giùm ngay. Lượng nói rằng em cũng biết đọc chữ chứ chẳng phải không, nhưng trong bản cáo trạng có nhiều chữ, nhiều câu em không hiểu. Tôi đọc qua một lượt. Hơi rùng mình. Lượng giết người bằng cuộc chĩa. Cuộc chĩa là loại cuộc vừa để xới cỏ, vừa để đào khoai củ dưới đất. Cuộc chĩa không phải loại cào cỏ. Cuộc chĩa có ba hoặc năm răng nhọn, mỗi răng có bề ngang gần hai phân, bề dày khoảng từ ba đến năm ly, chiều dài từ một tấc đến gang tay tùy theo loại lớn nhỏ; khoảng cách giữa các răng khá thưa (đầu chừng ba đến bốn phân) chứ không khít như cây cào cỏ. Lượng dùng cuộc chĩa năm răng, bỏ vào đầu một người đàn ông. Lượng kể lại tôi nghe đầu đuôi câu chuyện dù rằng trong bản cáo trạng đã ghi lại khá rõ. Nhưng với giọng kể của Lượng, tôi mới thực sự hiểu được tâm tình và quan niệm sống của em.

Gia đình Lượng quê ở huyện Long Đất. Ba của Lượng đi theo cách mạng, bỏ xác trên Trường Sơn. Mẹ của Lượng sống vậy nuôi hai con, một gái một trai, vừa

tiếp tục đóng góp cho cách mạng bằng cách nuôi chứa cán bộ nằm vùng trong hầm nhà. Năm 1975, vừa hồ hởi vẫy cờ đón rước đoàn quân giải phóng xong, chỉ một thời gian ngắn sau đó, chẳng may mẹ của Lượng bệnh chết khi hai chị em hãy còn nhỏ xíu. Chị mười hai tuổi, em tám tuổi. Nhà nước cấp giấy chứng nhận chị em Lượng thuộc gia đình liệt sĩ và đặc trách cán bộ ủy ban nhân dân tại địa phương “nghiên cứu” giúp đỡ. Hai chữ “nghiên cứu” ghi trên các văn bản hành chính của chế độ cộng sản là một thứ lệnh khá mơ hồ: nó hoàn toàn ủy quyền cho người thi hành giải quyết sự việc theo cảm tính và khả năng của người ấy—và nếu có xảy ra điều gì sai trái lầm lỗi, người ra lệnh chẳng phải chịu trách nhiệm gì, cứ việc đổ thừa cho người thi hành; trong khi đó, người thi hành cũng có thể vịn vào hai chữ “nghiên cứu” để bào chữa với nạn nhân của cái lệnh ấy rằng “chúng tôi chỉ nhận lệnh ở trên, nghiên cứu giải quyết.” Nghiên cứu là thăm dò, tìm hiểu, điều tra chứ có phải là hành vi giúp đỡ có tính cách quyết định đâu. Như vậy, hoàn cảnh của hai chị em Lượng được “nghiên cứu” một thời gian. Hai đứa bé mồ côi được làng xóm láng giềng bảo bọc một thời gian ngắn với lòng tốt vốn bị giới hạn theo mức kinh tế tẻ tộ của cả nước trước bậc thềm của “tiến trình nhảy vọt.” Nửa năm sau, sau một vòng từ dưới đề nghị lên trên cứu xét, từ trên ra lệnh bên dưới nghiên cứu, rồi từ dưới lại đệ đơn lên trên xin chứng nhận, rồi từ trên đưa lệnh chứng nhận xuống dưới—from dưới là từ cấp ấp, từ trên là cấp tỉnh (hay trung ương Hà Nội); có nghĩa là phải đi bốn chặng đường xuôi ngược: ấp, xã, huyện, tỉnh... tỉnh, huyện, xã, ấp—hai chị em Lượng mới được nhận giấy chứng nhận là thuộc “gia đình liệt sĩ.” Nhờ cái giấy chứng nhận ấy, mỗi tháng hai chị em có được mấy trăm bạc và tiêu chuẩn gạo măm để sống cầm hơi. Nhưng hẳn nhiên là không đủ. Trên thực tế, tem phiếu hay tiền thưởng của nhà nước cấp cho cũng có tính cách tượng trưng như là cái bằng liệt sĩ treo trên vách. Liên, chị của Lượng, bấy giờ mới được mười ba tuổi, phải

đóng vai một người mẹ trẻ nuôi đứa em trai chín tuổi. Hai chị em bắt chước hàng xóm trồng khoai, trồng bắp trong mảnh vườn nhỏ do cha mẹ để lại. Những người hàng xóm tương đối tốt bụng bây giờ không nhìn ngó đến hai chị em Liên-Lượng nữa, vì cho rằng chúng thuộc gia đình liệt sĩ đã có nhà nước lo đầy đủ rồi. Vậy rồi, theo luật tự nhiên trời sinh voi sinh cỏ, người ta sống được thì hai chị em cũng lây lất sống được qua ngày. Cho đến các năm 1978-79, cả nước lâm vào cảnh đói rét, phân gạo khoai cầm hơi do nhà nước cấp dưỡng cho hai chị em bị giảm xuống, mùa màng lại bị thất thu, hai chị em bị thiếu ăn, buổi tối phải đi trộm khoai bắp của vườn rẫy của người khác. Ăn trộm liên tục từ tháng này qua tháng nọ để sống. Ăn trộm mãi mà chỉ bị nghi ngờ chứ chưa bị phát hiện, hai chị em cứ tiếp tục vừa tự lo sản xuất ban ngày, vừa đi trộm thêm ban đêm, quen thành thói tật, không chừa bỏ được. Năm 1981, tức là cách nay bốn năm, vào một đêm tối mịt, hai chị em chia nhau, chị đào trộm khoai lang ở rẫy này, em nhỏ trộm khoai mì ở rẫy khác. Liên đang lui hui bới đất bẻ khoai (nghĩa là chỉ đào bên hông vòng khoai, bẻ lấy củ chứ không động đến giây lá trên mặt đất—làm vậy, chủ nhân miếng vườn sẽ không phát giác được là đã bị trộm) thì một bóng người to lớn từ đâu nhảy bổ đến, cầm đòn gánh quất túi bụi vào đầu vào cổ. Liên không chuẩn bị trước nên chẳng làm sao mà chạy được, chỉ biết nằm lăn trên đất mà chịu đòn, rồi vì đau và sợ chết quá, Liên mới gắng la to kêu cứu: “Lượng ơi, Lượng... cứu chị!” Lượng từ một rẫy khoai mì gần đó, vội vàng xách cuốc chĩa nhắm hướng có tiếng la của chị mà chạy đến. Thấy ông Bảy, một người bộ đội phục viên trong xóm, đang mạnh tay phang đòn gánh một cách chẳng nương tay xuống thân người mềm nhũn của chị dưới đất, Lượng không còn kịp suy nghĩ gì nữa, vung cuốc chĩa, bỏ vào đầu ông ấy. Ông loạng choạng chút rồi ngã quy xuống đất, máu phun thành vòi từ sau gáy và khoảng vai cổ. Lượng bỏ mặc ông ấy, lo dìu chị về nhà. Hàng xóm lúc đó mới túa ra, phát giác ông

Bảy nằm dưới đất, lại phát giác hai chị em Lượng mặt mày xanh lét với cây cuốc chĩa còn dính máu. Cả ông Bảy và Liên đều được y tá của địa phương lo cứu chữa bằng bó trong khi chờ đợi người ta đi gọi xe cấp cứu của bệnh viện huyện. Liên thì bị mấy chục vết bầm tím từ vai đến chân. Ông Bảy bị ba răng nhọn của cuốc chĩa phạm vào sau ót, cổ và vai, hai lưỡi còn lại cắm vào phần lưng. Bác sĩ nói, may mà Lượng chỉ là một thiếu niên 14 tuổi, ốm tong teo, không đủ sức vung mạnh cây cuốc chĩa khá nặng ở đầu lưỡi, chứ không thì ông Bảy chết ngay lập tức, không thể cứu được như bây giờ. Ủy ban nhân dân và công an địa phương đến giải quyết sự vụ bằng cách giải hòa gia đình nạn nhân của hai bên mà theo họ, đều có công với cách mạng, đều là *người nhà* với nhau cả. Ông Bảy im lặng bỏ qua, nhưng bốn năm sau ông chết vì vết thương ở sọ não. Vợ ông truy tố hai chị em Lượng ra tòa. Tội ăn trộm được bỏ qua, nhưng tội giết người thì phải lãnh. Lượng đi tù một mình.

Vụ án của Lượng lại gọi tôi nhớ đến chuyện tôi được nghe kể lúc còn ở vùng kinh tế mới Bàu Cạn. Các thanh niên xã này kể rằng vào năm 1978, toàn quốc thiếu lương thực vì mùa màng bị thất thu (thực ra đó là nói theo lối giải thích đổ thừa và chạy tội của nhà nước thay vì nói thực là do những sai lầm liên tục của nhà nước trong các kế hoạch phát triển kinh tế để chuẩn bị cho “bước nhảy vọt” đến thiên đường cộng sản); dân các tỉnh, từ đô thị đến thôn quê, đều lâm vào cảnh đói, hưởng gì dân ở các vùng kinh tế mới—là những nơi lưu đầy khôn khổ và đói nghèo hạng nhì (sau nhà tù) trên đất nước. Dân kinh tế mới là những người bị bắt buộc phải nghèo đói một cách trắng trợn qua sự hăm dọa, khủng bố, hoặc khuyến dụ của nhà nước, bỏ lại nhà cửa vườn tược đã ổn định từ lâu của mình để nhà nước trưng dụng phân phát cho cán bộ đảng viên, chân ướt chân ráo đến định cư và tranh thủ sống còn trước cái hùng vĩ ma quái của thiên nhiên nơi những vùng ma thiêng nước độc, sơn lam chướng khí. Tại đây, họ

được cấp một số lượng gạo rất khiêm nhường theo mỗi đầu người (trẻ em 6 kí lô, người lớn 12 kí lô một tháng) trong vòng sáu tháng để ra công khai phá rừng già mà lập vườn rẫy sản xuất. Tiêu chuẩn gạo như thế kể ra đã thật là quá ép, vì trên thực tế, một người lao động nặng cần phải có ít nhất mỗi ngày một kí gạo, vì chỉ một tháng phải có 30 kí mới gọi là đủ; nếu vì tiết kiệm phải độn thêm khoai hay sắn khô trong nồi cơm thì cũng phải có khoảng 20 kí gạo và 10 kí khoai khô. Vậy mà nhà nước cứ việc tính thẳng là 12 kí mỗi đầu người, ai thiếu ráng chịu! “Ráng chịu” với nghĩa đen là phải chịu nhịn đói thực sự, chứ không biết đào đâu ra số lượng thực phẩm thiếu hụt (ngoại trừ phải đi ăn trộm, ăn cướp; nhưng cả vùng kinh tế mới đều đói thiếu như nhau thì ai trộm của ai, ai cướp của ai?). Sau thời hạn sáu tháng tẩn tiện khoai bắp trừ bữa để trồng tía hoa màu lúa má, dân kinh tế mới phải hoàn toàn tự túc, có nghĩa là sống bằng mảnh đất mảnh vườn của họ; trồng được bao nhiêu, ăn bấy nhiêu, thiếu thì nhịn, còn nếu lao động tích cực đến nỗi thu hoạch quá dư thì bị bắt đóng thuế hoặc phải bán bớt cho nhà nước với giá thật rẻ mà nhà nước qui định. Trong hoàn cảnh tách biệt với đô thị và các vùng dân cư khác, dân kinh tế mới Bà Cạn không còn con đường nào khác hơn là phải nỗ lực ngày đêm vào việc sản xuất để tạo được một nền kinh tế tự túc ổn định, không phải nhờ cậy đến các địa phương khác. Vậy mà vào năm 1978, khi cả nước lâm vào nạn đói, dân kinh tế mới Bà Cạn cũng không khỏi bị lây họa, nhất là một số gia đình mới dọn đến, còn nằm trong thời hạn sáu tháng được nhà nước cấp *gạo tiêu chuẩn*. Gạo cấp cho những gia đình này tự dung bị cúp ngang, hỏi đến thì cán bộ đồ thừa cho “ở trên” không đưa gạo xuống thì có đâu mà phát. Hợp tác xã chuyên bán và đổi gạo lấy khoai bắp của dân kinh tế mới cũng đóng cửa vì không có gạo ngoài huyện đưa vào, phần khác vì sợ dân đói làm liều nên tránh mặt luôn. Vậy là đói. Người lớn nhịn ăn nhường cho trẻ em. Nhịn được vài ngày thì cả nhà nhịn. Rồi cả xóm nhịn.

CỐI TRÓI TẬP I

Trẻ em, người già, chết như rạ. Không thể ngồi im chịu chết, dân Bàu Cạn rủ nhau đi ăn trộm. Ban đầu đi vài người, sau thành cả tập đoàn đông đảo. Ban đầu đi ăn trộm vào ban đêm, sau trở thành ăn cướp vào ban ngày. Họ lên đường từ sáng sớm, mỗi người tay cầm cuốc hay rựa, tay mang bao bị, đi sang các xã lân cận (tức những xã không thuộc vùng kinh tế mới). Trên đường đi, thấy ruộng lúa sắp gặt hoặc đang gặt thì xúm lại cắt lúa, gặt rẫy khoai thì tùm lại đào khoai, bắt kẻ chủ nhân ruộng vườn ấy là ai. Các vị chủ nhân thấy đoàn người đói rách liều mạng này tự tiện “thu hoạch” hoa màu của mình cũng không dám nói năng chửi bới gì. Họ chỉ nói đôi lời nhỏ nhẹ, xin lại một ít để ăn thì may ra được yên thân và còn giữ lại lương thực cho vài ngày sau. Một vài vụ ấu đả, xảy ra án mạng chỉ vì chủ nhân các ruộng rẫy cố sức kháng cự để bảo vệ quyền lợi của mình. Sự kháng cự trong trường hợp này là vô ích vì đoàn người đói không sợ bất kỳ một trở lực nào, ngay cả chính quyền địa phương gồm công an, du kích, cán bộ các cấp. Ruộng vườn của cán bộ nhà nước cũng bị xâm phạm công khai mà không ai dám lên tiếng, chỉ vờ làm lơ hoặc đóng cửa cài then, trốn trong nhà. Họ kiếm lương thực bằng cách đó trong vòng mấy tháng, mỗi ngày xách bị cầm cuốc, kêu réo nhau tập hợp thành đoàn mà đi. Càng lúc càng phải đi xa hơn, nhưng họ không nệ hà gì: họ phải giải quyết cái đói của họ và của bầy con nheo nhóc ở nhà. Họ nói lúc ấy họ sẵn sàng giết người, nhất là những cán bộ nhà nước giàu có nếu những cán bộ này cản trở việc ăn cướp hoặc có ý bắt bớ họ. Họ tin tưởng rằng họ hành động như vậy là đúng, chẳng có gì sai trái. Quá đói và sẽ đói đến chết. Đó là lý do chính đáng để ăn cướp, giết người. Xin thì không ai cho. Trộm vặt thì bị bắt và bị đánh đập, bắt giam. Đành ăn cướp tập thể. Họ làm vậy và kể lại tôi nghe một cách tự nhiên, không xấu hổ. Tôi từng khuyên họ đừng trộm cắp, nhưng cũng chỉ biết cười trừ với lý do trộm cướp của họ. Quả là trong trường hợp này, người ta bảo “*chân lý nằm trong*

bao tử” không phải là quá đáng.

Nghiệm câu chuyện của Lượng và câu chuyện đói của dân kinh tế mới Bàu Cạn, tôi vừa lạnh mình nghĩ đến sự tàn bạo của con người, vừa thương cảm cho những nạn nhân của một xã hội đói nghèo cả thực phẩm lẫn đạo đức lương tri. Một khi giá trị lao động và vật chất được đề cao như là nền tảng của cuộc sống và tiến bộ xã hội thì hệ quả tất nhiên là mọi giá trị đạo đức tinh thần bị xếp vào hàng thứ yếu nếu không nói là không cần thiết. Xã hội từ đó như một người bệnh phong, mất dần từng phần thân thể trước khi bị hủy hoại hoàn toàn. Tôi đã không thể trách người dân Bàu Cạn, thì cũng không thể trách ông Bảy, không thể trách chị em Lượng. Họ đều là nạn nhân của một cơn bệnh, một hệ thống hay một quan niệm sống của xã hội hiện tại. Tâm tình người dân quê nước tôi xưa nay đâu có tiếp xử với nhau tàn bạo và thiếu tình cảm như vậy. Nhưng điều đáng e ngại nhất vẫn là con người trong xã hội ấy, như đã nói ở trước, không hề mang chút mặc cảm phạm tội nào sau khi đã gây tội ác. Cách người dân Bàu Cạn, nhất là cách mà Lượng kể chuyện tôi nghe chẳng khác gì Bính công an: không hề nghĩ rằng mình đã làm một điều gì tội lỗi, và không hề đếm xỉa gì đến tâm tình và hoàn cảnh của nạn nhân phía kia. Lượng nói:

“Tại vì ông Bảy là bộ đội phục viên, cũng gia đình cách mạng, chứ không thôi đâu làm gì được em. Em gia đình liệt sĩ mà!”

Rõ ràng là trong sự đói khổ, khốn cùng, Lượng hay Bính công an đều còn bám vào niềm tự hào mình là “đân cách mạng” để ngược mặt mà sống. Và dân cách mạng thì có quyền thụ hưởng các ưu tiên về địa vị và lợi dưỡng của xã hội, có quyền gây tội ác, có quyền nhoi người lên đạp đầu đám dân hèn đói rét bất lực mà sống còn. “*Sống chết mặc bay*,” là quan niệm sống thật đơn giản của cái gọi là “hiện thực xã hội chủ nghĩa.”

Tôi ngao ngán buồn bã rút về góc phòng, ngồi im một lúc. Đất nước tôi đang lún dần vào một cái vực lầy

CỐI TRÓI TẬP I

tường chùng không lối thoát. Tôi từng chấp nhận hoàn cảnh tù đầy để làm một cuộc cách mạng tự tâm, nhưng tự dung bây giờ, tôi lại thấy nôn nả bồn chồn, muốn vượt thoát khỏi trại giam này, xông ra ngoài tiếp tục con đường cứu nguy cho dân tộc. Không thể bó tay ngồi im như vậy được. Tôi phải được tự do! Tôi phải ra khỏi nhà tù này!

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG SÁU

Thôi, chuyện tạm ngưng ở đây há. Tôi nói vậy để dọ thử phản ứng của nàng chứ tự thâm tâm, tôi thấy vẫn còn hứng cảm để kể tiếp. Không dễ gì có một người chịu khó lắng nghe câu chuyện tù tội nhàm chán quen thuộc trên xứ sở này như nàng.

Nàng lắc đầu nguầy nguậy một cách trẻ con, như một đứa trẻ phụng phịu đòi quà, bắt tôi phải tiếp tục. Nàng không muốn rời tôi để đi ngủ thì tôi cũng muốn ngồi lại đây để kể chuyện.

Chúng tôi đã uống khá nhiều trà, có chia tay để ai về phòng nấy cũng chẳng làm sao ngủ được. Nhất là tôi. Tôi biết rằng tôi đang cố gắng chạy trốn một sự thực. Ngồi nói chuyện với nàng, tâm ý tôi sẽ bận bịu, không còn chỗ trống để sự thực đó hiện bày. Tôi chưa đủ can đảm để đối diện với sự thực ấy. Tôi sợ nằm một mình trong căn phòng kia. Tôi sợ bóng đêm bao vây mình gợi dậy hình ảnh mình không dám nghĩ đến. Tôi sợ cô đơn. Tôi sợ rất nhiều thứ... Tôi muốn ngồi với nàng, dưới ánh sáng của ngọn đèn nê-ông đêm nay cho đến khi mặt trời mọc. Vậy là tôi lại tiếp tục kể chuyện.



Không có bất cứ một dấu hiệu tự do nào cho trường hợp bị giam của tôi. Đối với nhà nước, tôi là kẻ phạm trọng tội và thuộc thành phần nguy hiểm nhất của chế độ. Tu sĩ các tôn giáo là những kẻ nắm được quần chúng bằng

đạo đức và uy tín của họ—trong khi người cộng sản chỉ biết dùng vũ lực để chèn ép, nhưng vẫn không sao thu phục được nhân tâm. Người cộng sản thù ghét và sợ hãi thành phần tu sĩ là vì thế. Đó là chỉ nói đến những tu sĩ thuần túy, chưa hề lên tiếng hay có thái độ phản đối chế độ; chứ còn tu sĩ như tôi, từng lập hội này hội nọ chống nhà nước, lại cộng tác với lực lượng võ trang Phục quốc, thì nhà nước còn ghét cay ghét đắng hơn nữa. Cho nên, tôi chỉ là người tù mới bị bắt giam ba tháng, chưa kết thúc chuyện khai cung, chưa được phép liên lạc với gia đình bên ngoài, chắc chắn không có hy vọng gì về vấn đề tự do. Mơ ước tự do của tôi chỉ là phản ảnh hào huyền của một thứ tâm thức tội nghiệp đang lẩn quẩn trong một xác thân tù hãm.

Loay hoay với ước muốn tự do trong vài ngày, tâm tôi mới thực sự quay về với đời sống tù trước mắt. Tôi phải tiếp tục đối diện với những vấn đề thực tế hơn: con đói và sự thèm thuồng chất ngọt. Hai thứ này hành hạ tôi khá nhiều mỗi khi tôi nhìn thấy kẻ khác ăn uống hoặc bị hâm nóng một thứ gì làm bốc mùi lên. Kể cũng lạ! Tôi đã từng tập nhịn đói nhiều ngày không ăn lúc còn ở chùa. Vậy mà bây giờ, mỗi ngày đều có ăn một vài chén cơm với muối hay tương, vẫn cứ thèm thuồng ăn uống một cách thảm thương! Ôi, con đói thiếu triền miên trong tù đã làm cho nhiều bạn tù trong phòng giam này trở thành những người hèn mọn, mất tư cách. Mà ngay cả những bạn tù có gia đình thăm nuôi, không đến nỗi đói thiếu, cũng vô tình bị buộc phải trở thành những người tội tệ không kém: tằn tiện, bủn xỉn một cách nhỏ mọn hoặc kiêu kỳ phách lối một cách bất nhân. Ngồi một chỗ, tôi quan sát kỹ lưỡng cử chỉ và câu nói của từng người bạn tù đối xử với nhau. Và đôi khi tôi bật cười một mình. Tôi biết mọi người, dĩ nhiên là kể cả tôi, đang bị một con ma hành hạ. Nó chẳng phải là con ma đói, ma khát, ma thèm, ma keo kiệt, ma kiêu căng gì đâu. Tất cả những thứ ma nói trên chỉ là tiểu yêu. Con ma quỷ quyệt và ranh mãnh nhất,

sinh sản bao thứ tiêu yêu kia chính là con ma dục vọng.

Mặc dù có bạn tù giúp đỡ phần nào về “thực phẩm” (đúng ra chỉ là các thứ gia vị muối trắng hoặc nước tương), sức khỏe của tôi cũng không khá hơn được. Tôi vẫn cứ ốm tong ốm teo vì thiếu dinh dưỡng. Đôi lúc tôi thấy xây xẩm chóng mặt, muốn ngất xỉu vào những ngày nóng bức. Cũng may là thể chất và ý chí của tôi cũng thuộc loại chai lì nên không chịu ngã quỵ bởi cái khó khăn thuần vật chất. Tôi tự nhắc nhở mình mỗi giờ mỗi phút như thế. Đối với đạo nhân, thiếu ăn hay thiếu dinh dưỡng không phải là “chướng ngại” gì to lớn trong việc hành đạo. Đôi khi chúng lại còn là những duyên lành giúp đỡ (thuật ngữ Phật giáo gọi là *trợ duyên*) đạo nhân cái cảm thức nhạy bén và sâu xa hơn về nỗi khổ và niềm đau cũng như sự tương quan giữa xác thân và ý chí. Càng đói thiếu thực phẩm, càng khô gầy về thể xác, tôi càng thấy ý chí mình vươn mạnh hơn lên.

Nhưng ý chí thực ra là cái gì vậy? Nó vươn lên để làm gì? Tôi tự hỏi nhiều lần mỗi khi hai mắt mỏi mệt muốn nhắm lại vĩnh viễn cho yên phận với ngàn thu. Rồi tôi mở bừng mắt ra, tự trả lời: nó là con ma dục vọng từng chiếm lĩnh nội tâm con người; nó muốn tồn tại bằng bất cứ giá nào, nên nó kêu gọi và thúc đẩy sự chiếm hữu. Khi nào khuynh hướng chiếm hữu được đáp ứng thỏa mãn thì điều này đã tự chứng minh sự tồn tại của dục vọng. Hoặc ngay cả khi chưa có sự chiếm hữu và thỏa mãn, ngay cả khi nỗi khao khát hãy còn nằm trong dạng thái một thứ động lực hay tiềm lực, nó vẫn chứng tỏ sự hiện hữu của con ma dục vọng ấy. Người ta sẽ nói là ý chí muốn sống, hay bản năng sinh tồn... những cái thúc đẩy con người trôi dạt để tự vệ. Nhưng dù có đặt thêm cho nó hàng trăm cái tên khác nhau tùy theo khuynh hướng vươn lên và thể cách biểu hiện của nó, chẳng hạn khát vọng, tham vọng, tham muốn, ái dục, tự ngã, bản ngã, lòng vị kỷ... thậm chí những đức tính và thái độ có những tên gọi đẹp đẽ như khiêm cung, ít muốn và biết đủ, lòng thương xót tội

CỐI TRÓI TẬP I

nghiệp, phong cách lịch sự nhã nhặn... tôi vẫn cứ thấy rõ chúng là những biểu hiện khác nhau của cùng một thứ bản chất: dục vọng. Học kinh Phật, tôi biết dục vọng thường ra vào năm cửa ngõ: tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống và ngủ nghỉ. Nay tôi nhìn thấy rõ ràng hơn: không phải nó chỉ muốn đi bằng các cửa ngõ “quang minh chính đại” ấy mà còn biết tùy theo lúc theo cảnh mà chọn lựa lối đi của nó nữa. Khi tôi chặn đánh và ngăn cản nó ở năm cửa ngõ nói trên, nó có thể chui qua những cửa sổ nhỏ hơn; ngăn bít các cửa sổ này, nó lại tinh quái len lỏi và sinh xuất từ những khe hở bé xíu khác (có khi được coi là những đam mê tao nhã: thưởng hoa, uống trà, đọc sách, ngắm cảnh, hút thuốc, thêm một viên kẹo nhỏ...). Mà sự ra vào của dục vọng nơi các khe hở bé xíu này mới thực là tinh tế, đến nỗi đôi khi tôi đã tự an lòng rằng nó đã chết đi rồi, kẻ thù quý quýệt của bãi chiến nội tâm! Nhưng thực ra, nó vẫn còn đó. Cánh cửa lớn hay nhỏ chẳng phải là điều quan trọng. Dục vọng sẵn sàng xuất nhập qua bất cứ ngõ ngách nào, miễn là có lối đi cho nó vận hành là đủ. Và một khi nó còn vận hành, êm nhẹ hay bạo tợn, thì nó còn tồn tại. Kẻ ít tham muốn hay người nhiều tham muốn đều như nhau, Họ giống nhau ở một điểm là chưa thực sự giải thoát. Và nếu có khác nhau thì không khác ở kết quả dẹp trừ dục vọng mà chỉ khác trên mặt hiện tượng, nghĩa là chỉ sai biệt ở cung cách chọn lựa lối đi cho dục vọng của mình mà thôi. Sự chọn lựa đó tạo thành những dáng vẻ đa thù của đời sống xã hội. Từ nhà đạo đức cho đến tên ăn cướp, đều tuân hành mệnh lệnh của dục vọng. Kẻ thấp hèn thì thường nghênh ngang chọn lối đi rộng lớn; người thanh cao thì mạnh dạn chui rúc qua những kẻ hở (hoặc nói cho đúng hơn: kẻ nghênh ngang chọn lối đi rộng lớn thì bị coi là xấu xa nhỏ mọn; còn người công khai chui rúc qua những kẻ hở thì được ca tụng là nhà đạo đức thanh cao!).

Nhận thức được điều đó, tôi tập trung tất cả con người và thời giờ của mình ra để chiến đấu với nó. Trận

chiến này, tôi từng áp dụng triệt để vào những ngày còn tụ tập ở chùa Long Tuyên Hội An, từ sau năm 1975, nay mới có cơ hội bày ra lại một cách quyết liệt hơn. Suốt ngày tôi chỉ nhìn vào tâm tôi, bất cứ cái manh động nào của tự ngã chồi dậy, tôi đều điểm mặt đặt tên cho nó. Nó như một tên trộm chịu khó và có quyết tâm tấn công vào một ngôi nhà rộng có nhiều ngõ ngách, thất bại ngã này thì lại tìm ngã khác, nhưng khi bị chủ nhà phát hiện thì chỉ biết lặng lẽ rút lui. Cứ như vậy trong suốt nhiều ngày, tâm tôi thanh tịnh trong suốt như một phiến băng. Hầu như suốt ngày đêm, chỉ có một niềm vui lặng lẽ to lớn, tràn ngập trong lòng. Không còn một thúc dục nào. Không còn một vọng tưởng nào. Không còn một ý niệm nào. Chỉ có một tâm thức mang mang không bợn một chút duyên trần. Ngay cả xác thân tôi, cũng trở nên nhẹ hẫng, khinh khoái. Vào những ngày ấy, đã có khi tôi nghĩ, “kể từ hôm nay, ta không còn hãi sợ bất cứ tên giặc trong hay giặc ngoài nào.” Nhưng rồi ngay cả cái ý niệm tự hãnh và hài lòng với chiến công dẹp trừ dục vọng ấy, cũng bị tôi mổ xẻ, điểm mặt. Và trong tôi chỉ còn một cái tâm vắng lặng như hư không.



Mới đó đã đến tuần cuối cùng tháng 8 dương lịch. Như vậy, kể từ khi bị bắt đến nay, tôi đã ở tù gần bốn tháng. Tôi đã có trên một trăm ngày ăn cơm với muối và thỉnh thoảng được chút tương hột. Có khi cả muối và tương của bạn tù giúp cho cũng hết nhẵn nên phải ăn cơm không trong nhiều ngày, vắt cơm lại thành một nắm nhỏ cho dễ nuốt. Có khi phải ăn cơm với muối bọ trong cái bình muối dùng để đánh răng của kẻ khác. Mấy anh bạn tù chính trị dù quý mến tôi cách mấy cũng không sao đùm

CỐI TRÓI TẬP I

bọc tôi đến cùng được. Vài người bạn tù chính trị thân nhất mới biết rằng sở dĩ tôi chưa liên lạc được với bên ngoài chẳng qua là do hồ sơ của tôi chưa kết thúc. Dưỡng và Quái, là hai trong số những bạn tù chính trị chơi thân với tôi nhất, có khi đã nói với tôi với giọng bất lực: “Phải chi thầy Khang ăn mặn được thì đỡ biết mấy. Tụi này có món này món nọ muốn chia sớt cho thầy mà không dám.” Có lẽ trong cách nói ấy, họ thử gợi ý xem tôi có chịu ăn mặn (tức là ăn thịt cá) hay không. Nhưng đầu óc bảo thủ của tôi nghĩ rằng đã vượt qua được trên trăm ngày thì tiến tới nữa, chịu đựng thêm nữa, có sao đâu. Vậy là tôi lắc đầu, quyết định là cứ ăn chay để giữ cái thể diện tối thiểu của một tăng sĩ Phật giáo Bắc tông. Tôi có bệnh rữa liệt cả tay chân, ghê chóc cùng mình, chết lên chết xuống, cũng không sao, không ai để ý gì lắm đâu; nhưng nếu tôi dùng thịt cá của bạn tù cho hoặc nhận nước mắm nấu bằng tép khô của trại thì cả phòng sẽ trở mắt lên, sừng sốt, xầm xì, mai mỉa, trêu chọc, rồi tiếng đồn sẽ lan đến tai các cán bộ, đến các phòng giam khác, đến xã hội bên ngoài, và biết đâu chừng lại đi vào một trang báo trang sách nào đó của cán bộ văn hóa nhà nước. Tôi không thích vậy. Dù cho tôi có dõm lược chịu đựng dư luận đến đâu, tôi cũng không đủ dày mày dày mặt làm mang tiếng chung cho tập thể tăng sĩ mà tôi từng tham dự.

Rồi bất chợt sáng hôm ấy, sau gần một tháng rười rượi được yên thân không bị gọi ra ngoài khai cung, tôi bị cán bộ Hón gọi tên và đưa ra đến dãy văn phòng chính của trại. Đến một phòng nằm ở đầu dãy, Hón bảo tôi đứng chờ ở hành lang rồi bước vào trong. Chỉ một lúc ngắn, Hón trở ra ngay với một cán bộ xấp xỉ năm mươi tuổi. Viên cán bộ này mặc áo sơ mi ngắn tay màu vàng, quần tây màu cà phê, mang mắt kiếng mát, trông có vẻ khác với lối ăn mặc thông thường của những cán bộ mà tôi từng tiếp xúc (thường là áo sơ mi dài tay màu trắng với quần xanh hay đen). Da ông xạm đen, dáng trung bình, người rắn chắc, nét mặt vui tươi cởi mở. Ông bước đến

chỗ tôi, cúi đầu chào một cái thật nhanh như thể ông sợ người khác bắt gặp. Hón quay đi. Viên cán bộ mời tôi bước theo ông. Phòng ông chia làm hai gian, trước và sau. Phần trước có một dãy bàn dài với nhiều ghế, chắc là dùng để họp. Phần sau chính là văn phòng riêng của ông. Nhiều tủ hồ sơ bao quanh một cái bàn làm việc lớn chật đầy giấy tờ. Cửa sổ nhỏ bên hông không đủ soi sáng căn phòng, ông bật cái đèn nê-ông lên.

“Mời ngồi đi, tự nhiên,” ông nói với giọng miền Nam rất thân mật, không chút kiêu cách, không chút trịch thượng.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế dựa quay lưng ra ngoài cửa phòng. Ông ngồi quay mặt ra, định nói câu gì đó nhưng rồi lại xoa xoa hai tay, sắp xếp lại mấy chồng hồ sơ trên bàn. Sắp qua sắp lại như thế nào đó mà cuối cùng, tôi có cảm tưởng là chẳng có gì khác với trước đó cả. Xong, ông đẩy mắt kiếng mắt lên một chút, nói:

“Thầy là... anh là Vĩnh Khang, phải không?”

“Vâng,” tôi đáp.

“Tôi là Nguyễn Lâu, trưởng trại... À, à... hồ sơ của anh do ông Văn phó trại kết thúc từ tháng trước, tôi đã theo dõi kỹ lưỡng từ đầu đến cuối. Tạm thời... à, à... hôm nay tôi đặc trách làm việc với anh về chính sách và đường lối của nhà nước đối với phạm nhân...” nói đến đây, ông có vẻ hết lời, chẳng biết nói gì nữa.

Ông đứng dậy, bước qua cái bàn nhỏ đặt sát cửa sổ, bật nút cái lò điện nhỏ để nấu nước sôi, bốc một nắm trà bỏ vào bình tích; xong, ông quay lại chỗ ngồi, xoa xoa hai tay, lúng búng một vài chữ gì đó tôi không nghe rõ, rồi bất chợt, ông nói luôn một hơi dài:

“Đáng lẽ tôi sẽ thay mặt trại nói về đường lối chính sách của đảng và nhà nước cũng như của trại đối với anh, nhưng tôi nghĩ những cái đó chắc anh biết hết rồi, tôi không cần phải lặp lại làm gì.”

Tôi ngạc nhiên hết sức. Đây là lần đầu tiên một cán bộ cộng sản nói với tôi một câu “tiêu cực” như vậy.

Thường thường thì họ cứ nói càn nói bừa, nói như vệt những điều họ thuộc lòng, chẳng cần biết đối tượng trước mặt là ai, có muốn nghe hay không, đã biết hay chưa biết về những điều họ nói. Bồn phận của họ chỉ là nói. Nay ông trưởng trại giam tự kết luận trước là tôi đã biết hết rồi, khỏi cần phải nói, thì kể cũng lạ, và cũng mừng nữa! Phải, tôi mừng lắm, vì không cần phải tốn thì giờ ngồi nghe những khẩu hiệu.

Ông Lâu lại xoa tay, đứng dậy, đến bàn nước, châm nước sôi vào bình trà. Ông mang đến hai cái tách trắng men khá đẹp, đặt trên hai cái đĩa nhỏ đồng bộ. Một cho tôi, một cho ông. Rồi ông mang bình trà đến, đặt trên bàn giấy, mở nắp bình trà ra nhìn, rót một ít ra tách của ông để xem trà đã ra chưa. Tất cả động tác của ông đều có cái vẻ gì lúng túng. Tôi có cảm tưởng là ông rất e ngại hoặc có gì khó xử khi phải tiếp tôi.

“Chờ một chút cho trà ra... hút thuốc không? Hi hi, tôi không hút thuốc điếu, chỉ vắn thuốc rê thôi. Nhưng thuốc rê này ngon lắm, thuốc Tân Phú đó, hút còn ngon hơn 555 nữa,” ông bắt đầu tự nhiên.

Tôi xoa tay từ chối cái hộp thuốc ông đưa tới và cảm ơn ông bằng một nụ cười. Ông im lặng vắn thuốc khá lâu. Tôi cũng ngồi im chờ đợi. Một lúc, ông nói, khói thuốc bay theo tiếng ông từng chập:

“Tuổi trẻ ai cũng có lần mơ ước đóng góp xây dựng đất nước, ai cũng mong đất nước sẽ như vậy như kia... Ba mươi năm trước, tôi cũng vậy chứ có khác gì đâu... Nhưng mà thực tế cuộc đời nó không phải như vậy, anh Khang đồng ý không? Cái ước mơ của mình nó càng đi ngược với thực tế chừng nào thì nó càng nguy hiểm cho mình chừng đó. Tôi nói vậy chắc anh Khang hiểu hết rồi. À, trà đậm rồi, uống miếng trà đi.”

Ông rót trà cho tôi, cho ông. Chúng tôi im lặng uống. Chốc chốc, ông lại đứng dậy rót thêm trà vào tách tôi, rồi ngồi xuống, tiếp tục uống trong im lặng. Tôi nghe tiếng gõ đều đặn của cái đồng hồ treo trên tường. Tiếng

cái quạt máy kêu vù vù, cứ mỗi lần quạt ngang bàn làm việc của ông trưởng trại thì làm cho những góc giấy của các chồng hồ sơ há ra. Có tiếng điện thoại reo. Ông Lâu bắt lên:

“Vây à, phải đi bây giờ sao? Chiều không được hả? Ừ, cứ tới đi,” ông cúp điện thoại, nhìn tôi một lúc như lựa lời. “Chút nữa tôi phải đi công tác chừng một tiếng đồng hồ, cũng có thể chừng nửa tiếng thôi. Tôi nhờ anh Khang làm cho việc này được không? Như vậy, trong khi tôi đi vắng, anh ngồi viết giùm một bản tự khai, kể lại những gì anh làm trong thời gian ở Long Thành, tức là cái vụ Phục quốc đó mà, được không?”

Đĩ nhiên là phải được rồi. Lần trước, ông Văn bắt tôi viết đi viết lại bao nhiêu lần cái bản tự khai cho đến khi nào ông không còn thắc mắc mới thôi. Ông Văn bắt buộc tôi viết, ra lệnh tôi phải viết, chứ đâu có “nhờ vả” lịch sự như ông trưởng trại này. Vây là theo sự hướng dẫn của ông ấy, tôi trở ra cái bàn dài ở gian trước. Ông mang một xấp giấy trắng và một cây bút theo sau, đặt trên bàn, bảo tôi ngồi ở một cái ghế gần cánh cửa bước vào phòng làm việc của ông, mặt hướng ra phía một cửa sổ rộng không có chấn song. Rồi ông đem bình trà, cái tách, hộp thuốc rê với cái hộp quạt ga, một cái gạt tàn, đặt trước mặt tôi:

“Anh cứ viết thong thả, khi nào xong thì xong, không cần phải gấp. Hút thuốc cho vui. Tôi mà ngồi làm việc hay viết cái gì là tôi hút dữ lắm. Tôi đi một chặp là về, vậy nha, xin lỗi nha.”

Nói rồi, ông quay bước ra sân. Cửa ra vào chỉ đóng một cánh. Cánh còn lại cho tôi nhìn thấy một chiếc xe hơi màu trắng đậu ở trước. Hình như đó là chiếc xe đã áp tải tôi và Thiện Đắc từ trại giam T20 ở Sài Gòn đến trại giam B5 này. Ông vừa lên xe là viên tài xế đã phóng xe đi ngay ra cổng, gấp gấp. Còn lại một mình, tôi không vội viết. Tôi nghe lời ông, thong thả, không gấp. Ông không bắt buộc viết nhanh, không ngồi trước mặt, không đi qua đi

CỐI TRÓI TẬP I

lại sau lưng, tội gì tôi phải gáp. Tôi viết cho xong mấy hàng đầu theo yêu cầu phải có của một tờ tự khai: “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM. ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC. BẢN TỰ KHAI” rồi chống viết đề đó, nhìn ra cửa sổ.

Lâu lắm mới được ngồi im một mình, nhìn mây trắng bay qua khung cửa sổ. Tôi không tận hưởng giây phút rảnh rỗi với khung cảnh mới này thì chốc nữa trở lại phòng giam tập thể, chung đụng với sáu mươi mấy gã đàn ông ồn ào nhón nháo suốt ngày đêm, sẽ chẳng bao giờ có được cơ hội nữa.

Đứng ra thì lúc còn ở vùng kinh tế mới, thỉnh thoảng tôi cũng ngồi bên cửa sổ có mấy chần song bằng tre của cái thảo am, ngược nhìn mây trắng bay qua; nhưng lúc ấy tôi chỉ thấy vui vui trong lòng một chút chứ chẳng có cái cảm nghĩ gì. Khi được tự do sống giữa một vùng rừng núi bao la, chuyện nhìn mây qua cửa là điều họa hoạn mới có. Bao giờ cảm thấy trong lòng tù túng, tôi chỉ cần bước ra sân là đã có thể hưởng được cả một bầu trời xanh ngắt điểm vài bóng mây, đâu cần phải ngắm trời mây qua khung cửa chật hẹp. Cho nên, chỉ từ khi vào tù, tôi mới thực sự là quen thuộc với cảnh nhìn mây bay qua khung cửa sổ. Quen thuộc nhưng không phải lúc nào cũng giống nhau, dĩ nhiên. Khung cửa có cái lớn cái nhỏ, cái có song cái không song, cái thì cao cái thì thấp; vị trí người ngồi bên cửa có lúc gần lúc xa; tâm trạng người ngắm lúc thư thả lúc bồn chồn; dáng mây lúc hình này, lúc hình nọ, có cụm dày cụm thưa; trời cao có lúc quang đãng có khi xám xịt... Bao nhiêu yếu tố sai biệt đó đã có thể vẽ nên được nhiều bức tranh mới lạ, với nhiều ý nghĩa khác nhau. Nhưng điều làm tôi thích thú nhất là lúc nào tôi cũng tìm thấy được con người và vận mệnh tôi trong sự chuyển dịch nhanh chóng và không ngừng của những tán mây lướt qua cái khuôn nhỏ của cửa sổ. Đứng ngoài trời, ở một vị trí khoảng khoát mà ngược nhìn mây, người ta có cảm tưởng là mây bất động hoặc nếu có chuyển động

chẳng nữa thì cũng chỉ là sự chuyển động lặng lẽ của một khối bông sữa mênh mông hùng vĩ, hòa nhập trong cái vô cùng tận của vũ trụ. Trong khi đó, mây qua khung hẹp cửa sổ là những phiến nhỏ, những tiểu thể bị chia cắt, từng phần từng phần lướt qua một không gian bé xíu bằng những chớp nhoáng phù du. Vừa xuất hiện là đã choáng hết cả khoảng trời hạn cuộc. Hút sau cạnh cửa thì đã biệt mù tăm dạng. Sự biến hiện vô thường ấy vừa khiến lòng tôi chùng xuống với một nỗi buồn thâm trầm về thân phận con người, mà kỳ lạ là nó cũng đồng thời đẩy tôi đến tận cùng cái chỗ mập mé giữa thực tại và hư vô, để rồi nó cho tôi cái cảm thức hết sức lôi cuốn rằng nếu tôi buông mình vào bờ này thực tại hay bờ kia hư vô, tôi đều có thể nếm được cái hương vị mang mang vô cùng của tự tánh. Tất cả ý niệm về sự còn mất sinh diệt của tự ngã hay của một bóng mây ngang qua khung cửa hẹp, đều là ảo tưởng, đều là mộng tưởng...

“Chào đồng chí, thủ trưởng đâu rồi, cho tôi gặp ông ấy được không?” một giọng Bắc của anh cán bộ trẻ nào đó cất lên phía sau lưng tôi.

Tôi giật mình trở về với thực tế là tôi đang ngồi nơi cái bàn họp ở gian trước của văn phòng ông trưởng trại để viết bản tự khai. Tôi quay ngược lại trả lời người cán bộ mới vào:

“Ông ấy đi vắng rồi.”

Anh cán bộ bấy giờ mới nhìn rõ tôi, hơi giật mình, rồi bằng vẻ tò mò không giấu giếm, anh trở mặt nhìn tôi một lúc rồi bước ngang phía sau lưng tôi, tiến sâu đến cánh cửa phòng riêng mở vào bên trong, nơi bàn làm việc và cất chứa hồ sơ của ông trưởng trại. Anh đảo mắt nhìn rồi quay ra, tay khép cánh cửa lại, đến đứng cạnh tôi, nhìn xấp giấy trước mặt tôi:

“Đồng chí viết cái gì thế nhỉ? Ủa, là phạm nhân à, sao viết bản tự khai?”

Tôi chưa kịp nói gì, anh đã lầu bầu:

“Thủ trưởng này làm việc sao mà tặc trách sơ hở

quá! Ai đòi lại để phạm nhân ngồi một mình nơi đây chẳng ai coi ngó!”

Nói rồi anh hùng hỏ bước qua bước lại, đến đóng cánh cửa sổ mà nãy giờ tôi đang thả hồn ngắm mây, xong anh ôm cặp rời khỏi phòng, không quên đóng cánh cửa ngoài mở sẵn từ nãy giờ.

Còn lại một mình, tôi định cúi xuống viết nhưng không viết được vì phòng khá tối. Chưa được hai phút sau, anh cán bộ trở lại, có cả Phương bước theo.

“Đấy, đồng chí coi, ông ấy để phạm nhân ngồi đây viết tự khai, cửa ngoài cũng mở, cửa sổ cũng mở, cửa kia cũng mở, cái phòng đầy hồ sơ và đủ thứ vật dụng linh tinh trong đó! Bây giờ đồng chí sắp xếp làm sao cho nó qua phòng khác hay ít nhất cũng cho người ngồi đây mà trông nó chứ!”

Phương thấy tôi thì ồ lên một tiếng:

“Không sao đâu, đồng chí bình tĩnh. Thủ trưởng biết phải làm cái gì mà. Anh Khang đây tôi cũng biết nữa. Không có gì đâu. Người của ông lấy ra thì cứ để yên cho ông, đừng vào làm gì. Ông ấy bảo anh ngồi đây hả anh Khang?”

“Vâng, tôi đâu có tự tiện được chứ,” tôi đáp.

Phương cười, nói với anh cán bộ kia:

“Yên chí đi mà. Thôi, ra ngoài này đi. Đồng chí gặp thủ trưởng có việc gì, tôi giúp được không?”

Họ cùng kéo ra ngoài. Phương không quên bật công tắc điện cho tôi có ánh sáng. Tôi cúi xuống viết thật nhanh bản tự khai. Một lúc lâu, Phương trở lại một mình. Bước ngang sau lưng tôi rồi đến mở tung cánh cửa sổ khi nãy bị viên cán bộ kia cẩn thận đóng lại. Từ cửa sổ, Phương quay lại, đối diện tôi, nhoen miệng nói:

“Đủ sáng chứ hả, anh Khang?”

Tôi ngược lên, đáp:

“Vâng, cảm ơn,” và bất ngờ nhìn thấy thân hình của Phương, sau chiếc áo bà ba bằng lụa mỏng, phơi lộ ra giữa vùng nắng chói lòa từ cửa sổ rọi vào, hình dạng một

chiếc đục bình hai bên cong vào một chút ở phần giữa, hay như hai vòng eo của thùng đàn ghi-ta... Tôi vội cúi mặt xuống, viết tiếp.

Phương cứ đứng đó. Tôi có cảm tưởng là cái bóng của cô đổ vào trang giấy trước mặt tôi, Tôi lại ngược lên nói:

“Cô mở cửa sổ cho tôi có ánh sáng nhưng rồi cô lại đứng che mắt rồi.”

Phương cười nhẹ, nói:

“Ô, xin lỗi anh Khang,” nói rồi cô đứng dạt sang một bên, tiếp, “anh Khang hôm nay viết tự khai cho ông trưởng trại thì chắc chắn hồ sơ sắp kết thúc rồi đó.”

“Vậy hả?”

“Vâng, hồ sơ kết thúc ở đây rồi thì anh sẽ được liên lạc với gia đình để thăm nuôi hay gặp mặt. Nhưng còn chuyện ra tòa thì phải chờ bên viện Kiểm sát tỉnh cứu xét nữa.”

“Cám ơn cô cho biết điều đó.”

“Có gì đâu anh Khang. Bị can nào cũng có thể biết được điều đó mà, chỉ tại em... à, chỉ tại tôi biết anh Khang không rành mới giải thích cho anh thôi. Ô kìa, bàn tay anh Khang sao nhỏ xíu vậy há, lại trắng nữa, tay anh là tay con gái mà! Nhưng... hình như anh bắt đầu bị ghê rồi đó.”

Tôi mắc cỡ rụt tay lại, bỏ dưới gầm bàn, giống như đứa học trò nhỏ bị cô giáo quở về bàn tay dơ đầy bụi đất hay dính mực của mình. Phương cười, nói:

“Trong trại mà bị ghê thì cũng thường thôi. Anh chưa có thăm nuôi thì chắc là không có thuốc xức ghê? Để mai một tôi đem thuốc xuống phòng cho anh. Đâu, anh đưa tay tôi coi nào.”

Tôi ngấp ngừng một lúc rồi để bàn tay lên bàn. Phương bước tới một bước cho gần hơn, nhìn rồi cầm bàn tay tôi, lật qua lật lại rồi chặc lưỡi, lắc đầu, không nói gì. Tôi chẳng hiểu ý nghĩa của những cái chặc lưỡi ấy của cô.

“Thôi, anh Khang tiếp tục làm việc há. Bữa nào

Phương xuống phòng, đem thuốc xức cho anh. À, anh cần thuốc gì nữa không? Hay là... anh có cần cái gì không?”

“Không, cảm ơn.”

Phương chậm rãi rời chỗ tôi, đến ngang cửa phòng cô đưa tay tắt điện (mà khi nãy cô bật lên cho tôi khi phòng bị anh công an kia đóng hết các cửa), nhìn tôi mỉm cười lần nữa, và đầu cô vẫn cứ lắc nhẹ như tiếc rẻ hay chưa xót cho một điều gì.

Tôi cúi xuống tiếp tục viết một lúc nữa thì ông Lâu về. Từ sân, ông bước nhanh vào, ngang chỗ tôi thì đứng lại, hỏi:

“Anh đã xong chưa? Chưa xong thì cứ viết, thông thả, không gấp đâu. Viết đầy đủ là được rồi, không cần nhanh.”

“Tôi viết xong rồi,” tôi nói.

“Vậy hả? Tốt quá, thôi được, để tôi nói người ta đưa anh về lại phòng—này đồng chí, cho tôi một bảo vệ.” Ông bước ra bậc cửa nói với ai đó ở ngoài hành lang, xong quay trở lại, đến chỗ tôi, cầm bản tự khai lên, liếc sơ, nói nhỏ giọng, “cảm ơn, cảm ơn... dài như vậy mà anh viết nhanh quá, lại sạch sẽ rõ ràng nữa! Ở dưới đó, có việc gì cần, anh nói quản giáo là anh muốn gặp tôi nhé. Tôi cũng sẽ dẫn tất cả cán bộ quản giáo là... thôi, tóm lại là khi nào muốn gặp tôi, anh cứ nói với quản giáo. Được rồi, anh theo cán bộ kia về phòng há.”

Tôi được một cán bộ đeo súng ngắn dẫn đi. Về khu trại giam, vừa bước vào văn phòng trực—nơi có một chiếc bàn dành cho cán bộ trực ngồi kiểm soát tù nhân mới xuất và nhập trại hoặc đi khai cung—tôi bất ngờ bắt gặp một dáng mặt quen thuộc của một tù nhân cời trần mặc quần cụt, đang đứng trước mặt viên cán bộ trực. Đang cúi đầu bước đi, vừa suy nghĩ vớ vẩn gì đó, tôi không kịp nhận thức ra anh ấy là ai; đến khi anh bảo vệ bảo tôi đứng lại để bàn giao cho cán bộ trực, tôi mới ngược lên, nhìn kỹ lại thì sự nhận biết người ấy chính là Hiền, anh ruột tôi. Hai anh em tôi nhìn nhau, vừa mừng vừa tủi, cùng nở một

nụ cười để chào thăm nhau. Nhưng viên cán bộ trực quát lên:

“Cười cái gì? Các anh muốn thông cung hả? Các anh quen nhau à? Anh ở Nha Trang mới chuyển trại đến đây mà quen với anh này hả? Sao các anh cười?”

Hai anh em tôi chưa kịp giải thích gì thì viên cán bộ đã hướng về tôi, hỏi:

“Mấy ở phòng nào?”

“Phòng 7,” tôi đáp.

“Đi vào mau,” cán bộ xua tôi đi nhanh.

Tôi không kịp nói gì với anh mình. Bước vào đứng nơi mái hiên bên ngoài phòng giam, chờ đợi cán bộ mở cửa vào phòng, tôi nghe như có lệ ứa trong lòng. Tôi luôn có cảm giác hoàn cảnh anh tôi phải gánh chịu hôm nay đều do một tay tôi gây nên dù rằng những gì anh ấy làm trước đây đều do anh tự nguyện. Anh là một nhà thơ hiền lành, ít nói. Hoàn cảnh đất nước biến anh thành một người cầm súng để bảo vệ mảnh đất miền Nam; rồi hoàn cảnh đất nước khi thống nhất hai miền trong chính thể mới lại biến anh thành một chiến sĩ văn hóa sử dụng ngòi bút của mình để lên tiếng thay cho những người dân yêu chuộng tự do và công bình. Anh em tôi ít khi nào có cơ hội để ngòi trao đổi riêng với nhau về tâm cảnh và mơ ước riêng của mỗi người, nhưng từ lúc cùng dần thân trong các hoạt động chính trị, chúng tôi đã gần lại với nhau nhiều hơn. Bây giờ tôi càng thấy rõ rằng quả thật đạo sĩ và nghệ sĩ lúc nào cũng gần gũi với nhau, không những ở khuynh hướng tìm hiểu và khai phá thực tại qua sự sáng tạo nghệ thuật hay khai mở thức tâm giác ngộ, mà còn ngay trong những hoài bão sâu kín đối với thực tại xã hội. Anh tôi đã tự nguyện dần thân, chẳng phải do tôi khích lệ hay lèo lái gì; nhưng chính sự nhẹ dạ kết bạn và dễ tin người của tôi đã đẩy xô anh tôi vào hậu quả tù tội hôm nay qua sự giới thiệu vào tổ chức một đặc tình công an như Hân.

Tôi là người đáng tội nhất. Tất cả an nguy của những người khác có liên hệ đến tôi, đều là do một mình

tôi gánh chịu. Tôi phải gánh chịu. Tôi tự giao cho mình trách nhiệm ấy. Vâng, tôi phải gánh chịu tất cả.



Bây giờ là tuần thứ tư của tháng 8, chỉ còn vài ngày nữa là tới đợt thăm nuôi cuối tháng. Đợt thăm nuôi cuối tháng 8 là một trong những đợt thăm nuôi có nhiều hy vọng nhất của tù nhân. Không phải chỉ hi vọng được thăm nuôi và gặp mặt thân nhân mà còn hy vọng được trả tự do nữa, vì sau ngày 30 tháng 8 ấy hai ngày thì đúng vào dịp lễ Quốc khánh của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam—ngày 2 tháng 9, cái ngày mà nhóm cộng sản Việt Nam thao túng tổ chức Việt Minh, ma lanh đứng lên cướp chính quyền Việt Nam khỏi tay quân đội Nhật sau vụ hai quả bom nguyên tử khiến Nhật đầu hàng Đồng minh năm 1945. Nhà nước cộng sản thường nhân những dịp lễ lớn (như sinh nhật ông Hồ Chí Minh, lễ Quốc khánh, Tết Nguyên đán), trả tự do cho một số tù để những người tù này cảm thấy mang ơn Bác và Đảng. Cho nên, những ngày cuối tháng 8 là những ngày đầy hy vọng. Đã có một vài người trong phòng 7 được trả tự do thực. Bắt đầu từ ngày 23 tháng 8, mỗi ngày đều có người được gọi tên cho về. Phòng giam được rộng rãi hơn, nhưng cũng vì cái tự do của người khác mà mình không được dự phần, nó cũng trở nên trống vắng buồn tẻ hơn.

Ngày 25 tháng 8, Khoa gọi tôi ra ngoài “làm việc”. Nơi hai cái bàn lớn thô kệch sơn màu đỏ nằm dưới bóng râm của mấy cây trứng cá, tôi thấy đây một tốp công an vận đồng phục, kẻ ngồi người đứng, bàn tán nói chuyện sôi nổi. Thấy Khoa đưa tôi từ xa đến, họ ngưng tiếng ồn, cùng quay nhìn. Khoa đưa tôi hướng về phía họ. Đến nơi tôi mới thấy rằng nơi hai chiếc bàn với bốn cái băng ghế dài mà chỉ có một anh công an mập mạp, cỡ bốn mươi tuổi, có lẽ là người chỉ huy, ngồi chễm chệ một mình trên

một băng ghế; những người còn lại, chừng mười lăm người, đều đứng xúm xít chung quanh. Họ quan sát tôi từ đầu đến cuối, xàm xì to nhỏ. Khoa đến trước mặt viên công an kia, nói:

“Báo cáo đồng chí, đây là Vĩnh Khang, tức là Thích Tâm Quang đó.”

Anh công an mập ra dẫu bảo tôi ngồi xuống ở băng ghế đối diện. Tôi ngồi xuống.

“Anh thực sự là Thích Tâm Quang hả?”

“Vâng,” tôi đáp.

“Trẻ quá vậy đó! Anh có biết là anh làm phiền chúng tôi lắm không hả?” viên công an nói với giọng hơi đùa. Cả tốp công an đứng sau đều cười. Viên chỉ huy có vẻ sung sướng được đàn em hỗ trợ bằng tiếng cười, hứng thú hỏi tiếp:

“Anh đi tu bao lâu rồi?”

“Mười lăm năm,” tôi đáp.

“Dữ vậy đó. Tức là anh đi tu trước năm 1975 chứ không phải mới sau này?”

“Vâng.”

“Bộ ở chùa dạy anh hoạt động phản cách mạng hả?”

“Không, chùa chỉ dạy tôi nên nói, làm và suy nghĩ đúng với sự thật.”

“Vậy thì sự thật đó có quan hệ gì đến chuyện hoạt động phản cách mạng đâu kia, sao anh lại đi phản cách mạng?”

“Từ sự thật đó mà suy ra, tôi thấy cái gì bất công thì tôi nói là bất công, thấy cái gì đau khổ thì tôi nói là đau khổ, thấy cái gì sai thì biết là sai, thấy cái gì đúng thì biết là đúng. Rồi tôi quyết định nói và làm những gì tôi nghĩ là đúng.”

“Ôi chà, nói gì mà lòng vòng quá. Anh có tài giảng đạo, viết văn, làm báo... tôi biết, nhưng không cần phải văn chương triết lý ở đây. Tôi chỉ muốn hỏi là... là... thôi, dẹp đi, khỏi cần nữa. Thế tôi hỏi anh, hôm Tết vừa qua, anh bỏ Long Thành chạy đi đâu, sao không chịu ra

đầu thú để rồi bây giờ lại bị bắt vào đây vậy hả?”

“Tôi về Sài Gòn thăm bà con sau khi lo xong công chuyện ở chùa ba ngày Tết.”

“Chứ không phải có ai thông báo cho anh biết để anh trốn sao?”

“Không.”

“Anh đi đường nào, vào lúc nào mà chúng tôi không thấy? Anh ở chùa có học phép thuật gì không vậy hả?”

Cả tốp công an cười ồ lên theo giọng hỏi đùa của viên chỉ huy. Tôi cũng cười theo, nhưng không trả lời.

Những người cộng sản vô thần này đa phần xuất thân từ thôn quê, ít học, nên thường có thói quen suy đoán sự việc theo xu hướng thần bí. Cứ việc gì xảy ra mà vượt khỏi khả năng suy luận thì lại gờ đó là do huyền thuật tâm linh. Trước đây, ở trại T20, Hùng công an cũng đã thay mặt tốp trinh sát Sài Gòn hỏi tôi một câu tương tự chỉ vì họ không bắt được tôi sau suốt một ngày canh gác bao vây khu xóm nhỏ nơi tôi ẩn náu. Họ là những người mê tín dị đoan, tin tưởng thần quyền nhiều nhất, nhưng cứ làm bộ chống lại thần quyền. Tính chất mê tín thần quyền thực ra chỉ có thể nảy nở trong giới bình dân thiểu cận. Vậy mà rồi chính giới này lại phải đứng ra phát động chiến dịch bài trừ mê tín, tiêu diệt thần quyền. Cái buồn cười nhất trong xã hội cộng sản chủ trương vô thần là ở chỗ đó. Họ không biết rằng cây đa đầu làng sở dĩ linh thiêng là do niềm tin của dân làng đặt vào đó, chứ không phải vốn tự nó có sự linh thiêng; cho nên thay vì dẹp bỏ sự mê tín, họ lại đi chặt cây đa, phá nơi thờ tự, diệt Phật, chống Chúa. Rốt cuộc thì mê tín vẫn cứ là mê tín. Lòng người còn mê thì có thể đẻ ra muôn vạn thần linh chứ nói gì chỉ một thần linh! Đó là lý do tại sao Karl Marx, Lenine, Staline, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh... trở thành thần thánh để “sống mãi trong sự nghiệp” của họ.

Mà cũng không trách họ được. Tôi nghe một chú tiểu ở chùa Long Quang trên kinh tế mới chạy về Sài Gòn cho biết rằng vào ngày 14 tháng giêng sau Tết vừa qua,

công an tỉnh Đồng Nai phối hợp với công an địa phương vây chùa để bắt tôi; mấy chú tiểu nói tôi đã đi Sài Gòn; công an không tin, hoặc nghĩ rằng nếu tôi đi Sài Gòn thì cũng về lại chùa vào buổi tối, nên họ cắt người ở lại đêm tại chùa để canh gác, chờ tôi lộ diện. Buổi khuya, có hai anh công an đối quá rủ nhau lên chánh điện lấy trái cây dâng cúng trên bàn thờ, ngồi ăn ngay trước Tổ đường. (Chùa tôi mái lợp bằng tranh, vách tô bằng đất; ngõ trước đi vào chánh điện có một cửa rộng ba mét, phía sau hai bên Tổ đường có hai cửa mỗi cửa rộng hơn một mét, cả ba cửa đều chỉ là ba cái khung vuông, không có cánh để đóng hay khóa, ai muốn vào thì vào, muốn ra thì ra). Ăn xong, các anh ngồi hút thuốc, xả vỏ chuối và rác rến bừa bãi trên chánh điện. Nhưng khi vừa bước ra khỏi chánh điện, bỗng dung cả hai lại té lăn ra đất, ói mửa liên hồi, chân tay co giật như mắc kinh phong. Các đồng chí của hai anh vội tìm xe đưa các anh ra bệnh viện cấp cứu. Chuyện ấy có thể giải thích đơn giản rằng hai anh gặp một luồng gió độc nào đó từ trong khu rừng phía tây thổi qua, hoặc vào giờ giặc khuya lạnh như thể mà ăn nhiều trái cây, ăn đầy bụng, khó tiêu, bội thực thì phải ói. Nhưng đồng bào Phật tử địa phương cũng như mấy anh du kích ấp xã thì phải giải thích theo cách nghĩ của tín ngưỡng dân gian, chẳng hạn cho rằng mấy anh bị cô hồn các bác “vật”, hoặc bị long thần hộ pháp trừng trị để dẫn mặt cái tội không tôn trọng nơi thờ tự trang nghiêm—thậm chí có người còn cho rằng các anh bị phạt vì cái tội đã dám tới chùa để rình bắt nhà sư trụ trì! Từ câu chuyện bị trừng phạt ấy, ắt hẳn là đồng bào địa phương được dịp thuật lại cho mấy anh công an nghe rằng trước đây có kẻ ăn trộm thùng phước sương của chùa, ra chưa khỏi tam quan đã bị vật té, dây đàn đập dưới đất, chưa kịp khai thùng phước sương để lấy tiền cúng của thập phương bá tánh; một kẻ trộm khác lấy cặp chân đèn bằng đồng nơi bàn thờ Phật đem ra chợ huyện bán thì bị bắt, chân đèn trả lui lại cho chùa. Những chuyện này cộng thêm chuyện

CỐI TRÓI TẬP I

mấy anh công an trúng gió trúng thực, đã bồi thêm về huyền hoặc linh thiêng của chùa Long Quang, và dĩ nhiên là cũng khiến cho các nhà vô-thần-mê-tín thâm kín nhìn tôi như một con người có linh thuật đáng sợ.

Thấy tôi chẳng nói gì, anh công an chỉ huy cười rồi đứng dậy, rời dãy bàn. Đám công an kia cũng lục tục kéo theo, ra khỏi khu vực trại giam, hướng về phía văn phòng trại. Chỉ Khoa ở lại, ngồi thay vào chỗ của viên chỉ huy khi nãy.

“Anh Khang nhập trại bao lâu rồi vậy?”

“Khoảng ba tháng,” tôi đáp.

“Nghe nói anh từ trại T20 Sài Gòn chuyển lên, phải không? Vậy là anh xa gia đình hơn ba tháng rồi.”

“Phải.”

“Anh có muốn liên lạc với gia đình không?”

“Dĩ nhiên là muốn.”

Ngập ngừng một lúc, anh nói tiếp mà mắt chớp lia chớp lia, có vẻ như không muốn nhìn thẳng vào mắt tôi:

“Thường thì bị can phải học tập tốt và có tích cực đóng góp trong việc xây dựng đời sống trại giam thì mới được phép liên lạc thư từ với gia đình...”

“Vậy à? Tôi tưởng khai cung xong thì tất nhiên phải được quyền liên lạc chứ.”

“Ai nói với anh điều đó?”

“Ồ... tôi không nhớ rõ lắm... hình như là cán bộ phó trại hay trưởng trại gì đó,” tôi vừa nói xong thì nhớ ngay rằng người nói cho tôi biết điều đó chính là Phương chứ không phải hai ông cán bộ kia; tôi định chỉnh lại nhưng thấy cũng chẳng cần thiết gì, vì tôi nghĩ cán bộ nào nói lại chẳng được. Không ngờ cái uy của hai ông cán bộ kia lại khiến Khoa e dè. Anh có vẻ hơi lúng túng một chút, nhưng cuối cùng cũng đưa lý lẽ của anh:

“Trên nguyên tắc thì là vậy... nhưng đó là ở trên văn phòng, với ban chấp pháp, còn thực tế ở phòng giam dưới này thì lại khác. Anh thử nghĩ coi, nếu một người cứ bị phạm kỷ luật hoặc không chịu học tập tốt thì ban quản

giáo chúng tôi làm gì cho phép viết thư về gia đình chứ hả?”

“Té ra là như vậy. Tôi không biết. Thôi thì khi nào anh thấy được thì cho tôi gửi thư, chưa được thì thôi.”

“Tôi chỉ nói cái thông lệ ở đây thôi, còn trường hợp anh thì được chứ. Trên đã thông báo cho chúng tôi biết là hồ sơ khai cung của anh đã kết thúc. Tôi cho anh biết để anh về phòng viết thư cho gia đình. Anh có giấy bút chứ hả? Nếu dưới đó không có thì nói tôi biết. Viết xong, nhờ trưởng phòng đem ra cho ban quản giáo duyệt lại rồi sẽ dán tem gửi đi cho anh.”

“Cám ơn...”

“Có điều... tôi muốn anh cũng chứng tỏ là anh sẵn sàng giúp đỡ ban quản giáo trong việc kiểm tra xây dựng sinh hoạt trong trại giam, buồng giam.”

“Nghĩa là sao?”

“Nghĩa là... nếu ở dưới phòng có chuyện gì lộn xộn, hoặc có thành phần nào đáng nghi là phản động, có âm mưu vượt trại trốn trại, chống lại ban quản trại... thì anh báo cáo lên cho chúng tôi biết sớm, được không?”

“Có nghĩa rằng tôi phải làm công việc báo cáo đó thì mới được liên lạc với gia đình à?”

“Không, không phải vậy. Đã nói là trường hợp của anh thì trại đã cho phép. Đây là cá nhân tôi và ban quản giáo nhờ riêng anh thôi. Có gì đâu, hễ trong phòng có cái gì không bình thường thì khi thấy tôi, anh cứ việc giơ tay xin ra ngoài gặp... rồi báo cáo tình hình.”

“Tôi nghĩ đó là công việc của các anh trưởng phòng, phó phòng. Tôi không quen và cũng không thích hợp để làm chuyện đó đâu. Nếu vì tôi không nhận việc mà anh không cho viết thư thì thôi vậy. Tôi đã bỏ gia đình đi xuất gia mười lăm năm rồi, nếu bây giờ không liên lạc cũng chẳng sao đâu.”

“Anh đừng nói vậy chứ. Tôi có nói rồi, anh đã được phép viết thư... Thôi, được, tôi đưa anh trở về phòng. Nhưng anh nên nhớ cho rằng bất cứ lúc nào anh muốn

gặp để nói chuyện riêng với tôi, cứ việc giơ tay lên nha.”



Anh trưởng phòng, cho tôi một tờ giấy viết thư rút ra từ một cuốn tập vở cho học sinh đi học; màu giấy vàng xỉ, đôi chỗ dính cả vỏ cây hoặc một thứ lông nhỏ của con gián hay dế gì đó; có chỗ lại nổi lên một cục bột hay cục gì cứng ngắt; có chỗ loang một khoanh dầu mỡ hay nhựa cây màu lòng trắng trứng gà, mũi viết đến ngang đó thì trượt tới trượt lui, chẳng làm sao mà xuống mực. Nhưng không sao, giấy xấu cách nào thì cũng đọc được mà!

Trưởng phòng còn cho tôi một bì thư và cho mượn cây bút nguyên tử để viết thư. Anh dặn: đừng viết gì liên hệ đến những người trong tù hoặc những người đồng phạm, đừng than khổ, đừng tả cuộc sống trong trại, đừng nói gì bóng gió xa xôi... và nhớ đừng dán bì thư lại, vì đó là công việc của quản giáo chứ không phải của người viết thư!

Lâu lắm tôi mới có dịp viết thư cho gia đình. Không phải từ lúc bị bắt mà từ lâu lắm rồi, lúc còn ở chùa Long Quang trên kinh tế mới. Trên ấy không có bưu điện nên tôi rất lười viết thư, và lại thói quen của người xuất gia khiến tôi thấy cũng chẳng có gì quan trọng để viết cho gia đình ngoại trừ hỏi thăm sức khỏe mỗi người vào mỗi ba tháng, có khi sáu tháng hay một năm... Bây giờ viết gì nhỉ? Và viết cho ai đây? Ba mẹ và một số anh chị em của tôi ở Nha Trang, một vài anh chị lớn khác ở Sài Gòn. Suy tính một lúc, tôi quyết định viết cho hai người chị ở Sài Gòn. Họ sống trong một căn nhà nhỏ ở quận Tân Bình. Thỉnh thoảng từ kinh tế mới về Sài Gòn, tôi vẫn thường đến đó để nghỉ trưa và thăm hỏi tin tức gia đình.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG BẢY

Trà uống nhiều đã thấm, cả hai chúng tôi đều sáng mắt ra, không thấy buồn ngủ. Tôi để hết tâm vào câu chuyện kể, sống lại với những ngày tháng qua bằng vẻ tự tin của một người từng trải đối với một thính giả ngây thơ, hay của một người đang loay hoay tìm kiếm sự hân thưởng cái hạnh phúc của hiện tại bằng cách khơi dậy niềm đau quá khứ. Chuyện càng kéo dài, chúng tôi càng thấy thân mật, tự nhiên với nhau hơn.

“Anh đói bụng lại chưa, em thấy đói quá; tại hồi chiều em ăn sớm. Hay để em làm cái gì sơ sơ cho hai đứa ăn hả?” nàng hỏi.

“Ồ... mất công không?”

“Không đâu, chỉ là mì gói thôi mà, nhanh lắm.”

Ăn xong, tôi gần như mất cái hứng để kể tiếp. Trong khi tôi ngồi trầm tư, nàng vừa dọn rửa chén bát vừa nói:

“Ồ ngã tư đằng kia có một quán cà phê vỉa hè, anh muốn ra đó ngồi uống không?”

“Thôi, mất công. Ở nhà cho khỏe.”

“Ra ngoài thay đổi không khi một chút. Em đi với anh.”

“Bây giờ mới có ba giờ sáng, biết họ đã mở cửa chưa?”

“Họ có cửa đâu mà mở, hi hi, chỉ chờ bàn ghế xếp đến, bày ra vỉa hè thôi. Bán từ khoảng 2 giờ sáng đến sáng bùng thì đẹp.”

“Sao em rành quá vậy?”

“Tại hồi đó có mấy người bạn đến đây ở lại đêm để đi vượt biên, khuya nhờ em đưa ra đường để chờ người đến đón. Lang thang trên đường thấy kỳ quá tụi em ghé

CỐI TRÓI TẬP I

vào cái quán vỉa hè đó. Chỉ miễn cưỡng ngồi đó thôi, nhưng rồi thấy cũng thú vị lắm. Từ đó, thỉnh thoảng dậy sớm mà không có hứng thú làm gì, em đi bộ ra đó ngồi uống một mình, nhìn xe cộ qua lại, cho đến khi mặt trời mọc mới trở về.”

“Cũng khá hoang nghịch đó nghe! Em uống cà phê được sao?”

“Được chứ. Anh không biết uống à?”

“Dĩ nhiên là biết.”

“Vậy thì thay đồ đi uống há. Từ nhà đi bộ đến đó đâu chừng năm, mười phút. Sở công an nằm gần đây nên khu vực này an ninh lắm, chẳng có cướp bóc gì đâu.”

“Nhưng công an có thể để ý làm phiền mình đó chứ.”

“Minh là công dân hợp pháp của đất nước mà, sợ gì chứ!”

“Cái đó chẳng bàn được đâu. Họ muốn bắt lúc nào chẳng được.”

Tôi nói đến đó thì thoáng nhớ đến chuyện xưa khi tôi đến chỗ Hân và bị Hân sắp đặt ông thầy Tư đến rủ tôi ra đường, rồi công an chặn bắt. Nhưng nàng không đến nổi tệ như vậy đâu. Nàng thích và quý tôi, tôi thừa biết điều đó. Không phải hạng người nào trong xã hội này cũng phải bị uốn nắn theo khuôn để trở thành những con người hiểm ác, độc địa, dối trá, hèn hạ, lờng gạt và hại nhau. Có những hạng người sinh ra để sống như đời một hoa sen.

Chúng tôi cùng rảo bộ trên hè phố vắng. Sương khuya phẳng phất mờ trắng trên đường. Nàng khoác cái áo gió mỏng màu vàng tươi và đã cho tôi mượn cái áo khoác gió màu ka-ki trước khi ra đường, vậy mà cả hai đều có vẻ lạnh. Thấy nàng chéo hai tay ôm lấy hai vai, tỏ vẻ lạnh, đôi lúc tôi muốn choàng tay ôm nàng cho ấm nhưng ngại. Xe cộ đã bắt đầu qua lại thưa thớt trên đường. Mấy chiếc xích lô rung chuông mời gọi. Chúng tôi im lặng, thong thả bước. Chị chủ quán đang quạt lò, thấy

VĨNH HẢO

chúng tôi đến thì lên tiếng mời chào. Chúng tôi chọn cái bàn sát với một khu đất trống và khá xa với chị chủ quán. Rồi cùng với ngum trà nóng rất ư sảng khoái giữa trời sương, tôi nhỏ giọng kể, như là thủ thi tâm tình với nàng.



Trời bây giờ đã vào thu. Tôi biết vậy chẳng phải nhờ nhìn thấy sự úa màu của cây lá bên ngoài đâu; mà chính vì bầu trời xám xịt bên trên với những đám mây đen kịt lướt qua thật nhanh phía sau cái bốt gác cao ở góc trại. Và lại, bây giờ là cuối tháng 8 thì phải là mùa thu.

Từ cửa sổ nhìn ra sân trại, từ nhân chúng tôi chẳng thấy có bóng cây nào to lớn để có thể mang lại tín hiệu rõ rệt cho bốn mùa. Chỉ có một cây mai tứ quý èo uột, khẳng khiu như một anh tù ốm đói, trơ trọi đứng một mình nơi vòng hoa của sân chơi. Vòng hoa chạy song song với chiều dài của phòng giam. Mà cái vòng này thực ra lại chẳng có thứ hoa nào được trồng cả; chỉ thấy những rau là rau: rau muống, rau răm, rau diếp cá, rau húng, rau thơm... và vài cây ớt hiểm do mấy anh tù trồng lấy để “cải thiện đời sống.” Tôi mới đến, không dám tin là cây mai tứ quý có thể nở hoa vào mỗi đầu xuân hay không—nói chi đến chuyện nở hoa bốn mùa như tên gọi của nó! Hiện giờ thì chẳng thấy nụ hoa hay cuống hoa nào còn lưu lại trên cây. Chỉ có lá lưa thưa, trông tội nghiệp. Phải chăng các thứ rau mọc sần sần quanh chân nó đã tranh nhau hút lấy nhựa sống khan hiếm còn sót lại trên cuộc đời cần cỗi của sân trại? Và cây mai quân tử kia, vì không chịu hạ mình tranh sống với những thứ rau cỏ tầm thường nên chỉ có mỗi một cách để sinh tồn là cố gắng vươn lên giữa không gian cao rộng? Hay vì chính nó là một loài thực vật cao kỳ vốn sinh ra và tồn hữu bằng thứ dinh

đưỡng duy nhất là cái tiết hậu tuần hoàn luân lưu của bốn mùa sinh diệt nên người ta gọi nó là mai tứ quý?

Đang trầm tư về cốt cách của cây mai, tôi chợt thấy Phương từ phía cổng của khu trại bước vào sân, hướng về phía phòng giam chúng tôi, tay xách một cái giỏ. Một vài anh tù lằng xằng kháo với nhau:

“Ê, chị Phương vào kia. Đã quá bây oi!”

“Tránh chỗ, tránh chỗ.”

Họ tranh nhau xúm xít ngồi gần chỗ lồng khung để được “gần” với người nữ cán bộ này hơn. Có ba tiếng vỗ tay bôm bốp thật lớn làm hiệu cho cả phòng im lặng và tắt cả cùng ngời xuống. Nhất là mấy anh tù đang đứng tắm tòng ngòng trong nhà vệ sinh, phải ngừng dội nước, ngồi thấp xuống sau hai bức tường ngăn, lộ đầu lên nhìn ra hướng lồng khung. Đây là lần đầu tiên tôi chứng kiến cảnh bạn tù đón tiếp nữ cán bộ. Quả là có khác với khi mấy nam cán bộ đến phòng. Chỉ mấy người tù già và vài người tù đứng đần là không hăm hờ đón tiếp Phương, số còn lại giương những cặp mắt đau đáu, nhìn Phương một cách thèm thuồng. Thật chẳng khác những con cọp đói bị nhốt trong chuồng thú, thấy con hoẵng mập mạp và nung núc mỡ đi qua đi lại trước mặt.

Phương bước đến sát bên cửa sắt, không mở khóa, chỉ đứng ngoài, đặt cái giỏ xuống đất, rồi vén tóc mai, nói:

“Phòng này có ai bệnh hoạn gì cần xin thuốc không? Có ai bệnh nặng xin ra nằm bệnh xá không?”

Anh Nhiều trưởng phòng vội bước đến chỗ lồng khung, nói:

“Báo cáo phòng này không ai bệnh, thưa cán bộ.”

Phương gục gặc không nói gì. Không khí im phắc. Cơ hồ chỉ có tiếng áo lụa của cô nữ cán bộ là kêu lên những tiếng sột soạt nhỏ theo sau cử động của cánh tay đưa lên đưa xuống, làm điệu bộ trước mấy chục con mắt đàn ông xa gia đình.

“Có chắc là không ai cần thuốc men không đó?”

Phương hỏi lại một lần nữa.

Chẳng ai lên tiếng. Chỉ có tiếng đôi guốc của Phương nghiêng nhẹ trên nền xi măng. Phương cúi xuống xách cái giỏ lên, quay ra, nhưng vừa tới bậc cửa, cô quay lại:

“À, anh Khang đâu rồi? Có phải anh Khang ở phòng này không?”

Trưởng phòng vội nói:

“Báo cáo cán bộ, ở đây có một Khang. Vĩnh Khang phải không ạ? Anh Khang, cán bộ muốn gặp anh.”

Tôi bước tới chỗ lồng khung. Phương kín đáo nhìn tôi từ đầu tới chân—lần đầu tiên cô thấy tôi cởi trần mặc quần cụt—rồi bằng một giọng tự nhiên, cô nói:

“Cán bộ chấp pháp nhờ tôi đem thuốc xức ghê xuống cho anh. Nghe nói anh mới bị nổi ghê ở hai bàn tay, phải không? Có bị chỗ nào khác không?”

“Không,” tôi đáp.

Đám tù cười. Phương cũng cười rồi tự nhiên đỏ mặt. Thực ra tù nhân chỉ dám cười trước mặt cô nữ cán bộ phụ trách về y tế này thôi chứ đối với các cán bộ khác, chưa bao giờ tôi thấy họ cười như vậy.

Phương ngồi xuống, soạn trong giỏ ra một gói bông gòn nhỏ và một lọ thuốc xức ghê. Hình như cô định chờ tôi đưa tay ra cho cô xức nhưng thấy tôi cứ ngồi yên, cô đổi ý, bèn đưa bông gòn và thuốc vào cho tôi.

“Anh cắt cái này mà xức. Ở phòng giam đông người như vậy dễ bị lây ghê lắm. Mỗi ngày ra chơi, anh nhớ ra ngồi phơi nắng chứ đừng có nấp trong bóng mát. Hết thuốc anh nhắn tôi biết nha.”

Một anh tù từ đầu chòm tới, ngay sau lưng tôi, nói:

“Báo cáo cán bộ, tôi cũng bị ghê nhiều lắm, đầy cả người.”

“Sao nãy tôi hỏi chẳng ai báo cáo?” Phương khó chịu.

“Dạ tại vì tưởng cán bộ hỏi bệnh gì nặng chứ còn ghê thì gần hết cả phòng đều bị, mà bị nặng hơn anh

Khang nữa, thừa cán bộ.”

“Ồ, vậy sao? Nhưng mà các anh có gia đình thăm nuôi, hẳn gia đình gửi thuốc vào chứ trại đâu có lo hết cho các anh được. Trường hợp anh Khang... là vì cán bộ thụ lý hồ sơ biết rằng anh chưa có thăm nuôi...”

Tôi quay lại nói với người bạn tù:

“Không sao đâu, thuốc và bông gòn này là của chung, ai bị ghê thì cứ lấy xức.”

Phương liếc nhìn tôi, tỏ ý can ngăn tôi về việc đưa bông thuốc ra xài chung, rồi cô trợn mắt ngó anh tù kia, nói:

“Các anh lộn xộn quá. Thôi được, để tôi nói với quản giáo của các anh ghi tên người nào muốn có thuốc xức ghê để tôi tìm cách đưa xuống, nhưng nhớ là chỉ anh nào không có gia đình thăm nuôi thôi nhé!” Nói rồi Phương nhìn tôi, nhỏ giọng, “anh cứ lo xức phần anh đi, có một lọ đó mà xức chung thì chẳng ai hết ghê được đâu.”

Phương kín đáo gửi cho tôi một cái nhìn trù mến lạ lùng trước khi xách giỏ rời khỏi phòng giam. Cô vừa khuất thì trong phòng ồn ào trở lại.

“Nhớ vợ quá, mèn đét ơi!”

“Em Phương đã thiệt!”

“Tao sắp điên rồi, thấy em là chịu không nổi!”

Và đâu đó trong những tiếng than trời kia, tôi nghe được lời một người nào đó:

“Chị Phương chịu ông thầy rồi bây ơi!”

Rồi một người khác:

“Ừ, lạ nghe! Mình muốn cô cô chẳng chịu nhìn, lại nhìn cái người tu hành tuyệt dục mới kỳ chứ!”



Thư tôi viết xong đã nhờ anh trưởng phòng đem ra nộp cho quản giáo cùng lúc với vài lá thư của những bạn

tù khác trong phòng. Trưởng phòng theo quản giáo ra ngoài khá lâu. Khi trở về, anh thông báo chung cho những người khác biết là đã được quản giáo chấp thuận cho gởi thư; nhưng với tôi, anh kéo riêng vào góc phòng—nơi làm việc và là chỗ ngủ của anh—nói nhỏ:

“Thư của thầy chưa biết có trót lọt không. Quản giáo Khoa thì dễ, ông đã chấp thuận; nhưng ông Hón cứ nói: thư của tên thầy chùa này phải xét kỹ từng chữ mới được, hấn viết cái gì cũng có ý nghĩa sâu xa bên trong, coi chừng hấn thông cung ra ngoài đó! Theo tôi thì đừng cho hấn liên lạc gì với bên ngoài là tốt nhất!”

“Rồi kết quả ra sao?”

“Chưa biết. Có lẽ chờ mấy ổng hội ý với nhau.”

Tôi phì cười:

“Bộ mỗi thư đều bị tất cả các quản giáo kiểm duyệt trước khi gởi đi à?”

“Đâu có, quản giáo của phòng nào thì kiểm duyệt thư của phòng đó thôi. Nhưng cái thư của thầy chẳng biết sao lại đưa ra hỏi ý kiến chung của cả ban quản giáo. Tôi sợ không được.”

“Nhưng nếu không được thì ông Khoa sẽ xuống đây bảo tôi viết lại thư khác chứ, phải không?”

“Thường thường là vậy. Nhưng biết đâu đối với trường hợp thầy, ông ấy lại im luôn, chẳng gởi đi, cũng chẳng cho viết thư khác!”

Thấy tôi im lặng, Nhiều nghĩ rằng tôi buồn nên nói lời an ủi:

“Ráng đi. Có lẽ tại thầy là tu sĩ Phật giáo, lại nắm giữ chức vụ quan trọng trong lực lượng Phục quốc nên mới bị họ đì như vậy.”

Tôi phì cười:

“Đâu có sao. Chẳng phải tôi lo buồn đâu. Tôi đang nghĩ cách nào thông báo ra ngoài mà thôi. Còn chuyện Phục quốc, tôi có nắm chức vụ gì đâu, chỉ tại họ nghĩ rằng có tham gia, có đóng góp thì phải có chức vụ nên mới đoán mò vậy thôi.”

CỐI TRÓI TẬP I

“Ông Khoa hỏi tôi có biết ông thầy nắm chức vụ gì trong lực lượng Phục quốc không. Tôi nói không. Ông ấy nói rằng thầy là lãnh tụ, hoặc là cố vấn tối cao của ông Trần Văn Lương đó. Ông còn dặn hãy coi chừng, đừng để ông thầy móc nối các thành phần phản động trong phòng giam...”

Tôi bật cười, không nói gì. Nhiều tiếp:

“Có lẽ vì vậy mà mấy quán giáo dim thư của thầy đó. Nè, nói thiệt thầy nghe, kỳ thăm nuôi trước tôi có dặn bà xã gửi cho tôi nhiều đậu hũ và tương chao trong kỳ thăm nuôi tới. Tôi dặn vậy là để thầy có thêm thức ăn đó. Còn như thầy muốn nhắn gì ra ngoài... tôi cũng có thể nhờ bà xã tôi được.”

“Cám ơn anh. Tôi chỉ sợ liên lụy cho anh và gia đình anh, không tốt đâu.”

“Xi, có gì đâu. Bà xã tôi lạnh lắm. Bên ngoài lại có má tôi và mấy đứa em gái nữa. Muốn nhắn gì, làm gì, họ cũng làm được hết. Đàn ông của gia đình tôi đều bị dính vào lực lượng Nghĩa quân Phục quốc. Còn lại toàn đàn bà con gái, tự sinh sống và thăm nuôi cho mấy người đàn ông trong tù. Gia đình tôi là gia đình cách mạng mà, tôi kê rồi bộ thầy không nhớ sao! Hồi xưa, ông già tôi theo cách mạng, còn lại bao nhiêu người trong nhà đều làm giao liên hoặc chứa chấp mấy ông Việt cộng nằm vùng... Sau giải phóng, ông già tôi làm Tỉnh ủy tỉnh Sông Bé, nhưng rồi bất mãn chế độ, ông từ chức, đem gia đình bỏ về Tân Phú làm rẫy. Sau đó, gia nhập Nghĩa quân Phục quốc. Khi ông quyết định theo Phục quốc, cả nhà ủng hộ, rủ rê thanh niên trai tráng trong huyện vào rừng cầm súng. Súng thì do tôi móc nối mua lại của tụi huyện đội, đem chớ vào rừng cho nghĩa quân. Đàn bà con gái nhà tôi lại trở thành giao liên cho Phục quốc. Thầy thầy không, nhờ mấy người giao liên này nhắn một cái tin thì dễ như móc đồ trong túi. Thầy muốn nhắn gì cứ nói tôi biết, bao nhiêu chuyện bà xã tôi cũng nhớ hết. Bà ấy không làm được thì dặn mấy đứa em gái tôi làm.”

“Tôi cũng chẳng nhẩn gì rườm rà đâu. Chỉ cần cho gia đình tôi biết rằng tôi bị bắt, vậy là đủ rồi. Thà biết như vậy còn hơn mù mù tăm tăm chẳng rõ tôi còn phiêu dạt ở đâu hay đã chết mất xác...”

“Dĩ nhiên là phải cho gia đình biết rồi, có ai ở tù mà lại chẳng muốn thông báo cho gia đình đâu, nhất là ở tù cộng sản, chẳng bao giờ đủ cơm ăn, áo mặc, thuốc uống... Để tôi bảo bà xã tôi đến nhà thầy báo tin. Thầy yên tâm đi. Đó là chuyện nhỏ thôi mà. Gặp chuyện lớn cần hy sinh, tội này còn sẵn sàng làm cảm tử quân nữa mà!”

Tôi im lặng, cảm kích sự nhiệt thành của gia đình anh Nhiều, cái gia đình nông dân miền Nam, sống cời mở hồn nhiên và sẵn sàng chết một cách anh hùng để bảo vệ đất đai phì nhiêu trù phú của tổ tiên để lại. Cái nhiệt thành của gia đình anh luôn luôn có lợi cho các công cuộc cách mạng. Cộng sản thành công trong việc xâm chiếm miền Nam một phần cũng nhờ những gia đình mà từ chồng đến vợ, từ cha đến con, đều giốc cả thì giờ và sinh mệnh của họ ra mà đóng góp. Chỉ đáng tiếc một điều là những người dân Nam bộ này đã ủng hộ đến thành công một tập đoàn hại nước hại dân, và khi nhận thức mình sai lầm, họ đã ủng hộ một lực lượng có chính nghĩa nhưng lại thất bại thê thảm để rồi cả nhà phải sa vào vòng tù tội. (Cái nghiệp dĩ khổ đau của Việt Nam từ trăm năm đổ lại đây là hệ lực lượng nào có chính nghĩa thì lại thường thất thời, thất thế, thất thủ, thất trận, thất vận, thất vọng, thất bại... Còn những lực lượng nào phản dân tộc thì lại dễ thành công để rồi mặc tình làm những điều thất học, thất sách, thất đức, thất tín, thất nghĩa, thất nhân tâm... Suy vong của đất nước cứ theo cái đà nghịch thường ấy mà diễn tiến thì dân tộc này biết đến lúc nào mới có thể vươn dậy?)

Nhiều kể rằng ban đầu cả nhà anh đều bị bắt vào tù, một tháng sau đó do khai cung khéo léo, tốp đàn bà con gái được thả về. Anh còn cho biết hồi trước năm 1975, gia đình anh theo cách mạng, làm giao liên, là để ủng hộ Mặt

CỐI TRÓI TẬP I

Trận Giải Phóng Miền Nam, chứ không phải ủng hộ cộng sản, gia đình anh chỉ muốn đánh Mỹ để bảo vệ mảnh đất miền Nam chứ không phải đánh Mỹ để rước cộng sản Bắc Việt vào. Và cuộc đấu tranh tham gia Nghĩa quân Phục quốc của gia đình anh sau năm 1975 cũng chỉ mang một mục tiêu đơn giản là bảo vệ mảnh đất miền Nam khỏi sự thống trị của cộng sản Bắc Việt. Anh không nghĩ chuyện xa xôi là sẽ giải phóng miền Bắc. Ước mơ và hoài bão của anh đối với đất nước (có nghĩa là miền Nam Việt Nam) rất đơn giản, đơn giản như ước mơ của một nhà nông đối với mảnh vườn miếng ruộng của mình. Ai đụng chạm đến mảnh vườn của mình thì mình chống lại họ. Hồi đó nghe tuyên truyền là Mỹ muốn lấy đất lấy vườn của mình: chống Mỹ! Cách mạng thành công mới biết rằng cái đế quốc tư bản dù sao hãy còn dành đất lại cho mình cây cày, còn đế quốc cộng sản thì thu tóm hết, vơ vét hết, đất vườn này biến thành đất vườn chung do nhà cầm quyền Bắc Việt quản lý: chống Cộng! Trong khi người cộng sản Bắc Việt nhìn mảnh đất miền Nam và con người miền Nam như là một phần cơ thể ung nhọt cần được dẫn dắt và điều trị bởi *đỉnh cao trí tuệ* của chủ nghĩa Mác-Lê thì người nông dân miền Nam (điển hình là gia đình của Nhiều) nhìn người cộng sản Bắc Việt như là những người ngoại quốc, những kẻ xâm lăng vừa tham lam, vừa tàn bạo, vừa ích kỷ, cướp lấy miền Nam để nuôi béo những cán bộ ngoài Bắc. Phục quốc chiêu mộ nghĩa quân để chống lại cộng sản thì gia đình Nhiều tham gia, tham gia để bảo vệ mảnh đất miền Nam, cụ thể là để bảo vệ vườn tược và nếp sống yên bình từng có trước khi chủ nghĩa cộng sản có mặt tại Việt Nam. Lý tưởng của anh chỉ đơn giản như vậy.

Tôi nhắc cho Nhiều nhớ rằng Bắc hay Nam cùng chung một nhà, đều là anh em cả, và thống nhất đất nước trong một tiến trình hòa hợp không gây thương tổn cho nhau quả là điều tốt đẹp, nên thực hiện...

Điều đáng tiếc là Việt Nam chỉ được thống nhất ở

mặt địa lý chứ không thống nhất ở mặt nhân tâm. Cái nghiệp dĩ phân ly của năm 1954 là một đường cắt đau lòng trên vận mệnh quê hương, nhưng nếu chúng ta biết chấp nhận và lợi dụng nó để cùng lúc tiến hành một cuộc “thi đua hạnh phúc” thì cái nghiệp dĩ đau thương sẽ chuyển thành ước vọng và hiện thực tươi đẹp. Thử tưởng tượng, chính quyền của hai miền Nam-Bắc tranh đua nhau làm lợi ích cho dân trong xứ mình và nhân dân của hai miền tranh đua nhau xây dựng kiến thiết xứ sở mình đang sống thì đại hạnh biết bao! Đằng này, hai khối chính quyền đều u mê chấp chặt vào hai thứ chủ nghĩa ngoại lai, biến chúng thành lý tưởng để rồi đẩy xô hàng triệu sinh dân vào chỗ thù hận chém giết nhau, gây bao tang tóc ê chề cho cả hai miền suốt mấy chục năm. Thay vì mấy chục năm kiến thiết, chúng ta nhảy vào mấy chục năm phá hoại, hủy diệt, từ cơ sở vật chất đến sinh mệnh và cả tâm thức của lương dân. Một cuộc phá hoại trường kỳ xuẩn động!

Không cần phải đồ thừa chuyện phân chia hai miền (hay ba kỳ) là do các thế lực thực dân đế quốc. Cái mầm phân chia đã nảy ra từ sự bám chặt vào ý thức hệ. Khi ý thức hệ cộng sản đi vào Việt Nam, có người theo, có người chống, thì ý niệm phân chia ranh giới đã khởi động. Mà thực ra, sự phân chia Nam-Bắc đâu phải chỉ bắt đầu từ năm 1954! Không phải rằng Việt Nam đã từng bị chia hai từ đầu thế kỷ 17 bởi cuộc phân tranh Trịnh-Nguyễn? Ở thời ấy, sự phân chia bắt nguồn từ tranh chấp quyền lực của hai thế lực công thần Trịnh-Nguyễn. Sự phân chia ấy có thể xóa được dễ dàng khi một trong hai thế lực ấy thắng thế, hoặc hai thế lực ấy bị dẹp tan hay thống nhất bởi một thế lực khác (chẳng hạn nhờ vào sự nổi dậy của lực lượng Tây Sơn và cuộc thống nhất đất nước của Gia Long). Nhưng còn sự phân chia bắt nguồn bởi ý thức hệ với sự tuyên truyền rộng rãi của các phương tiện truyền thông cũng như chính sách văn hóa giáo dục của quốc gia thì ăn sâu vào tâm thức người dân của nhiều thế hệ, thật

khó mà giải tỏa.

Từ năm 1954, Việt Nam chúng ta ngậm ngùi biến thành hai nước đeo đuôi hai thứ “lý tưởng” khác nhau mà phía nào cũng cho là mình đúng, bên kia sai, rồi tự phong cho mình sứ mệnh hay bổn phận “giải phóng” phía bên kia. Đáng ra, ở cơ hội đình chiến hiếm hoi trong thời điểm hiệp định Ba-lê, chính phủ hai miền nên tranh thủ nhân tâm để tiến đến tổng tuyển cử, thống nhất đất nước trong hòa bình. Nhưng các thế lực đế quốc gườm nhau, ngăn trở tiến trình này, để rồi hai miền thay vì mong đợi một cuộc tổng tuyển cử, lại tiến hành một cuộc xâu xé nòi da xáo thịt. Từ đó, lại nảy sinh những thứ chính nghĩa và lý tưởng giải phóng dân tộc. Bên nào cũng cho rằng bên kia bị nô lệ bởi đế quốc hay chủ nghĩa. Lý tưởng “giải phóng” bắt đầu phôi thai. Ý niệm giải phóng phía kia là lẽ tự nhiên, vừa hợp tình vừa hợp lý—nếu thực sự người dân miền Nam với chính sách và chủ trương nào đó có thể đem lại thái bình và thịnh vượng cho đất nước thì người miền Nam nên cứu lấy miền Bắc để chia sẻ cái hạnh phúc mà mình gặt hái được; và ngược lại, người dân miền Bắc cũng nên giúp người dân miền Nam thực hiện con đường cứu quốc và kiến quốc nếu họ thực sự tìm thấy hạnh phúc bằng con đường cộng sản. Nhưng đừng bao giờ khur khur chấp chặt vào những ý thức hệ, những chiêu bài, những chiến lược hay chiến thuật, những phương châm, những khẩu hiệu, những chúc thư, những ảo vọng hy hiến và đổi chác với thần linh... của bất cứ lãnh tụ hay tập đoàn tổ chức nào để rồi cứ một mực cho rằng bên kia phải nghe bên này và chẳng bao giờ chịu tìm hiểu hay lắng nghe bên kia.

Thực ra, thống nhất hai miền chẳng bao giờ là lý tưởng của con đường cách mạng dân tộc. Sự cắt chia hai miền cũng chẳng phải là cái hiểm họa gì ghê gớm lắm cho đất nước. Chân lý của ông Hồ Chí Minh “*nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một*” là thứ chân lý bá đạo của kẻ có tham vọng nói rộng tầm ảnh hưởng thống trị

của mình, nó được dựng lên chỉ để che đậy dã tâm nhuộm đỏ đất nước chứ chẳng phải là chân lý của người dân. Người dân chỉ cần sống bình yên trên mảnh vườn của họ, không cần thống nhất... Không hề có một thứ chân lý của sự thống nhất, cũng không hề có lý tưởng thống nhất. Không thống nhất hai miền cũng chẳng phải là hiểm họa.

Có chăng là lý tưởng đấu tranh, xây dựng hầu mang lại hạnh phúc ấm no thực sự cho dân tộc. Hiểm họa là hiểm họa vong thân, tôn thờ chủ nghĩa ngoại lai để dày xéo chà đạp lên tinh tủy dân tộc. Nếu chia cắt ở mặt địa lý nhưng thống nhất ở mặt tinh thần và ý chí thì sao? Chẳng phải rằng tự nhiên hai miền sẽ thống nhất một cách êm thuận à? Chống cộng chẳng bao giờ là một lý tưởng. Chống cái tham tàn, sân hận, si mê như là nguồn cội của phân tranh để giữ được mảnh đất quê hương do tổ tiên gầy dựng và tạo được hạnh phúc ấm no thực sự cho dân tộc mới chính là lý tưởng mà mọi người dân nên theo đuổi. Như vậy, nếu có hai nước Việt Nam thái bình thịnh trị thì đã sao? Chết chóc gì ai? Miễn sao hai nước ấy biết thương yêu nhau như anh em, đừng thù hằn nhau, đừng chém giết nhau, đừng chèn ép nhau, đừng ngăn trở nhau trong việc xây dựng kiến thiết đất nước là được rồi. Hai anh em sống chung một nhà cũng tốt, nhưng nếu đã trưởng thành cần sống riêng và có thể sống riêng mà vui được thì cứ sống riêng, tại sao bắt buộc phải sống chung một nhà mà rồi cứ ép uổng nhau! Cái sai lầm là luôn luôn tưởng rằng “nếp sống” của mình là hay nhất, hết lòng đem vũ lực mà bắt buộc người anh em khác phải tuân theo, sống theo. Hệ lụy phân tranh từ địa lý cho đến tâm thức từ đó kéo đến.

Giải phóng hay thống nhất đất nước theo lẽ thói đó thì phỏng có ích gì? Rõ ràng là người ta đã đâm đuổi chạy theo hết cái mê lầm này đến cái mê lầm khác. Mê lầm rằng có một thứ chủ nghĩa, một thứ ý thức hệ (hay ngay cả một thứ tôn giáo) vô địch bách chiến bách thắng có thể xây dựng được một thiên đàng ngay trên trần gian. Mê

lầm rằng ai không tin cái chủ nghĩa ấy thì đáng phải chết. Mê lầm rằng cái chủ nghĩa ấy không bao giờ sai và không bao giờ lỗi thời lạc hậu. Mê lầm rằng chỉ có giải phóng và thống nhất hai miền thì mới có hạnh phúc. Mê lầm rằng chỉ có một nước Việt Nam suốt từ Bắc vào Nam, như là chân lý bất di bất dịch! (Thực ra, có cái gì bất di bất dịch được đâu? Nếu miền Nam đã không là vương quốc bất di bất dịch của Chiêm Thành thì đâu nhất thiết phải có nước Việt Nam thống nhất Nam-Bắc bất di bất dịch? Nếu *nước Việt Nam là một từ ai Nam Quan đến mũi Cà Mau* là chân lý bất di bất dịch thì lẽ nào lại có một nước Chiêm Thành trong lịch sử? Nếu là chân lý bất di bất dịch thì nước Việt Nam phải đứng mãi ở miền Bắc chứ đâu có được mở mang thêm ở miền Trung và Nam!). Vì mê lầm như thế mà phải dùng mọi thủ đoạn mưu chước để áp đặt niềm tin của mình lên người khác, không biết rằng công cuộc giải phóng và thống nhất đất nước theo cách đó chẳng bao giờ là điều mong đợi của cả nhân dân hai miền.

Lý tưởng của anh Nhiều đơn giản quá: chỉ cần bảo vệ mảnh đất miền Nam sao cho có hạnh phúc. Ban đầu mới nghe qua, tôi sợ rằng thứ lý tưởng mộc mạc này sẽ tiếp tục góp phần phân chia đất nước hai miền, nhưng xét cho cùng, tôi lại phần nào đồng ý với anh ấy rằng, mỗi người tự lo xây dựng toàn hảo khu vườn của mình thì tự khắc toàn vùng sẽ trở thành màu mỡ trù phú. Nếu ta chưa lo tròn được trách nhiệm đem lại hạnh phúc và ấm no cho phần đất của ta thì đừng bao giờ xía vào phần đất của người khác, dạy khôn cho người khác, hoặc ép buộc người khác phải đi theo cái lầm lỡ đói nghèo khổ đau mà ta đã kinh qua... Ôi, cái bi kịch phân tranh và thống nhất của đất nước này, nói sao cho cùng!



Thêm một vài người trong số tù hình sự và vượt biên

VĨNH HẢO

được lần lượt gọi tên trả tự do trước ngày thăm nuôi cuối tháng 8. Tính tổng cộng từ giữa tháng 8 đến nay đã có khoảng 12 người được thả về. Họ về thì tốt cho họ mà cũng tốt cho những người ở lại vì phòng giam sẽ rộng rãi hơn.

30 tháng 8, ngày thăm nuôi, mới sáng sớm chưa mở cửa sắt đã thấy mấy anh tù chính trị lâu năm như Nhiều, Dưỡng, Quái, Sang, Danh... dậy sớm tắm rửa sạch sẽ, rồi ngồi uống trà hút thuốc, chờ đợi cán bộ vào gọi tên. Họ biết chắc sẽ được thăm nuôi và gặp mặt gia đình vợ con, nên sắp sẵn áo quần, trải dài dưới đất cho thẳng và cũng để cán bộ gọi tên là có ngay, khỏi mất thì giờ lục soạn giỏ xách. Đây là trại tạm giam nhốt tù chưa có án nên tù nhân còn được giữ lại những áo quần riêng của họ (mỗi người được phép giữ hai bộ) chứ không mặc đồ tù. Quanh năm suốt tháng chỉ ở trần mặc quần đùi. Áo quần thì cất trong giỏ, chỉ lấy mặc khi đi khai cung, gặp quản giáo làm việc, hoặc gặp mặt gia đình ngày thăm nuôi.

Từ lúc Nhiều đưa thư của tôi cho Khoa và ban quản giáo kiểm duyệt, tôi có ý chờ nhưng chưa thấy nói là được hay không. Nếu thư tôi được Khoa lặng lẽ gửi đi rồi, có lẽ hôm nay tôi nhận quà thăm nuôi của gia đình, mà không biết chừng lại còn được gặp mặt nữa. Tôi đặt hy vọng vào lá thư gửi đi cũng như việc nhận quà trong ngày thăm nuôi hôm nay nhiều lắm. Phần vì sự đói thiếu của thân xác, phần vì muốn tin tức tôi bị bắt vào tù chính thức đến tai các bằng hữu khác của tôi. Tôi bị bắt ngoài đường bốn tháng trước, đã có ai hay tin đâu! Nếu không biết tin tôi đã bị bắt và không biết được Hân là kẻ đặc tình cho công an Sài Gòn, nhiều bạn bè khác của tôi sẽ bị sa lưới.

Tám giờ sáng đã có anh nuôi xách giỏ đem vào phòng, gọi tên. Rồi lần lượt hết anh nuôi này đến anh nuôi khác, tay xách những giỏ nặng hay những bao tải, đưa vào, gọi tên. Những khuôn mặt nhận quà hí hửng. Những cái miệng nhồm nhoàm nhai thức ăn. Những điều thuốc thi nhau thả khói mịt mù phòng giam. Tiếng nói cười rôm

CỐI TRÓI TẬP I

rả. Phòng giam rộn ràng như buổi họp chợ. Vài tù nhân đứng tựa cửa sổ ngóng nhìn ra sân trại, dán mắt vào những giỏ đồ trên tay các anh nuôi đang xách vào. Một đám tù nhân ngồi xúm xít ngay ở lồng khung, nơi mà các anh nuôi sẽ bước vào đặt giỏ xuống đất, đọc tên người nhận.

Tôi ngồi uống trà với nhóm tù chính trị ở góc phòng thuộc đội 1, ngay chỗ nằm của Quái và tôi. Đội 1 và đội 2 nằm ở phía ngoài, hai bên cửa sắt và lồng khung, mỗi đội có một cửa sổ nhìn ra sân trại. Đội 3 và đội 4 bên trong không có cửa sổ. Mấy tháng đầu tôi ở đội 4; từ lúc có nhiều người được trả tự do, tôi được Nhiều, anh trưởng phòng đối qua đội 1, cùng một đội với Quái. Quái nằm sát vách, tôi nằm kế bên. Chỗ tôi cách cửa sổ chừng một thước tây, thỉnh thoảng có gió lùa vào cũng thoải mái.

Đám tù chính trị ngồi uống trà với nhau, từng người một rời phòng đi gặp mặt gia đình và nhận quà thăm nuôi. Vẫn chưa thấy anh nuôi nào đọc cái tên hai chữ quen thuộc của tôi. Đến trưa, tốp chính trị dọn cơm ăn chung với nhau như thường lệ vào những ngày thăm nuôi. Họ bày một bữa ăn thịnh soạn, mỗi người hai hoặc ba món, mười người thì tràn lan, chiếm gần một nửa diện tích của đội 1.

“Thầy Khang, ngồi vào đây đi,” Quái kéo tay tôi.

“Tôi có đậu hũ chiên cho thầy nè, còn rau sống, cải tươi, để thầy nấu canh ăn cho mát, nhưng những thứ đó để tính sau đi, bây giờ ăn cơm với đậu hũ cái đã, há,” Dưỡng nói.

“Xì dầu đây, số dzách đó, sư phụ cất để dành mà ăn, tôi thì dễ lắm, có nước mắm với đồ ăn đủ thứ rồi,” ông Thai, một người Hoa ở Chợ Lớn bị tình nghi tổ chức vượt biên, chuyển bình xì dầu đến chỗ tôi.

Tôi ngồi xuống bên cạnh Nhiều. Họ mời nhau một tiếng lịch sự rồi bắt đầu bữa ăn vui vẻ. Một lúc, Nhiều nói nhỏ vào tai tôi:

“Đã nhờ bà xã nhắn về nhà thầy rồi. Yên tâm.”

Sau bữa ăn, họ cứ ngồi đó hút thuốc, tán gẫu. Có mấy bịch cà phê đen gia đình đưa cầm tay mang vào, họ rót ra mấy cái chén nhỏ, uống chung. Tôi ngồi đó mà vẫn thấp thòm, chờ đợi, hy vọng.

Rồi nắng bớt gay gắt trên sân. Ánh nắng chiếu xiên qua cửa sổ, lọt vào thêm phòng giam. Vẫn chưa thấy anh nuôi nào gọi tên tôi, dù rằng nhiều cái giỏ khác đã được đưa vào lồng khung.

Rồi bữa cơm chiều của trại đã phát. Sau đó chừng mười phút, đám tù chính trị lại bày mâm cơm thứ hai trong ngày. Họ lại mời tôi ngồi vào ăn chung. Đậu hũ chiên ăn với xì dầu. Ở chùa thành phố, món này thường thô; nhưng ở chùa thôn quê, kể ra ăn chay như vậy cũng là khá sang. Vừa ăn vừa ngóng chừng anh nuôi gọi tên. Đám tù chính trị dường như cũng hy vọng giùm tôi. Thấy anh nuôi đem giỏ vào là họ xì xầm:

“Chắc của thầy Khang?”

“Rồi, giỏ của thầy Khang...”

“Ô kiểu giỏ lát này chỉ có dân Sài Gòn... chắc của thầy Khang đây!”

Vậy mà rồi chẳng thấy cái giỏ nào mang tên tôi. Tôi không ngờ có một lúc trên đời, tôi lại có những hy vọng chờ đợi rất tội nghiệp vào một cái giỏ quà như vậy! Trước đó, tâm tôi bình lặng, lắng đọng mỗi ngày, dù đói thiếu. Nhưng kể từ khi được Khoa cho viết thư cho gởi đi, tôi lại bắt đầu vọng động, mơ tưởng. Trọn ngày thăm nuôi, hình như không có một ý tưởng nào đẹp để hiện ra trong đầu óc tôi ngoài cái mơ tưởng về một giỏ quà thăm nuôi do gia đình gởi vào. Cái giỏ thăm nuôi bây giờ có vẻ như là cả lẽ sống của đời tôi vậy.

Cuối cùng, keng báo hết giờ làm việc. Cửa sắt đã đóng, đóng luôn cả niềm hy vọng của tôi và vài bạn tù không có thăm nuôi khác. Sẽ không có chuyện một cái giỏ nào đến trễ sau giờ đó. Đèn phòng được bật sáng, và bên ngoài, đêm buông xuống dần.

CỐI TRÓI TẬP I

Buổi tối, phòng tổ chức văn nghệ. Ngồi uống trà nghe các bạn ca hát, nhảy nhót, tôi vui lây và quên luôn thực tế là tôi vẫn chưa liên lạc được với gia đình. Cái gia đình ấy tôi đã từ bỏ để đi tu trên mười lăm năm, không vướng bận gì nhiều lắm, bây giờ lại trở nên một cái gì rất thân thiết và cần thiết cho đời sống tù của tôi. Vâng, hình như đến giây phút cuối ngày ngồi tư lự bên chén trà nóng uống chung với những người bạn tù tứ hải giai huynh đệ, tôi mới nhận ra rằng cái giỏ quà thăm nuôi không phải chỉ đơn thuần là “thực phẩm cứu trợ” mà còn là biểu tượng thực tế chứng minh cái thâm tình cốt nhục thiêng liêng giữa tôi và gia đình. Rõ ràng là bao nhiêu tình cảm mà tôi cố tình cắt đứt để đi tu năm xưa đã ùn ùn hồi sinh trong tôi từ những tuần đầu vào tù. Điều này phải chăng vì cửa ngục đã cắt đứt ý chí xuất trần của tôi để nói tôi về lại với gia đình thế tục, hay vì tâm chí tôi lâu nay chỉ xuất gia trên mặt hình thức chứ không xuất gia trong ý nghĩa rốt ráo nhất là vượt bỏ những ràng buộc của ba cõi luân hồi? Phải chăng đây cũng là một thử thách để trải nghiệm sợi dây tình cảm của tôi đối với cuộc đời?

Thật ra, một người xuất gia như tôi đáng lý phải gửi thư về bạn bè thân quen ở các chùa chứ không cần phải gửi thư cho gia đình. Nhưng tôi đã suy nghĩ kỹ, thấy rằng sự kiện viết thư cho các chùa chỉ thêm phiền cho các người bạn tu của tôi mà thôi. Công an sẽ nghi ngờ là những người bạn này có dính líu gì đến Phục quốc. Thôi, dù gì thì chuyện liên lạc với gia đình vẫn là điều tự nhiên, không ai thắc mắc. Và lại, khi viết thư cho gia đình, rõ ràng tôi đã thật xúc động, thấy thương nhớ cha mẹ già mà tôi chưa có dịp phụng dưỡng báo ân. Tôi đã viết một lá thư rất thực tế (vì chỉ nói chuyện sức khỏe, dặn dò chuyện gửi thức ăn) và rất “đời” (vì nó thuần túy là lời lẽ nói lên xúc cảm của một đứa con đối với gia đình thân yêu). Vậy mà lá thư đó đã bị kiểm duyệt thế nào đó để rồi ngày thăm nuôi vừa qua, không có một dấu hiệu gì cho thấy là gia đình đã nhận được...



Qua ngày 01 tháng 9, nhằm ngày chủ nhật, trại giam không làm việc, cán bộ không mở cửa cho tù nhân ra sân chơi; vào cái ngày mà không ai còn chút hy vọng gì về chuyện thăm nuôi nữa (chỉ hy vọng vào ngày 15 sắp tới thôi), thì bốn giờ chiều, anh nuôi xách một cái giỏ vào phòng giam, đứng ở lồng khung, lôi miếng giấy nhỏ trong túi ra, lăm nhăm một lúc rồi hô:

“Vĩnh Khang, có thăm nuôi.”

Tôi giật mình, ngạc nhiên, vui mừng đến rung nước mắt. Các bạn tù trong phòng la ó lên như thể chính họ được trúng số hay được trả tự do vậy. Không phải chỉ có tôi mới chờ đợi cái giỏ quà ấy. Các bạn tôi cũng chờ đợi giùm cho tôi. Tôi có thể đọc thấy trong mắt họ, dù tôi là một nhà tu khổ hạnh, trong phòng giam này chưa có người tù nào chịu đựng thời gian không thăm nuôi kéo dài đến nỗi bệnh hoạn thập tử nhất sinh và đau khổ như tôi cả...

Tôi đón cái giỏ, kéo qua khoảng trống giữa hai song sắt, đem về chỗ nằm của mình. Run run soạn ra, tìm xem có một bức thư hay một mẫu giấy nào trong đó không. Ngoài cái mùng nhỏ và một tấm chăn mỏng, chỉ có thức ăn. Thức ăn gói ghém của một gia đình chưa có kinh nghiệm thăm nuôi. Thức ăn gì mà mỗi thứ một chút, toàn là thứ đắt tiền mua ở tiệm (chứ không phải mua ở chợ). Giỏ quà thăm nuôi này ngó qua là biết giỏ quà của dân thành thị, và có thể là của một gia đình phong kiến gốc Huế, gói ghém giống như dọn ăn trên bàn, thứ gì cũng tí tẹo, gắp một đĩa là hết. Không có một miếng giấy nào có thể cho tôi biết ai là người đã gửi giỏ quà này đến cho tôi. Chưa chắc là gia đình tôi gửi! Lậy gì chứng minh là gia đình tôi gửi nào? Nhưng không phải gia đình tôi thì còn ai vô đó? Thôi thì cứ mở đại cái hộp bánh Bảo Hiên Rồng

CỐI TRÓI TẬP I

Vàng có thắt cái nơ hồng sang trọng kia để đãi bạn bè cái đã!

Ô, trong hộp bánh, nơi mặt sau của nhãn hiệu, có ghi hai chữ: *Như Tâm*.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG TÁM

Nghe nhắc đến tên Như Tâm, nàng “a” lên một tiếng rồi gật đầu tỏ dấu như thể nàng đã hiểu chuyện gì rõ ràng lắm giữa tôi và Như Tâm vậy! Rồi im lặng một lúc, nhấp ngụm cà phê, lại nhấp một ngụm trà, nàng hỏi tôi, Như Tâm làm thế nào mà quen tôi.



Thời gian trú ẩn trên căn gác nhỏ ở nhà bà Bàng, thỉnh thoảng tôi lại phải cải trang bằng bộ âu phục, với đầu tóc dài hơn hai tháng chưa cạo chụp lên một cái mũ lưỡi trai, đạp xe chạy một vòng đến mấy chỗ quen, tìm đường vượt biển. Mỗi lần đi như thế có thể từ sáng sớm khi khu xóm chưa thức giấc, hoặc vào giấc trưa vắng người, cho đến xâm xẩm tối mới về tới. Vì bà Bàng ít khi vắng nhà nên tôi đi đâu cứ đi, tối về thì có bà ra mở cửa. Nếu về bấm chuông mà lỡ không có bà thì đạp xe đi thêm một vòng, tìm một công viên hay quán nước nào đó, ngồi chờ. Nhiều lần như vậy đã quen, cả bà Bàng lẫn tôi đều thấy cần thiết là phải cốp-pi thêm một chìa khóa cửa sắt cho tôi.

Tối hôm ấy, sau một ngày đi vắng, tôi về bấm chuông. Chuông vừa mới bấm đã thấy tiếng chìa khóa tra vào ổ, vặn lách cách, rồi cánh cửa sắt được mở ra ngay. Tôi hài lòng về sự mau mắn hôm nay của bà Bàng vì mọi khi bà càng chậm tôi càng khổ—vì đứng chờ lâu ở ngoài chỉ tỏ làm cho người ta chú ý, biết đâu có người báo cáo công an. Nhưng ngược nhìn lên lại thấy người mở cửa không phải là bà Bàng mà là một ni cô trẻ tuổi, trạc tuổi

tôi. Cô gật đầu chào tôi, hơi tránh qua một bên, hỏi với giọng Huế nhỏ nhẹ:

“Phải thầy Khang không?”

“Dạ, phải,” tôi đáp.

“Dạ cái chi mà dạ. Bộ đây không biết Khang là ai sao mà dạ lễ phép y như là phật-tử rứa!”

Tôi cười, không nói, nhắc xe đạp, đẩy vào trong. Chưa kịp dựng xe để quay lại đóng cửa, tôi đã nghe tiếng những cái bánh xe nhỏ nghiêng trên đường rây của cánh cửa sắt xếp. Cô ấy đã mau mắn làm công việc ấy rồi. Cô bước đến gần tôi, nói:

“Khi này đến chơi, tính về rồi nhưng bác Bàng giữ lại, nhờ coi nhà giùm để chờ thầy về mà mở cửa cho thầy vô. Bác Bàng phải đi công việc chưa biết khi mô về.”

Tôi cảm ơn cô rồi bước nhanh vào nhà sau, leo bậc thang dẫn lên căn gác gỗ. Thay vội bộ âu phục thành bộ đồ tu xong, tôi ngồi nơi bàn đọc sách. Tôi và cô ấy không quen biết, tôi ngại phải bước xuống nhà dưới để tiếp cô. Vả lại, cô ấy không phải là khách của tôi, mà tôi cũng chẳng phải là chủ nhà, đâu có lý do gì để tôi phải xuống. Tưởng vậy là xong, chuyện ai nấy làm, đường ai nấy đi, nhưng không, tôi nghe có tiếng chân leo lên bậc thang và sau một lúc ngập ngừng, ni cô xuất hiện ở cửa phòng. Tôi quay nhìn cô, chào. Cô đứng tựa ở bậc cửa, nhovn miệng cười rồi nói tự nhiên:

“Chắc Khang không biết đây là ai mô, nhưng Khang thì ai không biết. À, thầy Nguyên Hỷ có nhắc Khang biết là có một ni cô muốn lên kinh tế mới thăm Khang không?”

“Thầy Nguyên Hỷ hả? ờ...ờ...có nhắc, nhưng lâu quá không nhớ lắm.”

“Tê ghê, cả thầy Nguyên Hỷ và Khang có ai thềm để ý gì người ta đâu. Là như ri, hôm đó thầy Nguyên Hỷ có nói sẽ lên chùa Long Quang kinh tế mới ở chơi với Khang một tuần. Nghe vậy tôi hỏi có phải Khang viết cuốn *Mây Ngàn Nhẹ Bay* không, thầy nói phải, tôi liền xin

đi theo để biết tác giả, nhưng thầy nói đường lên kinh tế mới cực khổ lắm, phải lội bộ mấy cây số bụi bặm ngút trời... nên nhất định không cho đi theo. Chứ nếu đi hôm đó thì bây giờ là người quen rồi.”

“Ừ thì quen trước quen sau chi cũng vậy thôi mà! Cô là...”

“Nhu Tâm,” cô đáp nhanh, rồi hỏi tiếp, “Khang có nghe thầy Hỷ nói chứ hỉ?”

“À, có, có nghe, hình như cô ở chùa... Hoa Nghiêm?”

“Đúng rồi!” cô reo lên, giọng vui lắm, “Khang biết không—à, cho Nhu Tâm gọi bằng Khang, được không, chứ gọi bằng thầy nghe xa lạ quá. Khang là bạn của thầy Nguyên Hỷ thì cũng như bạn của Nhu Tâm thôi—cuốn truyện của Khang được chuyển tay khắp các chùa sư nữ, từ Hoa Nghiêm, Huệ Lâm, Huệ Lâm, Từ Nghiêm, Bồ Đề Lan Nhã...cho đến Chơn Không, Viên Chiếu ở Long Thành... không ai mà không đọc, không ai đọc mà không thích. Nhu Tâm cũng đọc từ năm kia, có chép lại một số đoạn hay mà đọc đi đọc lại. Chao ôi, đọc mà cười, cười rồi khóc. Nhu Tâm cứ ước ao có ngày gặp được cái nhân vật xung tôi trong truyện... ước ao là phải chi những lúc nhân vật ấy gặp hoàn cảnh hoạn nạn khổ sở như trong truyện, sẽ có Nhu Tâm bên cạnh chăm sóc, giúp đỡ... Thực đó, sau này lại nghe thầy Nguyên Hỷ nói Khang bỏ chùa Già Lam đi kinh tế mới, Nhu Tâm càng mến Khang nhiều hơn, Nhu Tâm muốn gặp Khang ghê nơi! Gần đây nghe đồn Khang bỏ kinh tế mới vì chuyện hoạt động chính trị, phải lang thang ẩn náu ở Sài Gòn, Nhu Tâm thấy xót xa làm sao... Nhu Tâm cũng có ý muốn gặp Khang để xem có giúp gì được cho Khang không nhưng biết Khang ở đâu mà kiếm; bất ngờ khi nãy tình cờ ghé thăm bác Bằng, nghe bác nói là Khang ở đây, Nhu Tâm giật mình... không ngờ cuối cùng Nhu Tâm cũng gặp. Thực Nhu Tâm vui hết sức đó.”

Tôi cười nói:

CỐI TRÓI TẬP I

“Không gặp thì tốt hơn đó cô. Ai gặp tôi chỉ thấy phiền thôi, nhất là vào thời gian này.”

“Khang đừng nói vậy. Tâm tư của Khang và những chi Khang muốn làm hay đã làm, ai chẳng hiểu! Có những điều mà người ta muốn nói nhưng không nói được thì Khang đã nói thay cho họ trên giấy mực, có những điều mà người ta muốn làm mà không làm được, Khang đã thay họ một mình đứng ra làm và gánh hết... để đến nỗi như vậy... Như Tâm gặp Khang hôm nay lỡ có bị vạ lây thì cũng lấy làm điều vinh hạnh chứ có chi mô mà Khang nói phiền...”

Cô nói đến đó thì ghen, rồi nước mắt rung rung. Cô quay mặt ra ngoài, lấy khăn tay ra chặm nước mắt. Tôi chỉ biết im lặng, không nói được một lời. Khổ quá! Số tôi sao lạ, cứ mỗi lần tiếp xúc với các ni cô thì lại làm cho mấy cô khóc. Tôi có nói gì đâu, chỉ mấy cô nói, rồi mấy cô khóc! Chú Đức bạn tôi có hai người em gái đi tu, một cô tên Nguyên Anh, một cô tên Nguyên Xuân. Mỗi lần gặp tôi—có khi cô chị, có khi cô em, có khi cả hai—các cô tự động nhắc chuyện người anh, nhắc chuyện cuốn truyện của tôi, rồi tự động khóc rung rức. Mà nếu cảnh đó diễn ra trước mặt một người nào đó thì tôi dễ bị hàm oan biết bao! Một thầy tăng và một ni cô đang nói chuyện với nhau thì ni cô khóc, vậy nghĩa là làm sao! Người ta chỉ nói tôi lờm lờm rồi bỏ đi chứ có đứng lại hỏi để tôi có cơ hội giải thích đâu!

“Cô vui lên đi chứ không thôi bác Bàng về thấy, tưởng đâu tôi chọc ghẹo gì cô đó nghe,” cuối cùng thì tôi cũng phải lên tiếng.

Như Tâm bật cười, quay lại, vui ngay:

“Khang ở đây cần thứ gì thì nói Như Tâm biết nghe, đừng ngại, xem Như Tâm như bạn, hỉ? Nghe bác Bàng nói Khang đang lo đi vượt biên, chắc cũng cần đóng tiền cho người ta... Chuyện đó Khang lo tới đâu rồi? Nói Như Tâm nghe được không, để coi Như Tâm có phụ giúp chi được cho Khang không?”

“À, cũng đang chờ. Chưa biết lúc nào thì đi. Mọi chuyện lo hết rồi, chỉ chờ họ gọi thôi. Không phiền cô đâu.”

Cô đứng im, nhìn tôi, có vẻ suy nghĩ gì đó, rồi nhìn băng quơ, rồi cô “vén tóc” mai. Vâng, cô vén tóc mai hay làm một điệu bộ tương tự như vậy. Cái mũ ni (tôi tạm gọi như vậy thay vì nói cái khăn đội đầu của mấy ni cô) là một miếng vải có hình thù như thế nào đó (mà tôi không làm sao biết được), khi trùm trên đầu, chít lại ở sau ót (bằng cách nào đó), sẽ thả xuống hai bên tai hai “cánh vải” như thế hai lọn tóc dài của các thiếu nữ thế tục; viền khăn phía sau thả xuống khỏi vai và hình như cũng được cắt theo hình dạng cong cong của mái tóc thề hay mảnh trắng hạ huyền. Rõ ràng là tôi thấy thỉnh thoảng cô lại vén cái “cánh vải” bên tai, hất ra sau, như cách một thiếu nữ thế tục vén tóc mai. Và đây là lần đầu tiên, tôi biết rằng có lẽ đa số ni cô dù đã xuất gia, cũng không bỏ được căn tính làm dáng của phái đẹp...Không có tóc thì họ cũng có cái khăn để vén, để hất ra sau, để vuốt...(Nói vậy không phải là chấp nhất, muốn các cô phải từ bỏ hết những điệu bộ nữ nhi, vì nếu điệu bộ các cô cũng thẳng đuột, khô khan, cứng nhắc như các thầy tăng thì...đâu là chỗ phân biệt và giới hạn giữa tăng ni nữa! Cái bình đẳng “ngay chừ” trên phương diện phái tính như thế dường như đâu phải là điều mà những con mắt nghệ thuật mong đợi trên thế gian này!)

Thấy điệu bộ làm dáng một cách tự nhiên của cô, tôi chợt có cảm nghĩ rằng hình như sự xuất gia của các ni cô đơn giản chứ không giống như tôi. Các cô vào chùa, cạo đầu ăn chay, sống đạm bạc không se súa, giữ giới luật và nội qui thật nghiêm chỉnh, tụng kinh đọc sách...gặp những thầy tăng có thể kết bạn được như tôi thì cứ kết bạn, kết bạn để nói chuyện đạo lý, văn chương...lòng không bợn chút tình duyên, cuộc sống nhà chùa êm đềm trôi, cứ thế mà tuần tự tiến đến niết-bàn, đơn giản như từ ni phòng bước lên chánh điện để tụng kinh. Dường như

CỐI TRÓI TẬP I

các cô đầu có nhu cầu giải thoát sinh tử, đôn ngộ nhập đạo...như các thầy tăng. Tự bản chất, từ căn tính tiềm tàng ngay từ khi lọt lòng, không phải rằng các cô đã cuu mang sẵn trong người cái chức năng làm mẹ, có nghĩa là sản sinh và hiển dương tình cảm, chăm sóc tận tình kẻ khác đó sao? Với chức năng ấy, các cô vẫn hàm hữu cái quyền năng sáng tạo như một đấng Thượng Đế, nên đâu cần thắc mắc tìm cầu một cái gì bí nhiệm thăm sâu. Các cô không cần thực tập từ bi quán để phát triển niềm thương yêu rộng lớn: vốn liếng thương yêu của các cô chỉ cần chuyển đối tượng là trở thành từ bi ngay! Các cô cũng đâu cần loay hoay đào xới ý nghĩa của sinh tử hay diệu lý của Tánh Không. Các cô đâu cần giải thoát! Chỉ những kẻ đa đoan nhiều chuyện như tôi, lúc nào cũng thấy cô đơn trợ trợ không vừa ý với cảnh đời huyền mộng, lúc nào cũng muốn tìm biết cái căn nguyên sản sinh ra mình để rồi chạy rông trên bao ngã đường phương tiện, từ chối thực tại để vói lên, hướng lên, ước vọng, mong cầu, lục lợi tìm hiểu, phân tích, phán đoán, so đo...mới cần giải thoát mà thôi.

Trong khi tôi suy nghĩ bậy bạ như vậy thì Như Tâm cũng đang suy nghĩ gì đó. Chúng tôi cứ thế mà im lặng khá lâu. Đột nhiên cô nhoẻn miệng cười với tôi rồi lặng lẽ rời bậc cửa, xuống cầu thang. Một chốc, cô quay trở lại, bước đến chỗ bàn tôi, nói giọng thân mật:

“Khang ơi, Như Tâm phải về, Khang nói lại với bác Bàn giùm nghe. Nội qui của chùa Hoa Nghiêm gay lắm. Như Tâm muốn ngồi nói chuyện thêm với Khang một chập nhưng thôi để dịp khác. Như Tâm về nghe.”

“Chào cô,” tôi đáp.

Trước khi quay đi, cô để lại trên bàn một cái bì thư, bên ngoài đề tên người nhận là tôi, tên người gởi là cô. Cô không giải thích gì về cái bì thư đó, biến thật nhanh nơi cửa.

Những ngày kế tiếp, cô thường xuyên đến thăm tôi và luôn dẫn theo một ni cô khác nữa. Theo luật chùa thì ni cô đến thăm chùa thầy tăng phải đi hai người trở lên, thầy

tăng đến thăm chùa ni cũng phải đi ít nhất hai người. Các cô giữ luật đó để đến thăm tôi. (Lần trước sở dĩ chỉ có mình cô gặp tôi là vì cô đến để thăm bà Bằng chứ không biết có tôi ở đó). Ni cô bạn của Như Tâm cũng người Huế, có vẻ lớn tuổi hơn một chút, tên là Như Nguyệt. Mỗi lần các cô đến đều có mang theo thức ăn chay, một vài món quà gì đó cho tôi, và cả sách đọc nữa. Các cô ở chơi khá lâu, đến giờ ăn thì yêu cầu bà Bằng dọn một mâm, mời tôi ngồi chung cho vui. Thường thì bà Bằng bung cho tôi một mâm cơm chay, để tôi ăn một mình trên gác. Nay ngồi ăn chung, tôi không tự nhiên. Như Tâm tự tay bới cơm và gắp thức ăn cho tôi. Tôi thật ái ngại cứ nhìn chừng bà Bằng xem bà có phản ứng gì. Bà Bằng người Huế, ăn chay trường, suốt ngày tụng kinh niệm Phật, tôi nghĩ là khó tánh lắm, có thể không vừa lòng cái chuyện ni cô chăm sóc một thầy tăng quá đáng. Nhưng không, bà vui vẻ nói:

“Thầy Khang là rứa đó mấy cô ơi, suốt ngày im lìm, ăn uống lại ít, bao nhiêu ngày ở đây thầy chỉ nói với tôi vài câu. Tôi cứ sợ thầy buồn mà không biết làm sao. Tuần trước đem cái cát-xét ra-đi-ô để thầy nghe đài cho khuấy khỏa, mà rồi cứ thấy thầy lặng lẽ buồn buồn làm sao ấy...Cái chuyện đi hôm nớ, mấy cô biết không, mạng thầy lớn lắm, không chịu đi, rồi sau ghe chìm chết hết...Từ đó, thầy càng buồn hơn. Bữa giờ có mấy cô đến chơi, thầy có bạn mới vui được chút chút đó. Gắp thêm món ni cho thầy nè, cô Như Tâm. Đậu ni ai kho mà ngon rứa?”

Lần cuối cùng đến thăm tôi, Như Nguyệt ngồi trò chuyện với bà Bằng ngoài phòng khách, Như Tâm đứng ở bậc cửa phòng tôi, nói:

“Như Tâm đau xót cho Khang quá. Con người của Khang phải như đại bàng tung rộng đôi cánh trên trời cao chứ đâu có lánh hoài trong căn gác bí bưng này! Phải chi... Như Tâm có mặt bên Khang mỗi ngày để Khang có người nói chuyện cho đỡ buồn. Không, phải chi Như Tâm

có thể giúp Khang rời khỏi nước. Khang ơi, có chuyến nào sắp đi nữa không? Nói cho Như Tâm biết để Như Tâm lo.”

“Thôi, cảm ơn cô, tôi tự lo được, không sao đâu. Mấy cái bì thư cô đưa từ hôm đó đến nay, tôi còn để kia kia. Tôi ở trong nhà như vậy đâu có tiêu xài chi mà cô lo.”

“Nhưng khi rời khỏi nhà, hoặc đi vượt biên, ít nhất Khang cũng có tiền dẫn túi, lỡ có gặp chuyện chi thì đưa cho họ mà chuộc thân. Khang phải giữ thân Khang, đừng để họ bắt, khổ lắm, không phải chỉ khổ Khang thôi đâu. Những người thân và bạn bè của Khang cũng đau khổ theo đó Khang à. Nói thực Khang nghe, Như Tâm đang tìm chỗ cho Khang đi. Mọi chuyện để Như Tâm lo hết, khi nào sắp đi thì đến báo cho Khang. Nhưng nếu Khang có chuyến nào kêu đi liền... thì Khang cứ đi, cầm theo tiền này để phòng thân, qua bên nớ rồi thì nhớ liên lạc cho Như Tâm biết để mừng.”

Rồi cô lại đặt lên bàn tôi một phong thư có ghi tên người gửi người nhận như lần trước, xong là biến ngay. Đàn bà con gái như vậy đó, giỏi để dành tiền lắm, nhưng khi thấy cần tiền thì chi ra chẳng biết tiếc tay. Mấy ni cô thì không có nhiều nhu cầu như những cô gái thế tục (không phấn son, không trang sức vòng vàng, y phục...) nên chuyện để dành càng giỏi hơn nữa. Vài ngày sau tôi quyết định rời khỏi ngôi nhà ấy để tìm đường thoát hoặc tiếp tục hoạt động đấu tranh. Tôi gom hành lý đơn sơ của mình và nghe lời Như Tâm, tôi gom luôn cả mấy cái bì thư của cô gửi tặng, mang theo mà phòng thân khi gặp bất trắc. Đó là lần đầu tiên trên đời tôi nhận tiền và lặng lẽ chịu ơn một người bạn khác phái.

Đáng tiếc là số tiền ấy cũng như ân nghĩa ấy không bảo vệ tôi nổi. Tuần sau tôi đến chỗ Hân tá túc, và cuối cùng bị Hân sắp xếp gài bẫy cho công an Sài Gòn vây bắt tôi ngoài đường.



Buổi tối, nhân đám tù chính trị có tiệc trà, tôi mang bánh, kẹo mè xừng Huế ra đãi cả phòng. Quà thăm nuôi tôi, giống như đồ ăn tráng miệng chơi, so với đời sống tù thì toàn là những thứ xa xỉ. Không có món nào là món quen thuộc với nhà tù cả. Mà vì là thứ xa xỉ, chúng có mặt dường như với mục đích chính là để biểu hiện sự chăm sóc của người bên ngoài hướng về tôi, và biểu hiện phần phẩm lượng của từng món quà chứ không nhắm vào cái thực tế cần thiết trong nhà tù là phần số lượng, dung lượng, trọng lượng...(Trong nhà tù cộng sản, tù nhân bị bỏ đói, thiếu dinh dưỡng, nên họ chỉ mong sao gia đình gửi quà vào thật nhiều; vì thế, cái bánh thì dờ cũng được, nhưng phải to, bột ngũ cốc không cần ngon, chỉ cần nhiều...) Cũng may, phòng giam bây giờ, sau đợt thả tù trước lễ Quốc khánh 2-9, chỉ còn khoảng bốn mươi người, nên chuyện đãi bánh kẹo cũng chẳng phải là điều khó khăn gì lắm. Người nào có bánh thì khỏi ăn kẹo mè xừng, và ngược lại. Vậy là đủ. Mỗi người được chút đồ ngọt chẳng là bao mà tôi có cảm tưởng là không khí trong phòng vui vẻ lên. Hay đó chỉ là ảo giác của một người đang được hạnh phúc?

Tôi hạnh phúc thật. Tôi đó thật khó ngủ. Tôi cứ nằm suy nghĩ. Tại sao lại có tên Như Tâm ghi nơi hộp bánh dẻo ấy? Nét chữ đó rõ ràng là nét chữ Như Tâm, như tôi từng thấy trên mấy cái phong bì mà cô biểu tôi. Như Tâm hay gia đình tôi đã đi thăm nuôi tôi? Như Tâm đâu quen biết các chị tôi, vậy tại sao tôi gửi thư cho các chị tôi mà quà thăm nuôi lại có Như Tâm góp vào?

Hôm sau thức dậy sớm, bỗng dưng tôi lại có cảm giác cuộc sống tù của tôi đến lúc này mới thực sự được ổn định, không còn lo lắng nữa. Trong khi các bạn tù còn ngủ vùi, tôi đi dọc theo “phi đạo,” cứ đến vách đầu này thì quay đầu đi ngược về vách đầu kia. Vừa đi vừa tụng thầm thời kinh công phu mà nhà chùa thường tụng vào giấc khuya. Nếu có ai thấy thì cũng tưởng tôi đi bộ tập thể dục thôi chứ không ai ngờ là tôi đang tụng niệm và “làm các

CỐI TRÓI TẬP I

hành vi tôn giáo.” Cứ như vậy, kể từ hôm có thăm nuôi, sức khỏe tôi dường như được hồi phục nhanh chóng, và tôi thấy có đủ phần chẵn để đi bộ hàng trăm vòng mỗi ngày trên phi đạo của phòng giam. Khi bạn tù còn ngủ, tôi tụng kinh, khi họ thức và sinh hoạt ồn ào, tôi niệm Phật hoặc quán thoại đầu, tham công án thiền. Chỉ một thời gian ngắn, tôi thấy cả thân lẫn tâm tôi đều nhẹ hẫng. Tôi không còn nhu cầu giải thoát nữa thì phải. Giải thoát ra khỏi nhà tù hay giải thoát ra khỏi luân hồi, đối với tôi lúc đó, dường như đều chẳng có ý nghĩa gì.



Đợt thăm nuôi kế tiếp nhằm ngày 15 tháng 9, tôi không có thăm nuôi nên không biết rõ chuyện thăm nuôi nửa tháng trước là do ai đứng ra thăm, gia đình tôi đã thực sự nhận thư và biết tôi ở tù hay chưa. Những dấu hỏi trên nảy lên trong ngày thăm nuôi, rồi cũng qua đi ngay. Tôi không bận tâm lắm vì thấy cũng chẳng quan trọng gì. Tôi tiếp tục hỏi tôi: “*Ai là người niệm Phật?*” thay vì thắc mắc ai là người thăm nuôi. Quả là thời gian ấy, với sự chú tâm ngày đêm vào việc tham thiền và niệm Phật bằng cách đi bộ trên phi đạo, tôi tưởng chừng không còn vấn đề gì trên cuộc đời này đáng làm tôi bận tâm nữa. Nhưng bất ngờ, vào ngày 19 tháng 9, cán bộ vào gọi tên tôi ra “làm việc.” Tôi không bận tâm đời thì đời lại bận tâm đến tôi.

Theo viên cán bộ dẫn đường đến bàn trực của khu trại, tôi bắt gặp Hiền anh tôi. Anh cũng bị gọi ra “làm việc” như tôi vậy. Anh em chúng tôi được sắp thành hàng một, cùng vài tù nhân khác, theo một anh bảo vệ đi vòng vo một lúc rồi được tập trung tại một dãy phòng vấn cung mà trước nay tôi chưa từng đến. Chúng tôi đứng chờ ngoài hiên. Anh bảo vệ vào trong. Thờ lúc ấy, tôi hỏi nhỏ anh tôi:

“Anh khỏe không? Đã trốn ngoài đó rồi sao lại bị

bắt vậy?”

“Trốn lâu thấy êm quá nên mò về nhà chơi vài hôm, công an vào bắt. Còn Khang thì sao? Bị hỏi nào vậy?”

“Bị bắt ngoài đường cách nay bốn tháng.”

“Lâu dữ vậy! Hèn chi ở nhà không biết tin tức gì hết! Vậy là chưa có thăm nuôi phải không?”

“Mới có hỏi đầu tháng này. Anh thì sao?”

“Bị bắt ở nhà nên gia đình biết, có thăm lúc còn ở trại giam Nha Trang. Chuyển vào đây thì gia đình chưa biết. À, vụ của mình hình như có nội gián nên chúng nó biết hết tron. Khang có biết là ai không? Suyt, nó ra kia.”

Vài viên cán bộ thẩm cung, thay nhau bước ra nhận người, dẫn đi. Chỉ còn mình tôi đứng đó. Anh bảo vệ lấy tờ giấy ra nhìn lại một lúc, rồi dẫn tôi đi ra văn phòng chính của trại. Bước lên thêm cao, tôi thấy Phương đứng xó rợ ở hiên chẳng biết đang làm gì. Không rõ công việc chính của cô là gì mà lúc nào đến đây cũng thấy có vẻ rảnh rang. Chắc là chỉ lo về y tế, khi không có việc thì rảo rảo ở các phòng để phụ giúp quét dọn, pha trà linh tinh cho ông trưởng trại, phó trại... Anh bảo vệ để tôi đứng lại ngoài hiên, bước vào một trong các phòng. Phương thấy tôi từ xa thì làm bộ như tìm kiếm anh cán bộ nào, thung thỉnh bước tới gần, mỉm cười, hỏi nhỏ:

“Anh Khang khỏe không? Tay hết bị ghê chưa? Ô, hết rồi, hay quá,” cô nhỏ giọng xuống chút nữa, “bữa nay anh gặp cán bộ Bộ Nội vụ ở Hà Nội vào đó.”

Nói rồi cô lảng đi. Anh bảo vệ bước ra, ngang chỗ tôi, dừng lại nói:

“Anh đứng đây, sẽ có cán bộ trong phòng kia ra nhận.”

Anh bảo vệ vừa quay đi, đã thấy hai viên cán bộ từ căn phòng mà anh vừa rời khỏi, bước ra, hướng về phía tôi. Một già, một trẻ. Già thì khoảng gần sáu mươi tuổi, trẻ thì khoảng hai mươi chín, ba mươi, lớn hơn tôi chừng vài tuổi. Viên cán bộ già có bộ mặt nhăn nhó rất ư khó chịu, da ngăm đen; thấy tôi, ông quan sát nhanh từ đầu

đến chân bằng cặp mắt sắc lẹm vô cảm, chẳng nói một lời. Anh cán bộ trẻ thì da dẻ trắng trẻo, có vẻ dân thị thành, mặt mày sáng láng, điển trai, anh có vẻ cởi mở, vui tính, gật đầu chào tôi, nói:

“Anh là Vĩnh Khang phải không?”

“Vâng, là tôi,” tôi đáp.

“Chúng ta vào trong này đi,” anh bước đi trước, hướng dẫn tôi. Viên cán bộ già bước theo sau lưng tôi.

Đây là một phòng vẫn cung nhỏ, nằm cùng dãy với văn phòng ông Lâu trưởng trại mà tôi có vào cách nay gần hai tháng. Phòng chẳng bày biện gì ngay cả một bức tranh nhỏ. Chỉ có chiếc bàn gỗ và hai cái ghế đầu vuông, đặt sát cửa sổ, cạnh cửa ra vào. Anh cán bộ trẻ vào trước, ngồi vào một ghế, còn lại ghế kia, anh mời tôi. Ông cán bộ già đứng xó rờ một lúc rồi đi ra ngoài kiểm ghế, mang vào, đặt một bên anh cán bộ trẻ. Cả hai cùng ngồi đối diện tôi. Qua cách hai cán bộ ngồi vào bàn, tôi biết ngay anh cán bộ trẻ có chức vụ cao hơn. Nhưng anh lại đưa tay ra dấu, tỏ ý để ông cán bộ già nói trước. Ông cán bộ khó tính ngập ngừng một lúc rồi nhập đề:

“Trường hợp phạm tội của anh là một trường hợp phức tạp,” ông ngưng đề tăng hắng, rồi tiếp với giọng quan trọng hơn, ‘thế nên mặc dù Sở công an thành phố Hồ Chí Minh lẫn công an tỉnh Đồng Nai đã kết thúc hồ sơ của anh, chúng tôi vẫn thấy còn một số yếu điểm chưa được giải đáp thỏa đáng. Chúng tôi muốn điều tra lại từ đầu để phanh phui ra các manh mối rồi bù đắp. Thứ nhất, tên Nguyễn Hữu Thiện—cái người ký tên trong bản hiệu triệu quốc dân của lực lượng Phục quốc—là ai, hiện đang ở đâu? Anh nói anh không biết chỗ ẩn náu của ông Trần Văn Lương, thế còn ông Thiện? Nguyễn Hữu Thiện là ai? Thứ hai, sao lại có cái vụ anh Thiện Đắc đòi tự thiêu chống phá ngày 30 tháng 4 năm nay thế nhỉ? Anh Thiện Đắc đang ở Sài Gòn sao lại chạy lên Long Thành với anh rồi nảy ra cái ý tự thiêu chống đối chính quyền nhân dân? Có phải do anh xúi giục anh ấy không?”

Tôi bật cười:

“Tôi chẳng biết ông Nguyễn Hữu Thiện là ai. Tôi chưa hề gặp ông ấy. Tôi chỉ biết ông Lương. Khi truyền đơn in rồi tôi mới thấy tên ông Thiện ký ở dưới, mà tôi cũng không thắc mắc làm gì cái tên ấy. Nguyễn Hữu Thiện là ai mà chẳng được. Một người không đồng quan điểm với nhà nước, chống lại nhà nước, vậy thôi. Còn Thiện Đắc là bạn tôi, từ Sài Gòn lên Long Thành thăm tôi thì có gì lạ, có luật nào cấm bạn bè thăm nhau? Còn chuyện Thiện Đắc tự thiêu chống phá ngày 30 tháng 4 hả, không làm gì có chuyện đó.”

Viên cán bộ già đập bàn, đứng dậy quát:

“Anh đừng có ngoan cố! Cái tội của anh, bày đầu chủ mưu, không khai báo thành thật thì trước sau gì chúng tôi cũng đem bắn bỏ! Chúng tôi từ Hà Nội vào tới đây không phải để nghe anh giỡn mặt đâu nhé!”

Tôi ngược mắt, nhìn thẳng vào mắt ông, nói tỉnh:

“Các ông có từ cung vua, từ Hà Nội, hay từ trong rừng đến đây thì cũng thế thôi, đối với tôi chẳng đáng kể gì. Còn chuyện vắn cung, các ông hỏi, tôi biết gì nói nấy, hỏi đảng hoàng thì nói đảng hoàng, chứ còn nạt nộ với hăm tử hình thì đâu đáng cho tôi trả lời. Huống chi tu sĩ chúng tôi xưa nay vốn xem sanh tử như trò đùa, nếu các ông đem tôi ra tử hình thì xin cảm ơn.”

Cán bộ già quắc mắt, giọng run lên:

“Bố lão! Anh thật là ngoan bướng, ừ để coi anh cứng đầu đến cỡ nào!” Ông quay qua anh cán bộ trẻ nãy giờ ngồi im quan sát, như dò hỏi ý kiến, thấy anh cán bộ trẻ không tỏ thái độ gì rõ rệt, ông quay qua tôi nói tiếp, “tôi không cần tử hình anh đâu, tôi lệnh cho lính nó cùm anh trong biệt giam cho rạc xương anh là đủ rồi.”

Cách ông cán bộ già sừng sộ hăm dọa còn một người khác ngồi im quan sát làm tôi nhớ lại gần hai tháng trước, có hai viên cán bộ cũng tiếp xử với tôi y hệt. Có lẽ đó là chiêu thức “vừa đánh vừa xoa” trong ngành công an. Rồi đây, ông cán bộ già sẽ ra ngoài, và anh cán bộ trẻ sẽ

CỐI TRÓI TẬP I

xin lỗi hoặc nói nhỏ nhẹ với tôi... Quả nhiên, tôi vừa nghĩ đến đó đã thấy ông cán bộ già bước nhanh ra ngoài. Anh cán bộ trẻ ngồi lại, chần chừ một lúc rồi cũng đứng dậy, bước ra theo, không quên nói với tôi:

“Anh ngồi đây chờ một chốc, chúng tôi trở lại ngay.”

Họ ra ngoài hội ý với nhau gì đó khá lâu. Còn lại một mình trong phòng vẫn cung, tôi nhớ lại câu nói của ông cán bộ già về Thiện Đắc. Hóa ra Thiện Đắc bị bắt vì tội tự thiêu. Làm gì có chuyện này! Lúc cùng Thiện Đắc bị trói chung trên xe do Dũng áp tải từ trại giam T20 Sài Gòn đến trại giam B5 này, tôi không có cơ hội để hỏi xem tại sao anh ấy bị bắt. Các cán bộ hỏi cung tôi trước đây cũng chưa hề đề cập đến chuyện Thiện Đắc, như thể chuyện của anh và của tôi không quan hệ nhau. Cho đến hôm nay ông cán bộ già mới khơi chuyện Thiện Đắc với tôi.



Vào một ngày tháng 8 năm 1984, tức là cách nay hơn một năm, nhân có vụ nhà nước chiếm chùa Từ Quang ở quận 10 để lập trường phổ thông cơ sở cấp I và II Điện Biên, Thiện Đắc từ Sài Gòn lên Long Thành tìm tôi nhằm lúc Hân cũng từ Sài Gòn lên ở chơi với tôi vài ngày. Thiện Đắc đến lúc tôi đang tụng kinh nên Hân tiếp anh. Trong khi chờ đợi tôi, Thiện Đắc và Hân làm quen và trò chuyện với nhau. Tụng kinh ra, tôi thấy họ vẫn còn say sưa thảo luận, có vẻ tâm đắc lắm. Thiện Đắc thấy tôi thì vui mừng nói ngay:

“Khang à, tôi có việc lên tìm Khang đây. Cũng hay, nãy giờ ngồi chờ Khang mà quen với anh Hân, nói chuyện thú quá. Khang biết không, thầy Nguyễn Hiền trụ trì chùa Từ Quang ở đường Phan Thanh Giản vừa bị bắt hôm kia. Công an lôi thầy ấy ra xe chở đi vì thầy không chịu ký tên vào biên bản giao nộp cơ sở chùa Từ Quang.

Khang nghĩ có tức không, ngôi chùa người ta lâu nay sinh hoạt bình thường tự dung chúng vào nói rằng chùa này do tiền Mỹ-Ngụy xây dựng nên, phải giao cho nhà nước quản lý. Vừa lòi thầy trụ trì ra xe buổi trưa thì buổi chiều đã thấy dựng bảng hiệu trường Điện Biên. Rõ ràng là chúng đã chuẩn bị trước rất chu đáo! Khi nãy tôi có nói với anh Hân đây, anh Hân cũng đồng ý với tôi.”

“Thầy Thiện Đắc này nhiệt tình lắm Khang à,” Hân chen vào, “tôi có hỏi thầy sao công an đàn áp Phật giáo, chiếm dụng chùa chiền, bắt bớ tăng sĩ... mà mấy thầy cứ lặng thinh không chịu lên tiếng hay làm một cái gì! Thầy Thiện Đắc nói sao Khang biết không, nói rằng phải tổ chức biểu tình, tuyệt thực, tự thiêu... để đòi trả tự do cho tu sĩ các tôn giáo bị giam cầm cũng như các cơ sở bất động sản của tôn giáo bị nhà nước chiếm.”

Tôi cười, nói đùa với Thiện Đắc:

“Tự thiêu nóng lắm, Thiện Đắc ơi. Nếu không định tâm được thì chịu không thấu đâu. Tôi hỏi thực, anh có chịu tự thiêu không?”

Thiện Đắc cười:

“Tự thiêu cũng được thôi, nhưng... mình để dành chuyện đó cho những người nào tự phát nguyện, còn mình thì phải góp phần trong việc tổ chức biểu tình này nọ nữa chứ. Ai cũng đòi tự thiêu mà không có người đứng ra tổ chức, điều hành cho việc tự thiêu đó mang lại kết quả mong đợi thì có tự thiêu cả trăm người cũng vô ích thôi. Mình là mẫu người tổ chức mà, Khang có thấy vậy không?”

“Ừ, thì thầy lo tổ chức đi, khi nào cần người tự thiêu thì cứ đến đây tìm tôi,” tôi nói.

“Áy, Khang đâu thể tự thiêu được. Khang cũng là người có óc tổ chức, công việc tự thiêu đâu phải của Khang!”

Tôi xua tay, nghiêm giọng nói:

“Tự thân mình không có ý sẵn sàng tự thiêu thì đừng nghĩ đến chuyện tổ chức tự thiêu. Thôi, đừng bàn

chuyện ấy nữa.”

Dù tôi nói vậy, Thiện Đắc và Hân vẫn tiếp tục bàn thảo sôi nổi về cách tổ chức đấu tranh biểu tình chống lại nhà nước. Tôi im lặng ngồi nghe và nhớ lại trước đó vài tháng tôi cũng đã có ý định tự thiêu nhân khi nghe tin cộng sản sẽ đưa thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát ra tòa và sẽ tuyên án tử hình. Nhưng chuyện tự thiêu ấy đã không hề xảy ra một phần là tôi nghe lời khuyên của Thượng tọa Đức Nhân và một vài người bạn thân nhất, phần khác là bởi lý do nào đó, cộng sản đã không đưa thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát ra tòa xử vào năm 1984 ấy.

Xét lại câu chuyện “dự tính” tự thiêu của tôi cũng như câu chuyện “bàn tính” tự thiêu của Thiện Đắc, tôi thấy không có lý do nào mà công an biết được. Chuyện tự thiêu của tôi thì khỏi phải bàn tới, vì chỉ có vài người bạn thân của tôi biết chuyện đó nhưng cả Hân và Thiện Đắc đều không biết; còn chuyện “bàn tán” về tự thiêu của Thiện Đắc thì chỉ có Hân và tôi nghe được lúc đó. Như vậy, tôi bị bắt, Thiện Đắc bị bắt, thì người khai cái chuyện tự thiêu ấy nếu không phải Hân thì là ai? Còn nếu như không phải là Hân thì ắt kẻ đó phải là Thiện Đắc. Vâng, Thiện Đắc là một tu sĩ nhiệt tình nhưng có cái tật là nói nhiều quá. Có thể anh mang họa vào thân vì cái tật cố hữu của anh.

Nhưng tại sao vấn đề tự thiêu do Thiện Đắc bàn đã xảy ra từ tháng 8 năm 1984 tại chùa tôi tại Long Thành mà đến tháng 4 năm 1985, gần chín tháng sau, mới tiết lộ tại Sài Gòn mà lại mang một mục đích kỳ cục: “chống phá ngày 30-4-1985, kỷ niệm 10 năm giải phóng”? Nếu Thiện Đắc có nói nhiều về chuyện này thì anh cũng đâu nói rằng chính anh sẽ tự thiêu! Khi bàn với tôi và Hân, Thiện Đắc nói anh chỉ muốn đứng ra tổ chức một cuộc biểu tình lớn nếu có người phát nguyện tự thiêu mà thôi. Không có người tự nguyện làm chuyện đó thì Thiện Đắc cũng không làm gì được.

Như vậy, lý do ở tù của anh, tôi có thể đoán mập mờ

rằng: có lẽ chỉ tại Thiện Đắc nói với Hân nhiều quá về các quan điểm và kế hoạch biểu tình của anh nhằm chống lại nhà nước cộng sản. Và phải chăng anh đặc tình trung thành là Hân, vào dịp lễ lớn này, không biết lấy gì báo cáo lập công nên đã phịa ra chuyện “tự thiêu chống đối ngày 30-4” và đẩy con người năng nổ, nói nhiều là Thiện Đắc vào tù?



Anh cán bộ trẻ trở vào một mình. Lặng lặng ngồi xuống, vừa móc gói thuốc thơm trong túi áo ra, vừa nói:

“Đồng chí Tuân hơi nóng tính, chắc không thích hợp để làm việc với anh. Thôi thì anh em trẻ chúng mình nói chuyện với nhau thoải mái hơn. Anh hút thuốc không? Không à. Tôi nghĩ là những người viết văn làm thơ hay như anh thì hút thuốc dữ lắm chứ.”

“Tôi biết hút thuốc, không nghiện, và tôi đã bỏ rồi.”

“Thế à, tiếc thật,” anh bật lửa mời thuốc, “tôi là Tri, cán bộ Bộ Nội vụ. Tôi vào công tác miền Nam chỉ với một việc duy nhất là gặp anh, cho nên nếu anh giúp tôi hoàn thành sớm công tác để tôi về quê thì tôi cảm ơn anh lắm. Chuyện chẳng có gì, Cũng là khai lại những gì anh làm trong lực lượng Phục quốc và hai câu hỏi mà khi nãy đồng chí Tuân đã nêu ra. Anh có thể trình bày cho tôi rõ ràng hơn được không? Trước hết là vụ ông Nguyễn Hữu Thiện, xưng là Chủ tịch của Lực Lượng Phục Quốc Nội Biên, trên cả ông Trần Văn Lương, trung tướng Tư lệnh Liên Quân Phục Quốc. Anh biết ông Nguyễn Hữu Thiện là ai không?”

“Không, tôi không biết ông Thiện. Chỉ thấy cái tên ông ký dưới bản hiệu triệu quốc dân.”

“Vậy trước đó, tức là khi chưa tiếp xúc với lực lượng Phục quốc, anh đã từng nghe qua tên Nguyễn Hữu Thiện bao giờ chưa?”

“Chưa.”

CỐI TRÓI TẬP I

“Anh cố nhớ lại thử xem, cái tên ấy không quen thuộc gì với anh sao?”

Tôi suy nghĩ một lúc, đáp:

“Có lẽ là tên giả. Ừ, cái tên thì bao giờ cũng giả cả.”

“Anh nói sao? Tôi không hiểu.”

Tôi cười:

“Cái tên thì lúc nào lại chẳng giả.”

“Ý anh nói... những tên ký trong các văn kiện ấy đều giả cả à? Ông Lương là có thật mà, các bản khai của anh cũng như những người trong Phục quốc đều công nhận là có một ông Lương, họ Trần. Chỉ có ông Thiện thì... anh chưa khai rõ thôi.”

Ngay lúc Tri nói câu ấy, tôi mới sực thấy tên ông Lương và ông Thiện ráp lại với nhau có một ý nghĩa hay hay; và từ ý nghĩa này, cũng như từ ý niệm về một cái tên giả (*giả danh* – cái tên tạm mượn nơi sự gá hợp của các nhân duyên mà gọi, hoặc cái mà ta chỉ mượn ngôn ngữ để đặt tên, nói nôm na thì là một cái tên giả – đây là một thuật ngữ của nhà Phật nói lên quan niệm phủ nhận tính chất thực hữu của vạn sự vạn vật trên thế gian), tôi lái nghi vấn của Tri sang hướng khác, nói nửa đùa nửa thật:

“Lương với Thiện chỉ là một biểu tượng của lực lượng Phục quốc mà thôi. Chẳng có ông Lương hay ông Thiện. Chỉ có tính LƯƠNG THIỆN được Phục quốc nêu ra như là biểu trưng của tinh thần đấu tranh của lực lượng để chiêu tập nhân sự.”

Tri hơi giật mình một chút, có vẻ bán tín bán nghi, nhưng rồi cũng cười nhạt một tiếng:

“Anh chỉ nói vậy thôi chứ ai lại chẳng biết là có hai nhân vật mang tên Lương và Thiện. Trần Văn Lương chính là ông Trương Văn Lân đó, cứ nói lái là biết ngay; còn Nguyễn Hữu Thiện...những người bị bắt trước anh đều khai rằng, đó chính là anh, nếu không phải vậy thì là anh Hiền, anh ruột của anh.”

Tôi bật cười lớn, một lúc, tôi nghiêm giọng nói:

“Không phải tôi chối cãi cái tên Thiện là vì tôi sợ

đâu. Nếu Nguyễn Hữu Thiện đó là tôi, tôi nhận; trước giờ có điều gì tôi làm mà lại chẳng chịu nhận đâu. Các anh vẫn cung tôi khỏe quá mà, tôi làm gì thì khai nấy, chỉ còn cái tên Thiện thôi thì có gì phải chối cãi chứ. Có điều đó là cái tên đặt ra làm biểu tượng, làm sao có thể tìm được con người cụ thể để thay vào đó! Nhưng nếu các anh cứ một mực ép tôi phải nhận cái tên Nguyễn Hữu Thiện thì cũng được đi, tôi nhận, cùng lắm thì các anh hủy trừ được cá nhân tôi thôi, chứ làm sao tiêu diệt được cái THIÊN của dân tộc! Bởi vì sau tôi, sẽ còn nhiều người mang tên THIÊN khác đứng dậy nữa. Không lý tiêu diệt hết à?”

Tri cười nhạt, thả điều thuốc xuống nền, lấy chân dẫm đầu thuốc cho tắt rồi ngược lên nhìn tôi, chậm rãi nói:

“Tôi nói anh Khang nghe điều này nhé: cái lẽ đúng-sai, chính-tà, thiện-ác... chắc chắn tôi sẽ tìm cơ hội thảo luận với anh trước khi về lại Hà Nội, còn bây giờ, chuyện mà tôi muốn làm với anh Khang chỉ là chuyện thăm cung thôi. Anh Khang có biết không, cái vụ của anh thật là phức tạp... đến nỗi trong này không giải quyết được, phải đưa sự vụ lên trung ương để xử lý. Nếu anh không khai thật thì tôi cũng chẳng biết làm sao, chắc là cứ cù cưa cù nhậy kéo dài mãi ra.”

“Đó là do các anh đa nghi nên bày vẽ chuyện thành ra phức tạp chứ có phải là do tôi đâu. Anh nghĩ lại xem, chẳng hạn tôi nói rằng tôi là Nguyễn Hữu Thiện, anh tin rằng tôi nói thật, anh ghi vào biên bản, rồi đưa ra tòa xét xử, vậy có phải là đơn giản không. Đảng này, tôi nhận nhưng anh lại không tin; còn nếu tôi chối, anh cũng không tin nốt. Tôi biết làm sao?”

“Với anh thì nó đơn giản, nhưng với pháp luật, với lẽ công bình... thì nó không phải như vậy. Bởi vì nếu anh không phải là Nguyễn Hữu Thiện thì anh không được nhận anh là Nguyễn Hữu Thiện.”

“Ồ, nói vậy có nghĩa rằng anh không tin tôi là Nguyễn Hữu Thiện? Thế thì càng dễ tính hơn nữa. Tôi không phải Nguyễn Hữu Thiện thì đừng mất công hỏi tới

hồi lui chuyện đó với tôi nữa.”

“Anh không phải Nguyễn Hữu Thiện thì anh nên khai ra cho cơ quan công lực biết ai là Nguyễn Hữu Thiện. Chuyện nó là như thế.”

“Khi các anh không nghĩ rằng Nguyễn Hữu Thiện là tôi, tôi biết Nguyễn Hữu Thiện chỉ là một tên giả, một biểu tượng, khi các anh nghi ngờ rằng Nguyễn Hữu Thiện là tôi, tôi thấy đúng tôi là Nguyễn Hữu Thiện, vì tôi hay những người cùng chí hướng với tôi, mỗi người đều tự thấy mình là một phần tử hay một đại biểu của phong trào, do đó cái tên Nguyễn Hữu Thiện đó có thể là tên của bất cứ ai, nhưng trước nhất, ngay nơi đây, đó là tên tôi.”

Tri xua tay nói:

“Thôi được, tôi sẽ ghi theo cái ý đầu tiên của anh. Nguyễn Hữu Thiện chỉ là cái tên giả, không có nhân vật cụ thể mang tên Nguyễn Hữu Thiện. Bây giờ đến chuyện tự thiêu của Thiện Đắc, anh có thể cho tôi biết sự vụ đó như thế nào không?”

Câu hỏi của Tri lập tức khiến tôi nghĩ đến bao nhiêu bạn bè của tôi chỉ vì có liên hệ mật thiết với tôi mà phải khốn đốn qua vụ án Phục quốc này, nghĩ đến anh ruột tôi phải sa vòng tù tội, và cụ thể nhất là nhớ đến khuôn mặt khắc khổ tội nghiệp của Thiện Đắc với câu anh than với tôi là bị Sơn—trưởng phòng chính trị của Sở công an Sài Gòn—đập một báng súng lục vào mặt đến tươm cả máu miệng... tôi thấy chạnh lòng, đau xót. Tất cả vụng dại ngây thơ của tôi trong giao tiếp đã đẩy xô những bạn bè và người thân của tôi vào cảnh tù tội hoặc phải lang thang ăn náu ở nhiều xá xíng khác nhau trên đất nước. Tất cả đều do tôi. Dù rằng trên thực tế, chuyện Thiện Đắc bị bắt chẳng dính dáng gì đến tôi cả, tôi vẫn thấy rằng tôi có lỗi. Bởi vì, nếu tôi không kết bạn và tin tưởng Hân thì Thiện Đắc đâu có làm quen và nói chuyện nhiều với Hân; Thiện Đắc không quen, không nói chuyện với Hân thì Thiện Đắc đâu có vào tù... Cho nên, chung qui cũng do tôi không biết chọn bạn hoặc do tôi quá vụng dại, quá tin

người, để cho những bạn khác vì quá tin tôi nên cũng vụng dại theo! Kéo nhau cả đám vào vòng tù tội và trốn tránh lang thang cũng vì cái nhẹ dạ của tôi...

Tôi bình tĩnh nói:

“Tôi đã nói khi này với ông cán bộ kia, anh có nghe rồi, phải không? Tôi xin nhắc lại, Thiện Đức chẳng bao giờ có ý định tự thiêu cả. Có thể một người nào đó báo cáo láo, hoặc báo cáo lảm về chuyện tự thiêu ấy.”

“Nhưng cũng có lửa thế nào mới có cái khói là Thiện Đức dự tính tự thiêu chứ?”

“Lửa à? Thì đây, tôi, tôi là người có ý định tự thiêu đây. Người ta nói vô nói ra làm sao mà lộn qua Thiện Đức.”

“Anh...anh định tự thiêu à?” Tri có vẻ hốt hoảng, kinh sợ khi nghe tôi nói vậy.

“Vâng, tôi có ý định tự thiêu đầu khoảng tháng 8 năm ngoái.”

Tri hơi xanh mặt, đốt một điều thuốc khác, hỏi:

“Vậy rồi lý do gì anh... không tiến hành chuyện tự thiêu? À, là vì anh bắt được liên lạc với lực lượng Phục quốc.”

“Không phải vậy. Tôi không tự thiêu lúc đó là vì các anh không đưa vụ án Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát ra tòa.”

“Nghĩa là thế nào? Nếu chúng tôi xử án Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát thì anh sẽ tự thiêu?”

“Nếu các anh xử án nặng hai người đó, chẳng hạn tử hình, thì tôi sẽ tự thiêu.”

“Chứ không phải tự thiêu để chống phá ngày 30-4 à?”

“Làm gì có chuyện tầm phào là phá rồi ngày 30-4? Anh nghĩ cái mạng tôi đây mà đem đổi cho một vụ phá rồi thôi à?”

“Thì chống vụ án Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát cũng là phá rồi, có khác gì đâu?”

“Đó không phải là phá rồi mà là đổi mạng. Tôi muốn đổi cái mạng tôi lấy mạng sống của hai người ấy.”

CỜI TRÓI TẬP I

Tri hơi sững người một lúc, nói nhỏ giọng:

“Hai ông ấy lại quan trọng đối với anh đến thế à?”

“Quan trọng chứ, bởi vì, Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát không những là tinh hoa của riêng Phật giáo mà còn là tinh hoa của đất nước, của dân tộc.”

Tri bập thốc, nhả khói liên tu, chớp mắt nhìn tôi, nói:

“Thật tình tôi không hiểu sao trong Phật giáo ở miền Nam lại có cái chuyện tự thiêu lạ lùng như thế. Anh theo đạo từ bi mà lại có hành vi có vẻ bạo động như thế!”

“Bạo động à? Anh làm rồi. Anh hiểu chữ *bạo động* như thế nào? Bạo động là làm những hành động tàn bạo mang phương hại đến người khác, phải không? Như vậy, nếu tôi bạo động thì tôi phải đốt các anh chứ sao lại tự đốt tôi? Các anh nói mà tôi không đồng ý, không chịu nghe, các anh giết tôi, còn tôi nói, các anh không nghe, tôi đốt tôi để thức tỉnh các anh. Hành vi nào bạo động?”

“Nhưng hành vi tự thiêu có vẻ gì rùng rợn ghê gớm quá!”

Tôi nhún vai nói:

“Có gì ghê gớm lắm đâu, thưa anh. Không tổn hại đến sinh mệnh và quyền lợi của kẻ khác, Phật giáo chúng tôi gọi là *bất bạo động*. Trong khi đó, các hành vi gây thương tổn đến người khác như tra tấn, chặt đầu, chôn sống, treo cổ, mổ bụng, xử bắn... mới là man rợ đầy thú tính, chứ tự đốt thân thì có hại đến ai đâu. Chuyện đốt một phần thân thể hay đốt toàn thân bắt nguồn từ kinh *Pháp Hoa* của Phật giáo, trong đó người đốt thân dâng hiến thân mạng của mình để cúng dường chánh pháp, cúng dường cái gì mình tin tưởng. Hành vi đốt một phần hay toàn phần thân thể cũng là một phương pháp tu hành để dẹp trừ bản ngã. Nếu còn quý chuộng thân xác, còn mê đắm thế gian, còn thấy thế gian là những gì có thực, hoặc còn muốn bảo vệ sự tồn hữu của mình... thì không thể nào thực hiện được việc đốt thân cả. Tóm lại, tự thiêu là một nghĩa cử *bất bạo động* mà người theo Phật chúng tôi

sử dụng vừa để thực hành hạnh vô ngã, vô úy, vừa để cúng dường chánh pháp, vừa nhằm thức tỉnh những kẻ u mê bạo ác đang làm khổ đời sống nhân quần.”

Tri gục gặc tỏ ý hiểu, nhưng tôi không dám chắc là anh hiểu hết ý tôi muốn nói. Anh lại dụi điếu thuốc, hí hoáy ghi chú vào giấy một lúc khá lâu rồi ngược lên, hỏi lại tôi một lần nữa:

“Anh cam đoan là chuyện tự thiêu do anh dự tính trong đầu chứ không tác động một người nào khác, cũng không có ai khác muốn nói gót anh hoặc muốn thay thế anh để tự thiêu, phải không?”

“Chỉ một mình tôi, hoàn toàn là tôi, không có bất cứ ai khác dính dự vào cả.”

Tri ngồi im một lúc, xếp tập hồ sơ lại, nói:

“Được rồi, ngày mai ta làm việc tiếp. Giờ anh về lại phòng há. À, khoan đã, anh có biết anh Thiện Đắc cũng bị giam ở đây không?”

“Biết, tôi có biết.”

“Anh nghĩ gì nếu anh ấy khai rằng anh ấy vô tội và trút tất cả lên anh?”

“Tôi mừng chứ sao, vì điều đó chứng minh anh ấy đã nói sự thật và nãy giờ tôi cũng đã khai sự thật.”

“Anh có muốn nhắn gì với anh ấy không?”

“Nhắn à? Tôi được phép sao?”

“Vâng, anh muốn nhắn gì cứ nói, tôi sẽ gặp anh ấy chiều nay.”

Tôi ngáp ngừng một lúc rồi nói:

“Thôi, không cần, cảm ơn.”

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG CHÍN

Mặc dầu trời chưa sáng hẳn, khách đến uống cà phê càng lúc càng đông đến độ thiếu cả ghế ngồi. Tôi đứng dậy trả tiền để nhường ghế cho người ta rồi cùng nàng quay trở về nhà. Trên đường đi, cả hai chúng tôi đều im lặng. Xa nút ở đầu đường là phương đông, nơi mà mặt trời đang cố gắng phóng chiếu ánh sáng của nó để vạch đường mây mà ló dạng, vô tình tạo nên một góc trời hồng tía trắng lợt. Ở đầu đường đó, dường như quẹo trái là qua đường Nguyễn Huệ, có quán cà phê mở nhạc ngoại quốc mà có lần tôi và Mộng Huyền ghé vào sau một chuyến vượt biển thất bại... Mộng Huyền bây giờ là cổ nhân, là cổ nhân, là người thiên cổ lụy. Tôi muốn được ngồi ở quán cà phê ấy ngay lúc này để dành một khoảng thời gian nào đó tưởng niệm đến Mộng Huyền nhưng làm vậy thì bất công với thiếu nữ đang bước đi bên cạnh tôi quá.

“Anh liêu ghê, cái gì cũng nhận về phần mình!” bất chợt nàng nói.

“Tất cả thầy tu Phật giáo ở vào trường hợp của anh, đều sẽ làm như vậy.”

“Cũng tùy thôi anh ạ. Không phải ai cũng ứng xử theo cách của anh đâu. Ở xã hội này, liêu như anh chỉ thiệt vào thân. May mà anh hãy còn sống... Nhưng xét cho cùng thì chuyện anh làm cũng đúng thôi. Tấm lòng của anh nó như vậy, thì cứ để nó như vậy, đâu cần uốn nắn hay chỉ bày nó cách tự vệ... Vậy rồi Tri xử sự ra sao với lời khai ấy của anh?”



Ngày hôm sau và những ngày kế tiếp, Tri cho gọi tôi ra khai cung làm việc liên tục, từ thứ ba cho đến thứ sáu. Những ngày này vẫn chỉ có một mình Tri làm việc với tôi chứ không có ông cán bộ già khó tính nữa. Thứ ba và thứ tư, mỗi ngày Tri đều lập biên bản và đưa tôi ký tên. Biên bản lại ghi rõ những gì tôi đã đóng góp cho lực lượng Phục quốc của ông Trần Văn Lương. Sáng thứ năm, Tri đưa giấy bút cho tôi, bảo viết hai bản tự khai, một bản kể lại tuần tự theo thời gian các hoạt động của tôi từ năm 1982 đến năm 1984; một bản viết lại toàn bộ những gì tôi đã làm từ năm 1984, khi bắt đầu có dính líu với lực lượng Phục quốc. Chiều thứ năm, Tri lại bảo tôi viết thêm một bản tự khai về chuyện “dự tính” tự thiêu của tôi nhằm chống lại bản án tử hình thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát (nếu có). Trong bản tự khai về việc tự thiêu, Tri yêu cầu tôi nói luôn cả ý nghĩa tự thiêu trong Phật giáo mà anh đã nghe tôi nói bằng miệng trước đó vài ngày. Bản tự khai ấy, dĩ nhiên tôi đã nhận hết lỗi về phần tôi để cứu Thiện Đắc. Qua ngày thứ sáu, dù tôi đoán rằng đã hết chuyện để khai—sau khi Tri lập ba biên bản và tôi viết ba bản tự khai—Tri lại gọi tôi ra.

Lần này, Tri đưa tôi vào một căn phòng khá rộng thuộc dãy nhà ngang nằm gần phía con lộ chính. Phòng này có vẻ như là một nhà kho hay phòng chứa tang vật gì đó. Phòng có hai cửa sổ trước và sau, cửa sổ trước mở ra sân trại, cửa sổ ở vách sau thì mở ra phía con lộ chính. Tôi thấy nhiều lớp rào kẽm gai bên ngoài cánh cửa sổ ấy. Dọc theo hai bên vách là nhiều hộc tủ lớn có nhiều ngăn, mỗi ngăn có đánh số. Tri đóng cánh cửa ra vào, cài then lại, rồi đến ngồi với tôi. Chưa bao giờ cán bộ chấp pháp làm việc khai cung mà lại đóng cửa như thế. Đã vậy, trên bàn có để sẵn hai tách cà phê nóng còn ngút khói. Tri cười thân mật, nói:

“Thực ra chúng ta đã làm việc xong từ chiều hôm qua. Anh khỏi cần khai cung hay viết tự khai gì nữa. Nhưng tôi muốn gọi anh ra để anh em mình có cơ hội nói

CỐI TRÓI TẬP I

chuyện cho vui. Ở trong đó tù túng lắm, phải không anh Khang? À, mời anh dùng cà phê cái đã. Đây là cá nhân tôi đãi anh chứ không phải của trại hay của nhà nước đâu, đừng ngại. Hút thuốc nhé. Anh nói là trước đây anh có hút nhưng đã cai mà, thế thì cũng biết hút chứ chẳng phải không. Thôi thì hút với tôi bữa nay cho vui. Chiều nay tôi về lại Hà Nội rồi.”

Bởi cái về chí tình trong cách mời của Tri, tôi bung tách cà phê, nhấp một ngụm nhỏ, rồi đón lấy một điếu từ gói thuốc của Tri đưa mời.

(Kỳ thực trong thời gian gần đây, tôi đã bắt đầu hút thuốc trở lại. Tôi biết rằng việc hút thuốc có hại cho thể chất, nhưng về mặt tinh thần, nó cho tôi chút cảm giác hạnh phúc nào đó. Một thứ khoái cảm lâng lâng nhẹ nhẹ. Một chút ngây ngất quên đời. Có người bảo đó chỉ là cách để chạy trốn thực tại, nhưng thực ra, tôi không chạy trốn thực tại mà là đắm mình trong cái thực tại của khói thuốc. Trong cái thực tại bùng cháy của cảm giác, hay ngay cả ảo giác, khi hút thuốc, tôi không cần biết cuộc đời vậy bực chung quanh. Và chẳng, cảm giác và khói thuốc chẳng phải là thành phần của cuộc đời hay sao? Cho nên, tôi sống trong thực tại khói thuốc chứ không phải chạy trốn thực tại cuộc đời—dù rằng đôi lúc cuộc đời đầy ưu phiền hệ lụy này cũng rất đáng quên. Tôi không ngoa ngụy để bào chữa cho việc hút thuốc của tôi trong thời gian ở tù đâu. Bởi vì có một lúc ngồi trầm tư, tôi nhận thấy rất rõ ràng cái điều mà một đạo nhân cần phải từ bỏ là tính chất mê, nghiện, say đắm... chứ không phải là các đối tượng quyến rũ của trần gian. Nói vậy không có nghĩa rằng cứ việc tự do đón nhận các đối tượng, nhưng để biết: một khi dục vọng (mẹ đẻ của mọi thứ say mê nghiện ngập) còn tồn tại thì bất cứ đối tượng nào để say mê đều mang cùng một tính chất như nhau cả. Như thế, giữa một thiền sư nghiện uống trà và tôi nghiện hút thuốc, chẳng có gì khác nhau lắm đâu, dù rằng trên hình thức, người ta thấy sự nghiện trà của vị thiền sư ấy có vẻ thanh nhã, đạo

vị hơn việc hút thuốc của tôi rất nhiều. Chỗ quan trọng nhất là vị thiền sư và tôi phải dứt khoát trừ bỏ được dục vọng; và một khi dục vọng bị đánh tan ròi, tất cả các nỗi đam mê lớn hay nhỏ, thanh nhã hay thô lậu, thuần khiết hay nhơ bẩn... đều tự động rã ngũ.)

Tri bật lửa cho tôi. Tôi tự nghĩ, “chắc anh ta không có âm mưu gì đâu. Đã kết cung cả rồi và mọi chuyện đâu đã vào đó, anh ta đâu cần mua chuộc mình làm gì nữa. Nhưng biết đâu... chuyện lấy cung lại bắt đầu từ một buổi nói chuyện băng quơ như vậy. Phải cẩn thận mới được.” Tôi vừa nghĩ đến đó thì Tri đã tiếp:

“Anh Khang à, ở trại này họ đối xử với anh như thế nào?”

“Đối xử như thế nào là sao? Thì đối xử như mọi tù nhân khác chứ có gì đâu.”

“Ý tôi muốn hỏi là chế độ ăn uống, thăm nuôi... ở đây như thế nào?”

“Có lẽ cũng như bao nhiêu trại giam khác trên đất nước này thôi. Anh làm trong ngành công an thì hẳn anh phải biết chứ.”

“Anh Khang nói vậy là không nắm rõ cơ cấu trong ngành nội vụ rồi. Tôi làm sao biết được chuyện của mấy trại giam vì nó thuộc phần vụ của Cục Quản lý Trại giam kia mà!”

“À, ra là vậy. Nói chung thì tôi không để ý lắm về chế độ ăn uống, thăm nuôi... Cứ đến giờ phát cơm thì nhận cơm, cho thăm nuôi thì nhận được quà, vậy thôi.”

“Nhưng tiêu chuẩn gạo hàng tháng là bao nhiêu cân, anh biết chứ?”

“Làm sao mà biết được?”

“Ồ, họ không cho anh biết à? Thế mỗi ngày được phát cơm mấy bữa, mỗi bữa được bao nhiêu cơm?”

“Mỗi ngày hai bữa, trưa và chiều, mỗi bữa được khoảng hơn một bát cơm!”

“Cái gì? Một bát cơm? Khiếp thế, làm sao mà sống nổi, đói chết!”

Tôi phì cười, nói nửa đùa nửa thật:

“Bộ anh ở cung vàng điện ngọc hay sao mà không biết cái hiện tình đói khổ của đất nước chứ hả? Đâu phải chỉ có tù nhân mới đói, thường dân thiên hạ ở ngoài cũng đói nhan nhản ra đó, có lạ lùng gì đâu. Có khi nào anh viếng thăm các vùng kinh tế mới không? Anh có biết cuộc sống của người dân trên kinh tế mới như thế nào không?”

“Có, tôi có lên Long Thành, vùng kinh tế mới mà anh lập chùa, hoạt động chống nhà nước... nhưng lên để điều tra về cơ sở của anh thôi, chứ không tìm hiểu về cuộc sống của người dân trên ấy.”

“Vậy thì anh và những đồng chí của anh nên dành thì giờ mà tìm hiểu thêm về đời sống nhân dân mọi thành phần. Chắc anh cũng thừa biết rằng nếu nhà cầm quyền không hiểu rõ được đời sống thực tế của nhân dân thì nhà cầm quyền đó chỉ tồn tại trên đất nước như một đám lục bình trôi trên sông.”

Tri im lặng, có vẻ suy nghĩ. Một lúc, anh gật đầu, nói:

“Anh nói có lý. Có lẽ vì cái chế độ này nó tạo ra chúng tôi như thế đấy. Chế độ thư lại giấy tờ mà. Tôi chỉ biết những con số và những dòng chữ rất giống nhau ở trên các bản báo cáo. Ô thôi, nói cái chuyện đó chán quá, ta nói chuyện khác cho vui nhé. À, ông cụ bà cụ thân sinh của anh cũng khỏe lắm. Nói để anh yên tâm.”

“Sao? Anh có gặp ba mẹ tôi à?” tôi giật thót mình khi nghe Tri nói vậy. Có lẽ nào vì chuyện của tôi mà cả ba mẹ tôi đều vào tù? Thấy tôi có vẻ lặng người sùng sốt, Tri tiếp ngay:

“Vâng, trước khi gặp anh, tôi đã làm việc với anh Hiền, anh ruột của anh, rồi tôi ra Nha Trang gặp hai ông bà thân sinh của anh để hỏi thêm một vài vấn đề... Bà cụ tiếp tôi ở căn nhà nhỏ đường Hậu Giang. Ô, bà cụ hiền lành, nhân hậu lắm; bà thật thông minh, tinh tế, nói năng hòa nhã lịch thiệp, khôn khéo, ai tiếp xúc qua là quý mến ngay. Tôi dự tính chuyến ra Bắc chiều nay sẽ ghé Nha

Trang thăm bà cụ lần nữa. Anh ngạc nhiên à? Thi chuyện trước tôi đến bà cụ để điều tra chuyện hai anh em của anh, còn chuyện này thì ghé thăm, thăm thực sự như thăm một người thân hay một người mà mình quý mến, hay thăm một gia đình nhân sĩ trí thức ở miền Nam mà tôi có dịp biết đến. Có thể tôi sẽ kể chuyện của anh và anh Hiền để bà cụ đỡ lo. Anh có cần nhắn gì không?”

Tôi nhẹ nhõm mừng là ba mẹ tôi không can hệ gì nhưng cũng dự dự chưa biết nói lời nào để nhắn, đành cười trừ. Tri nói giọng thân mật:

“Chắc anh Khang còn ngại vì mới hôm qua tôi là cán bộ điều tra, nay lại nói chuyện linh tinh... anh ngại cũng phải. Cái chế độ này, ở trong tù hay ngoài xã hội cũng thế thôi, cứ tạo nghi ngờ trong lòng mọi người, làm sao người ta trở thành anh em hay bạn bè của nhau!”

Tri ngưng một lúc, hớp cà phê, kéo một hơi thuốc, rồi tiếp:

“Nói thật anh Khang nghe, hơn mười năm làm việc trong ngành, tôi chưa bao giờ gặp một phạm nhân... à, một con người lạ thường như anh. Chỉ trong vòng vài ngày tiếp xúc mà tôi học được từ anh rất nhiều điều bổ ích. Tôi không nói về cái hữu ích về kiến thức liên quan đến ngành nghề của tôi, mà về thái độ và quan niệm sống của một người dân, hay của một con người trên cuộc đời. Dĩ nhiên tôi biết rằng một chế độ... khắt khe như chế độ ngoài Bắc thì chẳng làm sao mà đào tạo được cái gì xuất sắc, dị thường. Nhưng tôi vẫn lấy làm lạ là mảnh đất miền Nam, với chế độ mà ngoài tôi gọi là Mỹ-Ngụy tay sai, lại sản sinh ra nhiều con người tài hoa đến thế. Tôi chưa có cơ hội tiếp xúc nhiều với giới trí thức hoặc giới trẻ miền Nam nên không làm sao nắm được là thành phần nhân sĩ trí thức chiếm bao nhiêu phần trăm nhân số miền Nam, nhưng qua tiếp xúc những người trong gia đình anh khi tôi đến làm việc, tôi đã giật mình. Riêng anh và anh Hiền, mỗi bản tự khai các anh viết ra là cả một đoạn hồi ký hay. Tôi đọc mà say mê như đọc tiểu thuyết. Văn anh Hiền thì

dữ dội, lôi cuốn, vãn của anh thì trong sáng, nhẹ nhàng, mà đầy tự tin, đầy quyết tâm. Tôi nhận ra ở con người anh và con người anh Hiền, một cái gì na ná như là thái độ bất cần đời, nhưng không phải. Các anh vẫn sống hết mình vì cuộc đời. Nhất là anh, nói thực, nếu anh không ở trong hoàn cảnh này, tôi muốn liên lạc kết giao với anh thường xuyên... Anh Khang biết không, cho dù ông nội, ông ngoại tôi đều là Ủy viên Trung ương Đảng, bố tôi thì nằm trong ban Bí thư Trung ương, cho dù các anh chị em tôi đều được sinh ra và đào tạo từ chế độ xã hội chủ nghĩa, cho dù chúng tôi đang tận tụy công tác phục vụ Đảng và Nhà nước, tôi vẫn có thể nói với anh rằng,” Tri nói hơi nhỏ giọng xuống, “chế độ cộng sản giống như một nhà máy sản xuất thức ăn đóng lon–hình như trong Nam người ta gọi là đồ hộp phải không anh?–nhưng là loại đồ hộp để cất vào kho chứa chứ không phải loại để tiêu thụ. Tôi nói vậy tự anh hiểu. Tóm lại là chế độ ấy không đào tạo ra những con người. Nó nghiền nát nhân tính một cách tàn bạo, khủng khiếp. Tuổi trẻ miền Bắc, mấy thế hệ nối tiếp nhau, được nuôi lớn trong cái giàn máy khổng lồ ấy, thử hỏi anh, chúng tôi có thể làm gì! Chỉ làm đồ hộp thôi. Chỉ nằm ì ra đó thôi! Mỗi người chúng tôi có mối liên hệ chẳng chặt hay một thứ bần phận không thể từ chối đối với cái giàn máy đó: không chịu theo khuôn thì bị phế thải, vâng, bị phế thải. Anh đừng ngại, ở đây chẳng ai nghe đâu, mà có nghe cũng chẳng làm gì được mình đâu! Anh cho tôi nói chuyện nhé, vì về lại ngoài Bắc, tôi không nói được cảm nghĩ này với ai cả, ngay cả với những người trong gia đình... Đôi khi uất nghẹn muốn ra giữa chợ đời mà hét to lên một tiếng, hoặc muốn xách súng vào trung tâm điểm của cơ quan giàn máy, cứ lần lượt mà bắn hết từng bộ phận đầu não, cho đến từng cái lon đồ hộp! Ôi, cái uất nghẹn lặng lẽ ấy... ôm lâu trong lòng lại biến dạng thành một thứ ung nhọt kỳ quái, một thứ ung nhọt xơ cứng như băng...”

Nói đến đây, Tri có vẻ uất nghẹn thật. Mắt anh long

lạnh như khóc. Môi anh rung rung. Nhưng tôi thì thầm nghĩ rằng, Tri ví thân phận cán bộ của anh như là thành phần bị cái giàn máy nhà nước cộng sản nghiền nát thì không được chính xác lắm. Thực ra, không phải cán bộ nhà nước là thành phần trực tiếp bị cái giàn máy khổng lồ kia nghiền nát, chỉ có nhân dân mới bị nghiền nát; còn cán bộ thì là những con ốc tẩn hay những cơ phận giúp đỡ giàn máy đứng vững và hoạt động.

Tri bung tách cà phê lên nhấp, rồi đốt thêm điếu thuốc khác. Anh đưa thuốc mời tôi, tôi đón, không từ chối. Chúng tôi im lặng hút thuốc. Nắng mai chiếu xiên vào cửa sổ sau lưng Tri. Từng đám bụi lấp lánh nắng, lẫn tẩn cuốn theo những chiếc lá vàng nhỏ rơi từng đợt từng đợt từ vài cành táo non đong đưa sau dây rào kẽm gai. Rảy tàn thuốc xuống sàn đất, Tri lại tiếp:

“Tôi nói điều này không biết anh Khang có đồng ý không. Như vậy, tôi nghĩ cái biến cố 30-4-1975 cũng là một dịp may, một cơ hội cho đất nước chúng ta chứ chẳng phải không đâu. Anh đừng cười, để tôi nói cho hết ý: tôi cho rằng trước đây miền Nam đã có cơ hội để mở mắt và để sống với tư tưởng tự do cũng như ý niệm về dân chủ của các nước văn minh khác trên thế giới, trong khi đó, nhân dân miền Bắc phải sống dưới một chế độ... độc tài khủng khiếp... Nếu không có cái ngày 30-4-1975 đó thì miền Bắc muôn đời vẫn thế, chẳng làm sao mà thay đổi được. Nhờ giải phóng miền Nam, nhìn thấy miền Nam, tiếp xúc với nhân dân cũng như các thành phần chính quyền cũ của miền Nam, người miền Bắc mới sáng mắt ra, mới thực sự nhận thức được rằng có một thứ đời sống khác hơn, tươi sáng hơn mà lâu nay họ tìm kiếm, mong đợi. Cho nên, có thể nói rằng miền Nam giải phóng miền Bắc thì miền Nam thắng, miền Bắc giải phóng miền Nam thì miền Nam vẫn cứ thắng như thường. Bởi vì lẽ thắng bại đôi khi không nằm ở chỗ chiếm lĩnh được cái vũ đài chính trị hay quân sự.”

“Mà phải chiếm lĩnh cái vũ đài nhân tâm,” tôi tiếp

lời Tri.

Tri gật đầu tán đồng ngay:

“Đúng, phải được lòng dân. Khi quân đội miền Nam cũng như Hoa Kỳ rã ngũ và rút đi không đánh nữa thì chính cái tinh thần dân chủ tự do ở miền Nam đã tràn ngập ra Bắc, chiếm lĩnh trận địa nhân tâm, đánh thức bao nhiêu cái đầu óc đã mù đi vì mù quáng hoặc vì sức ép của giàn máy. Những người cầm quyền miền Bắc sau ngày giải phóng miền Nam đã phải đối đầu với một đạo quân vô hình nhưng khủng khiếp hơn đạo quân chính qui của quân đội Việt Nam Cộng Hòa nhiều. Người ta không sợ tàn quân miền Nam nổi lên đánh lại đâu. Điều này làm sao xảy ra được chứ! Khi chưa tan rã thì quân đội hai miền còn đánh cầm cự với nhau mấy chục năm, còn bây giờ một bên thì tăng cường quân số, kiểm soát toàn lãnh thổ, một bên thì giải thể, tan rã hoàn toàn... lấy cái gì mà quật lại! Người ta chỉ sợ cái tinh thần tự do dân chủ thôi. Rồi đây, trên đất nước này, chỉ còn một cuộc chiến tranh duy nhất là cuộc chiến giữa chế độ độc tài và phong trào đòi hỏi tự do dân chủ dấy lên từ nhân dân. Nhân dân ở đây không phải là nhân dân miền Nam hay miền Bắc, mà là nhân dân Việt Nam. Anh Khang có đồng ý với tôi quan điểm ấy không?”

Tôi gục gặc, không nói, nhưng thật xúc động. Ý nghĩ của anh cộng sản trẻ này làm tôi phấn khởi và tin tưởng vào tương lai của đất nước vô cùng. Té ra miền Nam đang giải phóng ngược miền Bắc bằng tinh thần tự do dân chủ! Cái điều này đơn giản như thế mà lâu nay tôi hầu như không để ý đến. Nhưng có thực vậy chăng? Miền Nam có tự do dân chủ thực sự để làm công việc giải phóng miền Bắc không? Không.

Có thể nói rằng tinh thần tự chủ độc lập của dân tộc đã được nuôi dưỡng và phát triển liên tục từ các triều đại xa xưa của đất nước, điển hình là qua triều đại Lý-Trần, khi mà nhân dân được góp mặt trong các hội nghị quan trọng quan hệ đến sự sống còn của quốc gia. Tinh thần ấy

bị mai một, lãng quên, hoặc bị chìm chết bởi các thế lực xâm lăng và thực dân nước ngoài cũng như đã bị tinh thần hủ nho đề cao trung quân ái quốc, tôn thờ lãnh tụ, cố tình đề bẹp đi. Cho nên, người ta thấy rằng hai chế độ Cộng hòa của miền Nam trước đây cũng chưa thực sự có tự do dân chủ; nhưng ít ra, tinh thần tự do dân chủ đã từ Tây phương trực tiếp theo chân quân đội viễn chinh Mỹ thâm nhập vào mảnh đất màu mỡ trù phú với cánh cửa luôn mở rộng của miền Nam. Miền Nam chưa có chế độ thực sự tự do dân chủ nhưng tinh thần tự chủ sẵn có từ ngàn xưa đã được đánh thức, được nhận dạng qua sự có mặt của nền văn hóa Tây phương. Tinh thần tự chủ đáng ra là vốn liếng thì bây giờ trở thành như là một thứ bài học mới. Dù sao, một bài học đã biết mà chưa áp dụng triệt để cũng còn đỡ hơn là không biết gì cả. Từ chỗ này, tôi thấy rằng, khi trình độ dân trí và văn hóa của hai khối dân chênh lệch nhau quá xa hoặc nền văn hóa bản địa quá vững chắc thì lúc va chạm, cái nhỏ sẽ tan biến trong cái lớn, cái thấp sẽ bị mất hút trong cái cao, cái ít bị chìm lìm trong cái nhiều... Miền Bắc dưới chế độ cộng sản y như là một ông cụ già lụ khụ cứ quần quanh trong nhà để coi ngó; còn miền Nam thì cứ y như một chàng trai khỏe mạnh sung sức, thích bay nhảy tự do, thích hoạt động bên ngoài. Ai sẽ ảnh hưởng ai? Chàng trai sẽ ử dột bị quan theo cụ già hay cụ già sẽ tươi tỉnh yêu đời lên bởi tính năng động của chàng trai? Rõ ràng là trước sau gì ông cụ cũng phải chịu thua, không thể trì níu kiểm soát gì được chàng trai trẻ.

Thấy tôi chẳng nói gì, Tri kín đáo thở dài một tiếng. Một lúc, anh nói:

“Hoàn cảnh xã hội đã tạo một bức màn ngăn cách giữa tuổi trẻ chúng ta. Có một bức tường thành kiên rờ rệt giữa nhân dân miền Nam và miền Bắc. Anh Khang có thấy vậy không? Anh nói tôi nghe về chuyện đất nước đi, hay anh còn ngại... chưa tin tôi, phải không?”

Tôi cười, nói:

“Anh lầm rồi. Anh không nhớ rằng những hoạt động

trước đây của tôi, cùng với bao nhiêu bản tự khai của tôi viết cho các anh, đã là cách thẳng thắn bày tỏ quan điểm của tôi rồi đó sao? Nếu sợ thì tôi đã không làm, anh ạ. Có điều, lâu nay các anh chỉ giảng tôi nghe lập trường và quan điểm chủ nghĩa xã hội với lý tưởng cộng sản... nên tôi mới mở miệng nói lời đôi co. Nay anh nói theo cách khác, cách mà anh thực sự nghĩ trong đầu, thì tôi thích thú lắng nghe, ngạc nhiên mà lắng nghe, chứ không phải tôi không muốn trao đổi. Quan điểm của tôi thì quá rõ ràng rồi, anh đã đọc thấy trong các bản tự khai của tôi. Anh đâu cần phải nghe thêm. Bây giờ đến lượt anh nói đó. Anh nói tiếp đi, tôi thực sự muốn biết tuổi trẻ các anh, những người sinh ra và trưởng thành trong chế độ cộng sản thực sự nghĩ gì về hiện trạng khổ đau của dân tộc cũng như viễn ảnh tương lai của đất nước.”

Tri gật đầu, mắt sáng lên long lanh, hăng say nói:

“Theo một vài người bạn trẻ của tôi ở ngoài Bắc, thì đa phần người dân miền Nam cứ một mực cho rằng chúng tôi là thứ cần phải trừ khử, tiêu diệt, mới mong đem lại hạnh phúc, ấm no cho đất nước. Anh Khang có thấy đó cũng là một thứ thành kiến không? Khi người cộng sản nghĩ rằng chỉ có họ đúng, còn những người không cộng sản thì sai, họ đã có thành kiến nặng phải không anh? Thế thì khi những người không cộng sản một mực cho rằng cộng sản là sai, chẳng phải họ cũng có thành kiến đó sao?”

“Đúng là cả hai bên đều mang thành kiến.”

“Thế theo anh Khang, chúng ta phải làm gì để giải tỏa cái thành kiến đó? Chẳng phải rằng chúng ta, tuổi trẻ Việt Nam, phải ngồi lại nói chuyện với nhau để thảo luận về một hướng đi mới cho dân tộc không?”

Tôi vui mừng nói ngay:

“Phải, chúng ta phải đối thoại trong tinh thần dân chủ. Hai bên phải gạt bỏ hết những chủ thuyết, những lý tưởng, những lập trường này, lập trường nọ, để lắng nghe nhau, phác họa một con đường mới cho dân tộc. Chúng ta

phải học cái tinh thần tự do dân chủ, vì chỉ có tự do dân chủ thực sự, chúng ta mới phá được cái bức tường thành kiến đó mà thôi. Nhưng đất nước chúng ta, hay nói cho đúng hơn, các nhà cầm quyền trên đất nước ta, chưa bao giờ biết áp dụng dân chủ. Người ta luôn luôn muốn đàn áp tinh thần dân chủ vì đó là cách duy nhất để bảo vệ quyền lợi chấp chính của họ. Cứ như vậy thì bảo sao có tiên bộ, có đổi thay... và làm sao trách được là có những lực lượng phản kháng nổi dậy.”

“Phải rồi, chắc chắn người miền Nam quen với nề nếp đấu tranh đòi cái quyền tự do bình đẳng sẽ không thể nào chịu ngồi yên trước một chế độ khát khe như chế độ xã hội chủ nghĩa. Các anh đứng lên phản kháng là chuyện ắt phải có. Nhưng rồi anh cũng biết đấy, không có chính quyền nào chịu ngồi yên để cho các lực lượng phản kháng nổi dậy cả. Họ phải dập tắt để giữ gìn an ninh xã hội, cũng là cách để bảo vệ quyền bính của họ nữa chứ. Thành thử, kẻ phản kháng và chính quyền trở thành hai đối lực không thể ngồi chung với nhau được. Buồn là buồn ở chỗ đó. Chúng ta muốn nói chuyện với nhau, nhưng sẽ không bao giờ có cơ hội. Hoặc là các anh vào tù, hoặc là chúng tôi vào tù. Chúng tôi không muốn thất bại, không muốn mất quyền bính, thì chúng tôi phải dẹp các anh. Mà cái điều khổ cho thành phần tuổi trẻ, hay nói đúng hơn, thành phần cán bộ trẻ như tôi, là trong khi mình ôm cái hy vọng là có cơ hội bắt tay với những người trẻ khác trên khắp đất nước để tiến hành một cuộc vận động xây dựng kiến thiết xứ sở thì cấp trên...ừ, mấy con ốc tẩn rì sét đã bám chân cứng ngắc vào giàn máy, không sao vặn mở ra nổi—cứ lệnh cho mình phải đi bắt, đi dẹp, đi xử... những anh em bạn bè của mình. Oái oăm là ở chỗ đó. Mình không làm thì mình chết, còn làm thì vô tình cứ trở thành kẻ thù, trở thành đối lực của nhau...” Tri đưa gói thuốc mời tôi, rồi rút một điếu khác, đưa lên môi, bật lửa, tiếp, “cho nên... anh Khang biết không, cấp trên bảo tôi vào Nam thăm tra vụ án của anh Khang, tôi rất thích thú, và nói

thật, tôi rất hân hạnh làm việc, nói chuyện với anh. Anh còn trẻ hơn tôi ba, bốn tuổi, nhưng tôi không dám nhìn anh như một người bạn... mà phải hơn thế kia. Anh như một người anh, một người thầy thì đúng hơn. Thảo nào nhiều người quý mến và nghe lời anh đến thế. Tôi không nhìn anh như các nhân sự khác trong lực lượng Phục quốc, bởi vì đa phần những người của lực lượng này đều ít nhiều có dính dấp đến chế độ cũ: hoặc là sĩ quan quân đội, hoặc là cán bộ công chức cao cấp. Những người ấy họ tham gia phong trào Phục quốc là để lấy lại những gì họ đã mất... Tôi đánh giá lực lượng Phục quốc như thế. Phục quốc là muốn lấy lại nước của họ, nước của họ là chế độ Cộng hòa miền Nam trước đây—một chế độ mà nhà nước miền Bắc không thể nào chấp nhận, và cũng chẳng phải là điều mà bọn trẻ miền Bắc chúng tôi mong đợi. Nếu lý tưởng Phục quốc là như thế thì... nói xin lỗi, cũng chẳng có gì đáng để tôi để bụng lắm đâu. Chẳng qua cũng giống như một số vụ án chống đảng, âm mưu lật đổ chính quyền nhà nước do những đảng viên Cộng sản điều động chủ trương. Họ cũng làm cách mạng đấy, nhưng cách mạng để hồi phục chỗ đứng, chỗ ngồi của họ... hoặc để đòi hỏi một thứ bình đẳng quyền lợi nào đó trong cái mâm cỗ ‘đảng viên ưu đãi’ mà họ nghĩ là họ phải được hưởng. Từ nhiều năm nay, cách mạng trong nước ta chỉ có ý nghĩa như thế: lấy lại những gì mình bị mất hoặc đòi hỏi ăn đồng chia đều! Hờ, cách mạng như thế thì chẳng có ý nghĩa gì cả trong mắt tôi. Nhưng chính vì trong lực lượng Phục quốc có anh, một tu sĩ Phật giáo đã lìa bỏ cuộc đời từ thuở bé, bản thân không dính dáng gì đến chính quyền cũ, nên mới khiến tôi có cái nhìn khác đi về lực lượng Phục quốc. Anh đứng lên làm công cuộc cách mạng không phải để ‘phục quốc’ hay hồi phục lại cái gì đã mất mà để tìm kiếm một cái gì đất nước này chưa từng được hưởng. Anh đứng lên vì tương lai đất nước chứ không phải vì cái dĩ vãng vàng son hiển hách nào đó của những người thuộc chế độ cũ. Và cũng chính vì ông Trần

Văn Lương khôn khéo móc nối anh, nhờ anh đề ra cho Phục quốc một cương lĩnh cao đẹp nên mới tạo được cái chính nghĩa rực sáng cho lực lượng ấy thôi. Tự thân lực lượng Phục quốc chỉ có chính nghĩa đối với người dân miền Nam cảm tình với chế độ cũ hoặc những người không đội trời chung với cộng sản; nhưng nhờ ước vọng cao đẹp của anh về tương lai đất nước gói ghém trong đường hướng và cương lĩnh của lực lượng, nó trở nên có chính nghĩa, hoặc ít nhất là có một gợi ý hấp dẫn, đối với cả những người miền Bắc cấp tiến muốn thay đổi đất nước. Nói cho cùng thì ông Lương nắm tắt cả nhân lực, nhưng tinh thần của Phục quốc thì do anh thổi vào. Một số nhân sự Phục quốc khai rằng họ thấy cương lĩnh Phục quốc hay và hợp lý quá nên tham gia chứ không biết ông Lương là ai cả. Từ ngoài Bắc, tôi có đọc qua số tài liệu tịch thu được của Phục quốc. Tôi thích lắm... Rất tiếc là tôi phải làm công tác của tôi thôi. Trách nhiệm mà. Nhưng anh Khang à... không sao đâu. Cái chuyện tôi vừa nói chỉ là nhận xét của tôi chứ cán bộ chấp pháp các cấp dưới không đánh giá anh như vậy đâu. Họ đánh giá theo chức vụ thôi. Cho nên anh thấy đó, trong biên bản kết luận cũng đâu có nói gì... phải không? Chỉ nói đơn giản là anh có hợp tác, giúp soạn viết tài liệu... chứ không nhấn mạnh tầm quan trọng hay tác dụng của tài liệu đó. Tóm lại là... họ không kết án anh nặng lắm đâu. Dĩ nhiên chuyện án nặng hay nhẹ chẳng phải là điều anh quan tâm, tuy thế, ở cương vị tôi, một người bạn trẻ quý mến anh, tôi lại muốn làm một cái gì đó để giúp anh nhẹ bớt... chắc anh hiểu. Nhưng tôi cũng chẳng làm gì được. Cái chuyện xét xử thì do bên Viện Kiểm sát. Phần vụ của tôi là điều tra nội vụ, thụ lý hồ sơ thôi. Tôi đã cố gắng hết sức để tránh bớt được cho anh chừng nào hay chừng nấy... nhưng cũng có chừng mực thôi. Vả lại, các bản tự khai của anh nói thật quá, tôi chẳng làm sao khác hơn được. Chẳng hạn cái vụ của anh Thiện Đắc, nếu anh không nhận thì cũng chẳng ai biết là anh. Đôi khi tôi muốn điều chỉnh hoặc góp ý anh...

là nên khai như thế nọ thế kia cho nhẹ bớt tội, nhưng nghĩ lại thấy rằng điều đó chỉ tổ làm phụ lòng anh mà thôi. Anh đâu cần được giúp đỡ theo cách đó. Anh đã quyết định nói thẳng từ đầu đến cuối, quyết định chấp nhận mọi hậu quả thì phải để anh toại ý... Dù sao, tôi vẫn hy vọng một ngày rất gần, anh được tự do. Tôi sẽ theo dõi xem tình trạng mức án của anh để chờ đón anh. Tôi muốn gặp anh ở một hoàn cảnh khác, không phải trong một trại giam, cũng không phải trong cương vị một cán bộ ngành nội vụ với một người đối lập với chính quyền nhà nước. Ngày gặp nhau, sẽ là một ngày tươi đẹp, sáng sủa hơn bây giờ nhiều... Ngày ấy là ngày của tuổi trẻ chúng ta.”

Tri nói đến đó thì đôi mắt lại rung rung và cái mũi anh đỏ ửng lên. Tôi ngạc nhiên nhìn anh một cách kín đáo. Anh có vẻ là một anh chàng công tử bột hoặc một nhà thơ, một họa sĩ, chứ không phải là một cán bộ thuộc ngành nội vụ. Da dẻ anh trắng trẻo, một loại nước da láng mịn như con gái. Đôi mắt anh long lanh với hàng lông mi hơi cong. Mái tóc mềm với những sợi quăn cúp sát vào da đầu. Rõ ràng đó là cái tướng mít ướt đa cảm nhẹ dạ quen thuộc. Cái tướng đó nhạy cảm và dễ khóc, thương ai thì thương hết lòng, làm việc gì thì làm chí thú đam mê, lúc nào cũng nghĩ một cái gì tốt đẹp cho người khác mà quên cái hại sẽ rước vào thân... Ôi, cái hạng người ấy làm sao có thể tồn tại được giữa một xã hội khô khan cứng ngắt như “cái giàn máy” với những chiếc răng cưa khổng lồ từng phút từng giây nghiền nát mọi yếu tố thơ mộng riêng tư... Ôi, mảnh đất khô cằn với chất phân bón đầy độc tố ở ngoài kia, làm sao có thể sản sinh được một con người như thế kia nhỉ? Chắc còn nhiều người khác nữa chứ không phải một mình anh chàng Tri đối diện mình. Họ sinh ra và lớn lên trên mảnh đất cằn cỗi ấy, dưới sự chụp phủ của cái giàn máy khổng lồ ấy, thì tự dung phải suy tư, nói và hành động theo khuôn. Nhưng ở đâu cũng vậy, phải có những ngoại lệ. Và ngoại lệ ấy thường khởi đi từ những con người dị cảm kiểu như Tri.

Thấy Tri im lặng vì còn đang cố che giấu cảm xúc, tôi nói:

“Tôi biết đợt khai cung với anh là đợt khai cung quyết định mức án của tôi: qua đó, tôi đã sẵn sàng chấp nhận mọi hậu quả có thể ảnh hưởng đến sinh mạng của tôi nữa. Vì vậy, tôi không có hy vọng được trả tự do sớm đâu. Nhưng tôi hy vọng rằng, tôi sẽ cùng với những người tuổi trẻ yêu thương đất nước này, nếu có năm xuống thì xin nguyện làm chất phân bón tươi tốt để ươm mầm xán lạn hơn cho tương lai của các thế hệ sau vươn dậy.”

Nghe tôi nói vậy, Tri càng xúc động hơn. Tay anh run bần bật, cố gắng rút ra một điều thuốc, ngậm vào môi, mặt cúi thấp, môi lửa. Một lúc, anh nói:

“Tôi tiếc cho anh quá. Phải chi... phải chi... Hơ, tuổi trẻ chúng ta thật bất lực. Chúng ta chỉ có mặt để phục vụ cho người lớn.”

Tôi bật cười:

“Nếu không khéo, chúng ta cũng sẽ trở thành những người lớn và bắt bọn trẻ sau này phục vụ chúng ta đó.”

Tri cũng cười theo. Nụ cười thật buồn. Chúng tôi ngồi im lặng, hút thuốc. Không còn gì để nói nữa. Một lúc, Tri đứng dậy, bắt tay tôi:

“Thôi, anh về lại phòng nhé. Chúc anh nhiều sức khỏe. Mong gặp lại anh một ngày nào đó thật bất ngờ.”

Tôi gật đầu, không biết nói gì. Tri tiễn tôi đến dãy hiên ngoài của văn phòng trưởng trại, ở đó có Phương và một anh cán bộ đang ngồi lật sổ tính toán gì đó. Thấy Tri bước đi song song với tôi có vẻ thân mật bình đẳng, Phương nhìn với đôi mắt lạ lẫm, như có một vẻ nghi kỵ gì đó. Chờ tôi và Tri bước lên bậc thềm, Phương nói với Tri:

“Đồng chí để anh ấy đây, tôi cho người đưa vào,” rồi Phương quay sang tôi, “anh Khang làm việc bữa nay với bộ nội vụ là kết thúc rồi hả? Khỏe rồi ghen.”

Tôi cười, không nói. Tri nhìn tôi lần cuối rồi lặng lẽ băng qua khoảng sân rộng, hướng về phía cổng trại. Tôi ngồi một lúc thì được một cán bộ bảo vệ đưa về phòng

CỐI TRÓI TẬP I

giam. Vừa vào tới khu vực sân chơi, tôi bỗng nhác thấy bóng dáng Thiện Đắc với bộ đồ vật khách sạn, tay xách giỏ, hướng về phía cán bộ trực. Có lẽ Thiện Đắc được trả tự do. Ôi, mừng thay cho anh ấy! Như vậy là bản tự khai về chuyện tự thiêu của tôi đã có tác dụng. Cảm ơn Tri. Cảm ơn Tri lắm.



Về phòng giam, tôi là người ăn cơm sau cùng. Mọi người đang nghỉ trưa. Ăn xong, tôi giãng mừng mà không ngủ được. Cứ suy nghĩ vẩn vơ về những lời thổ lộ chân tình của Tri cũng như hình ảnh Thiện Đắc xách giỏ đi về. Có một cái gì buồn buồn thấm vào tim tôi theo làn gió buổi trưa chốc chốc làm lung lay nhẹ cái mừng. Tôi như một người bị mất bạn, hay như một người chết bị bỏ lại một mình trong nghĩa địa sau cái đám tang rình rang những người thân và người phúng điếu. Hôm nào được tự do trở về, có lẽ tôi sẽ tìm được Thiện Đắc ở căn nhà trên đường Nguyễn Thiện Thuật. Còn Tri, anh chàng cán bộ Hà Nội làm cái ngành dữ tợn tráo trở không thích hợp với cá tính kia, về tới Hà Nội là chìm lìm trong giàn máy, làm gì có cơ hội để gặp lại! Ôi, những người bạn trẻ đầy nổi bần khoản thao thức cho tương lai đất nước! Phải chăng chúng ta chỉ có thể nói với nhau đôi lời để ngậm ngùi, để thầm khóc, thầm uất nghẹn, rồi thôi? Và giàn máy cứ tiếp tục quay, tiếp tục nghiền nát bao nụ chồi xanh tươi? Còn có gì để nhấn nhủ với nhau nữa chẳng?

Nằm một lúc thì keng báo thức đã vang lên từng hồi khô khan, chói tai. Phòng giam chộn rộn lên. Ai nấy lo thu dọn mừng chiếu theo nội qui. Tôi đang rửa mặt thì nghe tiếng vỗ tay bôm bốp. Lại có cán bộ vào.

“Vĩnh Khang, ra làm việc,” cán bộ cầm mẫu giấy gọi lớn.

Tôi bước vội ra ngoài. Quái lầy áo quần đưa ra phía

cửa sổ cho tôi mặc thật nhanh để đi theo viên cán bộ.

Ra đến khu vực văn phòng trại, tôi lại gặp Phương. Phương nhoẻn miệng cười với tôi, nói:

“Tuồng vự của anh đã xong hồi sáng rồi chứ. Không biết sao chiều nay đồng chí ấy lại quay trở lại. Anh đứng đây chờ một chút há, đồng chí ấy sẽ ra ngay.”

Phương vừa dứt lời đã thấy Tri từ phía căn phòng khi sáng chúng tôi ngồi nói chuyện bước vội về hướng tôi. Đến sát bên tôi, Tri nói nhỏ:

“Mình ra ngoài phòng ấy đi,” nói rồi Tri bước trước, tôi bước theo sau.

Vào phòng rồi, Tri đứng tần ngần nhìn ra ngoài trời một chốc rồi đóng cửa chính lại, mở hé cửa sổ phía sân trại, mở toang cửa sổ phía đường cái. Trở lại bàn, Tri vừa ngồi xuống vừa nói:

“Tôi bảo ông Tuân về trước bằng xe cơ quan ngay buổi xế hôm nay, còn tôi thì đến sáu giờ chiều mới đi bằng tàu hỏa ra Nha Trang có chút việc, sau đó mới ra ngoài Bắc. Như tôi có nói, tôi muốn ghé thăm ông bà cụ của anh. Anh Khang cần nhắn gì không? Giấy bút với phong bì này, anh viết đi, viết tự do những gì anh muốn, tôi sẽ mang ra cho ông bà cụ.”

Tôi lắc đầu, cảm ơn.

“Anh Khang vẫn chưa tin tôi sao?”

“Không phải vậy. Tôi... tôi không muốn lợi dụng bất cứ cái tình riêng nào để rồi phiền lụy đến người khác.”

Tri bật cười:

“Anh tưởng rằng mấy người cán bộ ở trại này dám lục xét tôi sao?”

“Không phải... nhưng...”

Tri dúm giấy bút vào tay tôi:

“Thôi, không nhum nhị gì cả, viết đi, viết vài dòng cho ông bà cụ thấy được tuồng chữ của anh mà yên lòng. À, vừa viết vừa uống cà phê đi nhé. Trời nóng quá nên tôi mua cà phê sữa đá.”

Về chân tình của Tri khiến tôi không ngần ngại nữa,

cầm bút viết ngay vài dòng cho ba mẹ tôi. Viết xong tôi đưa cho Tri nguyên trang giấy không xếp lại, ngầm ý rằng Tri có thể đọc kiểm duyệt, nhưng Tri không đọc; anh xếp vội lá thư, bỏ vào bì rồi tự anh liềm phong bì, dán kín lại, đẩy phong bì đến phía tôi:

“Anh đề bì luôn.”

Tôi cảm động, cúi xuống viết lên bì rồi đưa Tri:

“Cám ơn anh.”

Tri xua tay, nói:

“Anh còn muốn nhắn gì thêm ngoài lá thư này không?”

“Không, nhưng tôi muốn biết một điều, chẳng biết anh có thể nói thực tôi nghe không?”

“Anh cứ tự nhiên.”

“Hồi trưa tôi thấy Thiện Đắc xách giỏ bước ra khỏi khu trại, có phải anh ấy được về không?”

“Phải, anh ấy được trả tự do. Thì cũng nhờ cái bản tự khai của anh xác nhận rằng chuyện tự thiêu là do anh chứ không có Thiện Đắc dính vào. Tôi tức tốc lo giải quyết vụ đó ngay, đây là ý kiến của anh mà, phải không?”

“Phải, cám ơn anh.”

“Có gì đâu. Thực ra chuyện Thiện Đắc bị bắt cũng là cái chuyện tầm phào của công an Sở thành phố Hồ Chí Minh. Họ chỉ làm cho có chuyện, làm để chứng tỏ sự tích cực trong dịp 30 tháng 4 mà thôi. Bỏ qua chuyện đó đi, mình nói chuyện khác há. Anh Khang còn muốn nói gì với tôi trước khi chia tay không?”

Tôi mỉm cười, chưa biết nói gì. Tri đưa thuốc mời tôi. Chúng tôi im lặng hút thuốc, uống cà phê. Nắng buổi chiều chiếu xiên vào cửa sổ phía sau lưng tôi, tạo một ô ánh sáng hình chữ nhật dưới đất, phản chiếu lên khuôn mặt Tri, cho thấy cái vẻ bịn rịn tội nghiệp của anh chàng cán bộ miền Bắc xa xôi này. Anh nhắc ly cà phê lên uống, đôi mắt lớn nhìn tôi như muốn khấn cầu một điều gì. Một lúc, anh nói:

“Ồ ngoài Bắc, tôi không có bạn,” ngưng một lúc,

anh tiếp, “chỉ có các đồng chí.”

Tôi cười nói:

“Ồ trong Nam này, tôi lại có rất nhiều bạn nhưng khá ít người đồng chí.”

“Như thế tốt hơn chứ, phải không? Đồng chí chỉ quan hệ với nhau qua công tác và một thứ lý tưởng nào đó, còn tình bạn thì thường khi khởi đầu bằng cái chân tình hay cái xúc cảm về... về cái... gì nhỉ?”

“Xúc cảm đồng phận,” tôi tiếp lời, rồi bỗng xúc cảm nói luôn một hơi, “chúng ta sinh ra trên đất nước này là để lớn lên trong cái đồng phận khốn khổ của tuổi trẻ quê hương... để rồi từ cái đồng phận khốn khổ mù lòa ấy, chúng ta cố tình hủy diệt nhau, vô tình chém giết nhau...”

“À, phải rồi, đồng phận, đồng phận, chữ hay quá. Tuổi trẻ Việt Nam có mặt một cách mù lòa, vô cảm theo chứng di truyền bệnh hoạn của một lũ người lớn cuồng si điên loạn...”

Nói đến đó, Tri hơi cúi mặt xuống, kéo dài một hơi thuốc, phà khói với đôi mắt lim dim, mặt đỏ lên như một anh chàng say, nói tiếp với giọng rung rung:

“Anh Khang ơi, anh có hiểu được nỗi khổ của tôi, của một người quý mến anh, cảm phục con đường anh chọn, nhưng phải ghi xuống trên văn bản những lời buộc tội anh không?”

Tôi cười:

“Đâu phải lỗi anh. Anh không lấy cung thì có người khác lấy cung. Huống gì tôi đâu hỏi tiếc về việc làm của tôi.”

Tri thở dài. Phà khói thuốc. Khói thuốc cuộn cuộn nổi lên theo luồng nắng.

“Nếu anh Khang cũng sinh ra và lớn lên ở ngoài Bắc như tôi, không biết anh sẽ ra sao nhỉ? Anh có giống tôi không? Anh sẽ làm gì anh nhỉ?”

“Tôi sẽ bỏ chùa đi làm cách mạng.”

“Ngoài Bắc không có tu sĩ trẻ như anh đâu, chỉ có mấy sư cụ bảy tám mươi tuổi, làm kiềng cho chính sách

tự do tôn giáo của chế độ thôi. Anh không thể là tu sĩ đâu. Anh là một thi sĩ, một văn sĩ, hay là một cán bộ của nhà nước, như tôi vậy thôi. Vậy rồi anh làm gì, nói gì, nghĩ gì?”

“Lên đường làm cách mạng.”

“Anh sẽ chết anh Khang à.”

“Vâng, tôi sẽ chết, giống như bây giờ, tôi cũng sẽ chết.”

Tri nhìn sững tôi một lúc, rồi gật đầu nhẹ, mắt nhìn ra cửa sổ, suy nghĩ gì đó, một lúc, anh nói:

“Nhìn tướng anh thấy hiền, mà sao anh cứng rắn, liều mạng quá. Tôi... chuyến này về Bắc chắc tôi bị lây cái tính của anh! Không chừng một ngày nào đó tôi với anh Khang gặp nhau trong trại giam này với tình đồng chí, đồng nghiệp đó nghe.”

Chúng tôi cùng cười.

“Anh Khang à, khi trưa tôi có đi một vòng quanh chợ, mua cái này làm quà cho anh,” nói rồi, Tri đứng dậy lôi từ góc tủ ra một cái giỏ đựng cỡ nhỏ nhưng có vẻ khá nặng. “Đây chẳng có gì nhiều, chỉ là chút quà tôi biểu anh để gọi là tỏ lòng quý mến thôi. Nếu anh có thể xem tôi như một người bạn, xin anh vui mà nhận cho.”

Tôi xua tay nói:

“Không được. Tôi không nhận đâu. Tình bạn thì nhận, còn quà này xin anh miễn cho.”

“Sao thế anh Khang? Anh không nhận tôi buồn lắm. Đây là của tôi biểu anh, có phải đâu là của đảng hay nhà nước. Quên phứt cái giàn máy, quên phứt đi cái chuyện tôi là cán bộ, anh là phạm nhân... nếu chúng ta là bạn, thì chút quà này chẳng phải là điều biểu lộ bình thường tự nhiên sao?”

“Không được. Tôi chẳng hiểu tại sao không được, nhưng tự trong lòng, tôi thấy bứt rứt khó chịu như thế nào đó. Tóm lại là tôi không thấy thoải mái để nhận giỏ quà của anh. Cám ơn anh và xin lỗi anh vậy.”

Tri chung hững một lúc rồi nói:

“Hay anh ngại sự dị nghị của bạn tù trong phòng giam?”

“Ồ... hình như đó cũng là một trong những lý do. Tôi không muốn công khai nhận một tình bạn mới—qua món quà vật chất—để đánh đổi bao nhiêu tấm lòng của những người bạn cùng cảnh ngộ. Cái tình bạn giữa anh và tôi... chẳng có thể giải thích được với ai. Thôi thì âm thầm ghi nhận. Không cần biểu lộ bằng cách này. Từ sáng đến giờ nói chuyện với anh khá nhiều, tôi đã hiểu được phần nào cá tính, tâm trạng và tấm lòng của anh. Vậy đủ rồi anh Tri ạ.”

Tri gục gặc nhưng mặt cũng buồn dàu dàu:

“Thôi thì theo ý anh vậy. Anh Khang, thôi mình chia tay. Anh giữ gìn sức khỏe nhé,” nói rồi Tri đứng dậy, đưa một tay ra bắt tay tôi. Anh xiết chặt tay tôi một lúc.

“Chào anh. Thượng lộ bình an nghe,” tôi nói.

Tri bỏ giỏ quà lại trong phòng đó, tiễn tôi bằng qua sân trại để hướng về phía dãy văn phòng chính. Đi một khoảng ngắn, Tri dừng lại, ngập ngừng một lúc rồi nói nhỏ:

“Anh Khang à, nếu một ngày nào đó họ đưa anh ra xử án mà kết án tử hình... anh nhớ xin chống án nhé. Vì theo kinh nghiệm nghề nghiệp, tôi biết rằng nếu bị can xin chống án thì thường thường là được giảm án. Anh phải sống, anh Khang à. Đôi khi trong cuộc đời, mình cũng phải làm bộ yếu mềm, nhu nhược đi một chút mới tồn tại được để tiếp tục con đường mà mình chọn lựa. Cách duy nhất để tồn tại trong xã hội này là phải dối. Từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, đều phải dối nhau, giả đò tin tưởng nhau mà sống. Anh không sống được bằng cách đó thì cũng nên tự cho phép mình một lần vào dịp chống án đó, nhé anh.”

Tôi mỉm cười, gật đầu, nhưng không chắc là mình gật đầu ưng thuận về cái gì.

Đưa tôi đến thềm hiên, giao tôi cho Phương xong, Tri quay ra phía căn phòng khi nãy. Tôi đứng lại bên thềm

hiên nhìn mây trắng bay qua khoảng trời xanh rộng bát ngát. Chỉ một lúc ngắn thì đã có anh chiến sĩ bảo vệ bước ra, dẫn tôi về lại phòng giam.

Chờ tôi cởi bỏ áo và quần dài ra rồi, anh trưởng phòng trở tới tôi, hỏi:

“Sao, bữa nay đã kết thúc chưa? Thiết tình chưa thấy ai bị kêu ra làm việc nhiều như thầy. Chúng nó quần ông thầy cả mấy tháng, hết đợt này tới đợt nọ. Thầy đạt kỷ lục khai cung của trại giam rồi đó.”

“Có lẽ bữa nay bắt đầu yên, chỉ còn chờ đưa ra tòa nữa thôi.”

Tôi vừa dứt lời đã nghe tiếng vỗ tay bôm bốp. Lại có cán bộ vào. Phòng giam im lặng chờ đợi. Khoa bước đến chỗ lồng khung, theo sau là một anh nuôi xách một cái giỏ đệm. Khoa đảo mắt nhìn quanh phòng một lúc rồi nói:

“Anh Khang, có gia đình thăm nuôi đợt xuất,” nói rồi Khoa mở cửa cho anh nuôi đưa cái giỏ vào trong.

Khoa đi rồi, phòng giam nhón nháo cả lên.

“Rồi, ông thầy lại có thăm nuôi!”

“Sao lại thăm đợt xuất vậy ta? Tháng trước ông thầy đã được thăm nuôi thì gia đình phải biết thể lệ thăm nuôi là vào ngày 15 với 30, vậy sao lại thăm đợt xuất?”

“Thôi, thắc mắc mà làm gì, ông ấy có thăm nuôi thì mừng cho ông ấy!”

Tôi lẳng lặng bước đến chỗ giỏ quà, nhìn thoáng là biết ngay giỏ quà của Tri đã đưa tôi khi nãy. Tôi chỉ đứng nhìn cái giỏ chứ không xách mang về chỗ của mình, cũng chẳng đụng vào nó. Tôi đứng lưỡng lự một lúc rồi nói:

“Cái giỏ này đợt xuất có nghĩa là cái giỏ mà tôi không chờ đợi. Vậy tôi biểu hết cho mấy anh em chưa có thăm nuôi,” nói rồi tôi quay về chỗ tôi.

Cả phòng reo lên. Anh trưởng phòng chạy lại bên tôi, hỏi lại:

“Sao, vậy là sao? Làm cái gì kỳ cục vậy? Sao không nhận quà chứ?”

“Nhận rồi đó, nhận rồi biểu lại. À, hay anh giúp tôi phân chia giỏ quà ấy cho mấy người chưa có thăm nuôi, được không? Anh làm trưởng phòng thì anh làm chuyện đó hay hơn ai hết mà!”

Trưởng phòng nói:

“Thiệt sao?”

“Thiệt, giúp tôi đi.”

Vậy là anh trưởng phòng tập họp mấy người “mô cô” lại, chia đều cái giỏ. Phòng giam bấy giờ chỉ còn ba người chưa có thăm nuôi. Chia xong, anh trưởng phòng trở lại chỗ tôi, nói:

“Nè, bộ của cô nào tặng hay sao mà không dám nhận, nhận thì sợ lụy tình sao chớ? Hì hì, nói giỡn với thầy chơi chứ không có ý gì đâu. Mấy chàng mô cô vui dữ, tự nhiên lại trúng mảnh. Có một hủ chao, một bình nước tương, một bịch đường cát trắng, một kí đường tán vàng, một kí muối bột, lại có cả sáu gói thuốc Sông Cầu với nửa cây thuốc rê Tam Hiệp. Ông Lực với thằng Tân thì chia nhau mấy gói thuốc Sông Cầu, còn thằng Ken thì ôm trọn nửa cây thuốc rê. Đã quá. Không phải gia đình của thầy thăm, phải không? Ủ, tôi cũng đoán vậy, vì quà thăm nuôi không giống như tháng trước. Kỳ này mua đồ của chợ Biên Hòa thôi mà.”

Tôi không nói gì, sửa soạn ăn cơm chiều.

Sau khi điễm danh, cửa sắt đóng lại, đèn phòng bật lên, bỗng thấy Ken lần dò đến bên cạnh tôi, dúm vào tay tôi một mẫu giấy, nói nhỏ:

“Thầy Khang à, có một mẫu giấy nhét trong thuốc rê, chắc của gia đình nhắn tin với thầy đó. Thầy cầm đi, coi chừng có đưa biết nó báo quản giáo đó.”

Tôi vo mẫu giấy trong tay, vờ đi vòng vòng trong phòng giam một chặp rồi đến bên cửa sổ, đứng yên một lúc cho không ai để ý mới mở ra, đọc dưới ánh mờ của một ngọn đèn ngoài hiên hắt đến.

Anh Khang, xin lỗi anh nhé, tôi muốn anh nhận gói quà này. Tự tay tôi đi chợ mua sắm lấy để biểu anh, lẽ

CỐI TRÓI TẬP I

nào anh từ chối. Tôi nói với ban trực trại là của gia đình anh nhờ tôi mang vào giúp. Dĩ nhiên là họ không thể không nhận. Thế thì anh cũng vui lòng nhận cho tôi vui nhé. Cho dù cái giàn máy có nghiền nát tôi ở miền ngoài, tôi vẫn luôn nhớ rằng tôi có một người bạn rất cao đẹp ở miền trong, một người con chí hiếu của quê cha đất mẹ chứ không phải của bất cứ chế độ nào. Và dù thế nào đi nữa, tôi vẫn luôn tin tưởng rằng tương lai đất nước là của tuổi trẻ chúng ta. Mong ngày hội ngộ. T.”

Tôi vò mẩu giấy lại, nói thầm: “Vâng, tương lai đất nước là của những người tuổi trẻ chúng ta.”

Tôi bước đến tìm Ken:

“Anh Ken, cho tôi một liều thuốc rê đi.”

”Đây nè, thuốc này của thầy cho tôi, thầy muốn lấy bao nhiêu lại chẳng được, lấy nguyên nửa cục này đi.”

“Không, một liều thôi, một liều để khỏi phụ lòng một người bạn phương xa.”

Rồi tôi đứng bên cửa sổ, phả khói thuốc vào màn đêm.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG MƯỜI

Tôi giúp nàng kéo cánh cửa sắt xếp qua một phía. Vào nhà. Nàng lại khóa cửa sắt từ phía trong. Đến ngang chỗ cầu thang dẫn lên lầu, nàng đứng lại, do dự. Đường như sau khi từ quán cà phê ở góc đường xôn xao tiếng người và xe cộ, về đến nhà, chúng tôi đều cảm thấy an ổn và thân thiết với nhau hơn trong khung cảnh riêng tư một nam một nữ như vậy. Một cảm giác vừa ấm cúng, thích thú, mà cũng vừa bồi hồi, lo sợ... Giống như có một bức tường ngăn mong manh mỏng mảnh giữa hai chúng tôi mà chỉ cần động nhẹ thì nó sụp đổ ngay. Cho nên, thay vì lên lầu trở vào căn phòng có chiếc giường nàng đã dọn sẵn chần mản cho tôi đêm qua mà tôi chưa kịp ngã lưng, tôi ngồi lại ở xa-lông phòng khách. Thấy vậy, nàng cũng không bước lên lầu mà đi thẳng xuống nhà bếp, nấu nước sôi hay làm thứ gì đó. Chỉ một vài phút trông ngồi một mình, trong tôi đã lâng lâng nhập nhòa hai thứ cảm giác sâu đậm của tự do và mất mát. Tôi thấp thỏm, đứng dậy. Nàng từ dưới bếp bước lên.

“Anh định đi đâu hở?”

“Không, không đi đâu... Anh muốn tìm miếng nước.”

“Em đang nấu nước sôi chế trà, hay anh muốn uống nước lạnh?”

“Ừ, cho anh nước lạnh.”

Nàng quay xuống bếp rồi trở lại thật nhanh với ly nước lạnh cầm tay. Tôi đón ly nước. Tay chúng tôi chạm nhau.

“Anh có mệt không? Hôm nay anh dự trù đi đâu, để em chờ anh đi hả? Hay anh muốn nằm nghỉ rồi chiều hãy đi?”

CỐI TRÓI TẬP I

“Chưa biết nữa... nhưng chắc không ngủ được đâu, phải đi. Chưa gặp mặt các bạn bè thì chưa yên lòng.”

“Anh không có người thân nào ở Sài Gòn thì đi công chuyện gì xong cứ về đây, em đưa anh một chìa khóa, nghe?”

“Có mấy người chị ruột, nhưng họ đều đi Nha Trang cả rồi.”

“A, các chị về quê ăn Tết à, sớm quá vậy?”

Tôi biết không phải các chị tôi về Nha Trang ăn Tết, nhưng không cải chính, im lặng ngồi xuống xa-lông. Nước sôi đang reo dưới bếp. Nàng quay đi. Cảm giác mắt mát đê ngộp tim tôi làm cho cảm giác tự do vượt mất. Tôi nhắm mắt định tâm một lúc. Nàng quay trở lại với cái khay nhỏ đặt bình trà và hai cái tách.

“Bây giờ hãy còn sớm, các bạn anh chắc còn ngủ chưa dậy đâu, thôi thì ngồi đây kể em nghe tiếp, rồi khi nào anh muốn đi, em đưa anh đi.”

“Em nghe chuyện cả đêm rồi chưa thấy mệt thấy chán sao?”

“Ồ, thêm vài đêm thức trắng cũng được nữa kìa! Anh kể nữa đi. Đúng ra chuyện chưa hết thì em chưa cho anh rời khỏi nơi đây đâu!”

“Đến chỗ nào rồi?”

“Chia tay anh chàng cán bộ Hà Nội.”



Thấm thoát đã trải qua mấy kỳ thăm nuôi. Tôi được nhận quà hàng tháng của gia đình, nhưng chưa bao giờ được gặp mặt ai. Thịnh thoảng trên hộp bánh có ký tên Như Tâm hoặc mẫu giấy nhỏ với ba nét chữ khác nhau dúi trong gói bột ngũ cốc cho biết rằng có sự quan hệ mật thiết giữa Như Tâm và gia đình tôi. Có lẽ mỗi tháng đến kỳ thăm nuôi thì Như Tâm mang quà đến nhà chị tôi (ở Sài Gòn) để gửi vào cho tôi. Có điều là chưa có

dấu hiệu gì của những người bạn đồng học ở tu viện Già Lam, cũng như những người cùng sinh hoạt trong Đoàn Phật Tử Phụng Đạo hay Hội Lạc Long... Điều này làm tôi đâm lo lắng, băn khoăn, không biết bạn bè của mình có ai bị tù hay không.

Những băn khoăn thắc mắc của tôi được trả lời phần nào trong đợt thăm nuôi giữa tháng 11 của năm 1985. Ngày ấy đối với tôi thật bất ngờ, vì đó là lần đầu tiên tôi được phép gặp mặt một người thân của tôi sau hơn sáu tháng bị bắt vào tù.

Cũng với vài người khác được gọi tên, tôi xếp hàng, theo sự hướng dẫn của một viên cán bộ, bước ra một dãy nhà tôn nhỏ nằm cách khu trại giam chừng năm trăm thước. Cán bộ chỉ gọi tên xong rồi nói gọn một câu: “Ra gặp mặt!” Nói gọn như thế nên đám tù khó lòng biết được là mình sẽ gặp mặt ai, ngoại trừ những người đã được phép gặp mặt người thăm nuôi mình từ những đợt thăm nuôi trước.

Sau gần mười phút đứng đợi ở ngoài, bên cạnh một hàng rào thưa, tôi được gọi tên, bước vào một trong vài phòng của cái nhà tôn đó. Có hai cửa ra vào từ hai phía vách đối nghịch nhau: một từ phía trong trại giam bước ra, một từ phía đường cái bước vào. Một cái bàn dài và lớn đặt giữa hai phòng, hai đầu bàn giáp mí hai vách tường còn lại, chia phòng thành hai khu vực riêng biệt: khu vực của người thăm nuôi và khu vực của tù nhân. Mỗi khu vực có một viên cán bộ mặc đồng phục, đeo súng, đứng kiểm soát. Đám tù được gọi tên và bị thúc hối bước nhanh vào phòng, ngơ ngác nhìn trong đám người đến thăm ở phía đối diện để tìm một khuôn mặt quen thuộc; tìm thấy rồi mới vội vàng chọn chỗ ngồi mặt đối mặt với người ấy, bắt đầu nói chuyện.

Người đi thăm nuôi và gặp mặt tôi là chị Thuận, người chị ruột lớn hơn tôi hai tuổi. Chị ấy không biết gì về các hoạt động của tôi liên quan đến lực lượng Phục quốc, nhưng có một đạo, chị tình nguyện lên sống trên

CỐI TRÓI TẬP I

vùng kinh tế mới vài tháng, đảm trách hai lớp học bổ túc văn hóa miễn phí do chùa tôi tổ chức để giúp cho các trẻ em thất học trong vùng. Chị khá thân với tôi trong thời gian ấy. Nay vừa thấy tôi, chị đã mếu máo và chực bật khóc. Xa gia đình từ thuở nhỏ, tôi đã quen với sự tự chế về cách biểu lộ tình cảm và sự xúc động tâm lý nên tôi thật ngỡ ngàng khi thấy chị ấy khóc. Tôi ngồi im nhìn chị một lúc. Chị cố gắng lắm mới kìm được nước mắt, rồi mở lời:

“Khang khỏe không?”

“Khỏe,” tôi vừa gật đầu vừa đáp, nhưng thấy tiếng mình nhỏ quá, chìm hút giữa bao tiếng la hét của những người chung quanh, tôi cố gắng nói lớn lên một chút: “Khỏe!”

Chị gật đầu, suy nghĩ một lúc rồi cũng la lớn tiếng:

“Có nhận quà thăm nuôi mấy lần trước rồi hả? Đây đủ không?”

Tôi chỉ cười nhẹ, rồi tự hỏi lại mình theo các thắc mắc mà các bạn tù chưa được gặp mặt người thăm nuôi thường nói với nhau trong phòng giam: Mấy lần trước là mấy lần? Đây đủ là sao? Tháng nào nhận được giỏ quà thì biết là gia đình có đến thăm nuôi, tháng nào không nhận thì nghĩ là gia đình không đến. Đến hay không đến cũng chẳng đoán trước được. Có thư từ hay dấu hiệu gì để đoán trước hoặc kiểm chứng được rằng mình có nhận đủ quà thăm nuôi hay không! Mỗi tháng trại cho phép thăm nuôi hai lần, làm sao biết được gia đình đi thăm một lần hay là hai lần! Ngộ nhỡ gia đình thăm hai lần mà mình chỉ nhận được có một lần thì làm sao gia đình và làm sao chính mình biết là mình nhận đủ hay thiếu? Chưa hết, làm sao biết được là giỏ quà có đầy đủ tất cả những món đồ mà gia đình gởi vào? Mỗi tháng đến ngày thăm nuôi, tù nhân thấy anh nuôi xách vào một giỏ thức ăn, đặt xuống đất trước cửa phòng giam rồi rút mẩu giấy nhỏ gắn ở miệng giỏ lên, gọi tên. Tên ai thì người đó đến nhận giỏ quà. Chỉ có thế. Không có giấy kê khai bao nhiêu món quà và bao

nhiều thức ăn thức uống trong giỏ. Vậy thì làm thế nào biết được giỏ quà có nhận đủ hay không?

Dù vậy, chuyện đó cũng chẳng quan trọng gì, nên tôi nói đại:

“Đầy đủ.”

“Anh Hiền cũng ở cùng một trại này với Khang, có biết không?”

“Biết.”

“Nhưng anh ấy mới chuyển từ Nha Trang đến trại này nên chưa được phép gặp mặt, chỉ được thăm nuôi thôi.”

Nhắm chùng anh cán bộ đứng cách chị tôi một khoảng khá xa không làm sao nghe rõ được lời tôi giữa bao tiếng nói cười lao xao chung quanh, tôi hỏi chị ngay:

“Cả nhà bình an hả?” – chị gạt đầu, tôi tiếp, “vậy bạn bè của Khang thì sao? Chị có biết gì không?”

Chị tôi kín đáo đảo nhanh mắt một vòng rồi nói:

“Có cái thư gia đình gửi vào cho Khang, trong đó có vài hàng của bạn bè Khang viết nữa...”

“Bạn bè nào vậy?”

“Thầy Nguyễn Lạc bạn của Khang đó mà. À, có Tửu và sư cô Như Tâm... tháng nào cũng mang quà đến. Đây là hai người chính lo chuyện thăm nuôi Khang đó,” chị nhỏ giọng xuống, “ở đây họ đâu cho phép đưa thư tay, phải không? Hình như phải qua khâu kiểm duyệt của ban quản giáo gì đó của trại... Mấy người đi thăm nuôi ở ngoài kia nói với chị như vậy, không biết có đúng không.”

“Chắc là phải vậy. Chị ra hỏi thử các cán bộ trực thăm nuôi xem sao.”

“Chị chưa nói hết: lá thư gửi Khang chị đã đưa cho cán bộ y tế rồi.”

“Sao vậy? Cán bộ y tế đâu có trách nhiệm nhận thư đâu mà đưa làm gì, coi chùng đó! Thư có viết gì... vi phạm nội qui không?”

“Chị có đọc qua rồi, không sao đâu. Nói ra bây giờ thì không được, nhưng đọc thư thì chắc Khang hiểu hết

đó. Để chị kể lại Khang nghe: khi nãy chị gởi thuốc trị bệnh cho Khang nơi cán bộ coi về y tế thì cô ấy nói là có biết Khang. Cô ấy hỏi chị muốn nhắn hoặc có thư từ gì gởi cho Khang thì để cô đem vào đưa tận tay cho Khang. Chị mừng quá nên đưa luôn lá thư. Đưa xong ra ngoài sân đứng đợi tới phiên vào gặp mặt mới nghe mấy người kia nói lá thư thì phải đưa cán bộ quản giáo.”

“Cô ấy tên gì?”

“Tên là... à, đúng rồi, tên Phương, cô ấy mang kiếng cận, Khang quen không?”

Tôi phì cười:

“Có quen gì đâu! Biết thôi. Tại mỗi lần đi khai cung là gặp cô ấy nên phải biết.”

“VẬY... lá thư đó có sao không?”

“Không sao đâu.”

“Nhận thư và thuốc rồi, cô ấy cứ giữ chị ngồi đó, hỏi tùm lum chuyện làm chị cũng hơi sợ.”

“Chị đã nói gì với cô ấy?”

“Không có gì đâu. Cô ấy đâu có hỏi về ai khác, chỉ hỏi toàn là chuyện Khang, tính tình làm sao, là em thứ mấy trong gia đình, thích cái gì, làm gì, học hành ra sao... đại khái là hỏi về cá nhân Khang đó mà.”

“VẬY thì không sao. À, không phải thầy Nguyễn Lạc đã đi xa rồi?”

“Không, thầy ấy không đi.”

“Thầy ấy có cho biết là có người bạn nào của Khang bị...?”

“Hình như có... Thôi, để đọc thư rồi biết. Hy vọng cô Phương sẽ đưa thuốc và kèm theo cả thư cho Khang, còn như không đưa thì cũng đừng gây phiền phức gì. Khang còn dặn dò gì nữa không?”

Tôi ngập ngừng một lúc, ngó trước ngó sau, rồi nói:

“DẶN các bạn bè của Khang... đừng đi lại nhiều mất thì giờ; ở đâu thì ở yên đó đi, vậy khỏe hơn.”

“Ừ, chị hiểu rồi.”

Rồi chị tôi rời chỗ ngồi, đến bên anh cán bộ đứng

kiểm soát phòng nuôi, đưa một xấp tiền giấy lên, hỏi gì đó, anh cán bộ gật đầu. Chị quay trở lại, đưa tiền cho tôi, nói lớn:

“Cán bộ cho phép gọi tiền riêng cho Khang xài, Khang cất đi.”

Xong, chị xoay qua hỏi chuyện về quà thăm nuôi, cái chuyện thực tế rất cần thiết cho người ở tù. Chị muốn biết tôi cần món gì, thức ăn gì để mang đến vào đợt sau. Tôi vừa dặn dò chị xong thì hết giờ. Buổi gặp mặt ngắn ngủi hình như chưa đến mười phút.

Tôi hôm ấy, phòng giam tổ chức văn nghệ như thường lệ. Tiếng chách-chùm vỗ nhịp của mấy anh Tàu Nùng nơi đáy thau nhựa và gà-mên nhôm dường như đã bồi thêm trong tôi một nỗi xôn xao, bất an, lo lắng. Khi sáng, tôi hỏi có người bạn nào của tôi bị tù không, chị tôi nói “hình như có.” Ba tiếng vừa mơ hồ vừa xác định ấy làm tôi hoang mang khôn tả. Tôi mong Phương sớm trao thư cho tôi để biết được tin tức chính xác hơn.

Tôi trần trọc mãi với cái nghi vấn rằng ai trong số bạn bè tôi đã bị vào tù. Tôi không muốn bất cứ bạn nào của tôi phải chịu chung số phận với tôi cả. Một mình tôi gánh chịu, đủ rồi. Xin cho mọi người đều bình an...

Sáng hôm sau, đang ngồi trò chuyện với vài người bạn tù ở góc phòng, tôi nghe tiếng vỗ tay báo hiệu và vài tiếng to nhỏ xì xầm cho biết rằng Phương, cô nữ cán bộ đặc trách về y tế, đang bước đến phòng giam chúng tôi. Áo sơ mi lụa mỏng màu xanh lá cây với chiếc quần tây màu đen, ống hơi bó, Phương đứng đa đủng đỉnh tiến vào chỗ lồng khung trong sự im lặng chờ đợi và bao cặp mắt thèm khát của đám nam tù nhân dán vào cô. Phương thùng thình ngồi xuống, soạn cái giỏ thuốc, lấy ra một cuốn sổ, vừa lật vừa nói mà chẳng nhìn ai:

“Hôm qua có một số thân nhân của các anh gọi thuốc vào. Tôi đọc tên người nào người đó đến lãnh thuốc nghen.”

Theo nội quy, có cán bộ vào đến phòng giam thì tù

nhân phải im lặng, không được đi qua đi lại, nhưng đặc biệt đối với Phương, cô nữ cán bộ y tế, hình như tù nhân không bị bắt buộc phải im rằm rắp và ngồi chết cứng một chỗ như đối với các cán bộ quản giáo. Tôi vẫn nghe được những tiếng xì xầm hoặc cười rúc rích to nhỏ. Tôi còn thấy vài anh tù dòi chỗ, lom khom chạy đến gần lồng khung để được ngắm Phương rõ ràng hơn. Có lẽ vì Phương đến phòng giam trong tư cách y tá hơn là tư cách cán bộ thụ lý hồ sơ hoặc quản giáo nên nội quy không nghiêm khắc lắm.

Cô lật tới lật lui cuốn sổ một lúc rồi gọi tên, Khoảng bốn, năm người đến nhận thuốc rồi mà chẳng có tên tôi. Tôi nóng ruột lắm, nghĩ rằng lá thư gia đình gửi tôi đã bị cô này đưa ban quản giáo kiểm duyệt rồi chìm luôn.

“Hết rồi. Sinh hoạt bình thường đi. Nè, anh trưởng phòng, có ai bệnh nặng mà không thuốc chữa thì nhớ báo cáo gấp nghe,” Phương vừa đứng dậy vừa nói.

Rõ ràng là cô đã xếp sổ đề cất vào giỏ và chuẩn bị rời phòng mà chẳng đá động gì đến lá thư tôi chờ đợi. Rõ ràng là đám tù đã đứng dậy, nói chuyện và theo sự cho phép của Phương: sinh hoạt bình thường. Bất chợt, như vừa sực nhớ ra, cô bước đến cửa thì quay trở lại, lôi cuốn sổ ra lại, nói:

“À, hình như còn một tên nữa. Để coi... đây rồi, Vĩnh Khang, có không?”

Tôi bước đến chỗ lồng khung. Vì Phương đã cho phép sinh hoạt bình thường, nên việc cô quay lại chút xíu để đưa thuốc cho tôi không bắt buộc cả phòng giam phải im lặng ngồi xuống như thường lệ. Chỉ một vài người tù đứng quanh lồng khung, bao nhiêu người khác cứ qua lại, nói cười. Té ra, Phương đã cố tình trao thuốc cho tôi bằng cách này: tránh được sự chú ý của cả phòng.

“Anh có gặp mặt người nhà hôm qua rồi phải không? Sướng quá rồi há. Được thăm nuôi, được gặp mặt, rồi lại được nhận thuốc phòng bệnh, chữa bệnh nữa. Đây, có gói thuốc của người nhà anh gửi vào cho anh. Thuốc

nhiều lắm, ở đây có ai nhận thuốc men nhiều như anh đâu. Đúng ra anh không được nhận thuốc nhiều như vậy mà chỉ được một vài thứ thông dụng thôi, bao nhiêu thứ khác phải gọi cán bộ y tế, khi nào cần thì đăng ký xin lấy. Nhưng đặc biệt cho anh, đưa hết một lần đề tùy nghi sử dụng. Anh kiểm tra lại rồi ký tên vào sổ này,” nói rồi cô luôn gói thuốc vào cho tôi, sau đó đưa cuốn sổ và cây bút. Tôi còn hoang mang chờ đợi lá thư nên nhìn cô dọ hỏi và bắt gặp đôi mắt cô nhìn tôi đăm đăm. Tôi lờ đi, cúi xuống ký tên. Ký xong, tôi đưa trả cuốn sổ và cây bút, cô đón nhận thế nào đó mà mấy ngón tay cô lại đụng vào mấy ngón tay tôi. Xong, cô thọc tay vào giỏ xách, nhắm vào một chỗ cố định nào đó, lôi ra một phong thư, bước thêm nửa bước gần hơn về phía tôi, đôi mắt chớp chớp nhìn tôi như muốn nói một điều gì nhiều hơn trong vài lời ngắn gọn của cô:

“Lá thư này của chị Thuần gọi cho anh. Ưu tiên lắm mới nhận thư này đó nghe.”

Tôi đón lá thư, nói nhỏ:

“Cảm ơn.”

Phương cười duyên, tần ngần đứng lại một lúc rồi quay đi.

Tôi mang lá thư về chỗ nằm của mình và ý thức thật rõ ràng Phương đã cố ý tạo một hoàn cảnh đặc biệt ít người chú ý để trao thuốc và thư cho tôi. Dù sao, một lá thư đưa tận tay như vậy cũng dễ gây ngộ nhận đối với vài bạn tù vây quanh tôi lúc ấy. Làm sao biết được thư này là của gia đình gọi tôi hay là thư của chính cô nữ cán bộ y tế lãng mạn trao cho một nam tù nhân? Hoặc là một thư mật báo hay thứ mật lệnh gì đó của cán bộ trại gọi vào cho một tay tình báo đang chịu khổ nhục kể trong tù? Thật là phiền nếu bị ngộ nhận như vậy. Tôi đảo mắt nhìn quanh một vòng xem thử có ai để ý đến mình không. Không ai cả. Mọi người đang sinh hoạt bình thường như mọi ngày. Không ai nhìn ngó gì đến tôi. Họ đang bận chơi cờ tướng, đánh domino, cười nói xì xầm hoặc om sòm với nhau

từng cặp, từng tốp. Vài người ngồi hay nằm dài, im lặng trầm tư. Không khí không có vẻ gì là có một sự ngờ vực với tôi.

Tôi yên tâm ngồi tựa lưng vào tường, mở lá thư ra. Một lá thư nhưng mà có ba tuồng chữ. Mỗi tuồng chữ chỉ viết dăm hàng. Tuồng chữ của Thuần, người chị kế đi thăm nuôi và gặp mặt tôi hôm qua, là chính, vì được viết ngay theo trang giấy. Hai tuồng chữ còn lại thì có vẻ như là viết ké ở lề trái. Tôi chỉ nhìn thoáng qua, rồi lo đọc thư của chị Thuần trước. Lá thư được viết với sự e dè:

“Khang thương,

Ba mẹ và cả nhà đều bình an mạnh khỏe, không ai bệnh hoạn gì. Cả nhà chỉ mong Khang và anh Hiền ráng giữ sức khỏe, học tập và lao động tốt để sớm được về với gia đình. Có cần thứ gì thì xin cán bộ cho viết thư nói rõ để gia đình biết mà lo liệu.

Hải, Từ và Tâm cũng thường ghé thăm nhà để gửi quà cho Khang. Thôi vài lời cho Khang biết đại khái chuyện nhà. Nhớ giữ sức khỏe, nghiêm chỉnh học tập đúng chính sách cải tạo để được trở về với gia đình.

Thương mến, Thuần.”

Thư chị ấy là chính nhưng chuyện nói ra thì chẳng có gì quan trọng lắm. Những lời chị viết có thể nói thẳng khi gặp mặt.

Tôi đọc tiếp qua hai dòng chữ viết bên lề trái của lá thư. Xem ra thì hai dòng chữ này viết ké nhưng có vẻ lại nói được nhiều chuyện tôi muốn biết. Như vậy, thư của chị Thuần chỉ là cái cớ để người khác nhắn lời vào mà thôi. Tuồng chữ thứ nhất rõ ràng là chữ của Nguyên Lạc, một người bạn thân đã từng âm thầm đứng sau lưng tôi trong các sinh hoạt có tính cách dần thân tích cực. Vào những ngày cuối cùng tôi sắp bị bắt vào tù, Võ Quốc Linh—một người bạn thân khác của tôi—đến rủ tôi đi vượt biên, tôi đã nói Linh để Nguyên Lạc đi thế vào chỗ tôi. Chẳng hiểu sao nay Nguyên Lạc hãy còn đây để viết dòng chữ này cho tôi:

VĨNH HẢO

“Anh em ở ngoài đều khỏe và mong Khang được về sớm. Linh, Huy, Tuấn và Như đều về bên ngoài đi làm công nhân. Cháu Hân con chị Sở phá quá, chẳng ai răn dạy gì được. Bác Nhân và chú Thế, đã chuyển hộ khẩu đến sống ở kinh tế mới với các anh Sỹ, Siêu để lao động sản xuất rau tươi. Chúc Khang lúc nào cũng an lạc.”

Đọc xong, tôi thấy ngộp thở, bàng hoàng trong lòng. Câu chuyện Hân và bác Nhân khiến tôi đau lòng hết sức. Hân con chị Sở, thực ra là Hân làm việc cho công an Sở thành phố Sài Gòn, người đã giao nộp tôi cho công an mấy tháng trước. Bác Nhân chính là Thượng tọa Đức Nhân. Dọn đến ở với anh Sỹ (Tuệ Sỹ), anh Siêu (Trí Siêu – Lê Mạnh Thái) tức là cũng vào tù, vì hai người này đang ở tù, ai cũng biết. Thư nói rõ là Hân quấy phá, có nghĩa là bên ngoài, Hân đã công khai ra mặt như là một đặc tình của công an chứ không còn giấu giếm như trước nữa. Tôi biết Hân đang tận tụy làm điệp chí viên để báo cáo công an đi bắt quý thầy và các bạn bè có liên hệ với tôi.

Thượng Tọa Đức Nhân đã cao tuổi, bệnh hoạn, sức khỏe rất kém, vậy mà ngài vẫn sẵn sàng dần thân để mưu tìm cho dân tộc một ngõ thoát ra khỏi cái vòng mê muội của các thứ chủ nghĩa phi nhân ngoại lai từng làm điêu đứng đất nước trong nhiều năm qua. Tôi nghĩ là Thượng Tọa chỉ ôm ấp cái hoài bão đó chứ chưa có cơ hội để thực hiện. Vậy mà hôm nay, vì lý do nào đó, ngài đã bị bắt. Phải chăng do Hân báo cáo láo như thế nào đó? Rõ ràng là Thượng Tọa không liên can gì đến các hoạt động của tôi cũng như vụ án của các thầy Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thái (vì nếu có liên can, hẳn Thượng Tọa đã bị bắt cùng lúc với các thầy kia từ tháng 3 năm 1984).

Còn chú Thế mà Nguyên Lạc viết trong thư tức là Nguyên Thế, khi xưa là một chú tiểu ở chung chùa Núi (Linh Phong) với tôi ở Nha Trang. Khi tôi vào học Cao đẳng Phật học ở Già Lam và Vạn Hạnh vào năm 1980, Nguyên Thế cũng rời Nha Trang sau đó, vào sống ở Long

CỜI TRÓI TẬP I

Khánh, vừa làm rầy vừa tự học. Tháng 10 năm 1984, khi tôi mời một vài bạn bè tại Sài Gòn tụ họp tại chùa của tôi trên kinh tế mới Bàu Cạn để bàn thảo phương thức thành lập một tổ chức cứu nguy dân tộc—như là một cách xử thế hành đạo của người con Phật trước hiện trạng khổ đau của đất nước—thì Nguyên Thế cũng tình cờ đến thăm và dự tính ở lại chơi với tôi vài ngày. Bởi vì đã quen nhìn Nguyên Thế như một chú tiểu ngày nào còn để chỏm ở chung một chùa với tôi, và vì nghĩ rằng Nguyên Thế chỉ có mỗi mỗi đam mê là đọc sách, học hành, nên tôi không ngờ một lời nào với Nguyên Thế về nguyên do các bạn bè khác của tôi tụ tập. Tôi sắp đặt cho Nguyên Thế nghỉ đêm ở một căn tịnh thất của chùa, cách biệt với thảo am của tôi, nơi chúng tôi sẽ hội họp. Hân thấy tôi không mời Nguyên Thế họp thì gợi ý:

“Sao Khang không mời Nguyên Thế tham dự?”

“Thôi,” tôi đáp.

“Thôi, là sao? Bộ Khang nghĩ Nguyên Thế không có khả năng à?” Hân hỏi dồn.

“Không phải vậy. Tôi chỉ cảm thấy là... nên để Nguyên Thế yên. Tôi không muốn chú ấy dây dưa vào chuyện này. Để chú ấy ăn học, tu niệm thuần túy thì hay hơn.”

“Hình như Khang vẫn coi Nguyên Thế như một đứa em trai nhỏ, lo sợ quá đáng cho nó. Vậy chứ Thiện Lạc, tuổi trẻ hơn Nguyên Thế nữa, sao Khang lại đồng ý cho vào họp?”

“Thiện Lạc hay Nguyên Thế, đối với tôi, đều là những đứa em còn ngây thơ lắm. Thực ra tôi cũng không có ý mời Thiện Lạc tham dự, tôi chỉ mời Tâm Huy, và Tâm Huy kéo Thiện Lạc theo. Và lại, theo Tâm Huy nói, Thiện Lạc tuy trẻ nhưng có nhiệt huyết và có chí hướng dẫn thân rõ rệt; còn Nguyên Thế thì... tôi thực sự chưa hiểu được tâm tình chú ấy ra làm sao cả. Tuy rằng tôi và chú ấy có sống chung chùa một thời gian ở Nha Trang, nhưng lúc đó chú ấy còn nhỏ xíu, vả lại chúng tôi chia tay

nhau đã nhiều năm, đầu hiểu nhau nhiều...”

“Tôi có tìm hiểu rồi,” Hân nói với vẻ tự tin. Thấy tôi không nói gì, Hân tiếp, “khi này Khang bận tụng kinh, tôi có ngồi nói chuyện riêng với Nguyên Thế hơn một giờ đồng hồ. Nguyên Thế cũng có tinh thần dần thân đây chứ. Chú ấy có vẻ phật lòng vì Khang đã không ngỏ một lời nào với chú về chuyện hội họp hôm nay. Khi tôi trình bày ý định của Khang về việc vận động thành lập tổ chức đấu tranh, Nguyên Thế phần khởi muốn tham gia ngay, nhưng còn ngại rằng Khang coi thường chú ấy, sẽ không đồng ý cho chú góp mặt. Theo tôi thì rất nên cho Nguyên Thế tham gia. Dù sao, trong thời buổi này, tìm được một người cùng chí hướng, có khả năng, đâu phải chuyện dễ; huống chi, Nguyên Thế cũng đã từng chung sống một thời gian với Khang dưới một mái chùa... Đồng ý đi há, để tôi nói với Nguyên Thế.”

“Ý kiến của mấy anh em khác thế nào?” tôi hỏi lại.

“Ai cũng tán đồng, chỉ chờ quyết định của Khang thôi.”

“Vậy bây giờ tôi đồng ý thì Nguyên Thế có tự ái gì không? Có nghĩ là tại sao tôi là người duy nhất chú ấy thân và quen biết trong số những người có mặt ở đây lại không mời chú tham gia lại để những người như anh...”

“Ồi, khỏi lo. Đã có thiện chí thì đâu có chấp gì ba cái chuyện nhỏ đó. Thôi, Khang đồng ý rồi há. Tôi nói với Nguyên Thế đó nghe,” Hân thúc giục.

Tôi ái ngại đồng ý trong im lặng. Thế là Nguyên Thế tham gia, và cuối cùng, chú ấy đã vào tù, cùng chung số phận với tôi hôm nay. Như vậy, trước mắt có thể biết rõ là trong số bảy người sáng lập Hội Lạc Long lúc ấy, nay đã vào tù 3 người là tôi, anh tôi và Nguyên Thế. Hân thì khỏi phải bàn nữa. Còn Thiện Lạc và Đỗ Trí Dũng, chẳng rõ trôi dạt nơi đâu. Chỉ có duy nhất Tâm Huy là thực sự bình an. Tôi vừa buồn về chuyện Thượng Tọa Đức Nhân và Nguyên Thế vào tù, nhưng đồng thời cũng rất vui khi biết được tin tức về Tâm Huy qua vài dòng của

Nguyễn Lạc.

Mấy chữ của Nguyễn Lạc báo tôi biết rằng Võ Quốc Linh, Tâm Huy, Hạnh Tuấn và Giác Như đã ra được nước ngoài. Hạnh Tuấn và Giác Như thì chẳng nói làm gì vì hai người này không liên can gì đến các hoạt động đấu tranh của thầy Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát mà cũng chẳng dính líu gì đến các hoạt động của tôi cả. Họ đều học chung một khóa với tôi tại tu viện Già Lam và Vạn Hạnh. Cả hai đều nổi tiếng là một sách, siêng năng, cặm cụi học hành chẳng biết mỏi mệt. Họ có từ ngoài Trung chạy vào Sài Gòn rồi từ Sài Gòn đi ra nước ngoài thì cũng để lo mạy mọ chuyện học mà thôi. Chỉ có Võ Quốc Linh, và nhất là Tâm Huy, lọt được ra nước ngoài mới là điều làm tôi sung sướng, thấy nhẹ nhõm trong lòng. Tôi thử phào một hơi thật dài, sung sướng mỉm cười.

Đã có một thời, tôi nghĩ rằng Tâm Huy là con một sách chỉ biết lo học, và điều này đã khiến tôi hơi buồn lòng. Dù sao, Tâm Huy có hứa hẹn với tôi là sẽ hết mình hợp tác làm việc sau khi anh học xong ở Già Lam. Trong thời gian tôi bỏ lớp học ra ngoài vận động nhân sự và tạo dựng các cơ sở ở vùng quê, kết hợp với các lực lượng chống cộng, thì Tâm Huy trong khóa học Già Lam đã chứng tỏ là một sinh viên tăng xuất sắc, và anh đã liên tục đỗ thủ khoa liên tiếp trong nhiều kỳ thi của chương trình Phật học này. Đầu năm 1984 thì anh được ban giáo thọ của Già Lam đề cử đảm trách dạy môn Câu Xá Luận cho các khóa học đến sau. Rồi khi lực lượng đấu tranh của Tuệ Sỹ và Lê Mạnh Thát bị đổ vỡ trong cùng năm ấy, lớp học Già Lam tan rã, Tâm Huy đáp lời mời của tôi, đã đến chùa của tôi trên kinh tế mới, cùng tôi và năm người bạn đã nói ở trước, lập nên Hội Lạc Long.

Chẳng may, trong số bảy người lại có Hân, một đặc tình của công an Sở Sài Gòn. Bị kịch tan vỡ và phân ly bắt đầu từ đây. Và suốt bao tháng lẩn trốn loanh quanh Sài Gòn rồi cuối cùng vào tù, tôi luôn mong mỗi sao những anh em còn lại khác đều được thoát, nhưng ngày

lại ngày, tôi chẳng được một tin vui nào từ phía họ. Cho đến hôm nay mới nghe được tin Tâm Huy. Không những tôi vui vì Tâm Huy được thoát nạn, mà còn ấp ủ thêm một hy vọng rằng khi ra được nước ngoài, có thể Tâm Huy sẽ tiếp tục chí nguyện của anh, góp sức với các lực lượng đấu tranh ở hải ngoại để làm được điều gì đó cho quê hương ngày mai.

Dẫu vậy, niềm vui và hy vọng về Tâm Huy cũng bị cái chuyện chẳng vui của Thượng tọa Đức Nhân và Nguyên Thế làm cho nhạt bớt đi. Nghĩ đến hai người này, tôi thấy xót xa phiền não trong lòng vô cùng. Hân bán đứng tôi và Nguyên Thế, hai người em kết nghĩa của anh ta, thì thật là tán tận lương tâm; tuy thế, tôi vẫn chưa hề có ý nghĩa căm ghét hay hận thù gì Hân, và vẫn còn hy vọng rằng khi biết tôi im lặng không khai gì về Hân với công an Đồng Nai và cán bộ Bộ nội vụ, có thể một lúc nào đó, Hân sẽ phục thiện, thay đổi. Tôi vẫn còn hy vọng là lấy những năm tháng tù đày của tôi để cảm hóa Hân. Nhưng hôm nay, Hân nở bán đứng luôn cả Thượng tọa Đức Nhân thì hết nước nói rồi, không còn thuốc chữa nữa rồi. Anh ta đã giốc hết thể xác và linh hồn vào cái chỗ cùng tận của tính phi nhân. Tôi cảm nghe một dòng máu nóng ran, bốc dậy rùng rùng trong cơ thể. Bây giờ làm sao đây? Dưới sự kiểm soát và thúc đẩy của Sở công an Sài Gòn, hoặc trong cái tham vọng to lớn hay bé tí nào đó mà Hân cứ tiếp tục dẫn đường cho mấy anh công an nhà nước ruồng bỏ bắt giam lần lượt các tăng sĩ Phật giáo của giáo hội, thì tôi phải làm sao? Có lẽ ngoài tôi ra, không ai trong số bạn bè tôi có thể gặp và thuyết phục Hân từ bỏ hành động mê muội của anh. Tôi vẫn còn tin tưởng như vậy, vì không ai ngoài tôi, biết rõ chỗ Hân ở và công việc Hân làm. Nhưng tôi đang ở tù, làm thế nào để gặp Hân hoặc bằng cách nào đó, chặn đứng được Hân?

Tôi vừa thở dài bất lực vừa nhìn dòng chữ lạ viết kế bên lời nhắn của Nguyên Lạc. Tuồng chữ viết nét tròn này, tôi chưa từng thấy qua. Tôi thực không biết đó là chữ

của ai, viết thật ngắn mà lại không ký tên: “Bệnh nặng có thể được về.”

Ai đây? Ai viết cái ám hiệu gì đây? Bệnh nặng thì được về? Có thật thế không? Một tù nhân bị kết tội nặng như tôi có thể được công an trả tự do khi bệnh nặng chẳng? Nhưng bệnh nặng thì nặng cỡ nào? Và làm sao có thể bệnh nặng nếu trên thực tế mình không bệnh gì cả? Câu nhắn gửi này có vẻ như xúi giục tôi phải giả đò bệnh nặng để được trả tự do vậy! Chỉ chứ chuyện giả đò thì tôi tặc lăm. Người ta đâm đá, mình làm bộ đau đớn và ngã quỵ mà còn khó nữa huống chi đương không lại ngã ùng ra mà bệnh nặng!

Chắc hẳn là gia đình và bạn bè tôi không bao giờ dám ghi dòng chữ ấy cho tôi qua một lá thư mà họ biết trước rằng sẽ có cán bộ trại giam kiểm duyệt. Vậy, dòng chữ ấy chỉ có thể là do một cán bộ nào đó viết. Và cán bộ đó là ai, tôi đoán được ngay: Phương. Đúng vậy, chỉ có Phương mới có cơ hội để viết cho tôi cái dòng chữ có vẻ yêu điệu con gái đó.

Phương muốn gì đây? Giúp tôi ư? Tại sao lại giúp? Cô là cán bộ y tế của trại giam, có thể cô biết được cách để tôi được trả tự do. Nhưng tôi tự do thì cô được cái lợi gì chứ? Chẳng phải cô là đảng viên, là cán bộ trung thành của nhà nước đó sao! Giúp làm gì một người chống lại cái guồng máy mà cô đang bảo vệ? Hay là... cô cũng như Tri, anh cán bộ Bộ nội vụ, đã chán chê “cái giàn máy khổng lồ” mà mình vừa phải giữ gìn vừa kinh tởm, muốn gián tiếp giúp đỡ kẻ khác thực hiện việc phá hủy giàn máy, hay ít ra cũng có cảm tình với những người đã thay mình làm việc đó, dù thành công hay thất bại?

Nhưng chuyện tự do bằng cách “bệnh nặng,” theo tôi nghĩ, chẳng phải điều đơn giản như câu “bí quyết” đây về quyền rũ của Phương ghi cho tôi đâu. Làm sao tôi có thể được tự do khi sự vụ của tôi chưa đưa ra tòa xét xử?

Tôi vừa nghi ngờ, nhưng cũng vừa hy vọng. Phải, ước mơ duy nhất của một người tù—cho dù là người có tư

tưởng chấp nhận tù tội như tôi—là được trả tự do. Cho nên chỉ một câu ngăn ngừa của Phương cũng đã đem lại cho tôi rất nhiều hy vọng. Tôi đã ở tù hơn sáu tháng, đã học được khá nhiều điều hay, đã kinh qua những phút kề cận với nỗi chết, đã nếm cái mùi tù nhục, đói khổ, thèm khát, bệnh tật, nóng bức, lạnh rét, ghê chóc, nhớ nhung, tù túng... vậy cũng tạm đủ rồi. Tôi không cần thiết phải học thêm bất cứ thứ gì trong tù nữa. Tôi nên được tự do để tiếp tục con đường dang dở, không cần phải chấp nhận hoàn cảnh tù tội này nữa! Huống chi, nghĩ đến hình ảnh Hân đang lăm lăm dẫn công an tìm bắt bạn bè tôi... tôi thấy bất nhẫn. Tôi có trách nhiệm về chuyện đó. Tôi có bổn phận phải đối phó với Hân. Tôi phải gặp mặt Hân, và tôi phải được tự do để thực hiện công việc đó.

Nửa tháng trôi qua, niềm hy vọng và nỗi háo hức được tung ra khỏi ngục tù trong tôi dù cao độ vẫn không nẩy ra được một sáng kiến nào cho việc “bệnh nặng.” Bệnh nặng mong được thuốc chữa, mong được hết bệnh, e còn dễ hơn là tự dựng khỏe mạnh lại muốn “bệnh nặng.” Mà bệnh nặng gì đây thì mới hội đủ điều kiện để được trả tự do? Chắc là chỉ tạm thời thả ra để điều trị, hoặc chỉ được đưa đến một bệnh viện nào đó bên ngoài, rồi tìm cách trốn. Có thể là vậy. Phương sẽ giúp tôi bằng cách đó sao?

Kỳ thăm nuôi cuối tháng 11, tôi có ý chờ đợi xem gia đình đến thăm gặp mặt có tiết lộ thêm điều gì mới có liên hệ đến dòng chữ “bệnh nặng có thể được về” không; nhưng gia đình tôi lại không thăm tôi vào ngày đó khiến cho sự việc cứ mờ mịt, nằm mãi trong nghi vấn.

Sau ngày thăm nuôi, Phương đem thuốc vào phòng giam, gọi những người có tên đến nhận. Phát thuốc rồi. Phương còn có vẻ nắn nà, ngồi đó lục soạn gì đó trong giỏ xách khá lâu. Cuối cùng, đứng dậy, Phương hỏi:

“Có ai bệnh nặng không?”

CỐI TRÓI TẬP I

Áp ủ hai chữ “bệnh nặng” nửa tháng qua như một công án, một thoại đầu của thiền, nay nghe Phương hỏi, tôi giật mình đánh thót một cái, thấy ngay một câu trả lời mình bạch hiện ra trong đầu, một câu trả lời không cần bất cứ một tính toán so đo nào, một cái gì vụt sáng lên trong tôi như thể thiền sinh được thiền sư điểm nhãn khai quang vậy. Tôi đưa tay lên, nói ngay:

“Có.”

Mọi người cùng quay nhìn về hướng tôi. Phương nhìn tôi hơi nở một nụ cười, nói giọng đầy khích lệ:

“Anh đến đây.”

Tôi bước đến gần khung cửa sắt.

“Anh bệnh nặng thế nào?”

“Tôi bị đau bao tử từ lúc nhỏ. Hiện giờ thì không đau, nhưng lâu lâu lại nổi lên, quặn thắt bên trong... đau lắm. Vậy có phải là bệnh nặng không?”

Phương ngưng ngừng một lúc rồi nói:

“Đâu, anh bước đến gần đây, để tôi khám thử.”

Tôi bước thêm nửa bước, gần sát song sắt. Tù nhân chúng tôi lúc nào ở trong phòng giam cũng cởi trần mặc quần xà-lõn nên cô y tá khỏi mất công chờ đợi tôi vén áo. Cô luồn tay vào giữa hai song sắt, dùng các đầu ngón nhấn nhấn nơi bụng tôi, nhấn bốn phía quanh rốn, rồi lần xuống hơi thấp ở khoảng gần hai bên xương chậu, dưới thắt lưng chút xíu. Tôi mắc cỡ, rụt lại một chút. Cô cười tủm tỉm, tiếp tục nhấn, dò tìm chỗ đau. Cô nhấn khá mạnh, phân khác cũng vì móng tay cô khá dài, nên tôi vừa đau vừa nhột, phải giật thót bụng mỗi khi cô nhấn vào chứ chẳng phải là bị đau ở bên trong. Cô dò xét phản ứng của tôi khá kỹ, thấy tôi hơi run người một chút là nói ngay:

“Đau phải không? Đau chỗ này phải không?”

“Vâng, đau,” tôi đáp ngay mà thấy tức cười trong bụng.

Phương ngưng tay, lôi trong giỏ xách ra một cuốn sổ, lấy bút ghi chú gì đó, rồi nói:

“Chưa chắc là đau bao tử đâu, có thể liên hệ đến

ruột đó. Tôi tình nghi là đau ruột dư. Cái bệnh này nguy hiểm lắm, có thể chết được nếu không phát hiện sớm và giải phẫu kịp thời. Tôi chỉ tình nghi thôi, chưa xác định. Hiện giờ chưa có đủ dụng cụ khám. Tôi sẽ sắp xếp anh ra bệnh xá của trại để khám lại. Anh có thuốc bao tử để uống không? Có hả. Ủ, thì tạm thời uống thuốc đó khi nào thấy đau, há. Thôi, sinh hoạt bình thường đi.”

Nói rồi, Phương xách giỏ quay đi.

Qua ngày hôm sau, Phương và Khoa, cùng hai anh nuôi bước đến phòng giam chúng tôi. Khoa nói:

“Anh Khang đâu, mang đồ đạc cá nhân ra đây.”

Tôi bước ra, Khoa hỏi Phương:

“Có cần khiêng cáng không vậy?”

Phương gật đầu, ra dấu cho hai anh nuôi kia giữ cáng. Tôi xua tay nói:

“À... xin khỏi, tôi bước đi được, không phiền hai anh đâu, để tôi đi theo được rồi. Hiện giờ tôi không thấy đau.”

Phương ngó tôi, hai mắt như lườm, muốn ra dấu tôi là hãy đồng ý leo lên nằm trên cáng cho anh nuôi khiêng đi. Tôi thấy kỳ cục quá vì mình đâu có “bệnh nặng” trong lúc này, nên nhất quyết không chịu leo lên. Khoa cười nói:

“Tánh anh Khang như vậy đó mà, anh không muốn phiền ai đâu. Thôi cứ để anh tự đi cũng được.”

Phương lăm bằm mà như cố ý cho Khoa và hai anh nuôi kia nghe:

“Khó tính quá! Thôi, đi.”

Vậy là tôi theo họ đi lòng vòng một lúc, hướng về một dãy nhà ngang có mấy cây phượng rợp bóng phủ kín ở hai bên và phía sau. Đó là bệnh xá của trại.

Tôi tạm thời trở thành bệnh nhân bị bệnh nặng của trại giam.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

Nàng đứng dậy, tính mang bình trà xuống bếp châm thêm nước sôi, nhưng nghĩ sao lại ngồi xuống, nói:

“Anh không sợ người ta gài bẫy gì sao?”

Tôi cười:

“Nếu mình đang ở ngoài đời thì còn sợ cạm bẫy; đàng này, vào tù tức đã vào trong bẫy rồi, còn sợ bẫy gì nữa chứ. Nhưng nói thì nói vậy chứ lúc đó cũng nghi ngại lắm. Chỉ do sự thúc đẩy của ý hướng tự do mà mình phải liều nhắm mắt đưa chân thôi. Biết đâu... lại có người tốt giúp mình, giống như thời ông Diệm, có rất nhiều tín đồ Thiên Chúa giáo âm thầm giúp đỡ, báo tin, bảo vệ chư Tăng Ni Phật giáo trong những cơn nguy ngập, tù tội. Nhờ họ làm việc cho chính quyền nên biết cách giúp mình, thông báo cho mình những tin tức chính xác. Trong khối người làm việc cho chính quyền cộng sản, không lẽ không có một phật-tử?”

“Dĩ nhiên là có phật-tử rồi, nhưng cô cán bộ y tế này... e rằng không giúp anh một cách đơn giản đâu. Em chỉ sợ anh bị hại... Thôi anh kể tiếp đi, em muốn biết cô ta thế nào.”



Tại phòng trực của bệnh xá, sau khi Khoa và Phương cùng ký tên vào cuốn sổ gì đó, Khoa quay qua tôi nói:

“Anh tạm thời ở lại đây chữa bệnh nhé. Ráng đi, khi nào ban y tế xét thấy không gì nguy hiểm... ý tôi nói là

bệnh tình của anh thuyền giã, thì sẽ thông báo tôi cho anh trở về phòng ngay.”

Nói rồi, Khoa quay đi. Hai anh nuôi bước theo. Giọng Khoa có vẻ như cảm cảnh tội nghiệp của tôi đã “bị” bệnh nặng và phải ra nằm ở bệnh xá buồn teo, không được vui nhộn như trong phòng giam tập thể. Tôi cười thầm trong bụng và khi Phương tăng hắng một tiếng nhỏ, tôi mới sực ý thức được là chỉ còn lại một mình tôi với Phương nơi phòng trực, tim tôi bắt đầu đập mạnh. Tôi biết từ bệnh xá này, tôi đang khởi sự bước vào cái chương hồi quan trọng nhất của vở kịch mưu tìm tự do. Mà vở kịch ấy, nếu Phương hay một nhóm cán bộ nào đó đóng vai chính thì tôi, lại thêm một lần nữa, trở thành nạn nhân đại khờ của một cạm bẫy. Còn nếu tôi có thể chủ động đóng vai chính, thì có lẽ tôi thành công theo hướng của tôi. Nhưng tôi mà vai chính thế nào đây khi đến nước này vẫn còn ôm nặng mối nghi với công án “Bệnh nặng có thể được về.” Nghĩ vậy, tự dung tôi đâm rùng mình. Đường như đến phút này tôi mới thấy được cái liêu lĩnh ngu dại của mình khi đâm đầu vào một ngõ thoát lờ mờ mà từ lối đi cho đến chung cục chẳng có cái gì thực sự rõ nét. Tôi cảm thấy hơi bấn loạn trong lòng.

Phương lại tăng hắng một tiếng nhỏ rồi kéo ghế, ngồi xoay mặt về hướng tôi, vén tóc mai, chậm rãi nói:

“Cuối cùng cũng có dịp để làm việc riêng với anh Khang há.”

Tôi chỉ cười, chưa biết nói gì. Phương tiếp:

“Anh bây giờ là bệnh nhân của em, phải nghe lời em thì mới hết bệnh, em bảo uống thuốc hay chích thuốc gì thì cứ làm theo chứ không được cứng đầu như xưa nay, nghe không? Hi hi...”

Nghe Phương đùa vui như vậy, tôi mạnh dạn chạm vào cái công án đang treo lơ lửng trong lòng:

“Nếu bệnh nặng quá không chữa khỏi thì sao?”

Thấy tôi đã mở miệng, Phương cười tươi, phần khởi nói:

“Bệnh nặng có thể được về đây chứ!”

Tôi giật mình nghe câu trả lời ấy. Dù bấy lâu nay tôi đã định ninh rằng Phương viết dòng chữ ngắn đó cho tôi trong lá thư của gia đình gửi vào, nhưng bây giờ chính miệng cô lặp lại, tôi mới xác định thêm cô là tác giả. Tôi run run hỏi:

“Bệnh nặng cỡ nào thì được về?”

Phương nhún vai:

“Nếu bạn y tế trại xác nhận là bệnh nặng không chữa nổi thì... có thể đề nghị cho anh điều trị ở các bệnh viện lớn như bệnh viện Chợ Rẫy, bệnh viện Thống Nhất... ở Sài Gòn.”

“Chỉ được về một thời gian để chữa trị thôi chứ đâu phải trả tự do hoàn toàn, phải không?”

Phương cười hóm hỉnh, nói:

“Trả tự do à? Chẳng phải anh đang sống trong một xứ sở tự do hay sao?”

Tôi cười một tiếng khô. Phương cũng bật cười lên một tràng khanh khách. Một chập, tôi hỏi:

“Cô thực sự tin rằng đất nước này có tự do à?”

Phương không nói, hơi cúi mặt xuống. Một chập, cô quay ngó ra sân. Đôi mắt buồn bã nhìn mông lung. Nắng trưa đỏ chang chang trên khoảnh sân nhỏ của khu vực bệnh xá. Sau hàng giậu thưa, tôi thấy thấp thoáng con đường đất nhỏ dẫn đến khu phòng giam tập thể. Xa xa ở phía ấy, một cái bót gác nhô lên khỏi dãy tường rào. Dáng người lính gác nhỏ xíu, chỉ thấy một chấm đen đội cái mũ cối, ló ra khỏi mấy bao cát. Phương từ từ quay mặt vào, nhìn tôi như lựa lời một lúc, cũng với đôi mắt và vẻ mặt thật buồn, rồi cô nói một cách khẳng định:

“Tất cả chúng ta đều đi tìm tự do.”

Tôi lại một phen giật mình khi nghe Phương nói vậy. Lâu nay, dù chẳng nói ra hay biểu lộ một thái độ nào rõ rệt, nhưng quả là ở một góc nào đó của tâm hồn, tôi vẫn nhìn những người cộng sản kiểu như cô nữ cán bộ này bằng một thứ thành kiến cao ngạo nào đó. Tôi vẫn

cho rằng đa số họ là những người dân quê ít học mà hay nói chữ, không tài đức mà thích ngồi cao, đã vậy còn hồ hởi đem cả cuộc đời mình để chạy theo một thứ chủ nghĩa lai căng không tưởng di hại cho không biết bao nhiêu đồng loại... Vậy thì có gì đáng để nói với họ! Nhưng bây giờ, Phương buông ra một câu với anh mắt như van cầu một sự cảm thông nào đó, tôi biết ngay là cô cũng có niềm ưu tư và nỗi khổ của cô trước hiện tình đất nước. Cũng như anh chàng cán bộ Tri ngoài Hà Nội vậy thôi, sinh ra trong nổi loạn ly của đất nước, có thể Phương cũng là một người trẻ tuổi xông xáo đáp lời non sông, đi tìm một tương lai tươi đẹp, tự do, hạnh phúc... Cuối cùng, tuổi trẻ Việt Nam chúng tôi, trở thành những con cá đại khờ vùng vẫy từ cái rọ chủ nghĩa này đến cái rọ ý thức hệ kia, cắn xé nhau, tàn hại nhau, giam nhốt nhau, ganh tị nhau, hận thù nhau, khinh bỉ nhau... Chúng tôi đối xử với nhau, làm tất cả những điều ấy cho nhau, chỉ để làm vui lòng những ngư ông mà thôi.

Trước mắt tôi bây giờ, Phương như là một con người khác, không còn là cô nữ cán bộ nhà quê tham lam các khẩu hiệu hơn lúa bắp ngô khoai, Cô cũng giống như Tri, là một người bạn trẻ của tôi, “sinh ra trên đất nước này là để lớn lên trong cái đồng phận khốn khổ của tuổi trẻ quê hương.” Tôi gợi ý:

“Tuy rằng ai cũng muốn tìm tự do, nhưng khổ nổi là người ta chỉ biết sử dụng những phương thức độc tài, chuyên chế, để mưu cầu tự do hoặc để bảo vệ một thứ tự do trong ảo tưởng mà thôi. Cái nhân nô lệ kèm kẹp thì không thể nào đưa đến cái quả tự do được cả. Chuyện đơn giản như vậy, nhưng chẳng ai để ý giùm cho.”

Phương áp úng một lúc rồi nói:

“Có thể người ta cũng biết chứ anh, nhưng chưa có cách để chinh lại đây thôi!”

“Biết đâu người ta chỉ mong cầu một hiện trạng như vậy. Độc lập, tự do, hạnh phúc... chỉ là những miếng mồi để câu những con cá nô lệ khổ đau mà thôi.”

CỐI TRÓI TẬP I

Phuong gục gặc tỏ sự đồng ý, rồi không nói lời nào, cô giơ ngón tay trở lên ra dấu yêu cầu tôi đừng nói nữa. Cô đứng dậy rời phòng, để tôi ngồi lại một mình trong phòng trực của bệnh xá. Cô đi qua lại nơi dãy hành lang một lúc rồi quay trở vào, nói ngay vừa đủ tôi nghe:

“Em phải đưa anh Khang vào phòng giam đặc biệt dành cho bệnh nhân, cũng kể bên đây thôi chứ không xa. Ngồi lâu ở đây không được đâu. Rồi mình sẽ nói chuyện tiếp. Ở đây ban ngày có cán bộ bảo vệ canh gác bệnh xá; họ chỉ thay nhau đi kiểm soát các cửa và các vách của dãy bệnh xá chứ chẳng biết gì về nhân số hay bệnh trạng của bệnh nhân; khi nào có trường hợp khẩn cấp thì họ gọi cán bộ y tế; còn ban đêm từ 6 giờ chiều đến 6 giờ sáng của ngày kế tiếp thì có hai cán bộ trực tại bệnh xá là em và anh Thà, tụi em thay nhau mỗi người trực 3 đêm trong tuần, dư lại một ngày, cứ vậy mà đôn lên, cho nên nếu tuần này trực thứ hai, thứ ba, thứ tư, thì tuần sau trực vào chủ nhật, thứ hai, thứ ba... Đại khái phiên trực của em là như vậy, nói cho anh biết để anh cần gì thì cho em biết trong khoảng thời gian em trực, như vậy dễ hơn. Đêm nay là đêm trực đầu của em trong tuần này. Thôi, bây giờ đi theo em.” Cô nhỏ giọng xuống thấp hơn, “tối nay mình có cơ hội để nói chuyện nhiều hơn.”

Tôi xách giỏ đồ đạc cá nhân bước theo Phuong ra khỏi phòng trực của khu bệnh xá. Nhìn trước nhìn sau, tôi thấy dãy bệnh xá có chừng sáu phòng nhỏ khác nằm hai bên phòng trực. Phuong hướng dẫn tôi qua căn phòng nhỏ thứ hai, cách phòng trực một phòng. Bên ngoài có cánh cửa gỗ, bước vào trong thì có thêm một lớp song sắt, có khóa. Phuong mở cửa, nói nhỏ:

“Anh nằm ở giường còn lại há. Người kia cũng là đồng nghiệp của anh đó.” Chờ tôi bước vào rồi, cô tiếp, giọng lớn lên như cố tình cho người ở bên trong nghe, “anh cứ uống tạm thuốc đó rồi chiều nay khám lại, tôi tìm cho thuốc khác, vậy nhé!”

Phuong khóa cửa sắt rồi quay đi. Tôi đứng tần ngần

một lúc rồi bước sâu vào. Phòng hẹp, chiều ngang khoảng bốn thước, chiều sâu khoảng sáu thước. Sau lưng tôi là song sắt, còn lại ba vách đều kín bung không có cửa sổ. Có hai cái giường nhỏ đặt dọc theo hai vách hai bên. Cuối cái giường phía bên phải có một vách ngăn cao chừng một thước rưỡi, tạo thành một phòng nhỏ ở trong góc. Tôi đoán đó là chỗ để tắm rửa và làm vệ sinh. Cái giường bên trái còn trống. Giường bên phải thì có một người đang ngồi tựa lưng vào vách, hai đầu gối đưa lên, hai cánh tay gác trên hai đầu gối, hai bàn tay xương xẩu thõng xuống, đơng đưa. Một ông già tuổi xấp xỉ sáu mươi, mặc đồ tù màu lam sẫm. Đầu hớt lúp xúp như thầy tu. Khuôn mặt khắc khổ, nhăn nheo. Đôi mắt sáng quắc. Đầu mũi to, cánh mũi đầy, sống mũi cao. Đôi môi hơi mỏng mím chặt lại vẫn không giấu được chiều kích đặc biệt của một cái miệng rộng. Hai vành tai ép sát vào da đầu; trái tai dài như tai Phật. Quả là tướng hảo của một dị nhân. Ông này là ai, làm gì, mà Phương nói là đồng nghiệp của mình nhỉ? Tôi tự hỏi như thế khi cúi đầu chào ông già. Ông chỉ nhìn tôi, từ đầu đến chân, một thoáng thật nhanh, rồi gạt đầu nhẹ một cái. Bây giờ tôi nhìn rõ mặt ông hơn. Ông nhăn nhó, chau bàu như thể đang phải chịu đựng một cơn đau nào đó. Cũng có thể tại vì vẻ mặt ông vốn như vậy—vẻ mặt của một cụ già khó tính, bẳn gắt.

Tôi đặt giỏ xuống đất, cạnh cái giường trống phía bên trái mà tôi biết là chỗ Phương đã sắp đặt cho tôi. Rồi tôi cũng leo lên giường, ngồi xếp bằng, tựa lưng vào vách. Ông già ngó tôi chăm chăm một lúc rồi đứng dậy, rời giường nằm đi vào góc phòng, khạc nhổ. Xong, ông quay ra, bước ngang chỗ tôi, đến khung cửa, vịn hai tay vào song sắt, nói bằng quơ, hay nói với tôi mà mắt nhìn đâu ở ngoài:

“Tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa. Cái thế giới khùng điên này, chạy lòng vòng một hồi rồi cũng gặp toàn là oan gia trái chủ mà thôi...”

Tôi nghe ông nói vậy thì đâm hiếu kỳ, chú tâm chờ

đợi lắng nghe ông nói thêm. Nhưng ông không nói nữa, lại quay trở về chỗ nằm, leo lên giường, ngồi tựa lưng vào vách, hai chân duỗi ra, đưa tay xoa cái đầu xung xủng tóc bạc. Một chập lâu ông mới hỏi:

“Chú mày có hút thuốc không?”

“Dạ cháu biết hút thuốc, nhưng chỉ thỉnh thoảng mới hút với bạn bè cho vui, không ghiền.”

“Có nghĩa là chú mày không có mang thuốc hút theo đây?” ông già hỏi với vẻ thất vọng.

“Dạ... không. Nhưng cháu có tiền mặt, có thể gọi mua được. Bác thường hút loại nào?”

“À... à, Đà Lạt, Hoa Mai hay thuốc rê gì cũng được mà. Nhưng chờ chú mày gọi mua được thuốc thì còn gì là hứng thú. Hay, chán chú mày quá đi mất! Ở tù mà không hút thuốc thì buồn thúí ruột đi được. Chú mày còn tiền, vậy mà không thủ một bao thuốc trong giỏ để đi đâu xách theo! Hừ, tiền là cái gì chứ! Chỉ là giấy thôi. Thuốc hút mới là đồ giá trị. Ai lại bo bo giữ tiền còn thuốc thì để ngoài chợ! Thiệt là uổng phí. Bây giờ ngồi đây, rảnh tay rảnh chân, làm cái chó gì! Với lại ở đây không phải có tiền là muốn mua cái gì cũng được đâu. Cái tụi cán bộ y tế trực ở đây không có bốn phen mua thuốc hút cho bệnh nhân. Nhờ chúng mua thì chỉ tổ chọc chúng chửi. Chỉ có thể gọi được mấy thằng anh nuôi thôi, nhưng gọi tụi này thì phải chờ đợi lâu lắc lâu lơ. Ôi trời, sao lại cho tôi gặp cái thằng công tử bột không ghiền thuốc vậy trời!”

Tôi bật cười, nói:

“Thôi, đừng rầu nữa bác, để một chập cháu gọi mua một cây thuốc rê to tổ bố như cái bấp chân, mặc sức bác hút.”

Ông già trở đôi mắt sáng quắc, nhìn tôi, gục gặc cái đầu:

“Ừ, chú mày ngon, chú mày chơi được. Nhưng bây giờ tính gọi ai mua thuốc đây?”

“Ừm coi nào, gọi cô y tá khi nãy đưa cháu vào đây, được không?”

“Cái con trung úy khi đó hả? Nó thì tốt lắm nhưng tốt ở cái chuyện chăm sóc, cho thuốc trị bệnh, lo com nước cho bệnh nhân đầy đủ... chứ không phải để sai nó đi mua thuốc hút đầu.”

Tôi cúi xuống lôi cái giỏ dưới đất lên, lấy tiền ra. Từ ngày chị Thuần đưa một nghìn đồng lúc thăm nuôi gặp mặt, tôi chỉ gọi mua một ít rau tươi vào dịp trường phòng theo cán bộ đi chợ. Nay hãy còn khá nhiều tiền.

“Đề trưa hay chiều cô ấy có việc ghé vào đây, cháu sẽ nhờ cô ấy mua giúp. Có lẽ cô ấy không từ chối đâu.”

Ông già cười tươi, vừa nằm xuống vừa nói:

“Cần gì phải chờ đến chiều. Chú mày chịu chi tiền thì tao gọi nó đến ngay. Tao gọi nó vào khám bệnh, còn bổn phận chú mày là gọi mua thuốc đó nghe.”

Nói rồi, ông già la lớn lên:

“Báo cáo cán bộ, ớ cán bộ...!”

Nghe cái giọng khàn đặc của ông, tôi vừa buồn cười vừa thấy tội nghiệp cho ông, tính đứng dậy để hô giúp ông thì đã thấy Phương lật đật cầm chìa khóa chạy đến.

“Gì vậy? Có sao không?” vừa hỏi Phương vừa nhìn tôi rồi nhìn ông già.

Tôi ấp úng nói:

“Không biết ông ấy bị cái gì...”

“Gì vậy bố già?” Phương tử tế hỏi.

Ông già làm bộ trở mình khó nhọc, rồi ngược mặt hướng về phía Phương, nói thều thào, giọng thiếu não:

“Thì nó đau lại đó mà...”

“Thuốc tôi đưa cho bố còn mà.”

“Còn, nhưng thuốc này tôi thấy chẳng ăn thua gì cả.”

“Ráng đi bố ơi, chỉ có thuốc đó thôi. Con đã nói rồi, đang chờ ở trên cứu xét cho gọi thuốc tốt xuống mà. Bây giờ thấy nhói dữ lắm hả?”

“Khi nãy nhói lắm, nhưng bây giờ cũng dịu rồi, thôi cảm ơn. Để tôi ngủ một giấc là êm...”

Phương cười, quay qua nói với tôi:

“Cái bệnh của ông là vậy đó, cứ lâu lâu nổi cơn đau bắt tử, rồi hết ngay, nhưng cũng làm mình hết hồn! À, trưa nay anh Khang có muốn ăn cháo không? Ăn cơm bình thường hả? Khi nào anh muốn ăn cháo thì nói cho biết há. Cháo cho bệnh nhân ở đây, Phương xin được tiêu chuẩn cao lắm đó. Có thịt băm hoặc cá. Ủa, mà anh... có ăn thịt cá được không vậy? Ở trong này đâu cần phải ăn chay làm gì cho mất sức. Quen rồi hả? Thôi kệ, ráng đi. À, sau giờ cơm trưa Phương không trực ở đây mà làm việc ngoài văn phòng trại, chiều tối mới quay trở lại để trực ca đêm cho bệnh xá. Cho nên anh Khang có cần gì thì nói để Phương lo chứ cán bộ trực buổi chiều không phải là y tá đâu, anh ta chỉ có nhiệm vụ gác thôi.”

“Phải rồi, tôi thường gặp cô ngoài văn phòng trại kia mà. Làm sao cô có thì giờ trực bệnh xá? Cô làm nhiều việc vậy?”

“Thì tại thiếu cán bộ nên phải kiêm nhiệm cái ngành y tế này, chứ thực ra công việc của Phương là lo hồ sơ và ba cái việc linh tinh ngoài văn phòng trại kia. Anh cần gì không?”

“Cần mua thuốc hút, cô mua giúp được không?”

“Anh cũng hút thuốc à?”

“Không được sao?”

“Không phải không được. Nhưng... hi hi... cái tướng anh, cầm điếu thuốc thấy đâu có hợp!”

Ông già nghe lóm được câu đó, liền xen vào:

“Xi, mấy thằng đàn ông không hút thuốc thì có làm nên trò trống gì đâu cà!”

“Vừa thôi bố già ơi! Thiếu gì người không hút thuốc mà có sao đâu. Điều thuốc đâu có làm nên đàn ông, phải không? Hi hi...”

Ông già nói lầm bầm gì đó, rồi quay mặt vào vách. Tôi đưa tiền cho Phương, nói:

“Mua giùm một cây thuốc rê Tân Phú, được không?”

“Một cây? Một cây thuốc rê là thứ người ta quán lại một tảng to như cái gói đó phải không? Hút gì dữ vậy! Ho chết đó anh Khang à. Mua vài gói có đầu lọc được rồi, nghen. Vớ lại Phương đâu biết thuốc rê Tân Phú là thuốc như thế nào.”

“Thôi, vậy mua cho một cây thuốc Đà Lạt, một cây thuốc Hoa Mai.”

“Một cây là mười gói, một gói hai chục điếu, phải không? Sao anh mua làm gì một lúc nhiều quá vậy?”

“Tại vì ở trong này khó mua thuốc lá lắm, mỗi lần nhờ được ai mua thì phải nhờ mua nhiều như vậy. Mua sớm giùm đi, ở căn-tin của trại có bán đó,” vừa nói, tôi vừa đưa tiền cho Phương.

“Thôi, anh cất đi, để Phương mua cho.”

“Bây, cầm tiền đi, bằng không tôi không nhận thuốc đâu à nghen!”

Phương cười, vênh mặt lên, nói nhỏ:

“Em bắt anh phải nhận. Em là y tá mà, bắt bệnh nhân dùng thuốc gì thì phải dùng thuốc đó, không được cãi. Khi nãy em có nói điều lệ đó cho anh nghe rồi mà, anh quên rồi sao?”

Nói rồi nàng cười tinh tú với tôi, quay đi. Tôi chung hững đứng lại nơi cửa sắt, chẳng biết đối phó làm sao. Đang còn phân vân đứng đó thì ông già ngồi vũng dầy, bước đến bên tôi, vỗ vai tôi, nói:

“Khà khà... chú mày đó nghe! Con nhỏ mê mệ một chú mày rồi!”

“Không có gì đâu,” tôi nói cho có lệ.

“Không có gì? Chú mày tưởng tao đui tao điếc à. Chẳng phải chú mày đưa tiền mà nó không chịu lấy sao. Nhờ nó đi mua thuốc đã là chuyện khó rồi, còn khiên cho nó tự nguyện bỏ tiền túi ra mua nữa thì hết nói!”

“Chút nữa mình đưa trả tiền lại cho cô ấy chứ đâu có lấy thuốc khơi khơi như vậy, kỳ cục!”

“Xi, sống kiểu quân tử như chú mày tao chán quá rồi! Việc gì phải dằn co, cà thọt cà thò bởi ba cái chuyện

lắt nhắt. Chớ chú mày cũng chẳng biết rằng tạo cơ hội cho chúng sanh bố thí cúng dường cũng là điều tốt sao! Có gì mà phải bận tâm!”

Tôi giật mình, quay lại ngó sững ông già:

“Cái gì? Bác nói gì?”

Ông già xua tay, vừa quay trở về chỗ nằm vừa nói:

“Có gì đâu. Đã nói là oan gia trái chủ, chạy lòng vòng một hồi cũng gặp nhau mà.”

“Nhưng... mới vừa rồi bác nói cái gì khác kia.”

“Ô, cái gì quan trọng đâu, nói là chúng sanh bố thí cúng dường thì cứ hoan hỷ nhận, miễn họ tự nguyện là được rồi, mình có ép họ đâu. Tất cả hành động nào trên đời, hễ mà dính tới nguyện, thì tự nhiên không dính tới nhân quả. A, hà hà, ý chú mày muốn hỏi tại sao tao dùng cái ngôn ngữ nhà chùa ra mà nói chứ gì! Hừ, bộ dạng chú mày chẳng phải thầy tu thì cũng là thầy chùa thôi chứ chạy đi đâu, hả thầy chùa con!”

Tôi run người leo lên giường, ngó ông già chăm bẵm, vừa kinh ngạc vừa hơi khấp sợ ở trong lòng. Ngôn ngữ, điệu bộ của ông, giống như một lão gàn tham lam, mà kỳ thực ẩn sâu phía sau là cái vẻ phong quang khoáng đạt, rất mực tự tại giải thoát. Ông làm tôi nhớ đến thi sĩ Bùi Giáng.



Năm 1982, vào thời gian cuối cùng trước khi tôi rời bỏ Sài Gòn để đi kinh tế mới, thi sĩ Bùi Giáng có ghé vào tu viện Già Lam, ngồi chơi ở cái bục xi măng xây quanh gốc vú sữa to lớn giữa sân. Lúc đó đã qua khỏi giờ Ngọ, tăng chúng đã thọ trai xong và đang nghỉ trưa. Tôi là người trực báo chúng nên không nghỉ trưa. (Trực báo chúng tức là đảm trách việc đánh keng, khai bảng, rung chuông... nói chung là căn cứ vào thời khắc sinh hoạt đã qui định trong ngày của tu viện để sử dụng pháp lệnh mà báo cho tăng chúng biết; chẳng hạn đến giờ thọ trai thì gõ

ba tiếng mộc bãng, đến giờ tụng kinh hay học thì thỉnh ba tiếng báo chúng—loại chuông nhỏ treo trên giá— v.v...). Lúc ấy cũng sắp đến giờ báo thức, tôi đi dạo nơi sân chùa và tình cờ bắt gặp nhà thơ đang ngồi dưới gốc vú sữa. Ban đầu tôi không biết ông là ai. Nhờ mấy chú tiểu chọc ghẹo kêu tên ông, tôi mới biết. Tôi ngưỡng mộ ông từ lâu, nay có dịp gặp, tôi vui lắm, bước tới chào ông và thật xúc động thấy ông ăn bận rách nát, dơ dáy như một gã hành khất lang thang. Tôi từng nghe đồn đãi về cái gàn điên của ông, nhất là từ những năm sau 1975, nhưng đối diện ông, tôi mới thực sự thấy được cái vẻ tự tại thong dong của một thiền gia cư sĩ đang nhập thế hành đạo. Tôi ngồi xuống ở cùng cái bục xi măng mà ông ngồi, kín đáo quan sát. Một vài thầy đến bắt chuyện, đọc thơ người này người nọ rồi yêu cầu ông đọc thơ cho nghe để mua vui. Rồi lần lượt họ bỏ vào trong, để ông ngồi lại đó một mình. Ông lẩm bẩm nói gì đó rồi bất chợt bắt gặp tôi ngồi im một chỗ ngắm nhìn ông, ông bèn cười, nói:

“Chú ơi, chú hiền như con nai tơ ấy. Sao chú im lặng quá vậy hả?”

Tôi cười rồi chấp tay cung kính chào ông. Ông chấp tay chào lại. Hai bàn tay dơ dáy đầy cấu bẩn ghép lại với nhau tạo thành một đóa sen nhàu nát, như thể từng bị vùi dập trong một bãi sình. Rõ ràng trước mắt tôi là một thi sĩ Bùi Giáng trang nghiêm, trầm lặng, không cà rỡn gàn điên như lời đồn lâu nay tôi nghe. Có lẽ nhiều năm nay, từ khi lũ trẻ khắp các phố phường Sài Gòn đều biết danh ông Bùi Giáng Điên, người ta khó tìm thấy ông trong những giây phút bình thường này, giây phút mà người ta mệt mỏi không nhìn ngó gì đến ông nữa.

Ông nhìn tôi bằng đôi mắt lạ lắm, có vẻ như ngắm nghĩa, tìm hiểu, rồi ông thu hai bàn chân lên, đặt trên bục xi măng. Hai bàn chân không mang dép, đầy bụi đất và nhiều chỗ sưng vù, tróc da chảy máu. Ngồi trong tư thế xếp bằng xong, ông nói:

“Chúng sinh thời nào cũng vậy, gặp mình là hỏi thơ,

CỐI TRÓI TẬP I

xin thơ, bàn thơ, luận thơ, tán thơ, xô thơ... Làm như thế chỉ có ngôn ngữ mới là thơ thôi vậy. Hì hì, cho nên tôi thích chú lắm, tôi thích được ngồi bên một con vật, một tảng núi hoặc một người im lặng như chú.”

“Thầy đi lang thang như vậy có mệt không? Có đói không?” tôi hỏi.

“Sao chú gọi tôi bằng thầy?”

“Kính quý ai thì gọi người đó bằng thầy. Thầy có đói không? Tôi đem cơm ra đây thầy dùng nghen?”

Ông chấp tay, mắt nhắm lại, nói:

“Mô Phật, cảm ơn, cho tôi xin một bát, chút xíu thôi cũng được.”

Tôi xuống nhà bếp xin cơm. Giờ đó mà đi xin cơm thường bị mấy dì vải dưới bếp từ chối, nhưng may là chị Vê, nhân vật chủ chốt của nhà bếp, rất quý tôi, nên chuyện xin một tô cơm không khó. Chị Vê vừa bới cơm vào cái tô, vừa nói với tôi với giọng ái ngại:

“Chú Khang xin cơm cho ông Bùi Giáng đó hả? Chú có biết là lâu lâu nổi khùng lên, ông chửi hết mấy thầy không?”

Cho đến năm ấy, mặc dù đang tham dự khóa Cao đẳng Phật học tại Già Lam, tôi vẫn còn là một chú Sa-di chưa thọ giới Tỳ kheo, nên mọi người trong tu viện, kể cả những dì vải dưới bếp và các phật-tử chuyên đến chùa, đều gọi tôi bằng “chú.” Tôi nói với giọng hơi đùa với chị Vê:

“Bao nhiêu người khinh bỉ, chửi mắng ông hằng ngày, ông chịu được; lâu lâu ông chửi mình một tí, không lý ôm giữ trong lòng?”

Chị Vê nghe vậy thì không nói gì nữa, lo múc thức ăn cho vào tô cơm, và múc thêm một bát canh riêng; xong, chị nói:

“Chú Khang đi trước đi, để tôi bung ra cho ông.”

“Thôi, khỏi. Chị lo việc của chị đi, để tôi bung.”

“Chú nói ông ăn rồi đem cái tô trả lại cho nhà bếp chứ đừng vất ngoài sân thầy trụ trì la chết!”

“Tôi sẽ đem vào mà, đừng lo.”

Tôi mang cơm và canh ra, đặt lên cái bục xi măng, mời ông. Ông bung tô cơm, nói một tiếng cảm ơn rồi ăn ngay, không khách sáo. Ông ăn để trị cơn đói chứ không thưởng thức. Nhưng trong lúc ông đang ăn, tôi bỗng thấy máu rịn một dòng nhỏ, từ mái tóc bạc của ông kéo xuống đầu chân mày. Tôi hốt hoảng kêu lên:

“Áy chết, thầy bị thương trên đầu, phải không? Máu chảy kìa.”

Ông đưa một tay lên sờ đúng ngay vết thương nhỏ nằm lẫn dưới tóc, xoa xoa vài cái, nhìn máu dính trên tay, chùi đại vào quần, bình thần nói:

“Không sao, không sao. Tụi con nít khi nãy chúng chọi đá đó mà. Sống ở cõi Ta bà này, mình phải biết kham nhẫn. Phải hết sức kham nhẫn mới được...”

Nghe ông nói đến đó tự dưng nước mắt tôi ứa ra, chảy thành dòng. Tôi quay mặt chỗ khác che giấu xúc cảm của mình. Một lúc, tôi nói:

“Thầy dùng cơm xong, ngồi đây một chút chờ tôi trở lại nha. Để tôi lên phòng lấy dầu và thuốc xức cho thầy.”

Ông đang ngón cơm, không nói gì, chỉ nhướn mắt lên ngó tôi một chút rồi cúi xuống ăn tiếp. Tôi vội vã trở về phòng riêng, kéo hộc bàn lấy hết số tiền cơm của tôi, rồi xin bông gòn và dầu gió của thầy quản chúng, lật đật đem xuống sân. Nhưng trễ rồi. Nơi chỗ ông ngồi, chỉ còn lại hai cái tô không. Tôi đi quanh sân tìm ông một lúc cũng chẳng thấy đâu. Đến trước cổng nhìn ra xa, cũng chẳng thấy. Ông biến dạng đi đâu rồi. Tôi buồn bã quay trở vào, đem hai cái tô trả lại cho nhà bếp. Lòng băng khuâng, muốn khóc.

Vài tháng sau, tôi rời tu viện Già Lam, lên sống ở vùng kinh tế mới, không bao giờ gặp lại đệ nhân Bùi Giáng nữa. nhưng có thể nói, phong thái tự tại vô ngại của ông cứ theo tôi mãi. Mỗi khi nhớ lại ông hoặc đôi khi phải đối đầu với một nghịch cảnh, tự dưng tôi nhớ đến

hình ảnh ông lang thang giữa chợ đời, bị bao nhiêu người ném đá chửi rửa mà cứ một mực vui cười, giỡn cợt, lòng bình thản chịu đựng... Cái hình ảnh đó, là một bài học sống động in sâu vào tâm khảm tôi, như một thứ hành trang mà tôi có thể đem theo suốt đời, xài hoài không cạn, không hết: Kham nhẫn, kham nhẫn.



Ông già ngồi trước mặt tôi thì không có những hành động cử chỉ khác thường như thi sĩ Bùi Giáng, chỉ có ngôn ngữ của ông nghe qua như nói khơi khơi mà kỳ thực thì có vẻ muốn nhấn gửi điều gì với tôi vậy. Nhìn ông một lúc, tôi hỏi:

“Sao bác bị bắt vào đây vậy?”

“Có gì đâu, tao không thích thì tao chửi, ừ, chửi cán bộ nhà nước. Thế còn chú mày? À, chắc là chửi chế độ.”

“Không phải là chửi...”

“Hây, chóng hay cự, bắt mẫn hay bắt bình, viết hay nói, suy nghĩ hay hành động, cũng đều là một hình thức chửi cả, chú mày ạ. Chửi cái gì thối nát, tào lao. Đại khái là như vậy, phải không nà?”

“Cho là vậy đi,” tôi cười đáp, rồi hỏi tiếp. “Gia đình bác ở đâu?”

“Gia đình à?” ông vùng dậy, bước xuống giường, vào góc nhà xí, khạc nhổ, tiểu tiện. “Chú mày có gia đình sao?”

“Ồ... xuất gia rồi thì chẳng có gia đình, chỉ có chùa thôi. Dù sao, gia đình thế tục hãy còn chứ có mất đi đâu.”

“Có nghĩa là chưa hề cắt đứt?” ông từ nhà xí bước ra, vừa hỏi vừa đi nhanh đến cửa sắt. “Con nhỏ đi mua thuốc gì mà lâu vậy? Hơ, tao nghe nói xuất gia là cắt đứt liên hệ gia đình rồi mà.”

“Thì cắt đứt chứ...”

Tôi nói đến đây thì tự xấu hổ trong lòng. Hình như

cho đến lúc này, khi mở miệng ra để nói với ông già khó tính này, tôi mới thấy rằng tôi chưa thực sự cắt đứt liên hệ gia đình, nhất là trong khoảng thời gian bị bắt vào tù. Khi được cán bộ cho gửi thư ra ngoài, tôi đã gửi thư cho gia đình thay vì gửi cho chùa. Tôi có lý do để trả lời rằng lúc ấy chùa tôi không còn ai và nếu còn, cũng không chắc là những người ở ngôi chùa kinh tế mới xa xôi ấy có thể làm đơn xin thăm nuôi tôi được. (Thủ tục thăm nuôi hình như không cho phép người dung nước lã đứng đơn thăm, chỉ cho phép gia đình ruột thịt thôi. Những người cùng ở một chùa, trong con mắt của cán bộ nhà nước, chỉ là những người dung với nhau. Vả lại, với tội trạng là “âm mưu lật đổ chính quyền,” tôi không muốn gửi thư cho bất cứ ai không phải là ruột thịt của mình, vì làm như vậy chỉ là hại người đó mà thôi—sự đa nghi truyền thống của công an nhà nước khiến tôi phải dè dặt không dám phiền đến kẻ khác). Nhưng cái lý do nêu trên, xét cho cùng, cũng không thích đáng đối với những người xuất gia quyết chí thoát ly gia đình. Cho nên, đáng ra khi vào tù, tôi không nên liên lạc với gia đình mới phải. Liên lạc để làm gì? Theo ông Trọng—người bạn tù già ở trại giam Phan Đăng Lưu trước đây—, liên lạc để gia đình biết chắc mình đang ở đâu mà yên tâm. Nhưng ngoài mục đích tinh thần đó, còn có một mục đích thực tế nữa là muốn gia đình thăm nuôi để ổn định vấn đề thực phẩm hàng tháng. Gia đình ruột thịt, cuối cùng vẫn là chỗ dựa gần gũi, dễ dàng cho một kẻ xuất gia khi lâm nạn. Thật là oái oăm, buồn thảm thay! Cái bề sâu tâm lý của tôi, dù có khóa lấp bằng bao nhiêu lý do, vẫn cứ ảnh hiện sự thực tâm thường đó: sau mười lăm năm bỏ nhà đi tu, đời tôi hãy còn nối kết với gia đình ruột thịt bằng một sợi dây tình cảm vô hình mà đến những lúc hoạn nạn, hay những lúc buồn tủi nhất mới thấy được sự tồn tại bền bỉ keo sơn với nó. Như thế, nói theo chân nghĩa của sự xuất gia, tôi vẫn chưa phải là kẻ đã thực hiện được một cách nghiêm chỉnh. Đó là chỉ mới nói xuất gia theo nghĩa hạn hẹp nhất—tức là từ bỏ gia đình thế

tục—chứ chưa nói đến ý nghĩa từ bỏ gia đình phiền não, gia đình tam giới... Tuy nhiên, tôi vẫn có thể tự bào chữa cho tôi được vì tôi biết rằng tôi đã xả giới hoàn tục, không còn là người xuất gia nữa. Nhưng đâu cần thiết phải phân bua với ai chuyện đó. Dù thế nào thì người ta vẫn định ninh tôi là người xuất gia mà.

“Cắt đứt? Chú mày nói đã cắt đứt liên hệ với gia đình, phải vậy không?” ông già mĩa mai hỏi lại tôi.

Tôi ấp úng nói:

“Trên hình thức là vậy.”

Ông già bật cười:

“Chỉ trên hình thức thôi? Vậy cái tâm chú mày vẫn còn để ở gia đình à?”

“Đôi khi không thể đánh giá được cái tâm bằng cái hình thức bề ngoài.”

“Cha, khá lắm, chú mày nhớ câu nói đó nghe. Tất cả đều do tâm tạo, ý chú mày nói vậy; ba cái hình thức lẻ tẻ thì ăn thua gì, phải không? Nhớ nhé!”

Ông càng nói tôi càng thấy lúng túng. Ngôn ngữ của ông già này thật lợi hại, chúng vây tôi, rồi dồn tôi vào ngõ bí, rồi lại khiêu khích, thách thức. Tôi thấy mệt, không muốn nói chuyện nữa, nằm dài xuống giường. Vừa lúc ấy, Phương bước vào:

“Anh Khang, quà cho anh nè.”

Tôi vừa ngồi dậy, chưa kịp nói gì, đã thấy ông già sẵn đứng nơi cửa sắt, mở lời ngay:

“Được rồi, cảm ơn, để tôi nhận giùm nó, nó ngủ rồi.”

“Xí, bố già đừng có ham, cái này của anh Khang gởi mua. Kia, ảnh ngồi dậy chứ có ngủ đâu.”

“Thì đưa đây, tôi đem vô cho nó, cần gì phải đưa tận tay chứ. Vả lại nó với bố già này coi như một nhà thôi, cô em không biết vậy à?”

Phương nhất định không đưa thuốc cho ông già, chờ tôi bước đến. Ông già đưa hai tay lên trời, vừa quay vào vừa nói:

“Hớ, đúng là... oan gia, đúng là oan gia!”

Tôi đưa tiền ra cho Phương, nói:

“Cám ơn cô, tiền thuốc đây, cô không nhận thì tôi không lấy thuốc mà từ nay tôi cũng không dám nhờ vả cô điều gì nữa đâu.”

Phương ngẫm nghĩ một lúc ngắn, rồi đón lấy mấy tờ bạc trên tay tôi, nói:

“Thôi được, em lấy, nhưng không nhiều như vậy đâu. Nè, anh cắt bớt số này. Bây giờ em phải ra trực ngoài văn phòng. Chiều tối gặp lại anh nha, sẽ khám bệnh anh đó. Coi anh bệnh nặng cỡ nào.”

Phương cười duyên rồi quay đi. Ông già trờ tới ngay:

“Tốt, tốt, đi cho khuất mắt để chur thiên còn hưởng nhân nữa chứ! Coi nào, thuốc gì đây, Hoa Mai, Đà Lạt, tốt, tốt lắm. Khai ra làm liền đi chú mày!”

Ông bóc cây thuốc Đà Lạt, lấy ra một gói, rút một điều ngậm lên môi. Tôi giật mình nói:

“Áy chết, cháu không có hộp quẹt! Quên dặn cô ấy mua luôn hộp quẹt điem.”

Ông già cười, xua tay nói:

“Khỏi lo, tao thiếu thuốc hút chứ đâu có thiếu lửa. Minh không có khả năng mua thuốc thì phải biết giữ gìn lửa mỗi chứ. Tao có bốn, năm cái hộp quẹt để dành trong giỏ. Cứ mỗi thằng bạn tù được trả tự do, tao chỉ xin cái quẹt lửa... Có lúc bọn tù thiếu lửa, tao bắt mỗi thằng phải cho một điều thuốc thì tao mới cho mỗi lửa. Mục đó tạm gọi là có lửa thì mới có khói. Khà khà, những lúc như vậy mới thấy cái hữu dụng của hộp quẹt, phải không? Nè, chú mày cũng làm một điều đi, gọi là chào nhau giây phút tao phùng, mù mịt khói tỏa, mê cung lịm vào... Ha ha! Chờ một chút, tao lấy hộp quẹt.”

Ông già quay vào trong, lôi một cái hộp quẹt ga từ trong giỏ xách của ông, bật lửa mỗi thuốc, rồi ngoắc tôi lại, đưa hộp quẹt cho tôi. Xong, ông leo lên giường, ngồi tựa lưng vào vách, hai chân duỗi ra phía trước, kéo sâu

liên tục những hơi thuốc. Lim dim đôi mắt để tận hưởng điều thuốc đầu, hình như ông không còn thấy biết gì về sự hiện hữu của tôi nữa. Tôi lặng lẽ đặt hai cây thuốc trên đầu nằm của ông rồi trở về chỗ giường nằm của mình. Ngồi im, thích thú quan sát ông một lúc, tôi đưa bật lửa lên, quẹt.

Gần tàn điều thuốc, ông già mở mắt ra, thấy hai cây thuốc để gần, ông đưa tay rút một điều khác đặt lên môi, lẩy điều trước môi cho điều sau. Lại tiếp tục lim dim đắm mình trong làn khói hư ảo. Trông ông lúc ấy vừa có cái vẻ đam mê của một nghệ sĩ trong phút xuất thần, vừa có cái vẻ thoát tục của một hành giả đang vào thiền định. Tôi có cảm tưởng hình như ở trạng thái này, ông mới thực sự là ông, còn suốt từ sáng đến giờ, ông lằng xằng ngổ ngáo chỉ là đóng kịch mà thôi.

Ông lại mời đến điều thuốc thứ ba. Im lặng hút, không nói một lời. Cũng không hé mắt ra nhìn tôi một thoáng nào. Sau hơn một giờ chộn rộn tiếp chuyện, nghe chuyện, bây giờ tự dưng đang thức mà lại im bật ngang xương, không lời báo trước hay chào biệt, tự dưng tôi thấy như mình bị bỏ lại nơi phòng giam này một mình. Trơ trọi lẻ loi hết sức. Ông già giống như làn khói mỏng, tan đi, biến đi theo khói thuốc; còn tôi, tên thầy chùa nhà quê nặng nề này, cứ ngồi đây, tầm thường quá đỗi! Và bỗng dưng, trong vài hơi thuốc cuối cùng của ông nơi điều thứ ba, tôi có linh cảm rằng ông sắp sửa nói với tôi điều gì quan trọng. Mắt ông đã hé mở và ông đang bập thuốc liên tục. Khi đóm lửa trên điều thuốc cháy gần sát đến hai đầu ngón tay, ông mới vút xuống đất ở gần đó, ngồi im, ngó ra phía song cửa sắt. Đôi mắt lắng sâu vào một nỗi ưu tư khó hiểu nào đó.

Ngoài sân ngập nắng. Hàng giậu ngoài kia, với những cành lá xác xơ, như gượng sức vươn thẳng lên để chịu cơn thử thách thiêu đốt của mặt trời đứng bóng. Hình như không có con chim nào lang thang đậu xuống khu vực trại giam này. Xa xa, trên đầu tháp canh là những

phiền mây trắng mỏng kéo ngang trên nền trời xanh lơ dịu mắt.

“Có một điều mà hình như chú mày không chịu để ý,” ông đột ngột nói câu ấy như là đang tiếp tục một cuộc đối thoại chưa hề gián đoạn. “Rằng một khi ái dục chưa đẹp được hết thì tất cả ngôn ngữ, cử chỉ, hành động và nhất là cái dạng tướng bề ngoài, đều phơi bày, một cách kín đáo hay lộ liễu, cái vẻ lôi cuốn dụ hoặc của dục tình. Dục lại chiêu cảm cái dục, giống như nhụy hoa và bông phấn, như nam châm và sắt. Thôi nam châm đâu cần phát tiết hay mời gọi sắt mà sắt cũng tự đâm đầu vào. Nếu nam châm không có sức hút của nó, thì làm gì sắt bị kéo lôi. Hễ dục vọng của chú mày còn y nguyên đằng sau cái vẻ hiền hòa nghiêm trang kia thì nó, con ma dục vọng, vẫn còn lợi dụng được chú mày như thường. Nó luôn luôn mời gọi, quyến rũ những đối tượng đồng tình, đồng cảnh. Đứa nào dục vọng càng mạnh, càng bị chú mày hút mau, hút nhanh. Hầy, ôm cái thỏi nam châm đó mà lăn lộn với đời hay ần tu trong cửa chùa đi nữa, chú mày vẫn cứ thu hút, hết thỏi sắt này đến thỏi sắt nọ. Đôi mắt chú mày là đôi mắt của dục vọng, đôi môi chú mày là đôi môi khát ái. Hai thứ đó đi đôi với nhau, hờ, phiền lắm, khổ lắm! Chỉ tự chuốc họa vào thân mà thôi.”

Tôi cười nhạt, bảo chữa:

“Cháu không hề có ý quyến rũ dụ hoặc ai. Đối với phái nữ, cháu thuộc loại nhạt gan, gặp họ cháu còn lo tránh né nữa là khác.”

“Hô hô, tránh né của chú mày chỉ là sự di động tình quái của dục vọng, chú mày không biết à? Cứ lấy thỏi nam châm xoay nó một vòng dưới đất đi, xem kết quả ra sao? Chẳng phải càng di động, tránh né, nó càng hút được nhiều vật à! Phải đánh nó từ cái gốc. Hờ, thôi, cái này chú mày tự biết phải làm sao. Tao chỉ cảnh cáo cho chú mày biết là cái gì nó khiến chú mày lặn độn, vậy thôi. Chuyện đánh dẹp là chuyện của chú mày.”

Tôi ngồi sững, và mồ hôi khắp người. Dị nhân nào

trước mặt tôi đây? Một lão thi sĩ gàn? Một thầy tướng số? Một đạo nhân? Một triết gia? Một thiền gia? Hay một bồ tát hiện thân để điểm đạo cho tôi? Chưa bao giờ cái dục vọng tàng ẩn trong tôi lại bị kẻ khác điểm mặt và đánh thẳng những đòn cân não như lúc này. Tôi thực sự là muốn bước xuống, đến bên cạnh ông già, sụp lạy ông, bắt kẻ ông là hạng người nào. Nhưng chẳng biết sao tôi cứ ngồi ì ra đó, không nhúc nhích nổi. Có một sức cưỡng chống nào đó trong tôi, kềm tôi lại. Và tôi cứ ngồi một chỗ, nhìn ông già, không nói được lời nào nữa.

Bất chợt có một anh nuôi bước vào, nói lớn:

“Ông già, cán bộ Phương nói ông chuẩn bị đồ đạc cá nhân, chút nữa có cán bộ đưa ông trở về phòng.”

Nói rồi, anh nuôi quay đi ngay, Ông già xua tay, nói:

“VẬY sao? Hừ, tụi bây làm như tao không biết vậy. Tao còn bệnh mà đưa tao về phòng, không cho ở bệnh xá nữa hả? Thì thôi, cũng được thôi, có sao đâu. Hừ, dàn cảnh, toàn là dàn cảnh!”

“Nghĩa là sao, thưa bác?”

“Thì... con Phương, cái con y tá nó muốn dọn sạch chỗ này để còn lại chú mày một mình, để làm ăn hơn.”

“Cái gì? Không có đâu, không phải vậy đâu.”

“Ha ha, gì mà sợ dữ vậy. Không sao đâu, đừng sợ. Chuyện gì rồi cũng qua hết. Khả khả, chú mày có số nhờ đàn bà lắm nghe. Để coi nào, à biết rồi, biết rồi, số chú mày đó hả, đàn bà gặp thì tự nhiên muốn giúp đỡ, còn đàn ông gặp thì muốn nhờ vả. Cái số chú mày là như vậy. Cũng tốt nhưng cũng không tốt. Ăn thua là chú mày thôi. Nhớ lời tao nè: con nhỏ đó có ý tốt với chú mày, chẳng hại gì chú mày đâu; nhưng chú mày khôn hồn thì đừng có làm bất cứ cái gì bất thường. Tao chỉ nói vậy, chú mày tự hiểu. Cái phòng này, từ nay là phòng của chú mày, tao giao lại đó. Mà cũng từ cái phòng này, nếu chú mày quyết định một cái gì bất thường thì tự dung mở ra một ngã rẽ cho cuộc đời mày đó. Tao chẳng nói cuộc đời đó tốt hay

xấu, chỉ tóm tắt một câu là... nó thực sự không phải là cái chú mày tìm kiếm đâu.”

Bất ngờ một cán bộ bước vào, vừa mở cửa vừa hỏi thúc:

“Hoàng Ngọc Chân, phòng này phải không? Là ông đó hả? Lấy đồ đạc cá nhân.”

Ông già đứng dậy xách cái giỏ, thấy hai cây thuốc tôi để nơi đầu nằm của ông, ông cầm lên cây thuốc Đà Lạt đã bóc ra một gói, quay qua hỏi ý tôi. Tôi vội vàng bước đến, dúi hết hai cây thuốc vào giỏ của ông.

“Bác đem theo hút, cháu không hút đâu. Hẹn ngày gặp lại.” tôi xúc động nói nhỏ được vài lời như vậy.

Ông không khách sáo từ chối hai cây thuốc, chỉ mỉm cười đưa một tay lên vỗ nhẹ vai tôi, rồi vẫy chào một cái từ biệt, bước ra.

Tôi bước theo đến cửa sắt, nhìn theo dáng ông hơi khòm, bước thấp bước cao theo chân viên cán bộ. Tôi tự nhủ, “Ôi, nếu có ông ở chung một phòng giam thì hẳn là học được nhiều điều bổ ích lắm. Ông ấy là ai vậy kia?”

Đến chiều, khoảng sau sáu giờ, mới thấy Phương đến cửa, hỏi:

“Anh ăn cơm chiều chưa?”

“Rồi,” tôi lạnh lùng đáp.

“Sao anh có vẻ buồn vậy?”

“Không có gì. À, cô Phương, ông già ở đây... tại sao phải trở về phòng? Ông ấy còn bệnh mà.”

“Hết bệnh lâu rồi, tại ông thích ở đây cho yên tĩnh nên em để ông nán ná một thời gian đó thôi. Ông ở đây hay ở trong phòng tập thể thì cũng chừng đó chuyện, chừng đó thuốc, có gì thay đổi đâu. Ông có kể chuyện của ông cho anh nghe không?”

“Không. Ông ấy là ai vậy? Ý tôi muốn hỏi... ở ngoài đời ông ấy làm gì vậy?”

“Anh thực sự không biết à? Đồng nghiệp của anh đó. Ông ấy là thầy tu như anh vậy.”

“Cái gì? Thầy tu à!”

CỜI TRÓI TẬP I

Tôi nhũn người ra, thấy tức đau đau trong lòng. Chưa lúc nào trong đời tôi thấy tôi ngu dần đến mức không nhận ra một vị cao tăng hiện diện trước mắt mình. Rõ ràng là có nhiều lúc trên đời, tôi chỉ nhìn, chỉ đánh giá con người qua cái dáng vẻ và hành xử bề ngoài. Tôi đã mất cơ hội được sống bên cạnh một bậc thiện tri thức ngay trong ngục tù.

Tôi lặng người không nói gì nữa. Phương ái ngại ngó tôi một lúc rồi nói:

“Ông ấy cũng hoạt động chống lại nhà nước, giống như anh vậy. Nhưng ông vào đây từ năm 1980 kìa. Anh Khang à, thôi bây giờ mình nói về chuyện bệnh của anh há.”

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG MƯỜI HAI

Nàng nghe chăm chú lắm, nhưng đưa tay ra dấu tôi ngưng một lúc, để nàng xuống bếp lấy bình thủy nước sôi. Tôi ngồi nhìn theo dáng nàng quay đi. Bước tự nhiên, không làm điệu bộ, vậy mà tha thướt uyển chuyển làm sao!... Cái duyên nào đẩy đưa nàng và tôi trở thành bạn với nhau một cách tự nhiên và nhanh chóng như vậy nhỉ? Rõ ràng là nàng làm quen tôi trước, nàng tạo ra cái duyên đó. Nhưng cũng không hẳn như vậy. Nói theo cách ông thầy già ấy thì “*dục lôi kéo dục...*” Nếu ở cái phút ban đầu, tôi vô tâm vô tình thì có lẽ nàng đã không dám làm quen tôi... Chính vì đôi mắt và tia nhìn đầy khát dục của tôi đã mở đường cho mọi duyên nợ vây theo, đeo bám.

“Em nghĩ là vị thầy kia nhận xét đúng,” nàng quay trở lại, vừa châm nước sôi vào bình trà, vừa nói.

“Đúng ở điểm nào?” tôi nghi ngại hỏi lại.

“Nhiều điểm lắm, nhưng đặc biệt là... đối với cô cán bộ y tế đó, anh không nên làm điều gì bất thường; bởi vì... đó không phải là điều anh mong đợi tìm kiếm. Em rất đồng ý với ông thầy già ấy.”

Tôi phì cười, nói:

“Bất thường là thế nào? Em hiểu chữ *bất thường* của ông ấy muốn nói là gì không? Chính anh cũng không hiểu nổi. Chỉ đến khi mọi chuyện qua rồi mới biết ông ám chỉ cái gì...”



Phương nói vậy, nhưng cô không nói chuyện ngay. Cô bước ra ngoài, đi dọc theo hành lang của dãy bệnh xá một vòng từ đầu này qua đầu kia, lại đi ngược từ đầu kia

đến đầu này, như là đi canh gác. Rồi cô bước ra phía sân, đi dọc theo hàng giậu, lượm mấy nhánh cây khô nhỏ và vài miếng giấy rác, mắt cô kín đáo liếc nhìn xung quanh. Xong, cô mới trở vào, lại đi dọc theo hành lang một vòng rồi mới bước đến chỗ tôi,

“Anh Khang đau bao tử hồi nào vậy?”

“Hình như từ hồi mười một tuổi.”

“Tức là khoảng thời gian anh mới đi tu đó hả?”

“Cô cũng biết tôi đi tu lúc đó sao?”

Phương cười:

“Lý lịch của anh, em nắm vững lắm mà!”

Tôi cười nhạt:

“Ừ, thì công an nhà nước rảnh rồi, cứ dành hết thì giờ mà nghiên cứu lý lịch của nhân dân thôi.”

“Không phải vậy. Thực ra em đâu có bồn phận nghiên cứu lý lịch của anh Khang. Chuyện đó đã có người khác lo rồi. Em chỉ hiếu kỳ, đọc cho biết anh Khang như thế nào thôi. Nè, hồi chiều anh Khang ăn cơm với thứ gì vậy? Anh còn thức ăn không?”

“Còn.”

“Anh ăn chay từ hồi mới đi tu đến giờ, vậy anh thấy trong người thế nào? Có khỏe không?”

“Khỏe chứ. Không những khỏe mà còn thấy nhẹ nhàng nữa.”

“Lạ há. Nhưng em thấy anh gầy quá. Hồi ở ngoài anh có gầy như vậy không?”

“Chẳng để ý nữa.”

“Cơm tù phát đâu có đủ. Dù có gia đình thăm nuôi thêm, vẫn thiếu dinh dưỡng như thường, phải không anh?”

Không thích nghe Phương nói loanh quanh những chuyện chẳng quan trọng, tôi chụp cơ hội này, móm ý ngay:

“Dù không bị tù, dù có dinh dưỡng đầy đủ, mà thiếu tự do thì cũng coi như thiếu tất cả.”

Phương cười buồn, nói giọng cảm cảnh:

“Em hiểu. Con người của thời đại nào, đất nước nào, lại chẳng yêu chuộng tự do. Nhất là anh, một người sống nếp sống thông thả nhẹ nhàng trong chùa, đáng ra không vướng bận chuyện thế gian, mà cuối cùng phải vào đây... Xã hội phải có cái gì không được ổn nên anh mới phải như vậy, em nói đúng không? Anh Khang à, em thực sự là muốn giúp anh đó.”

Tôi bắt đầu thấy run từng hồi trong người, dè dặt nói:

“Tại sao cô muốn giúp tôi?”

Phương im một lúc rồi nói nhỏ giọng:

“Thực ra thì trong khi làm việc, em giúp được ai thì giúp, chẳng phải với riêng anh. Nhưng, ở trường hợp anh, có một cái gì đó... khó nói lắm. Em chỉ thấy là... em muốn giúp anh, không muốn thấy anh phải lâm vào hoàn cảnh như vậy.”

“Có nghĩa là cô muốn giúp tôi được tự do?”

“Phải, em muốn vậy.”

“Điều này sẽ nguy hiểm cho bản thân cô hoặc sẽ phương hại gì đến nghề nghiệp của cô.”

Phương cười:

“Nếu em bám lấy nghề nghiệp chức vụ thì bị mất chúng, mới gọi là phương hại. Còn bản thân em hả, một khi từ bỏ mọi công tác, tìm một đời sống mới ở một nơi xa xôi nào đó, hẳn là không phiền hà gì, trái lại còn vui vẻ hạnh phúc hơn. Nói thiệt với anh, em đã muốn từ bỏ nơi này từ lâu. Má em không thích em làm việc trong ngành này. Bà nói em làm công việc thất nhon thất đức, ăn rồi chỉ biết chăm hãm làm hại người ta thôi. Thực ra thì công việc của em đâu phải như vậy. Em chỉ lo về hồ sơ, với lại lo chăm sóc bệnh nhân tù thôi mà. Nhưng theo suy nghĩ của má em: hễ ở trong ngành công an thì nếu không trực tiếp cũng gián tiếp hãm dọa, khủng bố, bắt bớ, giam cầm kẻ khác. Hi hi, anh có thấy vậy không?”

“Cũng tùy thôi. Nếu mình thực tâm thương người, giúp người, thì ở trong ngành nghề hay hoàn cảnh nào

mình cũng có thể làm lợi ích được cho người.”

“Hay quá, phải như em biết nói được câu đó với má em từ lâu thì có lẽ bà không cần nhắc em hoài. Nhưng mà... anh biết sao không? Ban đầu em tưởng má em nói gì thì nói, chẳng ảnh hưởng gì đến em đâu, nhưng càng lúc em càng thấy rằng em bị thâm cách suy nghĩ của bà... đến độ nhiều khi, em cảm thấy rằng em như một thứ người xấu xa, tàn ác, bất nhân thế nào đó.” Phương ứa nước mắt, mặt hơi cúi xuống. “Đã nhiều năm em sống trong thứ mặc cảm đó, cái mặc cảm cho rằng mình sống trên đời chỉ mang lại đau khổ cho kẻ khác. Bước ra đường, hay cả khi về đến nhà, em đều có cảm tưởng là mọi người tránh né em, sợ hãi em, thù ghét em, khinh bỉ em.” Phương tháo gở cặp kính cận, đưa tay quệt nước mắt. “Em ước mơ làm được một cái gì để thay đổi hoàn cảnh, để được sống một cuộc đời mới, nhưng thực tình là em chưa biết làm cái gì cho ý nghĩa. Cho đến khi gặp anh, theo dõi hồ sơ khai cung và các bản tự khai của anh... Anh khai cung và viết tự khai rất thẳng thắn, không che đậy. Nhờ vậy, em hiểu được lý tưởng và ước vọng cao đẹp của anh. Ôm ấp và suy nghĩ mãi về những gì anh làm, bản khoán về hậu quả khổ đau mà riêng anh phải gánh, em thấy trong lòng khó chịu thế nào ấy. Rồi một hôm nọ, em bỗng thấy, bỗng hiểu rất rõ là cái lý tưởng của anh, ước vọng của anh, mới chính là những gì mà em mong muốn, chứ không phải là... mỗi ngày đến đây, gián tiếp bảo vệ một chế độ mà mình không còn tin tưởng.”

Phương ngưng ngang đó, quay mặt chỗ khác, lấy tay áo lau nước mắt. Xong, cô bước ra ngoài, đi dọc hành lang một vòng nữa như thăm dò động tĩnh rồi trở vào, thút thít nói tiếp:

“Anh biết không, ba em đi tập kết bị chết trên Trường Sơn, má em thì hồi đó có giúp đỡ cho mấy người cán bộ nằm vùng bạn của ba em trốn trong hầm nhà, nên sau ngày giải phóng, gia đình em được coi là gia đình liệt sĩ có công với cách mạng. Em nhờ vậy mà được nhà nước

cho tiếp tục ăn học, được ra làm việc, chứ thực ra em có lý tưởng cộng sản hay lý tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa gì đâu! Trước giải phóng, em còn nhỏ, đi học; giải phóng rồi, lại tiếp tục đi học. Học xong ra làm việc, đơn giản như vậy. Lý tưởng cộng sản đối với em chỉ là cái ước mơ chung không bao giờ với tới được của những người nghèo khổ. Gia nhập đảng cộng sản trong hoàn cảnh mới của đất nước, đối với em, chỉ là cách để làm vững công ăn việc làm và chân đứng của xã hội của mình mà thôi. Cuộc đời em cứ thế mà tiến tới một cách thuận lợi theo sự phấn đấu cá nhân cũng như sự hỗ trợ của lý lịch gia đình. Em không biết ở ngoài cái vòng đai an ổn của chức năng nghề nghiệp và giai tầng xã hội mà em được ưu đãi, người dân bên ngoài đang phải uất nghẹn sống dưới một chính thể bất công, thiếu tự do, thiếu mọi thứ... Mà chắc anh cũng hiểu, chức vụ nhỏ nhoi của em, khả năng bé nhỏ của em, có đáng gì đâu, làm sao xoay chuyển được gì cả một guồng máy khổng lồ và chẳng chịt những kẻ cảm tử sẵn sàng bảo vệ nó. Cho nên, em cứ như vậy mà sống, cố gắng tránh hại người khác, chứ cũng chẳng dám nói là làm lợi gì được cho ai. Bây giờ đối với chuyện của anh, em đã suy nghĩ khá nhiều, và... em có ý nghĩ muốn giúp anh ra khỏi nơi này.”

Tôi xúc động lắng nghe câu chuyện của Phương, đến câu chót thì tim tôi đập loạn xạ lên, hồi hộp nghĩ đến chân trời tự do đang chuẩn bị mở ra trước mắt. Một lúc tôi mới lấy lại được bình tĩnh, nói:

“Cám ơn lòng tốt của cô. Nhưng có thể nói, tôi là tù nhân có trọng án của chế độ, cô dấy vào chuyện tôi chỉ chuốc họa vào thân, không những phiền cô mà còn lụy đến gia đình cô nữa.”

Phương cười:

“Em đã đoán trước điều này: nội chuyện thuyết phục cho anh nhận lời cũng khó rồi chứ chưa nói đến kế hoạch thoát ra khỏi nơi đây. Anh luôn quan tâm đến kẻ khác, chứ không phải thấy lợi cho mình là nhảy vào. Đó là điều

mà em không bao giờ có thể tìm thấy được trong những đồng chí mà em từng gặp gỡ hoặc quen biết. Anh Khang à, anh không thể ở mãi trong này đâu. Anh nói đúng, mức án của anh, em biết là nặng lắm. Người ta sẽ dày dạn anh, cố ý giết anh một cách có âm mưu, để anh chết dần chết mòn, hoặc chết trong một cơn bệnh nặng, hoặc chết vì đói khát, chết vì kiệt sức. Nếu anh có may mắn sống còn đi nữa, anh cũng tàn thân, không còn đủ sức lực hay ý chí để đấu tranh, hoặc anh sẽ bị họ giam cho đến bạc đầu, còn gì để nói để làm nữa... Mà một người như anh, em thực không cam lòng để cho phải chôn vùi oan uổng như vậy. Em suy nghĩ về chuyện này cũng nhiều ngày rồi và em có tâm sự với má em, bà nói, nếu em giúp được anh là em đã làm một việc rất phước đức. Nhưng em không mong cầu phước đức, em chỉ mong là giúp được anh, vậy là đủ rồi. Má em cứ khuyến khích, hỏi chùng em hoài về chuyện anh. Bà có vẻ thương anh lắm, nói anh tội nghiệp, tu hành mà phải lao đao, khô nhọc. Má em cũng ăn chay trường như anh đó anh Khang à. Bà nói bà có cách đối phó nếu người ta hỏi đến. Bà đồng ý ở lại một mình trong một thời gian ngắn rồi sẽ bỏ Biên Hòa, về quê sống với bà con bên chồng, tức là bên ba em, ở Tây Ninh; còn em thì đưa anh đi trốn về quê của má, tức là ở Tân Châu, Châu Đốc, sống ẩn dật, cải tên đổi họ, rồi tìm cách đưa anh vượt biên giới, qua Campuchia, hay Thái Lan mà sống. Chuyện gặp lại bà thì tính sau. Anh... anh nghĩ sao?"

Tim tôi đập mạnh. Những gì Phương nói hoàn toàn vượt sức tưởng tượng của tôi. Từ khi liêu lĩnh tìm cách tạo cơ hội để gặp riêng Phương mà thăm dò cái câu "*bệnh nặng có thể được về*," tôi vẫn có hy vọng tìm được một lối thoát nào đó, nhưng tôi không làm sao có thể tưởng được có một kế hoạch, một con đường mênh mông, cao rộng như thế. Đề nghị của nàng dĩ nhiên là mở ra cho tôi một chân trời mới lạ, khiến tôi ngay lúc đó, tự dung cảm thấy rằng tôi không thể chịu đựng được nữa cái giới hạn của những bức tường, những chấn song tù hãm chung

quanh. Tôi mừng tượng một vùng Thất Sơn với bảy ngọn núi sừng sững như những vị thần từ xa đứng nhìn về những nhánh Cửu Long cuộn cuộn chảy xiết từ ngọn nguồn của Hy Mã Lạp Sơn anh linh huyền bí. Ngày ở chung phòng giam với ông Trọng ở T20, Sài Gòn, tôi và ông Trọng đã từng ước hẹn với nhau về chuyện đi vào Thất Sơn, nếu không lập được nghĩa quân đủ mạnh để giành lại quê hương thì ít nhất cũng làm những nam nhi sống tự do với rừng núi bạt ngàn cho thỏa chí tang bồng hồ thi, hoặc làm những đạo nhân chay tịnh, sống thong dong trong chốn rừng già hoang sơ... Bây giờ Phương đề nghị đưa tôi đi về hướng đó, cái hướng Thất Sơn huyền hoặc kỳ bí từng khơi dậy trong tôi bao giấc mộng vầy vùng.

Tôi chưa kịp quyết định hay nói một lời nào đã nghe tiếng giày gõ còm cộp ở đâu đó ngoài hành lang. Phương vội vã bước ra, chào hỏi một người nào đó. Rồi có tiếng một người đàn ông nói nói cười cười với Phương. Giọng người đàn ông trầm xuống, chỉ nghe âm không nghe được lời; còn tiếng của Phương thì trong, cất cao lên, dường như là cố tình cho tôi nghe:

“Đâu phải phần đầu làm thêm giờ! Chỉ tại có một bệnh nhân bị đau bao tử hay đau ruột gì đó, em đem thuốc đến cho uống thôi.”

“Ra thế à! Bệnh nhân nào mà tốt phước quá nhỉ. Phải như anh đây cũng được em chăm sóc như thế!”

Họ đứng đầu đó trước văn phòng trực của bệnh xá, nói với nhau thêm đôi điều nữa rồi cùng đi dọc theo hành lang. Tôi rút vào trong, leo lên giường, nằm xuống. Đèn phòng đã được bật sáng từ công tắc chung ở văn phòng trực. Giờ này có lẽ vào khoảng bảy giờ tối. Phương và người đàn ông kia—dĩ nhiên phải là một cán bộ—đang bước ngang cửa phòng giam tôi. Hình như họ ngừng lại, nhìn vào một chút rồi tiếp tục đi.

Dự tính, hay nói đúng hơn, kế hoạch mà Phương đưa ra, giống như một chuyến tàu tốc hành bất ngờ vụt

qua trước hiên nhà. Nó đến quá sớm, quá nhanh, khiến tôi không kịp thì giờ suy nghĩ chín chắn. Nó dường như thúc giục tôi phải trả lời, phải quyết định thật nhanh, trước khi một trở lực hay một sự đổi ý nào đó xảy đến. Nó đã sắp sẵn những lý do rất hợp tình hợp lý như là hành trang đi xa cho người lữ hành phóng lên chuyến tàu vội vàng ấy. Phương đã tóm vén cho tôi vài thứ để yên tâm lên đường: tự do, cơ hội để tiếp tục đấu tranh, cứu nàng ra khỏi hoàn cảnh của nàng. Đó là cơ hội ngàn năm một thuở mà có lẽ ít có tù nhân án nặng nào lại từ chối. Tôi nghĩ đến cái án và cơ hội tự do của mình. Hai thứ này giống như hai kẻ thù không chịu ngó mặt nhau. Cả hai đều tuyên bố với tôi rằng nếu tôi chấp nhận chọn kẻ kia thì không thể có được kẻ này. Đó là hai cô dâu mà mỗi tù nhân chỉ được quyền chọn một để ôm ấp dài lâu trong cuộc sống của hần. Án tù, giống như cô dâu có bộ mặt dữ tợn xấu xí của một ác quý, chẳng có tù nhân nào thích chọn, nhưng lại không có chút quyền hạn nào để từ chối vì nó thuộc quyền của tòa án nhà nước—một thứ tòa án không luật sư biện hộ cho bị cáo, chỉ xuất hiện trong những xã hội man rợ mà quan tòa và bồi thẩm đoàn chính là những kẻ được đề cử ra từ cái nền của sự mê muội cuồng tín, cái nền của thứ tín lý một chiều gọi nhớ những tòa án dị giáo thời trung cổ. Chỉ có tự do mới là cô dâu có bóng dáng kiều diễm và e lệ như một tiên nữ mà tù nhân nào cũng yêu thương, mong ước. Nhưng cơ hội nào, cái giá nào, để có được nàng tiên như vậy? Chẳng phải chọn lựa là được. Án tù và tự do là hai thứ mâu thuẫn đối nghịch nhưng chính cái mâu thuẫn đó cũng là chỗ liên hệ khăng khít mật thiết với nhau: được tự do có nghĩa là án tù đã mãn hoặc được hủy bỏ; lãnh án tù có nghĩa là bị tước đoạt tất cả quyền tự do. Như vậy, một khi án tù, nhất là cái án chính trị của một nhà tu, đã bị treo trên đầu thì cái mong ước về tự do là điều hoang tưởng. Tôi đã vào tù, có nghĩa là không còn cơ hội để chọn lựa. Người ta chỉ có thể chọn lựa khi còn ở bên ngoài xã hội chứ không thể chọn lựa lúc ở trong tù. Ở tù có nghĩa là

chín mươi chín phần trăm chấp nhận lấy cô gái mặt quý làm cô dâu. Phải ôm lấy cô ấy để sống với niềm hãi sợ, kinh hoàng cho đến một ngày nào đó, chính cô ta chán ngán muốn buông bỏ mình.

Nhưng bây giờ, rõ ràng là tôi có một cơ hội hy hữu để chọn lựa con đường tự do. Nàng tiên tự do của tôi đã hiện thân làm một cô nữ công an, nữ cán bộ y tế, không đẹp nhưng tốt bụng, biết điều phải quấy. Phương sẽ mở đường cho tôi bằng một cách nào đó để ra khỏi nhà tù này, và tôi sẽ đi với cô, sống ẩn lánh ở vùng biên giới Việt-Miên. Có phải là sống chung không nhỉ? Phương chỉ nói trông trông sẽ đưa tôi đi trốn, cải đổi tên họ, sống ẩn dật... chứ không nói rõ là sống ẩn dật như thế nào, sống một mình tôi hay sống có cô bên cạnh. Suy ngẫm một lúc, tôi thấy rõ rằng, nếu Phương cứu tù nhân chính trị như tôi, lại bỏ ngành công an để đưa tôi đi xa hẳn nhiên là bản thân cô cũng có tội và lo ẩn lánh. Cả Phương và tôi đều trở thành những kẻ tội đồ của chế độ thì phải trốn chung, sống chung. Phương từng làm việc trong ngành công an, sẽ biết cách luồn lách thế nào để giải thoát được mạng lưới chằng chịt của tình báo; sẽ biết cách làm giấy tờ giả cho cô và cả cho tôi để sống yên ổn dưới chế độ công an trị của Việt Nam hay Campuchia. Phương cũng quen thuộc những ngõ ngách ở vùng biên giới, sẽ biết cách tìm được chỗ ẩn thân an toàn. Như vậy, mọi thứ tôi đều bị lệ thuộc Phương, tôi phải theo Phương, để cô lo liệu sắp đặt tất cả. Tôi phải bám theo cô để tự tồn. Nghĩ đến điều này, tôi thấy rùng mình.

Ông thầy già hồi sáng hình như có thuật bói toán: ông đã thấy trước cái gì sắp xảy đến cho tôi. Ông đã nói gì nhỉ? À, à, "*con nhỏ đó có ý tốt chứ chẳng hại gì chú mày đâu...*" Gì nữa? À, "*một ngả rẽ cho cuộc đời chú mày sẽ bắt đầu từ cái phòng này nếu chú mày có một quyết định bất thường nào đó.*" Chao ôi, ông già này, thực là một dị nhân tinh xảo, phi thường!

Nhưng, biết đâu chỉ là một sự dàn cảnh! Tôi làm sao

quên được tôi bị bắt vào tù bởi vì đã tin vào Hân, bạn tôi, và tin luôn ông Thầy Tư do Hân giới thiệu để rồi bị hai người này dàn cảnh cho công an Sài Gòn bắt tôi ngoài đường. Suy từ chuyện đó thì sự việc Phương và ông thầy già mà tôi tiếp xúc hôm nay, đều có thể là những diễn viên xuất sắc đang đóng một màn kịch lừa dối tôi, gài bẫy tôi sa vào một cái tội khác hồng bồi nặng thêm cho cái án tù của tôi, hoặc có cơ để xử bắn tôi—như nhiều người trốn trại khác trước đây đã bị bắn trước khi ra được khỏi tường rào của nhà giam. Trong xã hội này, những người đối xử với mình tốt nhất có thể là những người tàn tệ xấu xa nhất đang giăng bẫy để hại mình. Ai cũng có thể là người trung thành của đảng, sẵn sàng chỉ điểm, bán đứng, lừa gạt, thủ tiêu mình để bảo vệ sự cai trị bền vững dài lâu của đảng trên đất nước này. Tại sao tôi lại được Phương đưa vào cái phòng có ông thầy già để tôi được nghe những lời khuyên của ông ấy? Tại sao không đưa vào phòng khác có một nhân vật ù lì không thêm nói chuyện, hoặc không biết tiên tri, bói toán? Có thực là những phòng khác đều hết chỗ nên mới đưa tôi vào chung phòng với ông thầy già? Tại sao ông thầy già vừa nói xong những gì cần thiết với tôi là bị đưa qua chỗ khác ngay, để lại tôi một mình cho Phương dễ bàn việc riêng? Mà tôi một mình ở lại đây thì quá dễ dàng cho công an nhà nước thủ tiêu, chích thuốc, xiết cổ (như đã làm vậy đối với Thượng Tọa Thiện Minh trước đây), rồi phao tin là tôi bệnh chết hoặc tự tử bằng cách thắt cổ... Chuyện như vậy đơn giản, thuận lợi quá, cần gì phải dùng một “mỹ nhân” không đẹp bỏ công khuyên dụ tôi trốn thoát rồi sau đó hại tôi!

Tóm lại, tất cả những gì Phương và ông thầy già nói, đều có thể là thực hay giả, đều có thể là tốt hay xấu. Tôi bản khoăn không biết nên tin Phương hay tin ông thầy già, hoặc tin cả hai, hoặc không tin ai cả.

Không biết phải quyết đoán thế nào, tôi ngồi bật dậy, xếp bằng trong tư thế tọa thiền, hít thở nhiều hơi dài, buông bỏ hết mọi thứ, giữ tâm vắng lặng không cho bất

kỳ một ý niệm nào dấy lên. Và tôi ngồi im như thế không biết bao lâu. Cho đến khi có tiếng gọi nhỏ vọng đến:

“Anh Khang, anh Khang...”

Tôi từ từ mở mắt ra, lại nghe tiếng ấy phát ra, từ phía song cửa sắt:

“Anh Khang, lại em nói này.”

Tôi xoa hai chân, vừa hỏi:

“Có việc gì nữa vậy? Không phải đã đến phiên trực của cán bộ khác rồi sao?”

“Cán bộ khác? Đâu có, đêm nay em trực mà. Còn ông cán bộ hồi chiều đến đây là thượng úy Sáu của ban quản giáo, ông đến để nói chuyện, tán tỉnh em chứ có phải đến để thay phiên trực đâu... Ông ấy đã ngoài bốn mươi, có một đời vợ chết trong chiến tranh. Ông thích em, đòi cưới em hoài... mà em đâu có chịu. Em không thích ông. Em đã muốn bỏ ngành thì chọn làm gì cái ông trung thành với ngành như ông. Với lại má em cũng không thích em lấy chồng công an. Bây giờ ở đây bệnh xá này chỉ có mình em trực, nhưng cứ trong vòng một tiếng đồng hồ thì có người của ban bảo vệ đi ngang đây một lần. Họ vừa mới đi qua đó, cho nên em mới đến nói chuyện với anh một chút. Anh bước ra đây đi. Em muốn nói tiếp chuyện hồi chiều với anh cho xong.”

Tôi bỏ hai chân xuống giường, xỏ chân vào dép, từ từ tiến lại chỗ Phương. Trong lúc bước đi, tôi bỗng thấy tỉnh táo hết sức. Dường như bao nỗi băn khoăn khó xử trước đây đều tan biến hết. Và tôi có cảm tưởng những bước chân của tôi khi bước đến Phương là những bước chân của con voi chúa khi lâm trận—một hình ảnh oanh liệt hùng dũng trong kinh *Pháp Cú* dùng để mô tả bậc trí tuệ phạm hạnh trước sự tấn công vũ bão của gươm giáo thế gian.

“Có chuyện gì?” tôi hỏi.

Phương hơi khựng một lúc, nói:

“Sao anh nghiêm quá vậy?”

“Có gì đâu, cũng bình thường thôi.”

CỐI TRÓI TẬP I

“Em... em muốn hỏi lại anh về chuyện hồi chiều. Anh cho em biết ý của anh đi. Anh thấy chuyện em đề nghị thế nào? Anh chỉ cần đồng ý là em sắp xếp lo hết mọi việc. Chuyện này hệ trọng không phải cho riêng anh mà cho cả em nữa, cho nên dĩ nhiên là em phải hết sức cẩn thận... Em bảo đảm là thành công, không sao đâu.”

Tôi bình thản nói:

“Cám ơn cô có lòng tốt tìm cách giúp tôi. Tôi có suy nghĩ về chuyện đó, thấy rằng cô không cần phải làm vậy.”

“Không làm vậy chứ phải làm sao bây giờ? Anh muốn tự do, em sẵn sàng giúp anh. Nhưng chuyện em làm cũng không phải làm cho riêng anh, mà cho cả em nữa. Em cũng muốn tự do, muốn thay đổi. Anh không tin em sao?”

“Tin, nhưng tôi không muốn được tự do theo cách đó.”

“Vậy chứ anh có cách gì hay hơn sao?”

“Ồ... không có cách gì.”

“Vậy thì để em lo, anh chỉ việc làm theo lời em dặn là được rồi.”

“Không phải vậy. Ý tôi muốn là... tôi chỉ muốn được tự do mà không phải gây phiền lụy và nguy hiểm đến người khác, chẳng hạn bản thân cô và má cô”.

“Em với má em đều bằng lòng làm vậy mà.”

“Nhưng tôi không yên lòng.”

“Vậy chứ làm cách nào anh mới yên lòng?”

“À... chẳng hạn cô chỉ việc ký giấy bệnh, cho xe đưa tôi đến bệnh viện nào đó, rồi tôi sẽ tự tìm cách lén trốn trên đường xuống bệnh viện thành phố, hoặc trong thời gian được chữa trị tại bệnh viện...”

Phương cười:

“Anh làm như dễ lắm vậy. Anh chưa biết cách công an dẫn độ và phòng vệ một tù nhân đi đường hay ở bệnh viện. Không đơn giản như anh tưởng đâu. Lúc nào cũng có lính theo gác chứ có phải chỉ có mấy người y tá của bệnh viện thôi đâu. Từ trại này đi xuống bệnh viện cũng

có cán bộ bảo vệ đi theo. Ở bệnh viện, anh sẽ được cho nằm trong một phòng khám đặc biệt có lính gác. Chưa hết, ở trên xe cứu thương và ở trên giường của bệnh viện, một chân và một tay của anh sẽ bị còng, khóa vào chân giường sắt. Anh vác nổi cái giường đi theo anh không? Hi hi... Còn như phải dùng vũ lực để áp chế mấy anh bảo vệ rồi trốn, cho dù anh có khả năng đó đi nữa, em chắc là anh cũng không muốn làm, phải không? Vậy thì đừng nghĩ đến cái kế đó, anh ơi!”

“Vậy chứ kế của cô ra làm sao, nói tôi nghe thử xem?”

Phương suyt một tiếng, để tôi đứng đó, bước ra ngoài hành lang, đảo một vòng rồi quay trở lại, nói nhỏ giọng:

“Những đêm trực bệnh xá, cứ đến khoảng gần sáu giờ sáng là em rời trại để về nhà lo tắm rửa thay áo quần, lấy thức ăn mang vào trại làm việc ngày kế tiếp. Cái khoảng thời gian đó là thời gian vắng vẻ nhất ở khu vực văn phòng và công trại vì chưa đến giờ làm việc. Chỉ có một hoặc hai cán bộ bảo vệ trong bót gác kiểm soát sự ra vào nơi công trại mà những người này thì thường thường chẳng biết hết mặt mũi cán bộ trong ban quản giáo và các ban ngành khác. Tuy vậy, họ đặc biệt biết mặt em vì em là nữ, lại là người ra vào thường xuyên, ra vào ở cái giờ vắng vẻ nhất nên họ dễ nhớ. Cho nên em chỉ việc lái xe chạy đến chỗ cây cần gỗ chặn ngang, đưa tay lên vẫy chào là cán bộ bảo vệ vẫy tay lại, cho em chạy ra ngay.”

“Như vậy cũng chưa chắc là tôi cũng đi lọt ra được.”

“Em chưa nói hết. Em sẽ cho anh mặc đồng phục của công an. Sáng sớm anh sẽ đi theo em từ đây ra đến công trại. Đi cho thật tự nhiên, vừa đi vừa nói chuyện. Ra đến chỗ để xe, à, anh biết chạy xe Honda nữ không vậy? Biết hả, vậy thì tốt quá. Này nhé, ra đến chỗ để xe, anh nổ máy chờ em ra công trại, dừng lại ở chỗ cây cần gỗ, em đưa tay vẫy với cán bộ gác công, nếu họ cho đi thì mình cứ việc đi thẳng; còn họ không chịu giờ cây gỗ lên thì anh

CỐI TRÓI TẬP I

cứ việc ngồi yên trên xe, dùng tắt máy, còn em sẽ xuống xe, đến chỗ họ để trình giấy. Em làm việc ở văn phòng mà, làm một tờ giấy giả để đi công tác đâu có khó khăn gì. Trình giấy xong là mình đi thôi, họ chẳng hỏi gì đến anh đâu. Ra khỏi trại, mình cố gắng chạy thật nhanh về Sài Gòn, tìm một địa điểm nào đó để thay đổi y phục, mang theo giấy tờ giả, rồi trà trộn với thường dân, ra bến xe mà về Châu Đốc. Trường hợp ở công trại mà bị họ làm khó gì đó, sẵn em đứng gần cây gỗ, em sẽ kéo cây giây nhắc nó lên, và anh cứ việc phóng xe chạy thẳng ra ngoài, anh thoát một mình đi, đừng ngần ngại nán lại mà nguy hiểm.”

“Ừ, không được đâu. Đã nói là tôi không muốn vì chuyện tự do của mình mà làm hại đến người khác. Tôi dứt khoát là không lái xe bỏ chạy một mình đâu.”

“Vậy là... vậy là anh đồng ý rồi phải không? Đồng ý theo kế hoạch đó nhưng không đồng ý lái xe một mình trốn thoát bỏ lại em một mình?”

“Ồ... tóm lại là tôi chưa quyết định gì hết. Tôi chỉ muốn nói là giả dụ như gặp trường hợp bị làm khó dễ trước công trại, tôi sẽ không bao giờ lái xe bỏ chạy để cô ở lại chịu trận. Vậy thôi.”

Nói rồi, tôi lại trầm nghĩ: huống chi, chưa chắc tôi lái xe chạy một mình ở Biên Hòa mà có thể thoát được sự đuổi bắt của công an. Biên Hòa đối với tôi là một thành phố xa lạ, biết chạy đường nào, hướng nào...

Nhưng Phương nghe tôi nói vậy thì mỉm cười, có vẻ sung sướng. Một lúc cô nói:

“Sống chết có nhau, nhất định há!”

Tôi im, ngó lơ chỗ khác. Phương tháo kẹp tóc phía sau, thả tóc cô xuống. Tóc chằm ngang vai. Lần đầu tiên tôi thấy Phương thả tóc ra như vậy. Phương vén tóc mai, rồi lại túm những lọn tóc lên, kẹp lại. Tôi chẳng hiểu tại sao mở ra rồi lại kẹp vào nữa, mắt công quá. Tôi nói:

“Thôi, cô trở về văn phòng trực đi, ở đây lâu có sao không vậy?”

Phương nhìn đồng hồ, nói:

“Cán bộ bảo vệ lại sắp đi ngang qua đây. Em phải ra, còn anh, anh suy nghĩ lại rồi cho em biết há. Biết sớm, em sẽ đủ thời gian lo liệu chu đáo hơn. Dù sao cũng không nên kéo dài thời gian anh ở lại bệnh xá này, sẽ gây nghi ngờ trong đám quần giáo đó, nhất là ông Sáu, ông ấy để ý em lắm?”

Trở về chỗ nằm, tôi lại ngồi xếp bằng, tọa thiền. Lần này, tâm tôi tán loạn, không định được. Trước mắt tôi cứ hiện ra mãi hình ảnh mình cải trang làm công an, phóng xe gắn máy ra khỏi cổng trại, Nổi vui sướng của giấc mộng tự do bùng bùng dâng dậy làm nhẹ hẫng cả người tôi. Nhưng cái hình ảnh phóng xe vượt thoát đó, dù sinh động và sáng rõ trong trí tưởng của tôi, vẫn không hề mang theo bóng dáng Phương ngồi phía sau. Một mình tôi lái xe đi thôi. Hình như tôi quên nghĩ đến Phương, mà chỉ nghĩ đến tự do của riêng mình. Ngay cả đến việc cố gắng mừng tượng một người con gái ngồi phía sau xe, tay ôm choàng lấy bụng mình, tôi vẫn chỉ thấy một dáng người không có mặt mũi. Tôi không thể hình dung ra được khuôn mặt của Phương. Phương đã đến với tôi bằng một hình ảnh nhập nhòa, mờ nhạt, không có gì đặc biệt, và bây giờ, nhắm mắt lại, tôi không nhớ mặt cô như thế nào nữa.

Phương là ai? Phải chăng nàng là hiện thân của một thứ tự do vô hình, vô dạng, vô ảnh, vô tích? Phải chăng cô là hiện thân của một tấm lòng thương yêu không cần trang điểm, tô chuốt? Tại sao ở đâu, thời gian và địa điểm nào, tôi cũng có cơ hội để bắt gặp một con người tốt bụng sẵn sàng giúp đỡ mình? Tôi có xứng đáng để được phần thưởng đó không? Tôi có thể đón nhận sự giúp đỡ của một người tự nguyện chịu thiệt thân vì mình mà lại không nhớ nổi khuôn mặt ấy như thế nào ư?

Nhưng Phương có thực sự là tự nguyện đến giúp tôi không? Có một thứ cạm bẫy nào đó trong sự việc Phương giúp tôi chăng? Thôi, cứ cho là Phương thực lòng đi—thà cứ tin tưởng hoàn toàn vào lòng tốt của một người dù

người ấy có thể hại mình, còn hơn ôm mỗi hoài nghi và gán lằm cho người ấy những tính xấu mà mình không biết chắc là họ có—, vậy rồi cuộc đời tôi sẽ ra sao nếu cùng Phương thoát khỏi trại này, trốn xuống vùng biên giới, cái đời lý lịch, sinh sống như người bình thường? Lúc đó chúng tôi sẽ chia tay mạnh ai nấy sống hay là theo nhu cầu sinh nhai ở đời mà tôi vốn không phải là người dễ dàng thích nghi, chúng tôi phải nương nhau mà sống? Rồi sống thế nào? Tôi và Phương sẽ đóng vai gì với nhau trong cái đời sống bình thường ấy? Như anh em? Như bạn bè? Như tình nhân hay vợ chồng? Nghĩ đến đó, tôi lại thêm một lần nữa, thấy run sợ và cảm nghe trái tim mình như co rút lại. Nhưng chỉ khoảnh khắc sau đó, trong tôi lại nóng lên một thứ lửa không ngọn, như những luồng điện nhỏ, kéo nhau chạy rần rần khắp châu thân. Người tôi bùng bùng. Tai tôi ù. Tôi bất chợt nhớ đến lời cảnh cáo của ông thầy già về dục vọng của tôi. Ừ, cái dục vọng này, không dẹp trừ đi thì dù ở hoàn cảnh nào cũng cứ chiêu cảm, níu kéo, khơi dậy những dục vọng từ kẻ khác. Tôi vùng dậy, xuống giường vươn vai, làm vài động tác thể dục rồi vào nhà xí múc nước rửa mặt.

Khi tôi trở ra, đã thấy Phương đứng nơi cửa sắt tự bao giờ. Phương cười, nói:

“Nãy giờ em qua mấy lần đều thấy anh ngồi tụng kinh hay niệm Phật gì đó, không dám kêu. Anh ngồi như vậy không thấy mỏi hả? Nè, em nói anh nghe, ở đây cũng giống y như ở trong phòng giam tập thể, với em thì không sao, thấy anh ngồi yên như ông Phật em càng thích, nhưng anh đừng để mấy ông bảo vệ thấy được thì phiền lắm. Hồi nãy em phải giả đồ ra đón, nói chuyện với anh bảo vệ để ảnh khỏi nhìn phòng này đó. Cái đèn phòng này sáng lắm, nhìn vào là thấy ngay. Anh muốn ngồi thì treo mùnng lên, có thể khó thấy hơn, nghe anh.”

Tôi gật đầu. Phương vén tóc mai, lựa lời một lúc rồi bất chợt hỏi:

“Anh Khang à, hồi ở ngoài anh có quen bạn gái

không? Em biết em hỏi không trúng, vì anh tu ở chùa thì dĩ nhiên là không có... nhưng ý em hỏi là có những cô gái nào đó thường đến chùa thăm anh, làm quen với anh không? Chắc có nhiều lắm hả?”

“Cô hỏi làm gì vậy?”

“Thì... hỏi cho biết vậy thôi. Tại vì em nghĩ là những người con gái đó thật may mắn, đến thăm và nói chuyện với anh thoải mái chứ đâu phải như em bây giờ...”

Tôi cười:

“Cũng vậy thôi, khác chi đâu!”

“Khác chứ anh, em bây giờ chỉ được nói chuyện với anh qua mấy cái song sắt này, lại vừa nói vừa sợ có bảo vệ đi ngang... Chỉ hi vọng là một ngày nào đó, anh được tự do, em sẽ có nhiều cơ hội gần gũi anh hơn. Em còn cần phải học nơi anh nhiều thứ nữa đó anh Khang. Nhất là chuyện tu hành, học giáo lý. Má em nói những người biết tu thì ở đâu họ cũng tu và dạy kẻ khác tu được...”

Tôi ngắt lời:

“Tôi đã suy nghĩ kỹ về chuyện mà cô bàn với tôi hồi chiều.”

“Vậy hả? Anh quyết định làm sao?”

“Tôi không trốn trại đâu.”

Phương chung hứng:

“Sao vậy anh Khang? Hay là... tại anh không tin em?”

“Không phải. Chỉ tại tôi không muốn gây phiền lụy. Tôi thực sự là không muốn để cho bất cứ ai bị dây dưa vào chuyện của tôi. Và lại, nghĩ đến chuyện phải sống ẩn náu trong hình thức người thế tục ở vùng biên giới... tôi thấy cũng chẳng phải là giải pháp tốt đẹp. Điều mà tôi muốn tìm kiếm không phải là như vậy. Tôi cảm ơn cô nhiều lắm, cô Phương, nhưng tôi không thể nào nhận lời đâu.”

Phương im lặng một lúc, cười một nụ cười buồn, vừa mĩa mai thế nào đó, rồi nói:

CỐI TRÓI TẬP I

“Anh hãy khoan nghĩ đến cái gì đằng sau sự tự do, hãy nghĩ đến tự do cái đã. Không phải rằng một khi anh được tự do ở một nơi chốn nào đó thì không có cái gì có thể ép uổng anh được nữa hay sao? Lúc đó, anh muốn quyết định thế nào, đi đâu và làm gì, đều là quyền của anh cả, không phải vậy sao?”

Thầy tôi im lặng không nói gì, Phương tiếp, giọng dịu xuống, tình cảm:

“Thực ra, từ khi nảy ý giúp anh tự do, em đã có quyết định riêng của em rồi. Nếu có duyên thì còn gặp nhau, không duyên thì đành chia tay thôi. Em đâu có ý bắt buộc anh phải thế này thế kia. Anh có lý tưởng của anh, em biết chứ. Em đâu thể cầm chân anh. Chỉ cần giúp anh được chút gì là em vui rồi. Một điều nữa, cho dù anh không chấp nhận việc trốn đi với em, em vẫn sẽ bỏ ngành, bỏ thành phố Biên Hòa này, cùng má đi về quê làm lại cuộc đời. Thôi, để anh đi nghỉ há. Anh nhớ treo mùng lên nếu muốn ngồi niệm Phật hay tụng kinh gì đó. Như vậy tốt hơn. Còn chuyện kia, anh cứ suy nghĩ lại lần nữa đi. Anh còn nhiều thời gian để quyết định mà.”

Nói rồi Phương buồn bã quay đi. Tôi đứng tại chỗ một lúc, nhìn xa, thấy mấy vì sao chớp nháy trên bầu trời đen kịt.

Phương không đến gặp tôi trong hai ngày trực kế tiếp của cô. Có lẽ cô muốn cho tôi thời gian yên tĩnh để suy nghĩ và cũng có thể cô không muốn sự có mặt thường xuyên của cô khiến tôi nghĩ rằng cô cần tôi chứ không phải tôi cần cô. Sau hai ngày đó, đến phiên trực của cán bộ Thà. Anh cán bộ y tế này cũng hiền lành, dễ thương đúng như chức năng y tá mà anh đảm nhận. Anh thăm hỏi bệnh tình của tôi luôn khiến đôi lúc tôi thấy lúng túng—vì thực ra trong suốt thời gian ở bệnh xá, tôi chẳng bị bất cứ một căn bệnh hay cơn đau nào hành hạ cả. Rồi chính vì cái mặc cảm là mình giả dối trong việc khai bệnh, cái ước

vọng tự do bùng cháy trong tôi những ngày trước bỗng đứng dụi xuống, chìm lắng đi, cơ hồ không còn hấp lực hay dẫn lực nào cho tinh thần tôi nữa. Đến nỗi, tôi muốn được trở về phòng giam tập thể, không muốn nằm lại ở bệnh xá. Buổi tối, nhân lúc Thà đi kiểm soát các phòng, tôi nói với anh điều đó. Thà nói phải chờ Phương quyết định, vì Phương là người đề nghị đưa tôi ra nằm bệnh xá.

Ngay trưa hôm sau, Phương đến gặp tôi, nói nhỏ:

“Nghe anh Thà nói anh muốn trở về phòng giam tập thể, phải vậy không? Có nghĩa là anh đã quyết định... Được rồi, em sẽ đưa anh về. Nhưng anh ráng nán lại đây vài hôm nữa đi, cho đến mấy ngày trực của em để em còn bàn với anh thêm vài chuyện nữa trước khi anh về phòng tập thể và trước khi em rời bỏ Biên Hòa. Vậy nhé.”

Tôi chờ. Đến phiên trực, Phương bước vào, đem cho tôi một giỏ thức ăn nhỏ, cô nói:

“Không phải của em hay của bất cứ cán bộ nào của trại này đâu mà anh từ chối. Đây là thức ăn chay của má em, tự tay bà nấu để... cúng dường anh đó. Má em dặn là phải nói vậy: *cúng dường*, không phải *cho* hay *biếu*. Má em nói là anh sẽ vui lòng nhận, vì tăng sĩ không có lý do để từ chối vật sản cúng dường của thí chủ thành tâm. Anh cất vào trong đi, rồi em nói chuyện.”

Phương nói với tôi với cái vẻ nhí nhảnh ngây thơ của một người em gái nhỏ. Cử chỉ của cô làm tôi chợt nhớ đến hai cô em gái của tôi, hoặc nhớ một bóng dáng yêu kiều nào đó trong quá khứ. Dường như mọi người nữ trên đời, dù già hay trẻ, xấu hay đẹp, thân hay sơ, đều mang cái vẻ những nhẽo dễ thương như vậy trước phái nam. Đôi khi cái tính ấy đã phả lấp đi tất cả những khuyết điểm của họ. Tôi nói với Phương:

“Tôi cầu chúc hai mẹ con cô tìm được một cuộc sống mới an tịnh, hạnh phúc, luôn luôn gặp điều may mắn.”

Phương bùi ngùi cảm ơn tôi một tiếng nhỏ, rồi tiếp:

“Em và má em sẽ bỏ đi thực đó anh Khang. Em có

nói với má là anh quyết định không đi. Má nói: đừng ép thầy, chắc thầy có lý do chính đáng của thầy. Nhưng em cứ thấy tức trong lòng là sao anh lại không chịu... Anh Khang ơi, còn việc này nữa em muốn hỏi anh, anh có muốn em giúp anh bất cứ điều gì trước khi em bỏ ngành về quê không? Chẳng hạn về việc truy tìm hồ sơ, liên lạc với ai đó cần thiết, hay nhấn nhủ gì đó với thân nhân bạn bè anh ở ngoài...”

Tôi nói mà lòng không tin tưởng mấy:

“Chắc cũng có, nhưng để tôi suy nghĩ lại xem.”

Phương gật đầu rồi lặng lẽ từ già.

Sáng sớm ngày mai, Phương xách giỏ đi ngang.

Thấy tôi, Phương dừng chân, hỏi;

“Anh cần gì không? Em về nhà, khoảng tám giờ mới trở vào.”

Tôi nói ngay:

“Hôm qua cô có hỏi tôi cần nhấn nhủ gì bên ngoài, bây giờ tôi nói với cô được không?”

Phương ghé sát vào chỗ cửa sắt, nói:

“Em sẵn sàng, anh nói đi.”

“Hai tháng trước, tôi thường ra khai cung làm việc với một cán bộ trẻ của Bộ nội vụ, tên là Ngô Ngọc Tri, từ Hà Nội vào, cô Phương biết anh ấy mà, phải không? Hồi đó, mỗi lần tôi ra làm việc với anh ấy, cô là người bàn giao mà.”

“Biết, em biết chứ. Cái anh chàng nhà văn đó mà.”

“Cái gì? Nhà văn nào?”

“Thì cán bộ Tri, anh ta là nhà văn, bút hiệu là Hoàng Bình Minh, viết truyện viết báo, có ra sách do nhà xuất bản Công An Nhân Dân in đó mà.”

“Vây à? Hèn gì...” tôi nói đến đây thì ngưng, thăm nghĩ, “hèn gì các biên bản hỏi cung, kết cung của anh ta thật rõ ràng, minh bạch, văn hoa, khác với tất cả những biên bản của những cán bộ trước đó mà mình đọc.”

“Bộ anh ấy không giới thiệu cho anh biết anh ấy là nhà văn hả? Sao, anh muốn nhấn gì với anh nhà văn à?”

“Tôi muốn gặp mặt anh ấy, có đôi điều muốn nói.”

Phương hơi ngạc nhiên, nhú mày, nhưng rồi cô cũng nói:

“Chuyện đó dễ thôi, để em tìm cách liên lạc, nhắn anh ấy. Coi nào, chắc là phải điện thoại chứ viết thư hay đánh điện tín thì không rõ ràng mà lại không ổn nữa. Nhưng mà... anh nghĩ là chỉ cần nhắn vài lời như vậy thôi sao, không nói thêm chi tiết nào nữa hả? Biết anh ấy có chịu khó chạy vào đây không vì mấy lời nhắn đơn sơ như vậy? Chuyện không rõ ràng thì làm sao anh ấy tin lời em.”

“Cô cứ nhắn tôi muốn gặp anh ấy gấp, nếu anh ấy hỏi gặng nhiều thì nói tôi muốn phản cung, khai lại tất cả từ đầu. Vậy thôi.”

“Được rồi, em sẽ làm ngay. Anh cho em vài hôm nghe. Em cũng phải tìm xem số điện thoại của anh ta, ở đâu là tiện nhất để nhắn.”

Rồi Phương quày quã quay đi.

Phương hẹn vài hôm, nhưng ngay tối hôm sau, cô đã bước vào chỗ tôi, nói ngay:

“Anh Khang à, không được anh ơi.”

“Không được là sao, không có địa chỉ hay anh ấy không vào được?” tôi hỏi dồn.

“Không phải. Anh ấy bị... cách chức, khai trừ, tước thẻ Đảng, rồi sau đó, hình như còn bị bỏ tù nữa đó. Anh ấy bị giam ở nhà giam nào cũng chẳng ai biết. Có người nói là không chừng anh ấy bị thủ tiêu rồi.”

“Cái gì!” tôi sững sờ đứng lặng bên song cửa, chẳng biết nói gì thêm.

Phương nhìn tôi, ái ngại nói tiếp:

“Nghe đâu anh ấy điều tra hồ sơ cũ, đòi cứu xét lại mấy vụ án nổi danh ngoài đó. Anh ta còn viết truyện, làm thơ chống lại chế độ, tạo một phong trào đòi đổi mới trong giới cán bộ đảng viên trẻ, làm cho trung ương e ngại... Đó là những điều em điều tra được qua mấy con bạn đồng nghiệp đang làm việc ngoài đó. Tụi nó cũng

thích anh Tri lắm đó anh. Tiếc là anh ấy chưa làm được gì nhiều. Anh ấy làm việc có vẻ gấp rút, sôi nổi quá; chỉ trong vòng mấy tháng mà làm ùm chuyện lên... thất bại là cái chắc. Anh Khang ơi, anh có sao không vậy?”

“Không sao. Cám ơn cô. Thôi cô lo việc của cô đi há.”

“Có việc gì vào giờ này đâu. Em đứng đây với anh một chút, nghen. Anh Khang nè, anh nghĩ em có thể giúp gì được anh thay cho anh Tri không? Anh nói đi, thực sự anh muốn nhờ anh Tri chuyện gì, biết đâu em cũng giúp được anh.”

“Thôi, phiền lắm. Cô lo phòng thân đi, không khéo lại bị... như anh Tri. Tôi sẽ ân hận cả đời.”

“Anh đừng nói vậy. Không phải tại anh Tri tiếp xúc với anh mà bị nạn đâu. Anh ấy khăng khái làm những chuyện đụng chạm cấp trên như vậy thì tự dung phải bị khai trừ, đâu có liên hệ gì đến anh mà anh ray rút.”

“Với anh Tri thì tôi không liên hệ, nhưng nếu tôi nhờ cô hôm nay thì có liên hệ đấy chứ.”

“Nhưng chuyện anh nhờ không phải là chuyện công khai chống lại nhà nước, em đoán vậy, có đúng không? Nếu vậy thì đâu có sao, đâu đến nỗi nguy hiểm dữ vậy. Anh nói đi, em sẽ làm cho.”

Tôi đắn đo một lúc rồi nói:

“Đây là chuyện tôi muốn nhờ anh Tri, tôi kể lại cô nghe, nếu cô thấy có thể làm được thì làm giúp, còn không thì bỏ qua, há. Chuyện như vậy, trước đây tôi có người bạn khá thân. Tôi không biết anh ấy làm đặc tình cho công an Sài Gòn nên có nhiều điều tôi chẳng che giấu gì anh ấy cả. Cuối cùng, anh ấy gài bẫy cho công an Sài Gòn bắt tôi. Tôi vụng dại thì tôi chịu, không hối hận. Nhưng khổ nỗi, không phải chỉ bắt được tôi là xong, anh ấy còn tiến xa hơn, tiếp tục dẫn đường cho công an Sài Gòn đi lùng bắt những người bạn khác của tôi. Tôi sợ một lúc nào đó, vì hết chuyện để báo cáo, hết chuyện để lập công, có thể anh ấy bịa đặt ra chuyện này chuyện nọ để

gán ép tội vạ cho các vị cao tăng trong Phật giáo... Mà anh ấy càng làm vậy, tôi càng ray rứt đau khổ như chính tôi đã làm hại cho đồng đạo của tôi vậy, bởi vì anh ta đã từng là bạn của tôi. Hờ, càng lúc anh ấy càng lộng hành, không để cho các chùa được yên, nên tôi thực là không chịu đựng nổi. Tôi muốn anh ấy chấm dứt ngay chuyện này.”

“Vậy có nghĩa là anh muốn ngăn cản cái anh bạn kia bằng cách...”

“Tôi chẳng biết phải bằng cách nào. Tôi chỉ muốn gặp Tri, hỏi ý anh ấy xem có thể làm gì được. Cô nghĩ nếu anh Tri biết việc này, sẽ đối phó làm sao?”

Phương cười:

“Bắt nhốt hẳn ta chứ đối phó làm sao nữa.”

Tôi lắc đầu:

“Không có lý do gì để bắt nhốt. Anh ta làm tình báo đặc biệt cho công an Sài Gòn, có làm gì đâu mà bắt nhốt!”

“Nhưng hẳn là thứ điệp đôi nguy hiểm, vừa làm đặc tình cho công an Sài Gòn vừa tham gia Phục quốc, vừa kết nghĩa lập Hội Lạc Long với anh. Nếu muốn có lý do thì chừng đó đã đủ rồi.”

Tôi giật mình đánh thót một cái, hỏi:

“Cô cũng biết việc đó nữa à?”

“Biết chứ sao không, anh Khang. Em có nói với anh là em đã nghiên cứu, đọc kỹ hồ sơ vụ án của anh rồi mà. Em đọc mà em tức anh dễ sợ! Người ta hại anh mà anh không biết, vào tù rồi vẫn khăng khăng chẳng chịu khai hẳn ra. Anh bảo vệ ai thì được chứ sao lại bảo vệ hẳn để hẳn tiếp tục hại hết người này đến người kia. Hẳn tên là Hân chứ gì, phải không? Anh tưởng anh không khai thì chẳng ai biết hết sao, anh làm rồi, có vài bản khai cung khác sau anh, đã khai toạc tên Hân ra. Nhưng cái vụ của Hân cũng rắc rối lắm, công an Đồng Nai muốn bắt mà không bắt được vì Hân được công an thành phố Hồ Chí Minh bảo vệ, với lại cũng chẳng biết Hân ở đâu mà bắt.”

“Tôi biết chỗ của Hân trước đây, nhưng không nhớ

địa chỉ, và có lẽ sau chuyện dàn cảnh bắt tôi, Hân đã được công an Sài Gòn thưởng công, cho hộ khẩu hay chỗ ở khác rồi. Tôi nghĩ là chuyện bắt Hân không phải dễ đâu, vì Hân làm việc cho công an Sài Gòn, Nhưng tôi không bao giờ mong muốn cho Hân bị bắt; tôi chỉ muốn nhờ một người nào đó gặp Hân. Mà bây giờ muốn gặp Hân, chỉ có cách là chờ đợi ở cổng ra vào của Sở công an Sài Gòn, hoặc vào Sở mà hỏi thăm, may ra có thể gặp. Chuyện này không thể nhờ vả bất cứ thường dân nào làm được, nên tôi mới có ý nhờ Tri đến nhắn lời riêng với Hân...”

“Vậy anh chỉ muốn nhắn lời thôi chứ không phải nhờ anh Tri bắt giam Hân?”

“Phải, không cần bắt giam, chỉ cần nói với anh ấy những gì tôi muốn nhắn.”

“Nhắn làm sao? Anh Khang à, bây giờ không có anh Tri, em làm chuyện nhắn Hân giúp anh há, chịu không?”

Tôi dự dự một lúc rồi quyết định:

“Thực ra cũng đâu cần nhắn gì nhiều. Chỉ cần nói với Hân là tôi đã biết tất cả sự vụ, nhất là chuyện tôi bị bắt, là do Hân mà ra. Anh ấy tưởng tôi không biết nên còn làm tới. Nay tôi cho anh ấy biết là tôi đã biết rõ rồi thì tự dưng anh ấy xấu hổ, phải ngưng việc với công an Sài Gòn thôi.”

Phương cười tủm tỉm nói:

“Đơn giản vậy thôi à?”

“Ừ, chỉ vậy thôi. Nói rõ cho Hân biết rằng chuyện tôi bị bắt ngoài đường cũng do một tay Hân dàn cảnh. Tôi không oán hận Hân, nhưng tôi chỉ yêu cầu Hân từ bỏ ngay cái nghề đặc tình thất đức kia đi.”

Phương ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

“Sao em thấy nghi ngờ là lời nhắn của anh chẳng kết quả gì lắm.”

Tôi tự tin nói:

“Tôi có thể làm không hiểu thấu sự gian dối của bạn bè chứ không làm về những tình cảm hướng thiện của họ đâu. Gian ác đến đâu cũng còn có trái tim cô Phương ạ.

Tôi luôn tin tưởng như vậy. Lúc còn ở ngoài, tôi không biết là Hân sẽ sợ cái gì hơn vũ lực. Bây giờ thì tôi biết, anh ta sợ sự khinh bỏ của tôi... bởi vì tôi là kẻ cuối cùng trong số những bạn bè của Hân, người cuối cùng mà Hân nghĩ là còn tin tưởng Hân.”

“Hy vọng anh nghĩ đúng. Vậy, nếu anh giao em làm chuyện đó, bắt đầu ngày mai trở đi, tức là nội trong tuần này, em sẽ tìm cách đi Sài Gòn.”

“Cô đâu biết mặt Hân ra sao mà nhắn, ngộ nhớ nhắn lầm người thì sao?”

“Đừng lo anh Khang, em có hai nhỏ bạn cùng khóa làm việc ở Sở Công an thành phố Hồ Chí Minh mà. Mọi chuyện sẽ từ đó mà tiến.”

“Nhưng... nhớ là chỉ nhắn lời, đừng làm chuyện gì thất đức đó nghe, dù là đối với Hân.”

Phương cười:

“Biết rồi anh à, có muốn làm chuyện thất đức cũng không được đâu à. Em đây là cán bộ tỉnh Đồng Nai ghé chơi Sở công an thành phố Hồ Chí Minh, lấy tư cách gì mà bắt Hân! Anh yên tâm đi...” rồi cô nói nhỏ giọng xuống. “Thật thà ơi là thật thà, người ta hại mình đến vậy mà còn lo sợ người ta bị bắt!”

Phương đi rồi, tôi đứng lại ở cửa sắt nhìn sao trời lấp lánh xa xa. Tôi biết tôi không còn thật thà nữa. Nghĩ ra được cái chuyện nhắn lời để ngăn chặn Hân thì tâm ý tôi đã không còn đơn giản, ngây thơ như xưa. Tôi không muốn Hân bị nạn như tôi chẳng qua vì tôi vốn không có tâm địa trả thù, hay làm tổn hại ai. Hân bội phản bạn bè, bán đứng sinh mệnh của các vị cao tăng trong Giáo hội thì đó là cái nghiệp nhân do chính anh tự gieo và sẽ tự gặt lấy cái nghiệp quả tương ứng vào một thời gian nào đó. Tôi không cần phải làm bất cứ điều gì đối với Hân ngoại trừ một lời nhắn nhủ để cảnh tỉnh anh dừng lại.

(trở lại trang Mục Lục)

CHƯƠNG MƯỜI BA

Nàng nhấp nhóm ngồi không yên. Một tay đưa lên đặt nơi ngực, nói:

“Ghê quá! Sao em vẫn chưa thấy có gì đáng tin nơi cô cán bộ kia cả. Vậy mà anh vẫn tin được, thiệt lạ!”

“Phải đối diện, nói chuyện, mới cảm là tin được hay không. Anh thấy cô ta không đến nỗi hại anh đâu.”

“Dù gì thì đề phòng tôi đã vẫn hơn chứ, phải không?”

“Ừ, thì đề phòng, nhưng... đã ở trong cửa tử rồi thì còn đề phòng hiểm nạn gì nữa đây. Chỉ còn một cách là loay hoay tìm đường thoát thôi.”

“Nhưng chuyện nhắn lời với Hân, em không sợ là nguy hiểm gì cho cô cán bộ mà chỉ sợ nguy hiểm cho anh thôi... Vậy rồi chuyện anh nhờ cô ta, tiến hành thế nào?”



Buổi tối vào mùa, tôi chợt nhớ đến Tri. Lòng quặn đau tưởng chừng vừa bị mất đi một người thân. Tuổi trẻ chúng tôi ở đâu cũng vậy, vật vờ lạng quạng ở những đáy sâu vực thăm u tối của quê hương, những mong tìm thấy tương lai và ánh sáng, nhưng chỉ nghe được tiếng vọng của những cơn gào thét bi thảm về nỗi khát khao tự do lan đi lòng vòng trên những vách đá cheo leo, và chỉ thấy được mây hoàng hôn suốt ngày mù mịt phủ xuống, nặng nề, choáng ngợp...

Hôm sau lại đến phiên trực của Thà. Thà trực ba

hôm rồi, tưởng đâu tôi sẽ gặp Phương, không ngờ lại gặp Thà nữa. Vậy là Phương đã nhờ Thà trực thay. Có lẽ cô đã xin nghỉ phép để đi Sài Gòn, tôi nghĩ vậy.

Phương vắng mặt được bốn ngày rồi thì đến ngày thăm nuôi giữa tháng 12. Tôi ở bệnh xá, tưởng đâu sẽ được gặp mặt gia đình, không ngờ chỉ nhận được giỏ quà. Điều này còn khiến tôi băn khoăn lo lắng hơn. Tôi lại tự hỏi, có khi nào tôi và cả Phương nữa, đang bị lậm sâu vào một thứ cạm bẫy của công an, và bây giờ người ta đang theo dõi Phương, nghi ngờ tôi, đang cắt đứt mọi liên lạc của tôi với bên ngoài?

Hai ngày sau ngày thăm nuôi, Phương mới trở lại. Vị chi Phương đã đi Sài Gòn khoảng một tuần lễ. Lúc đó mặt trời đang đứng bóng và keng báo ngủ buổi trưa vừa điểm một hồi. Tôi nghe tiếng Phương nói chuyện với Thà ở văn phòng trực của bệnh xá. Tiếng nói cười của hai người im bật khi tiếng keng gióng lên. Tôi đứng ở cửa sắt nhìn ra khoảng sân chày nắng. Một chốc, Phương bước ngang qua hành lang, chỉ liếc nhìn tôi, đầu hơi gật một cái, miệng mím cười, mặt tỉnh queo. Nhờ cái mặt tỉnh queo đó, tôi mới thấy yên tâm là không có gì trục trặc. Phương không ghé vào nói chuyện với tôi mà đi thẳng, đến chiều tối Phương mới trở lại để nhận phiên trực. Sau khi đi một vòng đủ các phòng để phát thuốc uống cho các bệnh nhân điều trị tại bệnh xá (như thường lệ của mỗi cán bộ y tế), Phương đến gặp tôi, lôi trong giỏ xách ra một lọ thuốc trị bao tử (làm bằng bột nghệ nhào với mật ong), vừa đưa tôi, Phương nói ngay:

“Thuốc này anh cất dùng, mỗi ngày 2 viên như họ dặn, cứ uống lúc bình thường, không cần chờ đến lúc đau. Ừm, anh Khang à, em chậm hơn anh Tri một bước rồi.”

“Nghĩa là sao?”

“Cái vụ của Hân, mặc dù anh không khai ra nhưng những người trong nhóm anh và lực lượng Phục quốc đã khai. Anh Tri căn cứ vào các lời khai đó, vào Sài Gòn bắt Hân. Bắt từ hai tháng trước rồi. Hân hiện bị giam ở T20.

Có lẽ Tri thấy anh không đá động gì đến Hân trong các bản tự khai và những lúc khai cung nên âm thầm bắt Hân mà không cho anh biết.”

“Vậy sao? Hân cũng bị bắt sao!”

“Chứ anh không mừng à? Cái thằng cha quỷ sứ hại anh như vậy mà tội nghiệp cho hấn làm gì!”

“Anh ấy... cuộc đời anh ấy cũng thảm lắm!”

“Xi, anh Khang à, anh đừng có nhẹ dạ như vậy được không. Bây giờ Hân bị giam ở trại T20 thì có nhằm nhò gì đâu! Trại đó trực thuộc công an Sở thành phố Hồ Chí Minh, vậy thì cũng giống như nhà của hấn thôi, lo cho hấn làm gì chứ. Em nói thiệt với anh, đối với cái hạng phản phúc bội bạc đó, em chẳng muốn nương tay chút nào, Nè, nghe nói vụ Hân cũng phức tạp lắm chứ không phải dễ đâu. Khi anh Tri đi Sài Gòn điều tra vụ Hân, công an thành phố Hồ Chí Minh cố tình che giấu, bao che Hân, bảo là không biết người nào như vậy cả. Anh Tri mới âm thầm làm công việc đi bắt Hân rồi giao cho công an thành phố Hồ Chí Minh giam đó. Tri phục bắt Hân ngoài đường, trên đường từ Sở công an thành phố Hồ Chí Minh về Bình Thạnh. Có một điều hơi lạ là không biết sao anh Tri lại không giao Hân cho công an tỉnh Đồng Nai xử lý— vì xét cho cùng thì Hân đâu có phạm tội gì ở thành phố Hồ Chí Minh đâu, ngược lại chính Hân đã cộng tác với công an thành phố Hồ Chí Minh và vẫn còn là con tốt lợi dụng được của cơ quan này trong việc đi lùng xét các chùa kia mà; nếu có phạm tội chẳng thì Hân phạm tội ở Đồng Nai vì có liên hệ với Phục quốc. Mà Tri giao Hân cho thành phố Hồ Chí Minh thì chẳng khác gì nhờ mẹ coi sóc giùm con. Nếu không dẫn độ Hân về Đồng Nai mà cứ giữ mãi ở thành phố Hồ Chí Minh thì chẳng hiểu người ta sẽ lấy cái tội gì để kết cho Hân đây. Cuối cùng rồi, công an thành phố Hồ Chí Minh, nhân một dịp nào đó, cũng sẽ thả Hân ra để tiếp tục làm việc cho họ thôi. Nhất là trong thời gian này, anh Tri bị bắt ngoài Hà Nội vì tội chống lại đảng, thì công an thành phố Hồ Chí Minh có quyền thả

Hân, phải vậy không? Cho nên, em đang tìm cách làm thế nào để công an Đồng Nai biết rằng Hân đã bị bắt giam tại T20 và lập hồ sơ yêu cầu dẫn độ Hân về đây trước khi công an thành phố Hồ Chí Minh thả hân ra lại. Chuyện này không đơn giản bằng cách em nói toạc ra là em biết Hân bị bắt. Chắc anh Khang hiểu mà, phải không? Cho nên em có nhờ một đứa đàn em của em đang làm việc ở Sở công an thành phố Hồ Chí Minh lo liệu giùm chuyện đó. Hiện giờ thì nó chưa nghĩ ra kế gì. À, nó cũng nói với em, cái chuyện anh Tri làm, chính nó cũng thấy lạ nữa đó. Tại sao anh Tri quyết tâm bắt cho được Hân? Tại sao bắt được lại không giao cho tỉnh Đồng Nai lại giao cho thành phố Hồ Chí Minh?”

“Giao chỗ nào thì cũng là công an, cũng thuộc Bộ nội vụ thôi.”

“Đúng, nhưng khác đó anh Khang à. Thì như hồi nãy em nói đó: Hân vừa là đặc tình của công an thành phố Hồ Chí Minh vừa là can phạm của công an tỉnh Đồng Nai. Đặc tình thực ra chẳng là cái gì cả, công an muốn bắt lúc nào mà chẳng được. Nhưng công an thành phố Hồ Chí Minh lấy lý do gì để bắt Hân khi đang sử dụng Hân làm đặc tình! Chỉ có công an Đồng Nai mới bắt, mới kết tội Hân được thôi. Hân có thể nói với công an thành phố Hồ Chí Minh là hân tham gia Phục quốc tức đang làm công tác tình báo cho Sở công an thành phố Hồ Chí Minh, chứ không thể nói với công an Đồng Nai điều đó được. Chuyện Hân làm đặc tình cho công an thành phố Hồ Chí Minh chẳng có giá trị gì với công an Đồng Nai cả, vì công an thành phố Hồ Chí Minh có cấp giấy tờ gì xác nhận Hân là nhân viên của Sở công an đâu. Đặc tình đâu phải là nhân viên. Đặc tình chỉ là thường dân thôi, mà thường thường lại là thứ thường dân bị án treo hoặc thành phần bắt hảo, thành phần có vấn đề với chế độ, chưa phục hồi quyền công dân. Trở lại cái khúc mắc về việc giam Hân ở T20, em đoán mập mờ là anh Tri chỉ đưa lý do nào đó để buộc công an thành phố Hồ Chí Minh phải giam Hân nếu

không thì anh sẽ lập hồ sơ chuyển giao Hân về Đồng Nai; công an thành phố Hồ Chí Minh đồng ý và đã giam Hân ở T20 như là một cách xử lý nội bộ của Sở công an thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng tại sao anh Tri làm vậy? Có thể anh Tri chỉ muốn bắt giam Hân để chặn đứng việc làm của Hân theo ý anh Khang mà thôi.”

“Tôi không bao giờ nói với Tri cái ý gì như vậy cả.”

“Nhưng qua bao nhiêu lần khai cung, bao nhiêu bản tự khai, của anh Khang và của những người khác cùng vụ với anh Khang, hẳn anh Tri phải đoán ra rằng anh Khang vừa muốn che giấu bảo vệ những người đồng phạm, kể cả Hân, mà cũng vừa lo lắng về chuyện Hân tiếp tục chỉ điểm báo cáo, phải vậy không? Anh Tri thừa biết anh Khang và Hân thân nhau, cùng làm việc với nhau, dù trước đây anh Khang không biết Hân là đặc tình cho công an thì khi bị bắt rồi, anh Khang cũng phải biết chứ. Biết thì phải lo. Anh Tri giúp anh dẹp mỗi lo đó. Chặn đứng việc làm của Hân cũng là cách mà anh Tri muốn đóng góp, muốn ủng hộ cho những người cùng chí hướng với anh Khang đang còn ở ngoài đó mà, Em chỉ đoán như vậy thôi, vì thấy có những khúc mắc khó hiểu trong vụ này. Anh Khang với anh Tri chắc là tâm đầu hợp ý với nhau lắm hả. Gặp anh Khang rồi, anh Tri ra Bắc tự dung xoay chiều, chống lại đảng, viết báo đòi cải tổ này nọ... À, anh Khang có biết không, thực ra không phải anh Tri là người mở đầu duy nhất đầu ghen! Cái xu hướng cối trói, đổi mới, hình như manh nha ở Liên xô, rồi đang dần dần lan ra khắp nước mình, mà hình như là bắt nguồn từ thành phần cán bộ miền Nam đó. Em nghe phong thanh là sẽ có một lực lượng ly khai ở miền Nam, cầm đầu là những người cựu kháng chiến. Ô, em nói chuyện lung tung quá hả. Trở lại chuyện Hân, theo ý em, dù thế nào thì cũng nên bắt giam Hân, anh Khang ạ. Đó là cách tốt nhất để ngăn hẳn ta làm điều thất đức đối với các chùa và các bạn của anh, anh đồng ý không? Hân phải vào tù, còn anh thì phải được tự do. Cái lý đúng nhất là phải như vậy chứ

không thể ngược lại. Em nói anh Tri bắt Hân theo ý anh Khang là vậy đó.”

Thấy tôi chỉ ngồi thừ ra chứ không nói hay biểu lộ điều gì rõ rệt, Phương có vẻ ái ngại, suy nghĩ gì đó, một lúc, cô tiếp:

“Thôi, chuyện của Hân, coi như tạm xong rồi há. Nhưng trên thực tế, chuyện đó chẳng phải do em làm. Vậy anh Khang còn muốn em làm chuyện gì khác nữa không? Em muốn làm một cái gì đó cho anh trước khi em giải nghệ.”

Tôi xua tay, nói:

“Cảm ơn cô Phương. Thôi, như vậy đủ rồi. Tôi không cần gì nữa. Tôi thực sự là cảm ơn cô cho biết tin tức về Tri và Hân. Ngày mai cô cho tôi về lại phòng tập thể đi. Còn nữa, chúc cô và má cô mọi sự hanh thông như ý nguyện.”

Phương ngần ngừ một lúc rồi dậm chân bước đi, nhưng ra đến bậc cửa, cô quay trở lại, nói:

“Anh cho em một lời khuyên hay một câu kinh Phật gì đó để làm kỷ niệm, được không?”

Tôi cười:

“Một lời khuyên thì không dám, nhưng một đoạn kinh Phật thì có. Cô nghe để thực hành, phải vậy không? Chứ giữ làm kỷ niệm thì chẳng ích gì đâu.”

“Dạ, để thực hành, ý em muốn nói vậy.”

“Ừm, đây là bốn câu ngắn gọn tóm tắt giáo lý nền tảng của Phật, cô lấy giấy bút đi chứ không lại quên mất. Như vậy: *Đừng làm các điều ác, Hãy làm các việc thiện, Giữ tâm ý trong sạch, Đó là lời Phật dạy.* Cứ theo đó mà thực hành thì chắc chắn đem lại được hạnh phúc cho bản thân mình và xã hội.”

“Làm sao em biết được việc nào ác để tránh, việc nào thiện để làm?”

“Việc ác thì gây tổn hại đến mình và kẻ khác, việc thiện thì đem ích lợi đến mình và kẻ khác, trong hiện tại và trong tương lai. Đó cũng là lời giải thích trong kinh

điền, tôi chỉ nhớ mà nói lại thôi.”

“*Giữ tâm ý trong sạch* là giữ làm sao, hở anh Khang?”

“Đại khái là đừng nghĩ việc ác, đừng để những thứ như tham lam, sân hận, si mê làm hoen ố tâm tư và ý nghĩ của mình.”

“Cám ơn anh Khang. Thôi, anh đi nghỉ há. Khoảng trưa mai em sẽ đưa anh về phòng tập thể.”

Tôi gật đầu. Phương nhìn tôi một lúc, có vẻ như muốn nói gì nữa, nhưng rồi cô im lặng, bước ra.

Vào mừng, tôi lại nhớ đến Tri rồi lại nghĩ đến Hân. Một người không phải là bạn mà cuối cùng lại trở thành bạn. Còn người kia là bạn mà cuối cùng hại mình, hại cả những bạn bè khác của mình, chà đạp lên tình bạn, coi tình bạn chẳng ra gì nữa. Tình người sao mà rắc rối, khó hiểu quá! Bây giờ, cả hai người—không, kể cả tôi nữa thì phải là ba—cả ba người đều ở tù. Mỗi người mỗi phương trời tù tội. Chồng lại cái ác hay xu nịnh cái ác, cũng vào tù cả. Nhưng kẻ chống lại cái ác để rồi bị vào tù thì chẳng có gì phải ân hận. Chỉ có những người xu nịnh cái ác mà rồi cuối cùng cũng bị bắt giam mới là kẻ thực sự đau khổ. Tôi ngồi xếp bằng, cầu nguyện cho tất cả những người tù trên cuộc đời sớm được tự do, và nếu ngày nào còn ở tù thì cũng tự tìm được niềm bình an, hạnh phúc nào đó cho tâm hồn.



Nửa khuya tôi bỗng giật mình thức giấc, và ngay khi đó, tự dưng một mối nghi ngờ lại hiện ra chập chờn trong đầu óc tôi. Tôi ngồi vùng dậy, ôm trán suy nghĩ. Phải vậy không? Phải vậy không? Có phải Phương đã hại Tri và Hân không? Tại sao mình nhờ Phương liên lạc với ai thì ngay sau đó Phương cho biết tin là người đó ở tù. Phải chăng ai có liên hệ với mình đều bị tình nghi, bị bắt vào tù

hết? – Chắc không phải vậy đâu. Với tư cách là công an tỉnh Đồng Nai, Phương có thể lên bắt được Hân trên một đường phố ở Sài Gòn, hoặc bằng cách nào đó, gài bẫy bắt Hân trên địa phận tỉnh Đồng Nai, chứ không làm gì có bản lãnh và thẩm quyền để bắt Tri là một cán bộ Bộ nội vụ đang làm việc ở tận Hà Nội! Chỉ trừ khi Phương là một thứ tình báo đặc biệt hạng nặng nào đó của trung ương Đảng... Nhưng xét lại cách Phương nói chuyện, tâm sự đời tư, khóc, điệu bộ làm dáng và ánh mắt đưa tình... đều có vẻ thật khó mà giả được. Dù suy ra như vậy, mỗi nghi trong tôi vẫn không sao tẩy xóa hết được. Xã hội man trá lừa đảo đã dạy cho tôi nỗi hoài nghi nhỏ mọn này làm vũ khí tự vệ. Có điều, tôi vẫn còn là một học sinh ở mức tồi tệ: chỉ biết áp dụng bài học nghi kỵ của mình một cách muộn màng, khi mà mọi sự đã đâu vào đấy!

Ngồi một lúc khá lâu trên giường, bỗng thấy đèn phòng tắt. Đèn trong các phòng giam cũng như các phòng của bệnh xá đều được tắt lên từ 6 giờ chiều đến 6 giờ sáng kế tiếp. Nhưng bây giờ, trời bên ngoài còn tối mịt mà tự dung điện lại tắt. Phân vân một lúc ngắn, tôi bỗng có linh tính gì đó, liền vùng dậy, mò mẫm vén mùng rời khỏi giường, không mang dép, bước nhẹ đến chỗ cuối cái giường trống đối diện—giường nằm trước đây của ông thầy già—, khoảng gần nhà xí, đứng nép sát vào tường, giương mắt cố nhìn ra phía ngoài.

Ánh sáng mờ nhạt của những ngôi sao lác đác trên khoảng trời nhỏ phía trước chỉ vừa đủ làm một cái nền lờ mờ phản hiện mấy cái chấn song của cửa sắt. Không khí bên ngoài yên tĩnh và có vẻ lạnh theo màn đêm dày đặc. Đầu chừng một phút sau thì mắt tôi bắt đầu quen với bóng tối, và tôi nhìn thấy một bóng đen đang lò dò bước vào cửa phòng, đến bên khung cửa sắt. Tim tôi đập mạnh. Mắt tôi như hoa lên một lúc giữa bóng đêm và bóng đen. Tôi cố nhìn xem ở phía cửa là một người hay một tốp người đang tiến vào. Ai làm gì đây mà bước đến phòng tôi giờ này khi điện đèn tắt hết? Phải chăng người ta muốn thủ

tiêu tôi? Tôi rùng mình, chưa biết nên đứng im hay bước ra chặn đón, chưa biết nên im lặng hay nên lên tiếng. Bỗng nghe tiếng chìa khóa tra thật nhẹ vào ổ, và sau đó là tiếng lách cách se sẽ, rồi tiếng của cánh cửa sắt kéo ra chậm chậm. Một bóng đen có lẽ đang đi chân không, rón rén bước về phía chỗ nằm của tôi. Hình như người ấy vừa vén mùng vừa kêu lên nho nhỏ một tiếng gì đó. Tôi đứng im, không nhúc nhích, chờ xem động tĩnh. Bỗng nghe tiếng người kia nói trong hơi gió:

“Anh Khang, anh ở đâu vậy? Anh Khang, em là Phương đây.”

Tôi thờ phào một cái, hơi yên tâm, nhưng cũng chưa hẳn là hết nghi ngại, nên không trả lời, cứ việc đứng im tại chỗ, không lên tiếng. Lại nghe tiếng Phương:

“Anh Khang, em muốn gặp anh một chút. Em, Phương đây.”

Bấy giờ tôi mới lên tiếng:

“Sao cô vào đây giờ này, lại tắt điện tôi thui như vậy?”

“Anh Khang, anh ở trong đó hả? Ô, xin lỗi anh, vậy em ra há.”

“Cô chưa trả lời tôi. Tại sao cô vào đây giờ này, lại tắt điện?”

“Ừa, anh đang ở ngoài này hả? Em tưởng anh trong nhà vệ sinh. Anh Khang, suốt đêm qua em không ngủ được... tại em nghĩ trưa mai anh trở về phòng giam tập thể em sẽ không có dịp gặp nói chuyện với anh như nửa tháng qua... nên em qua đây thăm anh một chút để từ già...”

“Nhưng cô đâu cần phải tắt điện, cũng đâu cần phải bước vào đây.”

“Em biết, em không nên làm vậy. Nhưng... em đâu có gọi anh được vào giấc này, nên đành phải tự động bước vào. Anh Khang, anh bước ra đây đi. Em muốn đứng gần anh, nói với anh một chút chuyện, được không?”

“Đừng, cô Phương ạ. Cô có chuyện gì muốn nói thì cứ bước ra ngoài, bật đèn lên, kéo cán bộ bảo vệ đi ngang thấy được là phiền lắm đó!”

“Họ mới đi ngang khi nãy, giờ này gần sáng rồi, họ không trở lại nữa đâu. Mà họ có thấy cũng đâu có sao! Anh la đâu thì em cũng có quyền chạy vào đây để thăm bệnh anh mà! Được rồi, em sẽ đi ra đây. Nhưng anh, anh cũng bước ra đây với em một chút đi.”

Nghe cái giọng năn nỉ tội nghiệp của Phương, tôi cũng hơi xiêu xiêu muốn bước ra; phần khác, tôi cũng không muốn dây dưa nói qua nói lại, khiến Phương cứ đứng lâu trong phòng này, càng nguy hiểm hơn. Tôi bước ra, vừa tránh Phương vừa tiến về phía cửa sắt. Phương bước theo sau tôi. Đến cửa sắt tôi dừng, rồi quay lại, hỏi:

“Sao, cô có việc gì muốn nói vậy?”

Phương đứng im một lúc rồi bước một bước gần về phía tôi hơn. Tôi lùi nửa bước, lưng chạm vào khung cửa sắt:

“Anh Khang ơi, anh đừng sợ em như vậy. Em... em chỉ muốn được đứng bên anh, đứng gần anh một chút rồi mai mình chia tay.”

Tôi đứng im, không nhúc nhích, không nói. Bất chợt Phương ngã vào tôi, choàng hai tay ôm lấy vai cổ tôi, rồi tựa đầu mặt nàng nơi ngực tôi, im lặng. Tôi lúc ấy như một pho tượng, hai tay níu lấy hai song sắt phía sau. Dù mở mắt tôi vẫn không thấy được gì ngoài cảm giác như có một tấm lụa mịn láng hay một khối bông mềm, quấn lấy mình. Tôi không thấy được khuôn mặt của Phương. Tôi cũng không nhớ gì đến nét mặt của nàng. Nàng, trước sau vẫn là một cô gái không có đặc điểm. Không có gì đáng để nhớ trên khuôn mặt ấy ngoài cặp kiếng cận. Bây giờ nàng ôm lấy tôi, tựa vào tôi, mà tôi vẫn không hình dung được vẻ mặt của nàng. Nàng không có mặt mũi. Chỉ thấy một khối lụa mềm, nóng, áp sát vào người mình. Tôi run lên bần bật.

Một lúc thì Phương buông tôi ra, nói lí nhí một thứ

giọng yếu đuối quen thuộc của một người nữ mới biết yêu và muốn được bày tỏ sự phục tùng:

“Anh còn muốn em làm điều gì nữa không? Em sẵn sàng làm tất cả cho anh, vì anh.”

“Cám ơn cô... tôi không cần gì hết.”

“Ngay cả bây giờ, nếu anh quyết định trốn ra ngoài, em cũng có thể giúp anh được nữa. Em có mang sẵn một bộ đồ công an cho anh để anh cải trang. Anh muốn đi thì chút nữa mình đi, như trước đây em có bàn đó.”

“Không, đã nói rồi, tôi không đi đâu. Cám ơn cô... bây giờ cô ra ngoài kéo có chuyện phiền.”

“Anh thực sự không muốn đi thì thôi, em đành chia tay anh vậy. Khang ơi, em biết anh không tin em, hoặc là anh sợ em sẽ ràng buộc anh... Anh không hiểu em gì hết. Nhưng em không trách anh đâu. Ở xã hội đầy gian dối này, anh cần có thêm một chút nghi kỵ, cố thủ, vậy vẫn tốt hơn là nhẹ dạ dễ tin như anh xưa nay. Khang ơi, em tiếc cho anh quá... Mai sau, nếu có dịp nào, hy vọng gặp nhau ở Long Xuyên hay Châu Đốc, anh há. À này. Anh đừng gọi em bằng cô nữa, được không? Gọi em bằng tên đi.”

Tôi không nói. Phương đứng im một lúc rồi bước ra, đóng cửa, khóa lại. Chúng tôi lại đứng im lặng người trong người ngoài như thế khá lâu. Trời bây giờ đã sáng lên nhờ nhờ. Tôi và Phương đã có thể nhìn thấy bóng dáng nhau rõ ràng hơn một chút. Phương đứng phía ngoài, dự dự không muốn đi, lại nói:

“Khoảng một tuần hay trễ nhất là nửa tháng, em sẽ từ bỏ nơi này, không gặp lại anh được nữa. Anh có điều gì muốn dặn em không? Anh có muốn nhắn gì với gia đình anh không?”

“Không... à, tại sao đợt thăm nuôi vừa rồi tôi không được gặp mặt gia đình?”

“Vậy sao! A, phải rồi, vì lúc ấy lấy phép đi Sài Gòn, em vội quá nên quên dặn bạn trực thăm nuôi là cho anh được ra gặp mặt gia đình. Chuyện này lỗi em. Vì khi bàn

giao anh cho bệnh xá, quản giáo trong kia tạm thời không chịu trách nhiệm quản lý anh. Như vậy anh được gặp mặt gia đình hay không là do em đăng ký với mấy cán bộ trực thăm nuôi trong tháng. Chắc anh cũng biết, mấy ông ngoài đó cũng lười lắm, mấy trường hợp đặc biệt của bệnh xá mà không đăng ký rõ ràng thì mấy ông cho qua luôn, chẳng chịu khó sắp xếp cho người vào gọi tên. Thôi anh ráng đi, kỳ sau anh ở trong phòng tập thể, không có gì trực trực đâu. Anh muốn dặn em làm gì nữa không?”

Tôi suy nghĩ một lúc rồi nói:

“Ông thầy già hôm trước dưỡng bệnh ở đây, cô cho ông ấy trở lại phòng này, được không? Vì tôi thấy ông ấy có vẻ như muốn được yên tĩnh ngoài bệnh xá chứ không muốn bị đưa trở về phòng giam tập thể.”

“Anh thích ông thầy già đó lắm hả? Được, anh yên tâm, anh thích, anh quan tâm đến ông thì em cũng sẽ lo cho ông hết mình. Để em đưa ông ra bệnh xá lại, ngay ngày hôm nay. Anh chỉ muốn vậy thôi hả, còn gì nữa không?”

“Ừm... tôi mới được thăm nuôi mấy ngày trước, muốn chia sót cho ông ấy một ít quả, cô chuyển lại giùm nghe, cảm ơn cô nhiều lắm. Tôi sẽ để sẵn một giỏ đồ cho ông ấy, để ở phía bên giường của ông. Vậy há. Thôi, chúc cô lên đường may mắn nghe.”

“Anh đừng gọi em bằng cô nữa, được không?”

Tôi cười, nói lại:

“Chúc Phương thượng lộ bình an, tìm được đời sống mới thích hợp”

“Cảm ơn anh. Còn anh, nhớ giữ gìn sức khỏe nghe, đừng để bệnh hoạn nhiều sẽ kiệt sức, không chống nổi cuộc sống tù đâu. À, em muốn dặn anh điều này... Ở đời đôi khi anh cũng cần phải mềm dẻo một chút, đừng có lúc nào cũng cứng rắn, khăng khăng giữ ý kiến của mình, như vậy chỉ thiệt hại vào thân. Chẳng hạn như khi người ta đưa anh ra tòa xử, vặn hỏi điều này điều nọ, hoặc kết án anh nặng, anh cũng đừng nói thẳng thừng công khai

chống lại họ, nghe anh. Còn lẽ như người ta có kết án... tử hình, anh nhớ chống án nghe. Nhịn họ một bước, chẳng hổ mặt đâu. Như vậy anh mới còn sống để mai sau tiếp tục làm những gì anh mơ ước chứ, phải không?”

Tôi gật đầu đại, không suy nghĩ. Phương đưa một bàn tay luôn vào giữa song sắt, có ý muốn bắt tay tôi. Tôi lưỡng lự khá lâu rồi cũng đưa tay, bắt lấy tay nàng. Phương nắm chặt tay tôi một lúc khá lâu. Mắt cô ứa lệ. Rồi cô vội quay đi. Có tiếng keng báo thức vang lên, dội theo những bước chân của Phương. Trời đã mờ sáng.

Còn lại một mình, tôi bắt đầu thu dọn “hành lý” để chuẩn bị chuyển về phòng tập thể. Vừa san sót giỏ quà cho ông thầy già tôi vừa suy nghĩ, có lẽ mức án của tôi sau này sẽ nặng lắm. Cả Tri và Phương khi chia tay tôi đều dặn dò tôi một câu tương tự: nếu bị kết án tử hình, anh chớ chống án... Tôi mỉm cười với chính mình, tự nói: “Ta đâu có dễ chết như vậy! Ta sẽ được tự do, một ngày nào gần đây thôi!”

Khoảng mười giờ sáng, Khoa đến bệnh xá nhận đưa tôi về phòng giam tập thể. Phương mở cửa cho tôi bước ra, nói giọng tự nhiên:

“Anh cứ về phòng há, khi nào đau dữ lắm thì báo cáo quản giáo xin ra lại.”

Theo Khoa bước đi một khoảng, tôi thấy một cán bộ bảo vệ khác đang dẫn đường cho ông thầy già từ khu trại giam bước vào khu vực bệnh xá. Tôi mỉm cười chào ông già khó tính. Ông nheo mắt với tôi, cười cười, không nói gì.

Ở phòng giam, bạn tù reo hò lớn tiếng đón mừng tôi, làm như thể tôi được tự do vậy. Thực ra, ở phòng giam tập thể thì vui vẻ nhưng đôi khi cũng thấy mệt nhọc lắm vì suốt ngày cứ phải sống trong sự chộn rộn ồn ào của mấy chục con người nam phái, nóng nảy, cộc cằn. Ở bệnh xá thì êm đềm, yên tĩnh, dễ chịu hơn. Con người và khung cảnh ở đó, đều êm dịu. Tôi treo cái giỏ đồ của mình lên sợi dây căng dài theo vách và bồng nhớ lại chuyện

Phương vào phòng tôi hồi khuya. Một cảm giác êm nhẹ lâng lâng đến phút này mới xâm chiếm lòng tôi. Dường như chưa bao giờ cảm giác của tôi lại bộc phát muôn màng như vậy. Tôi nhớ tôi đã đứng cứng ngắt như khúc gỗ khi Phương ôm tôi. Vậy mà cảm giác vừa dễ chịu vừa bùng nóng đáng ra phải bùng vỡ từ cái phút ấy đến bây giờ mới ập đến. Tôi hoa mắt, ngồi xuống, tựa lưng vào vách. Con người ấy, cái bóng dáng hiện thân của tiên nữ tự do ấy, đã sà vào lòng tôi, tựa vào người tôi, quấn lấy tôi, nhưng đến giờ này, tôi vẫn không sao hình dung được rõ ràng khuôn mặt của người ấy. Tự do là như thế. Dù ở cái mức thực tế nhất, nó vẫn có vẻ như chỉ muốn thể hiện bằng một hình thức mờ ảo, không chân dung.

Vài người bạn tù lảng xãng xúm đến hỏi han đủ điều. Tôi trả lời cho có lệ, rồi nằm xuống. Thấy mệt trong người.



Tuần lễ sau, đã đến mùa Giáng sinh. Đêm 24 tháng chạp dương lịch, do cảm hứng được tác động từ mấy người bạn tù theo đạo Thiên Chúa, có một tiệc trà văn nghệ mừng Giáng sinh được bày ra từ khoảng 7 giờ tối cho đến giờ báo ngủ. Sau giờ báo ngủ, nhóm người theo đạo Thiên Chúa xì xầm to nhỏ với nhau thế nào đó rồi lén lút tổ chức làm lễ ở một góc phòng, có mấy cái mùng che lại phía ngoài.

Bấy giờ tôi đã được chuyển từ chỗ gần cửa sổ của đội 1 ra ngay khoảng chính của cửa sổ, vì mấy ngày trước Giáng sinh, anh bạn nằm ngay cửa sổ đã được trả tự do. Chỗ nằm ngay cửa sổ kể ra là một thứ ưu đãi cho tù nhân chứ không phải chơi, vì nó thoáng khí và có gió mát bên ngoài thỉnh thoảng thổi vào, mát rượi. Tuy nhiên, Khoa lâu lâu lại hỏi thăm chừng ai là người nằm ngay cửa sổ, ý

CỐI TRÓI TẬP I

chừng muốn nhắc trưởng phòng nên sắp đặt người nào đáng tin cậy, không có ý đồ trốn trại mới được nằm ngay cửa sổ. Hai hôm trước, được biết tôi nằm gần cửa sổ, Khoa hơi nhíu mày một chút, nhưng rồi nghĩ sao, anh bỏ qua.

Nhờ vậy, tôi vẫn được tiếp tục một mình đứng bên cửa sổ, hít thở không khí mát rượi buổi sớm khi mọi người còn đang ngủ. Đêm qua một số người tù sau khi làm lễ mừng Chúa giáng sinh đã thức khuya ngồi uống trà, hút thuốc, ăn bánh kẹo trong im lặng ở góc phòng. Bây giờ họ ngủ li bì, chẳng thấy ai dậy sớm để nấu nướng như mọi hôm. Tôi đứng nhìn trời đêm đang vén dần lên ở phía đông. Gió sớm hất hơi sương của đêm đông vào, có khi lạnh như cắt. Các ngôi sao ở góc trời xa càng lúc càng nhấp nháy yếu ớt như thể đã trút hết tinh hoa của mình trong đêm dài vừa qua. Bất chợt, có tiếng keng giống lên từng chập hai tiếng, ba tiếng, vội vã, có vẻ mất bình tĩnh, rất khác thường. Đây không phải là keng bảo thức—vì keng báo thức đánh ba hồi từ chậm đến nhanh. Đồng lúc, lại có tiếng súng nổ. Tạch, tạch! Đạn lửa từ dưới khoảng sân nào đó của trại giam hay từ bót gác bay xẹt xẹt lên trời. Anh trưởng phòng từ góc tường đội 4 nhảy xổ đến chỗ tôi, nắm tay tôi kéo ngồi xuống, la lên:

“Thầy Khang, ngồi xuống ngay, đứng ló đầu lên là cán bộ tường mình có ý trốn trại, sẽ bắn đó!”

Dù nói vậy, anh cũng ngồi xôm xôm bên tôi, ló đầu nhìn ra cửa sổ, nói nhỏ bên tai tôi:

“Chắc có tù trốn trại hay là nhóm võ trang nào bên ngoài đánh vào phá trại tù. Kia, thầy Khang, chỗ kia có đám cháy, khói lên dữ quá. Khoảng đó là sân trước, chỗ vẫn phòng chính của trại đó. Mình rút êm chứ đừng lấp ló ở đây mà ăn đạn.”

Đám tù trong phòng cũng nhón nháo thức dậy cả. Ai nấy đều lo cuốn dọn mùng màn, xảm xì to nhỏ.

“Lâu quá mới nghe tiếng súng nổ há!”

“Rồi, rồi, Chúa cho về đúng ngày quá!”

“Chuẩn bị đồ sẵn kéo chạy không kịp nghe anh em!”

“Chắc đại ca tới rồi!”

Anh trưởng phòng hét lên:

“Đừng có nói xàm! Coi chừng bị kỷ luật đó. Anh em ai ngồi yên đó đi. Đừng lộn xộn chạy qua chạy lại mà bị phạt oan! Chẳng có gì đâu.”

Tôi cười trong bụng. Anh trưởng phòng cảnh cáo anh em đừng nói bậy, vậy rồi anh cũng buột miệng nói “chẳng có gì đâu,” có nghĩa rằng anh cũng từng mong đợi một “cái gì đâu” xảy ra... Ý chí mong cầu tự do của bọn tù chúng tôi rất tội nghiệp! Đôi khi hăm hở chụp bắt những cơ hội và những lý do được thoát ngục một cách khó tin. Có khi súng bắn ở đâu đó xa lắc xa lơ, vài ba tiếng lẻ tẻ thôi rồi im bật, cũng đủ làm nao cả niềm hy vọng ấp ủ lâu nay. Có khi được phát cho chút gạo hơi trắng và hơi nhiều hơn thường ngày tí xíu mà đã phỏng đoán đủ chuyện (nào là nhà nước đã bắt tay với tư bản Mỹ rồi, nào là chính phủ Mỹ bỏ tiền ra mua hết những tù nhân thuộc diện chính trị và vượt biên đang bị giam cầm trong các trại tù Việt Nam nên trại đang lo nuôi béo tù...).

Sau lời cảnh cáo của trưởng phòng, ai nấy im lặng, ngồi đầu ngồi yên đó, tựa vào các vách, tránh chỗ cửa sổ. Khói thuốc đầu ngày bắt đầu tuôn. Bên ngoài tiếng súng đã ngưng, thay vào đó là tiếng còi xe cứu hỏa hú từng hồi làm chột cả ruột gan. Anh trưởng phòng nhòm người ngó ra cửa sổ, rồi thụp xuống, nói nhỏ với tôi:

“Khởi lửa đã được dập hết rồi. Chắc chỉ là hỏa hoạn chứ chẳng có gì!”

Tôi cười nói với Quái, anh bạn Tàu Nùng này giờ đang hớn hờ mong đợi tin vui:

“Vây là mặt trận miền đông và cả miền tây, vẫn yên tĩnh.”

“Vẫn yên tĩnh.” Quái lặp lại mấy chữ cuối với vẻ chịu đựng pha một chút thất vọng.

Nhưng Quái vừa dứt lời đã nghe tiếng keng báo thức

giống lên. Vậy có nghĩa là trại giam đã trở lại sinh hoạt bình thường, không có gì thay đổi. Cả phòng bắt đầu xôn xao qua lại, đun lò nấu bếp cho bữa ăn sáng. Chẳng có gì. Chẳng có gì đâu. Tiếp tục một ngày mới của trại giam.

Tường vậy là xong, nào ngờ quản giáo, cán bộ bảo vệ, từ đâu kéo vào sân trại tập nập. Ai nấy đều mang súng ống. Mấy anh bảo vệ thì chia nhau đứng mỗi người mỗi góc, còn quản giáo thì bước vào từng phòng giam, ra lệnh tù nhân xếp hàng điểm danh—thường thì chỉ điểm danh vào mỗi buổi chiều, khoảng năm giờ rưỡi, trước khi đóng luôn cánh cửa sắt bít bùng bọc ngoài lớp cửa song sắt của lồng khung. Điểm danh vào buổi sáng sớm mới báo thức như lúc này quả là bất thường. Điểm danh xong, Khoa nhìn quanh trong phòng một vòng, và hình như anh có hơi để mắt vào tôi một tí—cũng có thể chỉ tại tôi cảm thấy như vậy. Xong, Khoa bước ra, ra lệnh sinh hoạt bình thường.

Buổi trưa, anh nuôi gánh cơm và nước mắm đến phòng giam, một người trong phòng gọi hỏi:

“Hồi sáng sớm có chuyện gì mà um sùm vậy anh?”

Anh nuôi lắc đầu, không dám trả lời. Vậy là chuyện đó vẫn còn nằm trong vòng bí mật, chưa ai nắm rõ được gì.

Xế chiều, Khoa gọi trưởng phòng ra ngoài làm việc đâu chừng nửa giờ đồng hồ. Sau đó, lại gọi phó phòng. Rồi gọi Bính công an. Rồi đến Lý đánh cá (anh chàng hăng hái bỏ công đan lưới để giúp thêm sinh kế cho cán bộ). Cuối cùng là tôi.

Một tốp công an ngồi nơi cái bàn dưới cây trướng cá, bàn tán. Thấy tôi theo Khoa bước ra, họ im lặng, chờ đợi. Tôi được đưa đến và chỉ định ngồi ở băng ghế trống đối diện với anh công an thấp người, mập mạp, một mình ngồi chiếm một băng ghế. Các anh công an còn lại thì đứng bao quanh phía sau. Anh công an chỉ huy này đã có lần gọi tôi ra để nhìn mặt và gặng hỏi đôi điều. Nếu tôi nhớ không lầm thì Phương có cho tôi biết anh cán bộ này tên Sáu, người từng theo đuổi Phương. Sáu là trưởng ban

quản giáo của trại.

“Anh ngồi đi,” Sáu nói. Chờ tôi ngồi yên rồi, anh hỏi liền. “Anh có biết ông Hoàng Ngọc Chân không?”

“Hoàng Ngọc Chân? Tôi không biết.”

“Hoàng Ngọc Chân mà không biết à?” Sáu gắng hỏi, giọng cau có khó chịu, “cái ông thầy chùa già già ở bệnh xá, chung một phòng bệnh với anh đó!”

“À, ông ấy thì tôi biết.”

“Thế anh có biết là ông ấy... anh có biết ông ấy quê ở đâu không?”

“Không.”

“Ông ấy có nói chuyện với anh nhiều không?”

“Không.”

“Ông ấy có nói là sau này sẽ về quê sống ở đâu, làm gì không?”

“Không.”

“Vậy chứ ông ấy nói chuyện gì với anh mà cái gì anh cũng không biết!”

“Tôi với ông ấy chỉ gặp nhau chừng một vài tiếng đồng hồ là ông ấy chuyển về phòng giam tập thể.”

“Ừa, có chuyện đó à?” Sáu vừa hỏi vừa quay qua như hỏi ý một anh quản giáo đứng gần.

Anh kia nói:

“Báo cáo đồng chí, ông ấy về phòng số 3 vào ngày 2 tháng 12.”

“Mấy giờ? Quan trọng là mấy giờ?” Sáu gắt.

“Báo cáo... buổi xế, hơi chiều một chút,” anh quản giáo kia trả lời.

“Vậy anh Vĩnh Khang này ra nằm bệnh xá vào ngày mấy, mấy giờ?”

Khoa đáp xen vào:

“Cùng một ngày. Anh Khang vào buổi trưa.”

“Vậy có nghĩa là anh Khang với ông già kia chỉ gặp nhau vài tiếng đồng hồ, rồi anh Khang ở lại bệnh xá, còn ông già kia thì về phòng giam số 3?” Sáu hỏi lại.

“Vâng, chắc là như vậy,” anh quản giáo kia đáp.

CỐI TRÓI TẬP I

“Rồi cái ngày anh Khang trở về phòng giam số 7 là ngày mấy?” Sáu ngó Khoa, hỏi.

“Báo cáo: ngày 18 tháng 12 ạ,” Khoa đáp.

“Vậy ông già kia ra lại bệnh xá ngày nào?”

“Báo cáo: ngày 18 tháng 12 ạ,” anh quản giáo phòng 3 đáp.

“Cũng cùng một ngày anh Khang trở về phòng số 7! Sao có trùng hợp lạ vậy? Hễ anh Khang ra thì ông ấy vào, anh Khang vào thì ông ấy ra. Đó, đó, chi tiết đó các đồng chí phải lưu ý. Ghi xuống ngay. Tôi hỏi nè, vậy rồi anh Khang và ông già kia lại gặp nhau thêm mấy giờ đồng hồ nữa, phải không?”

“Báo cáo: không ạ. Khi tôi ra bệnh xá nhận anh Khang để đưa vào phòng giam số 7 thì quản giáo Lên đang đưa ông già kia ra bệnh xá. Chúng tôi gặp nhau giữa đường. Họ không có cơ hội nói chuyện với nhau ạ.”

“Vậy à!” Sáu vừa nói vừa ngó tôi dò phản ứng; một chập, anh đổi giọng hơi dịu xuống, hỏi tôi, “trong khoảng thời gian mới ra nằm bệnh xá vào ngày đầu tiên, anh có nghe cán bộ Phương nói chuyện gì với ông Chân không?”

“Không,” tôi đáp.

“Những ngày cuối cùng mà anh ở bệnh xá, cán bộ Phương có nói lý do tại sao quyết định đưa anh về phòng số 7 không?”

“Vì tôi thấy đỡ nhiều, yêu cầu cán bộ Phương cho trở về, không phải tự ý cô ấy cho tôi về. Tôi cũng có yêu cầu với cán bộ Thà trước đó vài ngày về chuyện xin trở về phòng 7, cán bộ Thà nói để cán bộ Phương quyết định.”

“A, ra thế à! Hây, vậy cán bộ Phương có nói chuyện gì với anh không, chẳng hạn nói sẽ về quê, hay là sẽ đi công tác xa ở đâu không?”

“Không hề,” tôi đáp và có cảm tưởng là mặt mình hơi đỏ lên.

“Thế cán bộ Phương có giúp đỡ anh điều gì không, chẳng hạn mua quà, gửi thư, liên lạc gì với ai đó?”

“Không, không có,” tôi đáp hơi lác giọng một chút.

Sáu ngồi im một lúc như cố tìm cách tra hỏi tôi một câu bất ngờ nào đó. Cuối cùng, anh cầm cuốn sổ nhỏ trong túi áo ra, vừa lật vừa nói:

“Trong khoảng thời gian mới ra ở bệnh xá, anh có thấy một dấu hiệu bất thường giữa cán bộ Phương và ông già Chân không? Anh cứ thật tình nói. Không sao đâu, coi như anh giúp chúng tôi đó mà.”

“Dấu hiệu? Là sao, tôi không hiểu.”

“Chẳng hạn họ có nói chuyện to nhỏ với nhau... hay làm gì đó.”

“Không, tôi không thấy họ nói chuyện với nhau cho đến khi một cán bộ đến đưa ông Chân rời bệnh xá,”

“Thôi được, anh có thể về phòng.” Sáu nói rồi ra dấu cho Khoa đưa tôi đi.

Trở về phòng, tôi thấy bạn tù dường như ngó mình với cặp mắt dò xét hoặc chờ đợi một dấu hiệu gì đó trên nét mặt tôi. Tôi im lặng không bàn tán gì với ai, nhưng trong lòng dậy lên bao mối nghi hoặc, băn khoăn, lo lắng nghĩ về Phương và ông thầy già kia.

Mãi đến chiều tối, sau giờ điểm danh, Nhiều, anh trưởng phòng, đến đứng bên cạnh tôi chỗ cửa sổ, nói nhỏ:

“Nói cho thầy Khang nghe điều này, thầy đừng tiết lộ cho ai hết nghe. Hồi sáng ông Khoa có hỏi tôi nhiều câu về thầy đó. Hình như ông ấy và các cán bộ quản giáo nghi ngờ thầy Khang có dính líu đến chuyện cán bộ Phương.”

Tôi nghe vậy thì giật mình, chưa kịp nói gì, Nhiều đã tiếp, giọng vừa có vẻ lo mà cũng vừa phấn khởi:

“Nhưng suy cho cùng thì làm sao nghi thầy Khang được. Vì nếu có dính líu thì thầy Khang đâu còn ở đây., Ông Khoa còn cho tôi biết là cán bộ Phương đã giúp một ông già ở bệnh xá trốn trại.”

“Thực vậy sao? Có thành công không?”

“Thành công chứ. Họ trốn đi rồi. Chưa biết là sau này ra sao chứ trước mắt thì đã rời khỏi trại an toàn.”

“*Họ?* Anh nói *họ* tức là... cả cô Phương cũng trốn

hả?”

“Chứ sao, cán bộ Phương trốn, dẫn ông già đó trốn theo. Còn nữa, vụ cháy ở văn phòng trại cũng tình nghi là do cán bộ Phương gây ra đó. Gây hỏa hoạn để lợi dụng lúc lộn xộn, cho ông già kia thoát ra luôn. Chẳng ai biết chính xác là thoát ra lúc nào, bằng cách nào. Chắc là lúc xe cứu hỏa đến, người ra kẻ vô lăng xăng... Hình như đến sáng, vào giờ làm việc, mới biết là vắng mặt cán bộ Phương, rồi kiểm tra lại bệnh xá, thấy thiếu luôn ông già kia.”

“Cho tôi một điều thuốc,” tôi nói với Nhiều.

Tôi run run đốt điều thuốc, phả khói ra chân song cửa sổ. Ở vùng trời phía đông phản chiếu những sóng nắng đỏ hồng cuối ngày. Tôi nhớ cái dáng đi chân cao chân thấp của ông thầy già và đôi mắt sắc sảo tinh anh của ông. Tôi nhớ Phương, người nữ cán bộ nhiệt tình, thẳng thắn, tốt bụng, có vẻ sinh ra trên đất nước này là để hy sinh không chút đắn đo cho bất cứ thứ lý tưởng nào mà cô cho là cao đẹp. Nhiệt tình khiến cô sẵn sàng đánh đổi cả tuổi xuân và sinh mệnh của mình để đóng góp cho đại cuộc; thẳng thắn khiến cô đủ can đảm và sáng suốt để chọn lựa đúng-sai, phải-trái; tốt bụng khiến cô luôn luôn làm điều gì cũng nghĩ đến cái lợi ích của kẻ khác, cho dù có lúc kẻ đó không hoàn toàn tin ở tấm lòng của cô. Tôi hy vọng rằng Phương đã không giúp ông thầy già kia chỉ vì muốn chứng minh cho tôi tin và hiểu cô.

Từ nhiều ngày nhiều tháng qua, Phương đến và đi khỏi tâm tưởng tôi mà không để lại một đặc điểm hình thể hay sắc diện nào đáng nhớ. Chỉ có tấm lòng của cô, chân thành, tha thiết, nhưng tôi đã đón nhận một cách thờ ơ lạnh lẽo, kèm theo bao mối nghi kỵ. Bây giờ, tôi thực sự tin Phương. Phương không dối gạt hay giăng bẫy hại tôi. Phương là hiện thân của giấc mộng tự do, giấc mộng muôn đời của tuổi trẻ quê hương.

VĨNH HẢO

HẾT CỞI TRÓI TẬP I

(Mời đọc tiếp *Cởi Trói* tập 2)

(trở lại trang Mục Lục)